

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG TRỊ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG TRỊ

QUẢNG TRỊ, NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG TRỊ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG TRỊ

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA HÀ NỘI – QUẢNG TRỊ
GIÁM ĐỐC**



Đinh Lê Anh

**ĐƠN VI TƯ VẤN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Phú

QUẢNG TRỊ, NĂM 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC HÌNH	5
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở	6
2. Tên cơ sở	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	7
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	7
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	7
3.3. Sản phẩm của cơ sở	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	10
4.1. Nguyên, nhiên vật liệu sử dụng của Cơ sở	10
4.2. Nhu cầu sử dụng hóa chất	11
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	12
5.1. Hiện trạng hoạt động của Cơ sở và các hạng mục công trình đã đầu tư	12
5.2. Chế độ làm việc và bố trí nhân lực	17
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	18
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	18
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	19
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	20
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	20
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	20
1.2. Thu gom, thoát nước thải	21
1.3. Xử lý nước thải	23
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	32
2.1. Biện pháp thu gom, xử lý bụi phát sinh từ quá trình nhập, xử lý nguyên liệu malt và gạo	32
2.2. Công trình thu gom, xử lý khí thải lò hơi	34
2.3. Biện pháp xử lý bụi, khí thải khác	39
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	40
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	40
3.2. Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất	41
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	42
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	42

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	43
6.1. Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải	43
6.2. Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý khí thải	44
6.3. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	46
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	49
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	51
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	51
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	51
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	53
Chương V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	54
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	54
2. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải	54
3. Kết quả quan trắc môi trường định đối với bụi, khí thải	55
4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải	56
4.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	56
4.2. Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất.....	57
4.3. Chất thải rắn nguy hại.....	57
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....	58
5.1. Kết quả kiểm tra, thanh tra.....	58
5.2. Công tác khắc phục	59
Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	60
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	60
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	60
2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	60
2.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ	60
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở ..	60
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	61
Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	62
PHỤ LỤC BÁO CÁO	63

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	BXD	Bộ Xây dựng
4	BYT	Bộ Y tế
5	CP	Chính phủ
6	CTR	Chất thải rắn
7	KCN	Khu Công nghiệp
8	KT-XH	Kinh tế - xã hội
9	NĐ	Nghị định
10	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
11	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
12	CTNH	Chất thải nguy hại
13	QĐ	Quyết định
14	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
15	TT	Thông tư
16	UBND	Ủy ban nhân dân
17	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
18	XLNT	Xử lý nước thải
19	MT&CTĐT	Môi trường và Công trình Đô thị
20	BTCT	Bê tông cốt thép

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Nhu cầu nguyên vật liệu của Công ty	10
Bảng 2. Tham khảo khối lượng hóa chất sử dụng của Công ty trong năm 2024	11
Bảng 3. Quy mô các hạng mục công trình của Cơ sở	12
Bảng 4. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở	13
Bảng 5. Danh mục tuyến cống thoát nước thải	23
Bảng 6. Số lượng và thể tích bể tự hoại.....	24
Bảng 7. Kích thước xây dựng các bể của hệ thống xử lý nước thải.....	28
Bảng 8. Các máy móc, thiết bị lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải	29
Bảng 9. Hóa chất sử dụng xử lý nước thải của Công ty	32
Bảng 10. Các thông tin kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi Malt, gạo	34
Bảng 11. Nhu cầu tiêu hao nhiên liệu cho lò hơi	35
Bảng 12. Hệ số ô nhiễm do đốt củi, dăm.....	35
Bảng 13. Tải lượng ô nhiễm do đốt củi tại Công ty	35
Bảng 14. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải (khi chưa xử lý)	36
Bảng 15. Các thông tin kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi lò hơi.....	38
Bảng 16. Chất thải rắn sản xuất phát sinh của Công ty	41
Bảng 17. CTNH phát sinh của Công ty	42
Bảng 18. Các nội dung thay đổi so với ĐTM.....	50
Bảng 19. Giá trị giới hạn ô nhiễm đối với dòng thải 01, 02	52
Bảng 20. Giá trị giới hạn ô nhiễm đối với dòng thải 03, 04	52
Bảng 21. Mức độ giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung trong xí nghiệp.....	53
Bảng 22. Mức độ giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung xung quanh xí nghiệp	53
Bảng 23. Kết quả quan trắc định kỳ chất lượng nước thải năm 2023	54
Bảng 24. Kết quả quan trắc định kỳ chất lượng nước thải năm 2024	54
Bảng 25. Kết quả quan trắc định kỳ chất lượng khí thải năm 2023	55
Bảng 26. Kết quả quan trắc định kỳ chất lượng khí thải năm 2024	56
Bảng 27. Khối lượng CTR phát sinh trong 03 năm gần nhất.....	56
Bảng 28. Khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh.....	57
Bảng 29. Khối lượng CTNH phát sinh.....	57

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của Công ty	20
Hình 2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của Công ty	21
Hình 3. Mặt bằng, mặt cắt dọc bể tự hoại 3 ngăn.....	23
Hình 4. Sơ đồ hệ thống thu hồi bụi.....	33

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị.
- Địa chỉ cơ sở: Đường RD6, KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Đinh Lê Anh - Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0233.3638357.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200264157 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 31/05/2007, thay đổi lần thứ 8 ngày 04/01/2023.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị.
- Địa điểm cơ sở: Đường RD6, KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở:
 - + Giấy phép xây dựng số 379/GPXD ngày 28/8/2009 của sở Xây dựng cấp cho Công ty Cổ phần bia Hà Nội – Quảng Trị.
 - + Giấy xác nhận số 2468/GXN-UBND ngày 28/6/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc hoàn thành công trình bảo vệ Môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy bia Hà Nội – Quảng Trị”.
 - + Văn bản số 1595/KKT-QHXD ngày 24/09/2024 của Ban Quản lý khu Kinh tế về việc chấp thuận hồ sơ đầu nổi thoát nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Quán Ngang
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần:
 - (1) Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:
Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 14/01/2008 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy bia Hà Nội – Quảng Trị” và Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 04/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy bia Hà Nội – Quảng Trị thay đổi công suất giai đoạn I: 15 triệu lít/năm, giai đoạn II: 25 triệu lít/năm”
 - (2) Các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần:
 - + Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc cho phép Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị xả nước thải vào nguồn

nước tại KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, với thời hạn của giấy phép là 10 năm đến ngày 29/9/2025. Vì vậy, hiện nay Công ty triển khai xin cấp giấy phép môi trường trước khi giấy phép xả thải hết hiệu lực.

+ Số giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất: Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 18/11/2009 của UBND tỉnh Quảng Trị với thời gian là 10 năm (Từ tháng 11/2009 đến tháng 11/2019); Được gia hạn giấy phép theo Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị với thời gian là 03 năm (Từ tháng 8/2020 đến tháng 8/2023) và được tiếp tục gia hạn theo giấy phép số 61/GP-UBND ngày 05/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị với thời gian là 03 năm (đến ngày 19/8/2026); Được điều chỉnh tổng lưu lượng khai thác từ 150 m³/ngày đêm xuống còn 75 m³/ngày đêm theo giấy phép số 78/GP-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị với thời gian là 03 năm (đến ngày 19/8/2026)

- Quy mô của Cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư 408 tỷ đồng, thuộc đối tượng nhóm B theo Khoản 3, Điều 10 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo khoản 4, Điều 25 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia

- Cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương dự án nhóm II quy định tại mục số 01, phụ lục IV ban hành kèm Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, thuộc đối tượng phải lập GPMT theo quy định tại khoản 2 điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Công suất sản xuất: Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị đầu tư chia làm 02 giai đoạn:

+ Giai đoạn I: Công suất 15 triệu lít/năm;

+ Giai đoạn II: Công suất 25 triệu lít/năm;

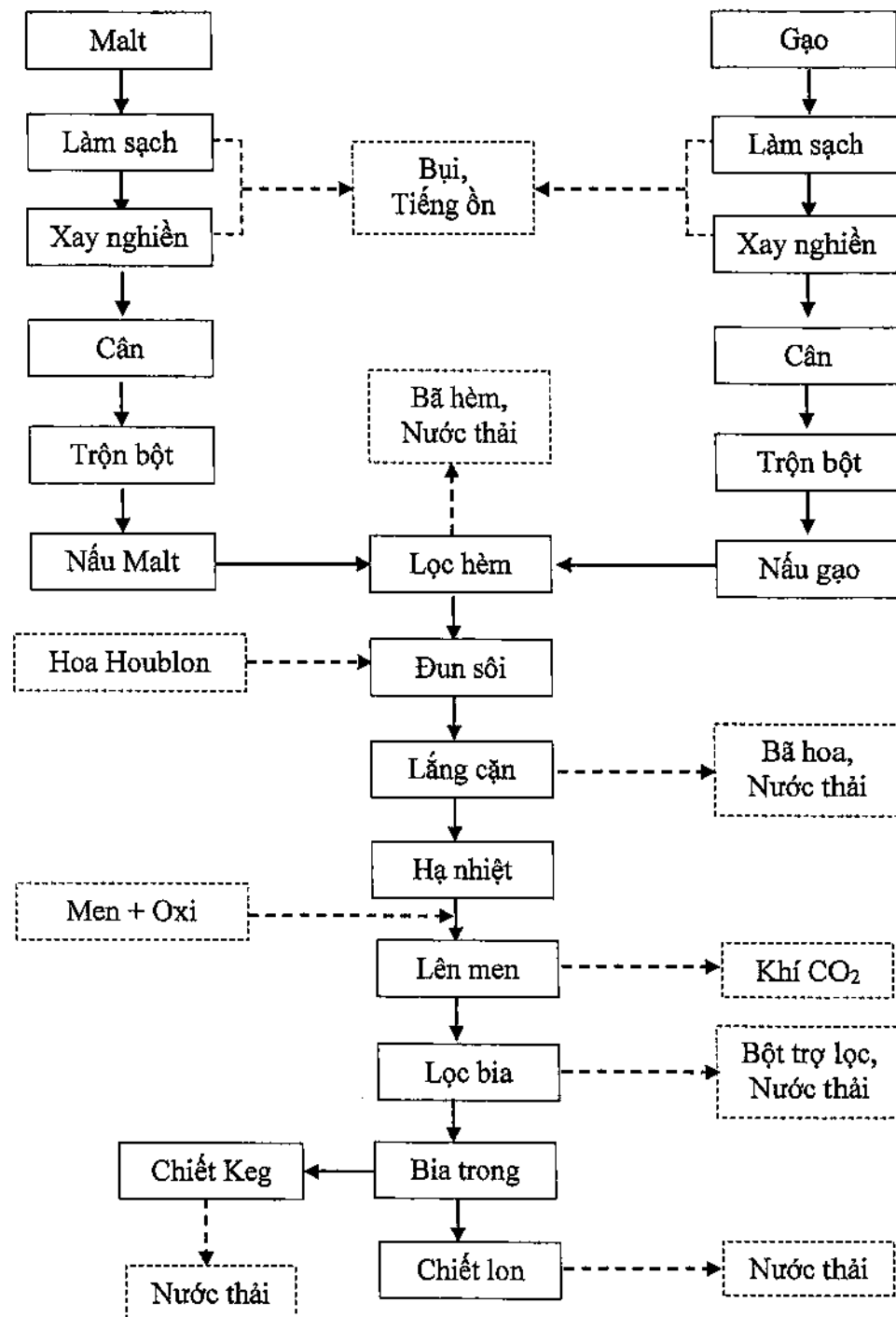
- Tổng số lượng CBCNV khi Công ty đi vào hoạt động ổn định với công suất 25 triệu lít/năm là 92 người. Tuy nhiên, hiện nay với công suất 15 triệu lít/năm là 67 người

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Công nghệ sản xuất bia của Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị giữ nguyên như công nghệ đã được đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt. Nguyên liệu chính đưa vào sản xuất bao gồm Malt đại mạch, một phần là gạo, hoa Houblon và một số chất phụ gia khác. Tỷ lệ của các thành phần

nguyên liệu tùy thuộc vào chủng loại bia sẽ được sản xuất.

a. Quy trình sản xuất chính



Bước 1: Chuẩn bị

- Nguyên liệu chính đưa vào sản xuất là Malt đại mạch, gạo, Houblon và một số phụ gia khác;

- Malt và gạo (gọi tắt là nguyên liệu) được sàng tách tạp chất rồi được đưa đi xay nghiền thành những mảnh nhỏ;

Bước 2: Nấu

- Nấu: nguyên liệu sau khi được xay nghiền, tiếp tục được chuyển tới bin chứa để chuyển vào nồi hồ hoá và đường hoá bằng cách sử dụng nồi gia nhiệt hơi nước cùng với hệ enzym thích hợp chuyển hoá các chất khô hoà tan có trong malt và gạo thành dịch. Tại đây, các enzym phân huỷ tinh bột để tạo thành đường, axit amin và các chất hòa tan khác sau đó được đưa qua lọc hèm để tách đường và các chất hoà tan khỏi bã bia.

- Lọc: Dịch đường hoá được đưa qua nồi lọc lautertun nhằm tách bã hèm ra khỏi dịch nha.

- Đun sôi với hoa Houblon: Dịch nha sau khi lọc được hoà trộn với hoa Houblon và đun sôi trong 90 phút (dùng hơi nước để gia nhiệt). Mục đích của quá trình nhằm ổn định thành phần dịch đường, tạo cho sản phẩm có mùi thơm đặc trưng.

- Lắng: Dịch nha sau khi nấu được đưa qua bồn lắng xoáy nhằm tách cặn hoa, tổng thời gian của quá trình lắng khoảng 45 phút.

Bước 3: Lên men

- Làm lạnh và bổ sung O₂: Dịch nha sau khi lắng có nhiệt độ khoảng 85-98°C được đem hạ nhiệt độ nhanh bằng thiết bị làm lạnh đến nhiệt độ thích hợp và được sục khí tạo điều kiện cho nấm men thực hiện quá trình chuyển hóa dịch nha thành các sản phẩm lên men.

- Chuẩn bị men giống: Nấm men giống được bảo quản trong bồn bảo quản men ở điều kiện thích hợp trước khi tiến hành trích men vào tank lên men.

- Lên men chính: là giai đoạn chuyển hóa dịch nha tạo ra các sản phẩm chính cho bia sau này như cồn, CO₂, hương vị bia. Thời gian lên men chính là 7 ngày.

- Lên men phụ: Dịch nha sau khi kết thúc giai đoạn lên men chính được chuyển sang giai đoạn lên men phụ để hoàn thiện chất lượng bia (tạo hương vị đặc trưng). Quá trình lên men này diễn ra chậm, tiêu hao một lượng đường không đáng kể. Tổng thời gian lên men từ 14 - 18 ngày tùy thuộc vào yêu cầu của từng loại bia.

- Lọc bia: Bia sau khi lên men được đem lọc để làm bia có độ trong yêu cầu.

Bước 4: Hoàn thiện

- Bia sau khi lọc trong được chuyển sang các tank chứa để ổn định và bão hòa CO₂. Quá trình này nạp lại lượng CO₂ tổn thất, để đảm bảo hàm lượng theo yêu cầu, đảm bảo tiêu chuẩn bia thành phẩm trước khi chuyển sang dây chuyền chiết:

+ Đối với bia Lon: Lon → rửa lon → chiết bia vào lon → ghép nắp → thanh trùng → thành phẩm → nhập kho và cuối cùng là đưa đi tiêu thụ.

+ Đối với bia hơi: Keg → rửa, vệ sinh keg → chiết bia vào keg → nhập kho và cuối cùng là xuất bán thị trường.

b. Quy trình phụ trợ

Quy trình súc rửa bồn chứa và đường ống tại chỗ (CIP) sử dụng trong quá trình sản xuất bia nhằm đảm bảo chất lượng vệ sinh cao nhất, cụ thể như sau:

- Khâu rửa ban đầu: các bồn chứa và đường ống được rửa bằng nước nóng để

loại các chất bẩn bám ở bề mặt. Nước rửa không được tái sử dụng mà thải ra hệ thống xử lý nước thải.

- Khâu rửa bằng chất tẩy rửa: Sau khi kết thúc quá trình rửa ban đầu, các bồn chứa và đường ống được súc rửa bằng dung dịch tẩy rửa nóng ở nhiệt độ 70 – 85°C để tẩy sạch các chất bẩn còn bám ở bề mặt. Chất tẩy rửa được thu hồi để dùng lại hoặc được dùng cho khâu tẩy rửa sơ bộ.

- Khâu súc rửa cuối cùng: Các bồn và các đường ống được súc rửa lần cuối cùng với dung dịch nước ở nhiệt độ môi trường để làm sạch các chất tẩy rửa còn lại. Phần nước này được thu hồi tái sử dụng cho khâu súc rửa sơ bộ.

Do vậy, ngoài khả năng đảm bảo mức độ vệ sinh thực phẩm, quy trình súc rửa tái sử dụng cho phép tiết kiệm tài nguyên nước và hoá chất.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

** Sản phẩm chính:*

+ Bia lon 330ml: 80%

+ Bia hơi: 20%

** Sản phẩm phụ:*

Từ quá trình sản xuất bia có thể tạo ra được một số sản phẩm phụ để phục vụ cho các lĩnh vực khác của nền kinh tế như bã bia, bã men và các nguyên liệu phụ.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên, nhiên vật liệu sử dụng của Cơ sở

Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị đầu tư chia làm 02 giai đoạn: Giai đoạn I: Công suất 15 triệu lít/năm; Giai đoạn II: Công suất 25 triệu lít/năm. Nhu cầu nguyên vật liệu theo báo cáo ĐTM bổ sung và nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu qua 03 năm gần nhất, cụ thể như sau:

Bảng 1. Nhu cầu nguyên vật liệu của Công ty

STT	Nguyên vật liệu chính	Đơn vị	Theo báo cáo ĐTM bổ sung		Theo số liệu 03 năm gần nhất		
			15 triệu lít/năm	25 triệu lít/năm	Năm 2022 (14,7 triệu lít/năm)	Năm 2023 (11,2 triệu lít/năm)	Năm 2024 (13,1 triệu lít/năm)
1	Malt	Tấn/năm	1.537	2.562	1.162	882	1.014
2	Gạo	Tấn/năm	771	1.285	816	679	768
3	Houblon	Tấn/năm	6,5	10,9	1,6	1,4	1,5
4	Đường	Tấn/năm	273	455	155	65	115
5	Nước	M ³ /năm	109.200	182.000	78.024	68.400	72.384
6	Điện	Triệu kW/năm	1,7	2,8	2,5	1,6	1,8

7	Than, củi ép	Tấn/năm	2.700 (than)	4.500 (than)	1.382 (củi ép)	1.106 (củi ép)	1.350 (củi ép)
---	--------------	---------	-----------------	-----------------	-------------------	-------------------	-------------------

- Cung cấp nguyên vật liệu đầu vào như sau:

+ Malt: nhập khẩu theo dạng bao hoặc container rời, cung cấp theo đợt, dự trữ cho 4 tuần sản xuất được chứa trong kho malt.

+ Gạo: mua theo dạng bao, cung cấp theo đợt, dự trữ cho 2 tuần sản xuất chứa trong kho gạo.

+ Houblon: Nhập khẩu theo bao, dự trữ cho 4 tuần sản xuất trong kho lạnh của nhà nấu.

+ Đường: Mua theo dạng bao, cung cấp theo đợt, dự trữ cho 2 tuần sản xuất, dự trữ trong kho đường.

+ Công ty sử dụng 80% nguồn nước cấp và 20% nguồn nước giếng khoan để cấp nước cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất. Hiện nay, nguồn nước cấp do Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị cung cấp và nguồn nước giếng khoan đã được cấp phép khai thác, sử dụng tại Giấy phép 78/GP-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị với thời gian là 03 năm (đến ngày 19/8/2026).

+ Công ty sử dụng nguồn cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt từ nguồn điện 22kV chạy qua khu vực.

+ Nhiên liệu được sử dụng cho hệ thống lò hơi, trong quá trình sản xuất gồm: Củi trấu, củi mùn cưa, củi ép, được thu mua từ các cơ sở chế biến gỗ trên địa bàn.

4.2. Nhu cầu sử dụng hóa chất

Công ty có sử dụng hóa chất trong hoạt động sản xuất, xử lý nước thải, với nhu cầu như sau:

Bảng 2. Tham khảo khối lượng hóa chất sử dụng của Công ty trong năm 2024

TT	Loại hóa chất	Khối lượng (kg/năm)	Mục đích	Đơn vị cung cấp
1	Acid clohydric- HCl	1.500	Hoàn nguyên cột lọc trong xử lý nước cấp	Cty CP đầu tư CN&MT Trảng An - đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Tp Hà Nội
2	Natrihydroxit- NaOH	18.000	Xử lý nước thải; Chất tẩy rửa sử dụng trong công nghiệp	Kim Biên, K362/20 Hoàng Diệu - phường Bình Thuận - quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng
3	Natrihypocloric- NaClO	236	Khử trùng và trợ lắng nước giếng	Kim Biên, K362/20 Hoàng Diệu - phường Bình Thuận - quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng
4	Calcium hypochlorite- Ca(ClO) ₂	64	Châm khử trùng nước thải	Kim Biên, K362/20 Hoàng Diệu - phường Bình Thuận - quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng

5	Acid photphoric- H_3PO_4	210	Chất tẩy rửa sử dụng trong công nghiệp	Cty CP xuất nhập khẩu Hóa chất và Thiết bị Kim Ngưu - Số 85, phố Đức Giang, phường Đức Giang, Quận Long Biên, Tp Hà Nội
6	Acid nitric- HNO_3	7.460	Chất tẩy rửa sử dụng trong công nghiệp	Cty CP đầu tư CN&MT Trảng An - đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Tp Hà Nội
7	Amoniac- NH_3	440	Chất lỏng truyền nhiệt	Cty TNHH khí Công nghiệp Tiến Mạnh - Lô CN2, CCN Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Tp Hà Nội

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Hiện trạng hoạt động của Cơ sở và các hạng mục công trình đã đầu tư

a. Hiện trạng hoạt động của Cơ sở

Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị hoạt động trong lĩnh vực Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. Công ty đã có Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 14/01/2008 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy bia Hà Nội – Quảng Trị” với công suất 25 triệu lít/năm. Tuy nhiên, sau khi khảo sát chi tiết về thị trường, căn cứ vào tình hình thực tế, Công ty Quyết định đầu tư dự án bước đầu với quy mô 15 triệu lít/năm và đã có Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 04/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy bia Hà Nội – Quảng Trị thay đổi công suất giai đoạn I: 15 triệu lít/năm, giai đoạn II: 25 triệu lít/năm”.

b. Các hạng mục công trình đã đầu tư

Tổng diện tích là 79.187 m². Quy mô các hạng mục công trình như sau:

Bảng 3. Quy mô các hạng mục công trình của Cơ sở

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)
I	Hạng mục công trình chính	
1	Khu vực silo nguyên liệu	247
2	Nhà máy xử lý nguyên liệu	108
3	Khu nhà nấu	7.170
4	Nhà bồn tank lên men, tank thành phẩm và nhà lọc	117
5	Nhà nổi hơi	100
6	Nhà lên men, chứa men, bã thải men	460
7	Nhà chiết chai, keg kho thành phẩm	4.608

8	Nhà động lực	1.152
9	Khu xử lý nước cấp	300
10	Khu vực nhập, chọn vỏ chai và chất thải rắn	640
II	Hạng mục công trình phụ trợ	
1	Nhà văn phòng	60
2	Nhà ăn	50
3	Khu xử lý nước thải	500
4	Cổng (cái)	2
5	Nhà để xe cán bộ công nhân viên	100
6	Đường giao thông nội bộ	10.625
III	Hạng mục BVMT	
1	Khu xử lý nước thải	60
2	Kho CTR vô cơ	100
3	Tro trấu, xỉ than	62,5
4	Kho CTNH	8
5	Cây xanh	50.282
6	02 Hồ sinh học	2.670
	Tổng	79.187

c. Danh mục máy móc thiết bị

Bảng 4. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
I	HỆ THỐNG NGHIÊN GẠO			
1	Phễu nhập gạo + Vít tải gạo số 1	1	1m ³ ; 1 tấn/h; 1.5kW/3P/380V/50Hz	Việt Nam
2	Gàu tải gạo số 1	1	1 tấn/h; 1.5kW/3P/380V/50Hz	Việt Nam
3	Thiết bị sàng gạo	1	1 tấn/h; 0.37 kW	Việt Nam
4	Thiết bị tách đá gạo	1	1 tấn/h; 0.55 kW	Việt Nam
5	Gàu tải gạo số 2	1	1.2 tấn/h; 1.5kW/3P/380V/50Hz	Việt Nam
6	Bin chứa gạo trước máy nghiền	1	0.2 m ³	Việt Nam
7	Máy nghiền gạo	1	1 tấn/h; 22 kW	Việt Nam

8	Bin bột gạo, cân	1	2 m ³ , 500 kg	Việt Nam
9	Vít tải bột gạo số 2	1	1.5 tấn/h; 1.5kW/3P/380V/50Hz	Việt Nam
10	Bin tách bụi gạo	1	4800 (m ³ /h)	Việt Nam
11	Quạt hút bụi gạo tầng 2	1	3 kW/3P/380V/50Hz	Việt Nam
12	Quạt hút bụi gạo tầng 4	1	7.5 kW/3P/380V/50Hz	Việt Nam
II HỆ THỐNG NGHIÊN MALT				
1	Phễu nhập malt + Vít tải malt số 1	1	1m ³ ; 2 tấn/h; 1.5 kW/3P/380V/50Hz	Việt Nam
2	Gàu tải malt số 1	1	2 tấn/h; 1.5kW/3P/380V/50Hz	Việt Nam
3	Thiết bị sàng malt	1	2 tấn/h; 0.55 kW	Việt Nam
4	Thiết bị tách đá malt	1	2 tấn/h; 0.75 kW	Việt Nam
5	Gàu tải malt số 2	1	2.2 tấn/h; 1.5kW/3P/380V/50Hz	Việt Nam
6	Bin chứa malt trước máy nghiền	1	0.2 m ³	Việt Nam
7	Máy nghiền malt	1	DBZE-2-70/ (2 tấn/h)	Việt Nam
8	Bin chứa bột malt sau máy nghiền	1	0.2 m ³	Việt Nam
9	Bin bột malt, cân	1	5 m ³ , 2000 kg	Việt Nam
10	Vít tải bột malt số 2 (nồi malt)	1	5 tấn/h; 1.5kW/3P/380V/50Hz	Việt Nam
11	Vít tải malt lót số 3 (nồi gạo)	1	1 tấn/h; 1.1kW/3P/380V/50Hz	Việt Nam
12	Bin tách bụi malt	1	4800 m ³ /h	Việt Nam
13	Quạt hút bụi malt tầng 2	1	3 kW/3P/380V/50Hz	Việt Nam
14	Quạt hút bụi malt tầng 4	1	7.5 kW/3P/380V/50Hz	Việt Nam
III HỆ THỐNG NẤU BIA				
1	Nồi gạo	1	9 m ³	Việt Nam
2	Nồi malt	1	21 m ³	Việt Nam
3	Nồi lọc	1	24 m ³	Việt Nam

4	Nồi trung gian	1	20 m ³	Việt Nam
5	Nồi sôi hoa	1	26 m ³	Việt Nam
6	Nồi lắng xoáy	1	27 m ³	Việt Nam
7	Bình chứa cặn hoa	1	15 m ³	Việt Nam
8	Thùng chứa bã lọc	1	3 m ³	Việt Nam
9	Silo chứa bã thải	1	25 m ³	Việt Nam
10	Vít tải silo bã thải	1	1.1kW	Việt Nam
IV	HỆ THỐNG NƯỚC NẤU			
1	Tầng nước lạnh 2°C	1	55 m ³	Việt Nam
2	Tầng nước 30°C	1	55 m ³	Việt Nam
3	Tầng nước nóng 80°C	1	55 m ³	Việt Nam
4	Bộ làm lạnh nước (tắm bản)	1	20 m ³ /h; môi chất glycol	Đức
5	Thiết bị gia nhiệt nước (ống chùm)	1	10 (m ³ /h)	Đức
6	Bơm nước 30°C	2	20 (m ³ /h)/5.5 kw/ 380v/ 50hz	KPA, Đức
7	Bơm nước 80°C	3	40 (m ³ /h)/7.5 kw/ 380v/ 50hz	KPA, Đức
8	Bơm nước 2°C	2	30 (m ³ /h)/5.5 kw/ 380v/ 50hz	KPA, Đức
V	HỆ THỐNG LỌC BIA			
1	Bồn chứa bia trước lọc BT1	1	MEEC, 5m ³	Việt Nam
2	Bồn chứa bia thu hồi trước và sau lọc PLT	1	MEEC, 5m ³	Việt Nam
3	Bồn chứa bia sau lọc BT2	1	MEEC, 0.67m ³	Việt Nam
4	Bồn chứa bột trợ lọc thải	1	MEEC, 5m ³	Việt Nam
5	Máy làm lạnh bia	1	10m ³ /h	EU
6	Bồn khuấy bột trợ lọc DOSIMAT 350	1	350 lít	Thụy Sĩ
7	Bơm cấp bia 1	1	10m ³ /h, 7.5kW	EU

8	Bơm tạo màng nhanh	1	6m ³ /h, 2.2kW	EU
9	Bơm Dosing bột trợ lọc	1	25 - 160 lít/h, 0.75kW	EU
10	Bơm CIP hồi 1	1	10m ³ /h, 1.5kW	EU
11	Bơm CIP hồi 2	1	10m ³ /h, 1.5kW	EU
12	Bơm cấp bia 2	1	10m ³ /h, 5.5kW	EU
VI HỆ THỐNG LÊN MEN				
1	Tank lên men số 1 đến 8	8	90 - 106 m ³	Việt Nam
2	Tank lên men số 9	1	7 m ³	EU
3	Tank lên men số 10	1	11 m ³	Việt Nam
4	Tank lên men số 11 đến 16	6	90 – 106 m ³	Việt Nam
5	Tank lên men số 17 đến 20	4	54 – 64 m ³	Việt Nam
6	Bơm thu hồi men	1	1.5kW, 2m ³ /h	Đức
7	Bơm bia đi lọc	1	5.5kW, 15m ³ /h	Đức
8	Bơm CIP hồi	1	4kW, 20m ³ /h	Đức
9	Bộ lọc tiết trùng đường cấp khí nén	2	Donalson, 0.2µm, 150m ³ /h	Đức
10	Bộ lọc tiết trùng đường cấp CO ₂	2	Donalson, 0.2µm, 150m ³ /h	Đức
VII HỆ THỐNG CHỨA BIA SAU LỌC BBT				
1	BBT1, BBT2	2	28m ³	EU
2	BBT3, BBT4	2	84 – 90 m ³	Việt Nam
3	BBT5	1	16m ³	EU
4	BBT6	1	7m ³	EU
5	Bơm cấp bia chiết keg	1	4kW, 10m ³ /h	Đức
6	Bơm cấp bia chiết lon	1	4kW, 10m ³ /h	Đức
VIII DÂY CHUYỀN CHIẾT LON				
1	Máy dỡ lon	1		Đức
2	Máy chiết	1		Đức

3	Máy ghép mí	1		Ferrum
4	Máy cấp nắp lon	1		CWS
5	Máy thanh trùng	1		Krones
6	Băng tải lon	02		Krones
7	Máy sấy lon	02		Secomak
8	Máy dán hộp	1		Krones
9	Băng tải hộp	1		Krones

5.2. Chế độ làm việc và bố trí nhân lực

- Tổng số lượng CBCNV khi Công ty đi vào hoạt động ổn định với công suất 25 triệu lít/năm là 92 người. Tuy nhiên, hiện nay với công suất 15 triệu lít/năm là 67 người

- Thời gian làm việc: 220 ngày/năm, ngày làm 3 ca, ca 8 h

- Hình thức quản lý: Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị trực tiếp quản lý.

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 03/02/2011 của Thủ tướng chính phủ về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020. Trong đó: Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và đồ uống: Phát triển công nghiệp chế biến gắn với nguyên liệu tại chỗ như cà phê, cao su, hồ tiêu, tinh bột sắn, thủy hải sản, súc sản, thức ăn chăn nuôi, gỗ, nhựa thông, bột giấy, dầu sinh học, nước uống các loại; xem xét kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy bia phù hợp với nguồn lực và nhu cầu thị trường

- Quyết định số 1737/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ ngày 29/12/2023 về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Về phân vùng môi trường: Cơ sở thuộc Vùng khác (không nằm trong Vùng bảo vệ nghiêm ngặt và Vùng hạn chế phát thải) là toàn bộ diện tích còn lại của tỉnh Quảng Trị được thực hiện các phương án bảo vệ môi trường và quy định về bảo vệ môi trường trong các hoạt động phát triển dân sinh, kinh tế theo luật định

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 8/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó nêu rõ:

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường là định hướng bảo vệ môi trường cho các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, bảo đảm nguyên tắc xuyên suốt, không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế, yếu tố môi trường phải được tính đến trong từng hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, hài hòa với tự nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, phát triển kinh tế với tư duy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp nhằm giảm thiểu chất thải phát sinh, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, chuyển dịch năng lượng công bằng, góp phần thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ 2021 - 2030.

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia bảo đảm tính mở và linh hoạt để tích hợp, lồng ghép vào các quy hoạch khác có liên quan, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng ngừa các vấn đề môi trường từ sớm, từ xa; thúc đẩy phương thức quản lý tổng hợp, tiếp cận tổng thể dựa vào hệ sinh thái tự nhiên.

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường nhằm tăng cường kết nối hài hòa trong hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường giữa các vùng kinh tế - xã hội, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; chủ động phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường; tập trung xử lý các vấn đề môi trường xuyên biên giới, liên vùng, liên tỉnh; kết hợp với bảo tồn giá trị tự nhiên và đa dạng sinh học, thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên.

- Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến 2025.

+ Trong giai đoạn năm 2015 và từ năm 2016 đến 2020 đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư và tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, tạo các điều kiện cần thiết và thuận lợi thu hút đầu tư phát triển công nghiệp.

+ Tại khu Công nghiệp Quán Ngang định hướng tập trung phát triển các ngành chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống; chế biến khoáng sản; hóa chất (sản phẩm nhựa, cao su, phân bón...); dệt may - da giày; cơ khí, chế tạo máy và gia công kim loại, điện - điện tử

- Phù hợp với các quyết định quy hoạch của KCN tại các quyết định của UBND tỉnh Quảng Trị tại các văn bản:

+ Quyết định số 3071/QĐ-UB ngày 26/10/2004 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết KCN Quán Ngang tại huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị;

+ Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh (giai đoạn 2);

+ Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị;

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện tại, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải của khu vực chưa được ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

Hiện nay, KCN Quán Ngang đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung và Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị được phép đầu nối thoát nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Quán Ngang theo Văn bản số 1595/KKT-QHXD ngày 24/09/2024 của Ban Quản lý khu Kinh tế, với lưu lượng được xác định theo đồng hồ đo lưu lượng xả thải. KCN Quán Ngang đã được cấp GPMT số 34/GPMT-BNNMT ngày 31/03/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, nên không tác động đến môi trường của khu vực xung quanh KCN, mà ảnh hưởng đến nguồn nước mặt sông Thạch Hãn là nơi tiếp nhận nước thải của KCN.

Khí thải sau khi xử lý các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo cột B của QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, và được xả qua ống khói có đường kính Ø610 mm, chiều cao 12m nên không tác động đến môi trường không khí xung quanh. Thể hiện qua kết quả giám sát các năm tại bảng 25, 26;

Qua kết quả quan trắc nước thải tại bảng 23, bảng 24 cho thấy các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

Qua số liệu quan trắc, giám sát môi trường không khí, nước thải, nước mặt của Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị tại báo cáo công tác bảo vệ môi trường qua các năm, thì kết quả các thông số quan trắc đều nằm trong Quy chuẩn cho phép. (Phiếu kết quả tại phụ lục)

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

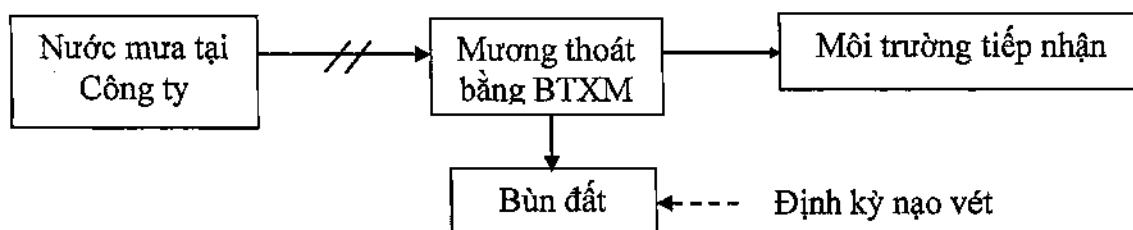
1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Công ty đã xây dựng hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn đồng bộ trong khu vực khuôn viên, hệ thống thoát nước mưa được thiết kế, xây dựng tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Cụ thể:

- Toàn bộ nước mưa ở mái nhà xưởng sản xuất được thu gom bằng ống nhựa PVC D110, dẫn về các rãnh thoát nước mưa bao quanh khu vực Công ty.

- Hệ thống thoát nước mưa thu gom toàn bộ lượng nước mưa phát sinh tại khuôn viên khu vực Công ty sử dụng mương kín, thành mương xây Bê tông cốt thép dày 0,15m, đáy bằng nắp đan BTCT. Mương kích thước B500 có tổng chiều dài 510m, mương kích thước B600 có tổng chiều dài 280m, mương kích thước B1000 có tổng chiều dài 28,3m, có 20 hố thu đất cát, 34 cửa thu nước mưa kích thước 800x400mm.

- Hình thức thoát nước mưa: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt đến các cửa thu nước mưa sẽ được dẫn vào mương, nước trong mương tự chảy theo hướng nghiêng dẫn đến công thoát nước phía Tây Nam, để đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu Công nghiệp Quán Ngang.



Hình 1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của Công ty

Ngoài ra, để giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, Công ty đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác, phế thải xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn hệ thống.

- Tránh tập trung các loại nguyên, nhiên vật liệu cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa rơi vật liệu vào đường thoát nước.

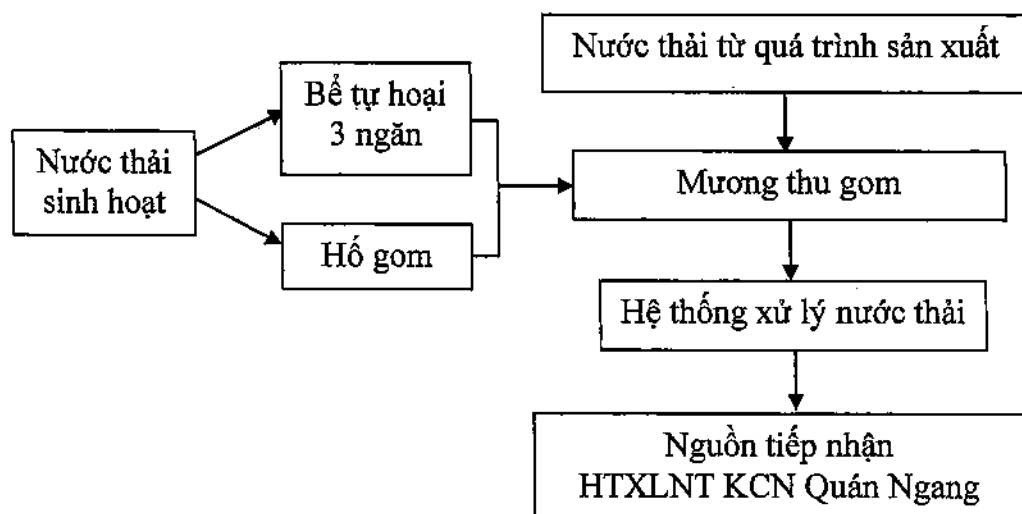
- Thực hiện thay thế dầu nhờn, dầu máy, sửa chữa máy móc, phương tiện tại các gara sửa chữa để không làm phát sinh dầu mỡ thải.

- Cho công nhân vệ sinh sân bãi, khuôn viên định kì để hạn chế rác đọng ở khu vực cửa thu nước mưa, làm giảm khả năng thoát nước của hệ thống

Các biện pháp trên đã thực hiện có hiệu quả, nên sẽ được Công ty tiếp tục áp dụng trong thời gian tới

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Sơ đồ thu gom nước thải tại Công ty:



Hình 2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của Công ty

1.2.1. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình sinh hoạt của 92 CBCNV làm việc tại Công ty khi hoạt động hết công suất, có 03 nguồn cụ thể như sau:

- + Nguồn 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng, 15 CBCNV
- + Nguồn 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà xưởng sản xuất, 67 CBCNV
- + Nguồn 03: Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng xưởng sản xuất, 10 CBCNV

- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng.

- Thái lượng: Nhu cầu sử dụng nước là 40 lít/người/ngày và tỷ lệ thải là 100% lượng nước cấp (Theo TCVN 13606:2023 - Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình - yêu cầu thiết kế). Với số lượng CBCNV là 92 người thì lượng nước thải phát sinh là: $92 \text{ người} \times 40 \text{ lít/người/ngày} \times 100\% = 3,68 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Nguồn nước thải này được phân thành hai nhóm chính là nước thải xám (rửa, vệ sinh sàn,...) và nước thải đen (đi vệ sinh). Nước thải xám chiếm khoảng 65% và nước thải đen chiếm khoảng 35% trong tổng lượng nước thải phát sinh (theo giáo trình tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải của TS Trịnh Xuân Lai).

+ Với tổng lượng nước thải phát sinh của Công ty là $3,68 \text{ m}^3$ thì lượng nước thải xám là $2,39 \text{ m}^3$ và nước thải đen là $1,29 \text{ m}^3$

- Công trình thu gom nước thải từ nhà vệ sinh CBCNV:

+ Đối với nước thải đen từ nhà vệ sinh: Nước thải đen phát sinh được dẫn vào bể tự hoại 03 ngăn để xử lý, sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn sẽ được thu gom bằng ống PVC D110 đến vị trí hố ga gần nhất của hệ thống thu gom nước thải sản xuất.

+ Đối với nước thải xám từ nhà vệ sinh: Được dẫn trực tiếp đến vị trí hố ga gần nhất của hệ thống thu gom nước thải sản xuất, bằng đường ống PVC D60.

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ được dẫn cùng nước thải sản xuất về hệ thống xử lý nước thải của Công ty.

1.2.2. Nước thải sản xuất

- Nguồn phát sinh:

+ Nước thải sản xuất chủ yếu từ các công đoạn nấu, lọc bia, thanh trùng, vệ sinh thiết bị, đường ống.

+ Ngoài ra nước thải còn được sinh ra từ khu vực phòng thí nghiệm dùng để phân tích các chỉ tiêu của malt, gạo, houblon, nước, phân tích vi sinh, men, dịch đường, bia trong tank, bia thành phẩm.

+ Nước thải từ công đoạn xử lý khí thải lò hơi

+ Vệ sinh nhà xưởng

+ Vị trí chứa bùn, bã hoa, bột trợ lọc

- Thành phần trong nước thải sản xuất Bia: Chứa các chất hữu cơ, các loại đường, xác men, vi khuẩn, các hoá chất súc rửa (NaOH, axit...).

- Lưu lượng: Lưu lượng nước thải phát sinh thực tế trong 03 năm gần nhất, cụ thể:

+ Năm 2022 với công suất 14,7 triệu lít/năm: Với nhu cầu về sử dụng nước cho sản xuất là $78.024 \text{ m}^3/\text{năm}$ ($78.024 \text{ m}^3/220 \text{ ngày} = 355 \text{ m}^3/\text{ngày}$) thì lượng nước thải tương ứng là $284 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (nước thải ra bằng 80% lượng nước sử dụng)

+ Năm 2023 với công suất 11,2 triệu lít/năm: Với nhu cầu về sử dụng nước cho sản xuất là $68.400 \text{ m}^3/\text{năm}$ ($68.400 \text{ m}^3/220 \text{ ngày} = 310 \text{ m}^3/\text{ngày}$) thì lượng nước thải tương ứng là $248 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (nước thải ra bằng 80% lượng nước sử dụng)

+ Năm 2024 với công suất 13,1 triệu lít/năm: Với nhu cầu về sử dụng nước cho sản xuất là $72.384 \text{ m}^3/\text{năm}$ ($72.384 \text{ m}^3/220 \text{ ngày} = 329 \text{ m}^3/\text{ngày}$) thì lượng nước thải tương ứng là $263 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (nước thải ra bằng 80% lượng nước sử dụng)

+ Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị đầu tư chia làm 02 giai đoạn: Giai đoạn I: Công suất 15 triệu lít/năm; Giai đoạn II: Công suất 25 triệu lít/năm. Hiện nay, Công ty sản xuất với công suất 15 triệu lít/năm nhưng đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải với công suất $533 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh khi hoạt động hết công suất.

- Công trình thu gom nước thải sản xuất:

+ Hiện tại Công ty đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước thải sản xuất (Hệ thống thu gom, xử lý độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước mưa), bao gồm cống thoát nước HDPE tròn trơn, rãnh thoát nước thải xây gạch, máng nước Inox, 15 hố ga. Cụ thể như sau:

Bảng 5. Danh mục tuyến cống thoát nước thải

STT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Số lượng
1	Cống thoát nước HDPE tròn trơn – PN8	D125	Mét	57.5
2	Cống thoát nước HDPE tròn trơn – PN8	D200	Mét	187.9
3	Cống thoát nước HDPE tròn trơn – PN8	D300	Mét	42
4	Hố ga nước thải BTCT	800x800	Cái	2
5	Hố ga nước thải xây gạch	800x800	Cái	12
6	Hố ga nước thải xây gạch	500x600	Cái	1
7	Rãnh thoát nước thải xây gạch	B300	Mét	6
8	Máng thoát nước Inox	B300	Mét	124

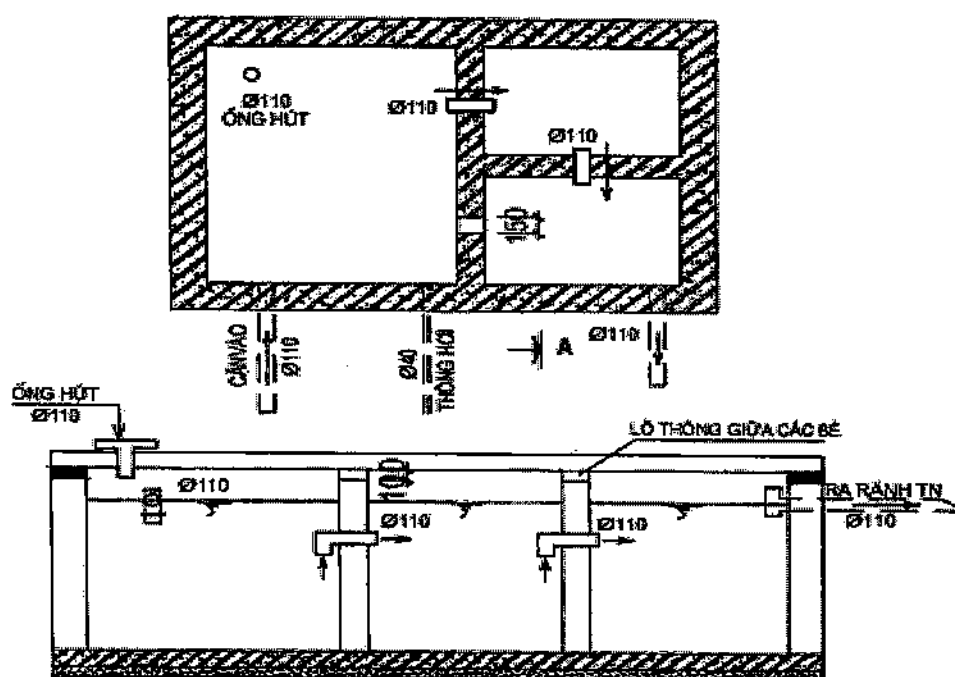
+ Quy trình thu gom và thoát nước thải: Nước thải sản xuất → Hệ thống thu gom nước thải sản xuất → Hồ ga → Ống HDPE DN300 chôn ngầm → Hệ thống XLNT Công ty → Đầu nối thoát nước thải vào hệ thống XLNT tập trung KCN Quán Ngang.

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Nước thải sinh hoạt

- Đối với lượng nước thải đen phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 92 CBCNV làm việc tại Công ty với khối lượng 1,29 m³/ngày.đêm, Công ty đã xây dựng hoàn thiện 03 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 5 m³/bể ở khu vực nguồn 01 và nguồn 03, thể tích 10 m³/bể ở khu vực nguồn 02 tại các nhà vệ sinh, đảm bảo xử lý lượng nước thải phát sinh.

- Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân huỷ cặn lắng nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: Phần lắng và phần phân huỷ cặn. Mô hình bể tự hoại như sau:



Hình 3. Mặt bằng, mặt cắt dọc bể tự hoại 3 ngăn

* **Nguyên lý hoạt động:** Nước thải và chất thải từ bồn cầu sẽ được tiếp nhận tại ngăn chứa 1, tại đây phân cặn sẽ được giữ lại và phân hủy thành bùn cặn rồi lắng xuống đáy, nước thải tiếp tục được dẫn qua ngăn thứ 2, tại đây quá trình phân hủy kỵ khí xảy ra sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải. Sau đó, nước thải được dẫn qua ngăn thứ 3, ngăn này có nhiệm vụ giữ lại các chất lơ lửng trong nước thải còn lại từ ngăn 2 chuyển sang, các chất lơ lửng sẽ chìm xuống đáy bể, còn phần nước trong sẽ theo đường ống thoát ra bên ngoài.

Đánh giá hiệu quả xử lý:

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức sau:

$W = W_n + W_c$. Trong đó:

- W_n : Thể tích phần nước của bể; (m^3)

- W_c : Thể tích phần phân hủy cặn của bể; (m^3)

+ Trị số W_n có thể lấy bằng 1 đến 3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh, ở đây chọn: $W_n = 2 \times Q_n = 2 \times 1,29 m^3/ngày.đêm = 2,58 m^3$ (Q_n : Lượng nước thải thực tế trong một ngày đêm, đơn vị: m^3)

Nguồn 01

+ Trị số W_c được xác định theo công thức sau:

$W_c = [a \times T \times (100 - W_1) \times b \times c] \times N / [(100 - W_2) \times 1.000]$ (m^3). Trong đó:

a: Lượng cặn của một người thải ra một ngày (0,5- 0,8 lít/người.ngày.đêm)

T: Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn: $T = 365$ ngày.

W_1, W_2 : độ ẩm của cặn tươi và cặn khi lên men, (%). Chọn: $W_1 = 95\%$, $W_2 = 90\%$.

b: Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

c: Hệ số để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2.

N: Số người mà bể phục vụ 92 người

$\Rightarrow W_c = [0,8 \times 365 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times 92] / [(100 - 90) \times 1.000] = 11,28 m^3$

$\Rightarrow$ Thể tích toàn bộ bể tự hoại là: $W = 13,86 m^3$

Hiện tại, Công ty đã xây dựng hoàn thiện 03 bể tự hoại với tổng thể tích là $20 m^3$, đảm bảo xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh, kích thước bể tự hoại như sau:

Bảng 6. Số lượng và thể tích bể tự hoại

TT	Hạng mục	Số bể	Kích thước bể (dài, rộng, cao)	Tổng thể tích (m^3)
1	Nguồn 01	01	2,5m×2,4m×2,1m	5,0
2	Nguồn 02	01	3,4m×3,0m×2,1m	10,0
3	Nguồn 03	01	2,5m×2,4m×2,1m	5,0
	Tổng	03		20,0

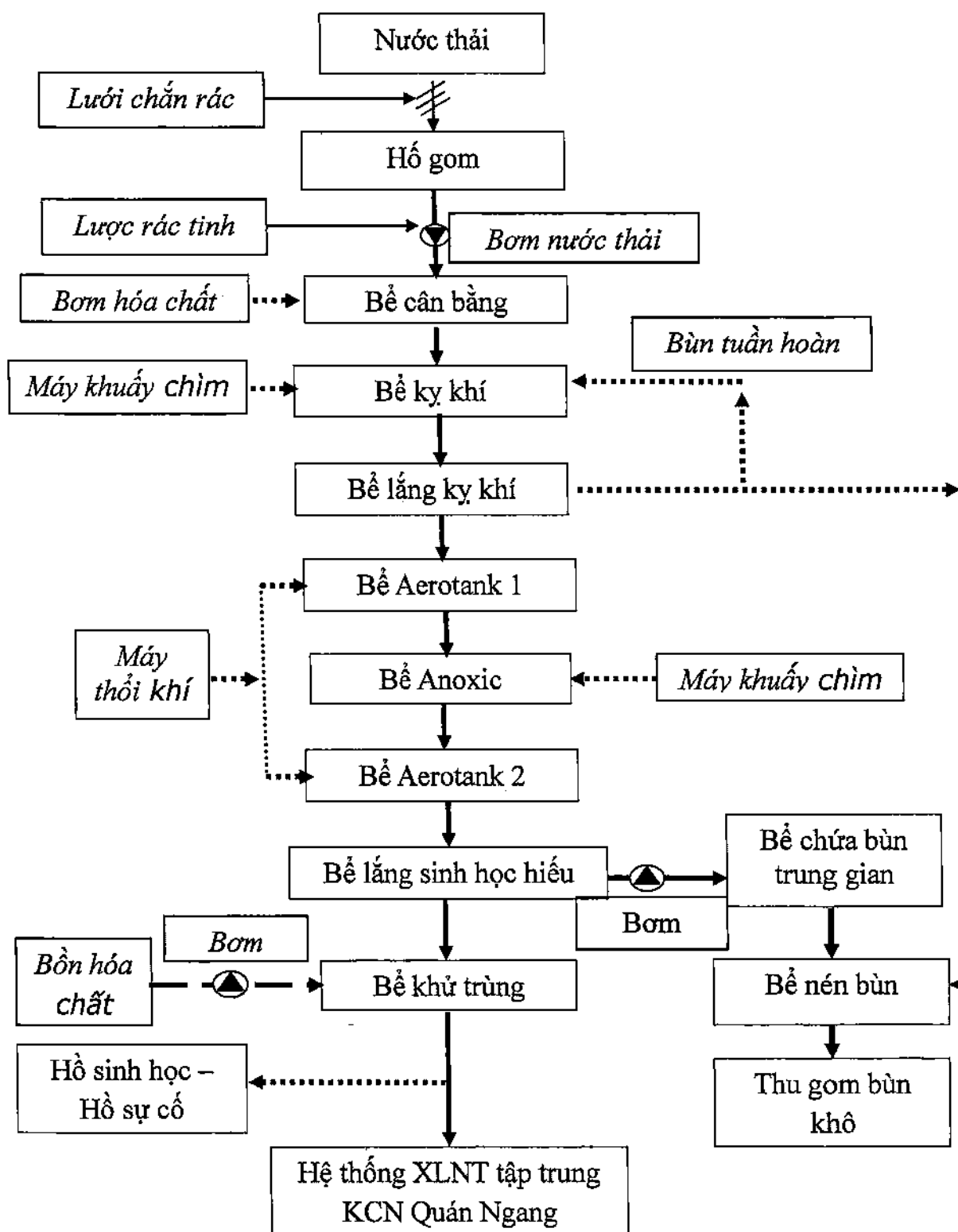
1.3.2. Xử lý nước thải sản xuất

Theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 14/01/2008 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy bia Hà Nội – Quảng Trị” và Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 04/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy bia Hà Nội – Quảng Trị thay đổi công suất giai đoạn I: 15 triệu lít/năm, giai đoạn II: 25 triệu lít/năm”. Hiện nay, Công ty sản xuất với công suất 15 triệu lít/năm, nhưng đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải với công suất 25 triệu lít/năm. Với quy trình công nghệ xử lý như sau: Nước thải → Hồ bơm, song chắn rác → Bể cân bằng → Bể kỵ khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ sinh học → Thoát ra môi trường.

Hiện nay, quy trình xử lý của hệ thống không thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Tuy nhiên, nước thải sau khi qua bể khử trùng sẽ không được lưu chứa ở 02 hồ sinh học nữa, mà được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN để đưa về hệ thống XLNT tập trung KCN Quán Ngang, 02 hồ sinh học sẽ được tận dụng làm hồ sự cố.

Để xử lý nước thải từ hoạt động sản xuất Bia, Công ty đã xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải có công suất 533 m³/ngày.đêm. Nước thải phát sinh tại Công ty bao gồm: Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải sản xuất, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý.

** Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải như sau:*



Thuyết minh quy trình xử lý:

*** Hố gom:**

Nước thải khi vào hố gom sẽ được loại bỏ rác có kích thước lớn bằng lưới lược rác thô. Bể thu gom nước thải là nơi tiếp nhận toàn bộ nước thải phát sinh, được bố trí hai bơm để bơm nước lên bể cân bằng, trước khi vào bể cân bằng thì nước thải tiếp tục qua máy lược rác tinh để loại bỏ những rác thải có kích thước nhỏ còn sót lại. Ngoài ra, hố gom nhằm mục đích để tận dụng hết thể tích của các bể tiếp theo.

*** Bể cân bằng:**

Bể cân bằng được thiết kế với thời gian lưu đủ lớn để cân bằng về lưu lượng và nồng độ các thành phần ô nhiễm có trong nước thải. Tại bể này, độ pH phải đảm bảo trung tính bằng việc châm thêm axit hoặc xút. Một số ưu điểm của việc thiết kế bể cân bằng cụ thể như sau:

- Kiểm soát các dòng nước thải có nồng độ ô nhiễm cao;
- Tránh gây quá tải cho các quá trình xử lý phía sau;
- Có vai trò là bể chứa nước thải khi hệ thống sửa chữa hay bảo trì;

Tại bể cân bằng có bố trí 02 máy khuấy trộn chìm nhằm mục đích khuấy trộn đều nước thải, tránh tạo điều kiện phân hủy sinh học kỵ khí, giảm phát sinh mùi hôi.

Đặt 02 máy bơm chìm hoạt động luân phiên theo phao báo mức nước tại bể này.

*** Bể kỵ khí và bể lắng kỵ khí:**

Tại bể kỵ khí, nước thải được phân phối từ dưới lên sẽ tiếp xúc với lớp bùn kỵ khí. Hỗn hợp bùn kỵ khí trong bể sẽ hấp phụ chất hữu cơ khó phân hủy sinh học hòa tan trong nước thải và chuyển hóa chúng thành các chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học đồng thời sinh ra khí metan CH_4 , khí cacbonic CO_2 và các khí khác (trong đó CH_4 và CO_2 là thành phần chính). Các khí này sẽ theo hệ thống đường ống thu gom được xử lý bằng đầu đốt khí.

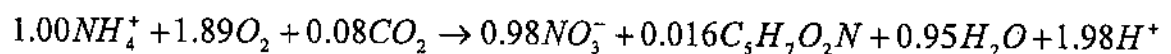
Hỗn hợp bùn, khí và nước sẽ nổi lên bề mặt, rồi tự chảy qua bể lắng kỵ khí. Tại bể lắng kỵ khí, hỗn hợp bùn, khí và nước sẽ qua các tấm Lamén, lúc này, các bọt khí có bám bùn sẽ va vào tấm Lamén. Sau va chạm, hạt cặn bị vỡ ra, khí thoát lên trên, bùn lắng xuống dưới và nước trong sẽ tràn vào máng thu nước theo ống dẫn sang cụm bể sinh học. Bùn sinh ra từ quá trình kỵ khí sẽ được bơm tuần hoàn lại bể kỵ khí và một phần sẽ bơm về bể chứa bùn.

Tại bể kỵ khí có bố trí 03 máy khuấy trộn chìm nhằm mục đích khuấy trộn đều bùn kỵ khí, không để bùn lắng cặn.

*** Cụm bể sinh học hiếu khí Aerotank:**

Nước thải từ bể kỵ khí tự chảy về bể hiếu khí

Bể hiếu khí là nơi nuôi dưỡng các vi sinh vật sống trong môi trường giàu Oxy. Chúng sử dụng Oxy để phân hủy các chất hữu cơ (BOD, COD) và cũng chuyển hóa NH_4^+ thành NO_3^- theo các phương trình phản ứng sau:



Tại đáy bể có lắp đặt hệ thống cấp khí dạng đĩa tinh, giúp quá trình trao đổi chất của vi sinh vật diễn ra nhanh và đạt hiệu quả cao hơn. Không khí được cấp vào hệ thống này từ 02 máy thổi khí đặt tại nhà điều hành.

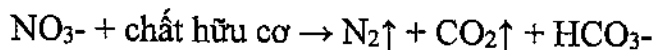
*** Cụm bể sinh học thiếu khí Anoxic:**

Nước thải từ bể hiếu khí sẽ tự chảy qua bể sinh học thiếu khí.

Bể thiếu khí Anoxic được thiết kế nhằm loại bỏ Nitơ có trong nước thải, tồn tại

chủ yếu ở dạng Nitrat – NO_3^- . Bể thiếu khí hoạt động trong môi trường thiếu Oxy, giúp cho vi sinh vật sử dụng Oxy của NO_3^- có trong nước thải từ bể hiếu khí qua, để thực hiện quá trình khử Nitrat.

Quá trình khử Nitrat là quá trình khử các hợp chất Nitơ ở dạng Nitrat thành Nitơ tự do nhờ các vi sinh vật thiếu khí trong bể Anoxic. Sản phẩm cuối cùng của phản ứng này là khí N_2 bay ra ngoài, giúp giảm lượng Nitơ có trong nước thải. Phương trình phản ứng khử Nitrat được thể hiện như sau:



Bể anoxic được đặt 02 máy khuấy chìm hoạt động luân phiên theo thời gian. Nhằm mục đích đảo trộn nước thải tăng hiệu quả tiếp xúc với bùn hoạt tính, tránh hiện tượng bùn hoạt tính bị lắng xuống đáy.

*** Bể lắng sinh học:**

Giúp loại bỏ bùn sinh học hình thành sau khi đã trải qua các công đoạn xử lý sinh học phía trước ra khỏi nước dưới nguyên lý sự khác nhau về trọng lượng.

Bùn lắng dưới đáy bể lắng tự chảy qua bể chứa bùn trung gian, tại đây có bố trí 03 máy bơm chìm bơm một phần về bể thiếu khí, hiếu khí, phần còn lại được bơm về bể nén bùn. Ba máy bơm bùn hoạt động luân phiên theo thời gian.

*** Bể khử trùng:**

Bể khử trùng là một trong những giai đoạn quan trọng của quá trình xử lý nước thải. Mục đích của giai đoạn này chính là tập trung nước thải sau xử lý lại để diệt các mầm vi khuẩn gây bệnh trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

Sử dụng hóa chất khử trùng là Chlorine để châm vào bể khử trùng bằng 02 bơm định lượng đặt trong nhà chứa hóa chất. Nước thải sau quá trình xử lý sẽ tự chảy vào hố ga để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang.

*** Bể nén bùn:**

Nhiệm vụ của bể này chính là lưu trữ bùn dư phát sinh từ bể lắng sinh học và bể lắng kỵ khí. Lượng bùn này sẽ được chủ đầu tư hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom theo đúng quy định về quản lý chất thải của quá trình xử lý. Lượng nước sau lắng bùn sẽ tự chảy về lại Hố gom.

Kích thước các bể xử lý nước thải:

Bảng 7. Kích thước xây dựng các bể của hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên bể	Kích thước DxRxH (mm)	Thể tích (m^3)	Đơn vị	Số lượng	Quy cách xây dựng
1	Hố gom	4.000x2.000x4.000	32	Bể	01	BTCT
2	Bể cân bằng	8.800x7.450x5.000	327,8	Bể	01	BTCT
3	Bể xử lý kỵ khí	13.400x6.000x6.000	482,4	Bể	01	BTCT
4	Bể lắng kỵ khí	6.000x3.450x5.000	103,5	Bể	01	BTCT
5	Bể Aerotank 1	8.800x6.200x5.000	272,8	Bể	01	BTCT
6	Bể Anoxic	8.800x5.500x5.000	242	Bể	01	BTCT

7	Bể Aerotank 2	8.800x4.900x5.000	215,6	BỂ	01	BTCT
8	Bể lắng sinh học	DxH = 6.000x4.500	127,17	BỂ	01	BTCT
9	Bể khử trùng	4.550x1.200x4.500	24,57	BỂ	01	BTCT
10	Bể chứa bùn	1.200x1.200x4.500	6,48	BỂ	01	BTCT
11	Bể nén bùn	DxH = 3.000x4.000	28,26	BỂ	01	BTCT

(Bản vẽ hoàn công công trình đính kèm tại phụ lục)

Danh mục máy móc, thiết bị trong các bể xử lý nước thải:

Bảng 8. Các máy móc, thiết bị lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải

TT	Thiết bị	Quy cách thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
1. BỂ GOM					
1	Bơm chìm bể gom	- Model: FC200/50M - Lưu lượng: 31 m ³ /giờ - Cột áp: 8 m - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 1,5 kW	Cái	02	Beluno - Ý
2	Phao mực nước	- Chỉ số bảo vệ: IP68 - Vật liệu: PVC	Cái	01	-
3	Máy tách rác bể gom	- Kích thước khe: 10mm - Vật liệu: inox 304	Máy	01	Nhật
2. BỂ CÂN BẰNG					
1	Bơm chìm bể gom	- Model: CN651-MT - Lưu lượng: 25 m ³ /giờ - Cột áp: 8 m - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 1,5 kW	Cái	02	Shinmaywa – Nhật
2	Máy khuấy trộn chìm	- Model: MX-gi 21.15.4 - Tốc độ: 1420 vòng/phút - Cấp độ bảo vệ động cơ: IP68/ Class H - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 1,4 kW	Cái	02	SCM - Ý
3	Máy tách rác bể cân bằng	- Kích thước khe: 2,5mm - Vật liệu: inox 304	Máy	01	Nhật
4	Phao mực nước	- Chỉ số bảo vệ: IP68 - Vật liệu: PVC	Cái	01	-

3. BỂ XỬ LÝ KỶ KHÍ					
1	Máy khuấy trộn chìm	- Model: MX-gi 21.15.4 - Tốc độ: 1420 vòng/phút - Cấp độ bảo vệ động cơ: IP68/ Class H - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 1,4 kW	Cái	03	SCM - Ý
2	Hệ thống đốt khí Biogas	-	Hệ	01	-
4. BỂ LẮNG KỶ KHÍ					
1	Bơm bùn bể kỵ khí	- Bơm ly tâm - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 2,2 kW	Cái	02	Nhật
5. AEROTANK					
1	Đĩa phân phối khí tĩnh	- Model: SSI AFD270 - Lưu lượng: 0 - 12 m³/h - Đường kính đĩa: 270 mm - Đầu nối: Ren 20 - Số lỗ thoát khí: 6.600 lỗ - Màng đĩa: Màng EDPM - Kiểu đĩa thoát khí: Dạng bột mịn	Cái	108	SSI - USA
2	Máy thổi khí	- Model: ARS 100 - Lưu lượng: 8,68 m³/phút - Cột áp: 5 m - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 11 kw	Cái	02	Shinmaywa – Nhật
6. BỂ ANOXIC					
1	Máy khuấy trộn chìm	- Model: MX-gi 21.15.4 - Tốc độ: 1420 vòng/phút - Cấp độ bảo vệ động cơ: IP68/ Class H - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 1,4 kW	Cái	02	SCM - Ý
7. BỂ LẮNG SINH HỌC					
1	Mô tơ và hộp giảm tốc	- Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 0,37 kW	Cái	01	SITI - Ý
2	Ống lắng trung tâm	- Vật liệu: inox 304 - KT 800x2.450 mm - Inox dày 1,2 mm	Cái	01	Việt Nam

3	Máng răng cưa	- Vật liệu: inox 304 - Kích thước 350x5600 mm - Inox dày 1,2 mm	Cái	04	Việt Nam
4	Tấm chắn bọt	- Vật liệu: inox 304 - Kích thước 150x5380 mm - Inox dày 1,2 mm	Cái	04	Việt Nam
8. BỂ CHỨA BÙN					
1	Bơm bùn tuần hoàn	- Model: CN501-MT - Lưu lượng: 0,2 m ³ /phút - Cột áp: 8 m - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 0,75 kW	Cái	02	Shinmaywa – Nhật
2	Bơm bùn dư	- Model: CRC40T - Lưu lượng: 0,05 m ³ /phút - Cột áp: 14 m - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 0,4 kW	Cái	01	Shinmaywa – Nhật
9. BỂ NÉN BÙN					
1	Mô tơ và hộp giảm tốc	- Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 0,37 kW	Cái	01	SITI - Ý
2	Máy ép bùn băng tải	- Model: NBD – M50 - Lưu lượng: 1-3 m ³ /giờ - Nước rửa: 3,8 m ³ /giờ - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 1/4 Hp	Cái	01	Đài Loan
3	Bơm bùn trực vít	- Lưu lượng: 0,02 m ³ /phút - Cột áp: 14 m - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 0,4 kW	Cái	01	Sydex – Ý
10. HỆ HÓA CHẤT					
1	Bồn hóa chất H ₂ SO ₄	- Loại: Bồn đứng 1.000 lít - Vật liệu: Composite	Cái	01	Việt Nam
2	Bồn hóa chất NaOH	- Loại: Bồn đứng 2.000 lít - Vật liệu: Composite	Cái	01	Việt Nam
3	Bồn khuấy NaOH	- Loại: Bồn đứng 1.000 lít - Vật liệu: Thép không rỉ	Cái	01	Việt Nam

4	Bồn hóa chất khử trùng Chlorine NaClO	- Loại: Bồn đứng 1.000 lít - Vật liệu: Composite	Cái	01	Việt Nam
5	Bồn hóa chất Polyme	- Loại: Bồn đứng 1.000 lít - Vật liệu: Composite	Cái	02	Việt Nam
6	Bơm định lượng H ₂ SO ₄	- Model: MS1B108A - Lưu lượng: 60 l/h - Cột áp: 10 Bar - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 0,37 kW	Bộ	02	SEKO - Ý
7	Bơm định lượng NaOH	- Model: MS1B108A - Lưu lượng: 60 l/h - Cột áp: 10 Bar - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 0,37 kW	Bộ	02	SEKO - Ý
8	Bơm định lượng Chlorine NaClO	- Model: MS1B108A - Lưu lượng: 60 l/h - Cột áp: 10 Bar - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 0,37 kW	Bộ	02	SEKO - Ý
9	Bơm định lượng Polyme	- Model: MS1B108A - Lưu lượng: 60 l/h - Cột áp: 10 Bar - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất: 0,37 kW	Bộ	02	SEKO - Ý

Hóa chất sử dụng trong xử lý nước thải:

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, vì lượng bùn phát sinh không nhiều và nước thải có tính Axit. Do đó, hóa chất được sử dụng chủ yếu trong xử lý nước thải là NaOH, NaClO, khối lượng cụ thể như sau:

Bảng 9. Hóa chất sử dụng xử lý nước thải của Công ty

TT	Loại hóa chất	Khối lượng (kg/ngày)
1	Clorine (NaClO)	1 - 2
2	Xút (NaOH)	20 - 30

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Biện pháp thu gom, xử lý bụi phát sinh từ quá trình nhập, xử lý nguyên liệu malt và gạo

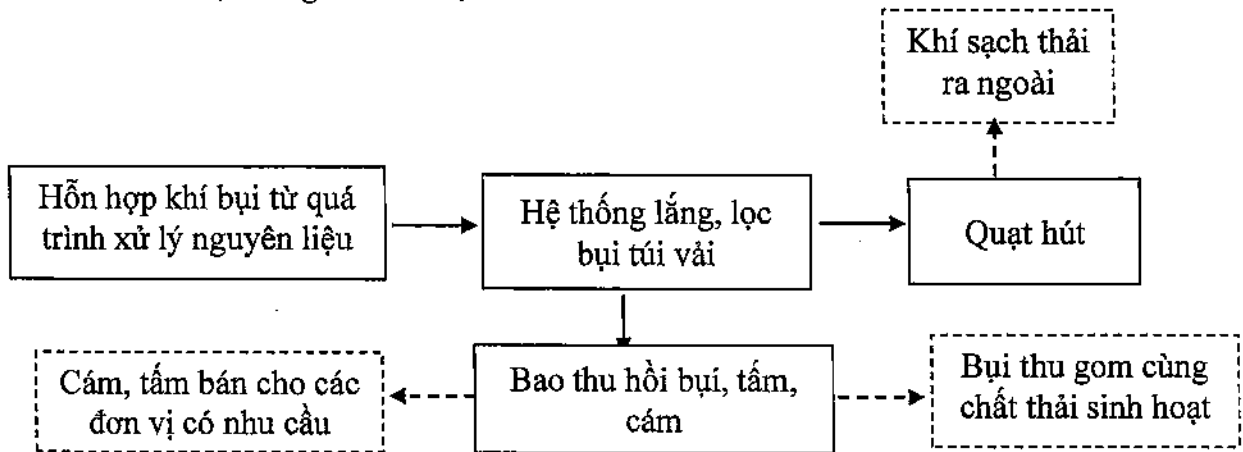
Trong quá trình hoạt động sản xuất bia, nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí từ quá trình nhập và xử lý nguyên liệu (malt, gạo) chủ yếu là bụi. Bụi phát sinh

ở các công đoạn như: Nhập nguyên liệu, làm sạch, xay nghiền, cân, trộn bột... Các nguồn cụ thể như sau:

- Nguồn số 01: Bụi khí thải từ công đoạn thu hồi bụi xử lý nguyên liệu malt.
- Nguồn số 02: Bụi khí thải từ công đoạn thu hồi bụi xử lý nguyên liệu gạo.

Nhà máy đã lắp đặt hoàn thiện 02 hệ thống xử lý bụi riêng biệt từ quá trình nhập nguyên liệu, xử lý nguyên liệu của malt và gạo phục vụ cho công suất 15 triệu lít/năm. 02 hệ thống đều có cùng công nghệ là thiết bị lọc bụi túi vải, có cùng thông số kỹ thuật. Quy trình xử lý bụi cụ thể như sau:

** Sơ đồ hệ thống thu hồi bụi:*



Hình 4. Sơ đồ hệ thống thu hồi bụi

** Quy trình xử lý:*

Các công đoạn phát sinh bụi từ quá trình nhập, vận chuyển malt, gạo từ phễu nhập liệu bằng vít tải, gàu tải, đưa đi sàng tạp chất, tách đá và xay nghiền malt, gạo là hệ thống kín (malt, gạo) đều được thu hồi bởi hệ thống ống kim loại không gỉ, quạt hút bụi về máy lọc bụi túi vải với công suất 4.800 m³/h để xử lý.

Bụi từ hệ thống được quạt hút có công suất 7,5 kW hút bụi từ các ống nhánh nhỏ có đường kính Ø200mm, vào ống nhánh lớn có đường kính Ø250mm, rồi đưa vào hai thiết bị lọc bụi túi vải với công suất 4.800 m³/h để xử lý bụi. Bụi sau khi lọc tới bao chứa với đường ống dài 15m, Ø120mm.

Nguyên lý hoạt động của hệ thống lọc bụi: Bụi trong quá trình nhập nguyên liệu (vít tải, gàu tải, phễu nhập malt, phễu nhập gạo) được quạt hút về thiết bị lọc túi vải qua các ống hút. Trong thiết bị lọc: phần bụi trong không khí được giữ lại trên bề mặt ngoài của túi lọc, khí sạch vào trong túi lọc và được hút ra ngoài qua miệng túi, sau mỗi khoảng 7-10 giây túi lọc được rũ bụi bằng xung khí nén để hoàn nguyên vải lọc. Khí nén dùng để rũ bụi được phân phối bởi ống gom khí nén được thổi vào trong từng túi, khí nén làm căng túi vải, làm cho bụi bật khỏi túi vải rơi xuống phễu gom bụi.

Bụi sau đó được thu vào các bao chứa bụi. Khí được thoát qua ống thoát khí Ø300mm dài 2m. Hiệu suất xử lý đạt 95-98% lượng bụi phát sinh, sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT.

Công ty sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo thiết bị và hệ thống thu hồi nguyên liệu hoạt động tốt không gây ô nhiễm ra môi trường, đảm bảo điều kiện môi trường lao động cho công nhân vận hành. Bên cạnh đó, Công ty sẽ trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp vận hành.

Bảng 10. Các thông tin kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi Malt, gạo

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
1	Quạt hút bụi	- Vận tốc quay: 2.900 vòng/phút - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất quạt: 7,5 kW	Máy	02	Việt Nam
2	Thiết bị lọc bụi túi vải	- Vật liệu: CT3, Thiết bị được sơn tĩnh điện màu trắng. - Diện tích lọc bụi: 36m ² - Cột áp hút: 200 mmH ₂ O - Lưu lượng khí qua hệ thống: 4.800 m ³ /h - Thiết bị giữ bụi: Giữ bụi bằng khí nén - Áp suất khí nén giữ bụi: 6bar - Kích thước thiết bị chứa túi vải: Đường kính x chiều cao: Ø1.340 x 4.823 mm. - Số lượng túi vải: 15 túi. - Thiết bị cảnh báo mức bụi cao và thấp để báo người vận hành xả bụi định kỳ cho lọc bụi	Máy	02	Việt Nam

2.2. Công trình thu gom, xử lý khí thải lò hơi

Theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 14/01/2008 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy bia Hà Nội – Quảng Trị” và Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 04/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy bia Hà Nội – Quảng Trị thay đổi công suất giai đoạn I: 15 triệu lít/năm, giai đoạn II: 25 triệu lít/năm”. Hiện nay, Công ty sản xuất với công suất 15 triệu lít/năm, nhưng đã đầu tư 02 hệ thống lò đốt cung cấp hơi và 02 hệ thống xử lý khí thải riêng biệt cho 02 hệ thống lò đốt, đảm bảo cung cấp hơi, xử lý khí đáp ứng với công suất hoạt động là 25 triệu lít/năm.

Công ty đang sử dụng nguyên liệu củi ép để thay thế cho than. Nguyên liệu củi ép là nguyên liệu sinh học, có nguồn cung cấp trong tỉnh sẽ thuận lợi hơn so với nguyên liệu là than. Mặt khác, củi ép là nhiên liệu sinh học, không chứa tạp chất lưu huỳnh nên thải ra lượng khói bụi ít, thành phần các chất trong khí thải cũng ít hơn, đặc biệt là lượng cacbonic là thấp hơn, đảm bảo tiêu chí về khí sạch, thân thiện môi trường, giảm thiểu tối đa tình trạng ô nhiễm môi trường. Lượng hơi đốt từ củi ép tương đối ổn định, giá thành rẻ hơn, tiết kiệm chi phí hơn.

Theo báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường năm 2024, Công ty sử dụng nguyên liệu đốt lò hơi là củi ép với công suất 4 tấn hơi/h/lò. Nhu cầu tiêu hao nhiên liệu trung bình của 01 lò hoạt động là:

Bảng 11. Nhu cầu tiêu hao nhiên liệu cho lò hơi

STT	Nguyên liệu	Đơn vị	Giờ (24h làm việc)	Ngày (220 ngày/năm)	Năm
1	Củi ép	kg	256	6.136	1.350.000

** Tài lượng ô nhiễm trong khí thải lò hơi:*

Hiện nay, hệ thống lò hơi đang hoạt động luân phiên, mỗi lần hoạt động Công ty chỉ sử dụng 01 lò đốt chạy bằng nhiên liệu là củi ép với khối lượng 256 kg củi/h cho 01 lò đốt. Quá trình đốt củi sẽ phát sinh ra khí thải chứa các chất ô nhiễm như: Bụi, CO, và một phần rất nhỏ các khí NO_x, SO₂, trong đó hàm lượng CO phụ thuộc chủ yếu vào chế độ cung cấp oxi cho sự cháy, lượng oxi càng nhiều thì hàm lượng CO càng ít và ngược lại.

Để đánh giá hàm lượng và tải lượng của các khí gây ô nhiễm, báo cáo sử dụng hệ số ô nhiễm theo tài liệu đánh giá nhanh của WHO, 1993 như sau:

Bảng 12. Hệ số ô nhiễm do đốt củi, dăm

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn nhiên liệu)
1	Bụi	4,4
2	SO ₂	0,015
3	NO _x	0,34
4	CO	13

Với khối lượng củi đốt trong 1h là 256 kg củi/h tương đương 0,256 tấn củi/h thì tải lượng chất ô nhiễm phát sinh trong 1h đốt củi là:

Bảng 13. Tải lượng ô nhiễm do đốt củi tại Công ty

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn nhiên liệu)	Tải lượng ô nhiễm khi đốt 0,256 tấn củi/h (kg/h)
1	Bụi	4,4	1,13
2	SO ₂	0,015	0,01
3	NO _x	0,34	0,09
4	CO	13	3,33

Lưu lượng khí thải lò hơi được tính theo công thức:

$$L = B \times [V_0^{20} + (\alpha - 1)V_0] \times \frac{273+t}{273}$$

Trong đó:

L : lưu lượng khí thải, (m^3/h) B : lượng nguyên liệu đốt trong một giờ, (kg/h)

V_0^{20} : lượng khối sinh ra khi đốt 1kg củi, có thể lấy $V_0^{20} = 4,3 m^3/kg$

α : hệ số thừa không khí, $\alpha = 1,25 \div 1,3$

V_0 : lượng không khí cần để đốt 1kg củi, $V_0 = 3,43 m^3/kg$

t : nhiệt độ khí thải tại ống khói ($t = 110^\circ C$).

$$L = 256 \times [4,3 + (1,3 - 1) \times 3,43] \times \frac{273+110}{273} = 1.914 m^3/h$$

Với Lưu lượng khí thải lò hơi là $1.914 m^3/h$ thì nồng độ chất ô nhiễm tại ống khói là:

Bảng 14. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải (khi chưa xử lý)

Chất ô nhiễm	Tải lượng ô nhiễm (kg/h)	Lưu lượng (m^3/h)	Nồng độ (mg/m^3)	Nồng độ (mg/Nm^3)	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$
Bụi	1,13	1.914	590	540	200
SO ₂	0,01		5,2	4,7	500
NO _x	0,09		47	43	850
CO	3,33		1.740	1.594	1.000

Ghi chú:

- Nồng độ (mg/m^3) = (Tải lượng(kg/h) $\times 10^6$) / Lưu lượng (mg/m^3)

- Nồng độ (mg/Nm^3) = Nồng độ (mg/m^3) $\times \frac{273}{t+273}$ (với $t = 25^\circ C$)

- Căn cứ theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, bụi và các chất vô cơ; C_{max} được tính theo công thức sau đây:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

C_{max} : nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ

C : nồng độ của bụi và các chất vô cơ.

K_p : hệ số lưu lượng nguồn thải. ($K_p = 1$ ứng với lưu lượng nguồn thải $< 20.000 m^3/h$)

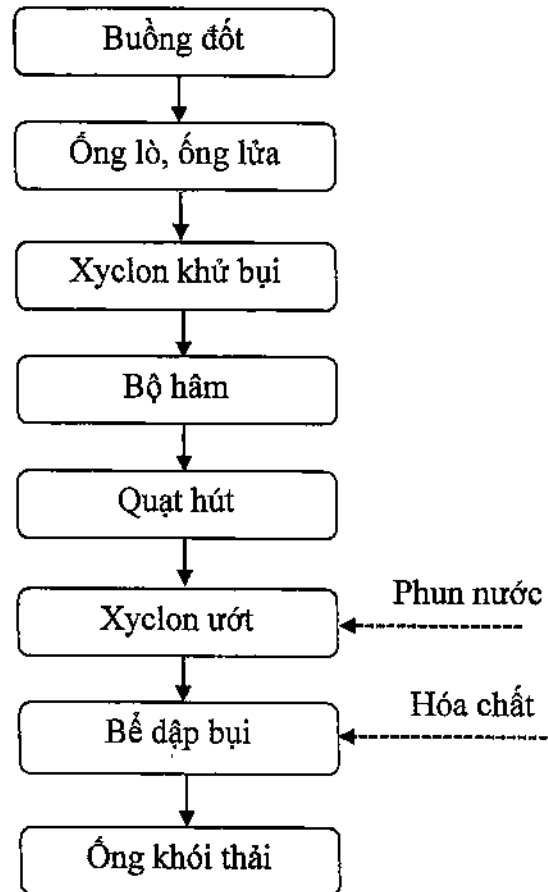
K_v : hệ số vùng. ($K_v = 1$ ứng với khu công nghiệp)

Đánh giá tác động: Qua bảng số liệu tính toán trên cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm do quá trình đốt củi ép như: Bụi và CO vượt giới hạn cho phép cột B của QCVN 19:2009/BTNMT, cụ thể thông số bụi vượt 2,7 lần, CO vượt gần 1,59 lần.

Bụi khói nếu không được xử lý sẽ ảnh hưởng đến cán bộ công nhân tại Công ty, cụm dân cư lân cận.

*** Biện pháp giảm thiểu:**

Để xử lý lượng khí thải phát sinh, đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường, Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý với sơ đồ công nghệ như sau:



Nguyên lý làm việc:

Nguyên liệu được cung cấp vào Buồng đốt bằng thủ công, tại đây không khí được cung cấp thêm bằng quạt gió lấy không khí từ môi trường, nhằm mục đích cấp đủ O_2 để quá trình cháy diễn ra hoàn toàn. Nhiên liệu cháy trong buồng đốt tạo ra nhiệt lượng để đun sôi nước, sinh ra hơi nước có áp suất cao phục vụ cho sản xuất. Sản phẩm cháy sinh ra bao gồm khói, tro bay, bụi, khí CO , CO_2 , NO_x , SO_2 ... và hơi nước. Sản phẩm cháy đi ra khỏi hệ thống lò hơi bằng quạt hút, lúc này sẽ đi qua bộ khử bụi khô dạng chum (Xyclon) để lọc phần lớn các hạt bụi.

Nguyên lý hoạt động của Xyclon: Dòng khí chứa bụi được dẫn vào xyclon theo phương tiếp tuyến → dòng khí xoáy tạo lực ly tâm → bụi có trọng lượng lớn bị văng ra và rơi xuống đáy xyclon, khí sạch hơn đi lên trên qua Bộ hâm.

Khi qua bộ hâm, khói bụi trao đổi nhiệt với nước cấp vào lò để gia nhiệt cho nước và hạ nhiệt cho khói bụi. Lúc này, khói, bụi và khí thải tiếp tục được đẩy vào bộ khử bụi Xyclon ướt. Trong Xyclon ướt, nước được bơm tuần hoàn từ bể dập bụi lên các béc phun tạo ra dòng phun mưa tăng khả năng tiếp xúc với khói bụi, dòng

khí tiếp xúc trực tiếp với nước phun sương, bụi nhỏ và một phần khí độc tan trong nước tạo thành dung dịch và lắng xuống đáy bể. Nước trong bể dập bụi thường xuyên được bổ sung và thay nước mới, kiểm tra pH, pha thêm nước vôi, hóa chất để tăng khả năng xử lý các chất khí thải NO_x, SO₂. Bể dập bụi ướt dùng chứa nước tuần hoàn và lọc lượng bụi còn lại trong dòng khí trước khi lên ống khói thoát ra môi trường.

** Danh mục máy móc, thiết bị:*

Bảng 15. Các thông tin kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi lò hơi

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
1	Lò hơi	- Loại LT4/10T - Năng suất: 4 tấn hơi/giờ - Cụm buồng đốt KT DxRxH = 3.300x2.640x3.729mm - Cụm ống lò, ống lửa KT DxRxH = 4.289x2.078x2.077mm	Lò	02	Việt Nam
2	Quạt cấp gió tươi lò hơi	- Lưu lượng: 6.500 m ³ /h - Vận tốc quay: 1.450 vòng/phút - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất quạt: 3 kW	Cái	02	Việt Nam
3	Hệ thống cấp nước lò hơi	- Thể tích bồn chứa nước: 10m ³ - Kích thước bồn chứa: Đường kính x chiều cao: Ø1.600 x 4.500 mm. - Bơm cấp nước vào lò: 04 bơm, hãng Grundfos – Đan mạch - Bơm hóa chất: 01 bơm, Mỹ	Hệ	01	Việt Nam
4	Quạt gió cấp 2	- Lưu lượng: 3.200 m ³ /h - Vận tốc quay: 1.400 vòng/phút - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất quạt: 1,5 kW	Cái	02	Việt Nam
5	Quạt hút khói	- Lưu lượng: 20.000 m ³ /h - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất quạt: 15 kW	Cái	02	Việt Nam

6	Bộ khử bụi Xyclon chùm	- Vật liệu: Thép CT3 - Kích thước DxRxH = 900x900x3.600mm	Cái	02	Việt Nam
7	Bộ hâm nước	- Vật liệu: Thép CT3 - Kích thước DxRxH = 1.400x1.400x2.480mm	Cái	02	Việt Nam
8	Bộ khử bụi Xyclon ướt	- Vật liệu: Thép CT3 - Kích thước Đường kính x chiều cao: Ø1.000 x 2.400 mm.	Cái	02	Việt Nam
9	Bể dập bụi	- Vật liệu: BTCT - Kích thước DxRxH = 3.800x2.500x2.000mm	Bể	02	Việt Nam
10	Ống khói	- Vật liệu: Thép CT3 - Đường kính: Ø610 mm - Chiều cao: 12m	Cái	02	Việt Nam

2.3. Biện pháp xử lý khí và mùi tại cơ sở

*** Giảm thiểu mùi hôi**

Mùi hôi phát sinh từ các khu vực chứa bã men, bã hèm, bùn thải, bã hoa... Nếu không được thu gom và xử lý thì sẽ rất ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của công nhân làm việc. Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu mùi hôi đó là:

- Bã men thải được chứa trong tank inox có thể tích tổng 14m³. Bã hèm được chứa trong silo có thể tích tổng 25m³. Các loại bã thải này thường xuyên được thu gom và bán cho các đơn vị sản xuất thức ăn gia súc.

- Bã hoa, bột trợ lọc, bùn thải sẽ được lưu chứa ở khu vực xử lý nước thải. Hiện nay Công ty đã xây dựng 03 ô chứa BTCT, có kích thước mỗi ô là DxR = 2x10 m và hợp đồng với đơn vị có chức năng trên địa bàn để thu gom, vận chuyển và xử lý. Tránh để quá lâu ở trong các ô chứa bã.

- Nước thải phát sinh ở khu vực ô chứa bã thải sẽ được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Công ty, bằng đường ống HDPE có đường kính D200, chiều dài 35m.

- Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, hệ thống máy khuấy trộn chìm ở các bể như bể cân bằng, bể xử lý kỵ khí, bể anoxic và hệ thống sục khí ở bể aerotank, thường xuyên hoạt động để tránh bùn lắng xuống đáy làm phân hủy yếm khí gây mùi hôi.

*** Giảm thiểu khí thải gây mùi hôi từ hệ thống XLNT**

Trong quá trình xử lý nước thải tại bể kỵ khí, sẽ sinh ra các chất khí gây mùi như CH₄, H₂S... Khí CH₄, H₂S sinh ra tại bể kỵ khí do hoạt động của các vi sinh vật yếm khí, phân hủy các chất ô nhiễm trong nước thải thành chất khí đơn giản. Các chất khí sẽ gây ra các mùi khó chịu tại khu vực hệ thống xử lý nước thải, gây ảnh

hưởng đến sức khỏe của công nhân tại khu vực này cũng như làm giảm chất lượng môi trường không khí xung quanh Công ty, cũng như trong khu vực. Để đảm bảo điều kiện môi trường cho vi sinh vật yếm khí hoạt động, bể kỵ khí cũng được thiết kế có nắp đan đầy kín để ngăn không cho không khí từ môi trường vào bể.

Để xử lý các khí phát sinh này, Công ty đã thiết kế và lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải phát sinh bằng hệ thống đầu đốt khí đi kèm với công trình bể kỵ khí, đầu đốt để đốt bỏ khí phát sinh, tạo ra khí đơn giản là H_2O , CO_2 , SO_2 . Trên nắp bể sẽ bố trí đường ống thu gom khí phát sinh từ quá trình phân hủy yếm khí. Thông số kỹ thuật của bộ đốt khí: Công suất tối đa: $10 m^3/giờ$, đuốc đốt khí: chiều cao: 1,5m.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1 Chất thải rắn sinh hoạt

Công ty đi vào hoạt động với số lượng CBCNV là 92 người. Lượng CTR phát sinh chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy vụn, chai, lon, vỏ hoa quả... Lượng rác thải sinh hoạt tính trung bình khoảng 0,5 kg/người/ngày thì tổng lượng rác thải phát sinh tính được khoảng 46 kg/ngày.

Biện pháp giảm thiểu như sau:

- Công tác phân loại thu gom: Công ty đã phổ biến phương thức phân loại rác thải sinh hoạt cho tất cả các cán bộ công nhân viên theo điều 75 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 như sau:

+ Các chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng: Giấy các loại, nhựa các loại, kim loại các loại như: chai, hộp nhựa, lon nước giải khát, hộp, bao bì giấy, báo, túi ni lông sạch... thu gom vào túi, tập trung tại kho chứa chất thải để có thể tái sử dụng hoặc bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

+ Nhóm chất thải hữu cơ dễ phân hủy: Thức ăn thừa và các loại thực phẩm hết hạn sử dụng; các loại rau, củ, quả hư hỏng; cỏ, lá cây, hoa các loại... thu gom thùng riêng bán cho cơ sở chăn nuôi trong khu vực hoặc cho người dân sử dụng làm thức ăn chăn nuôi.

+ Nhóm chất thải còn lại không tái sử dụng và bán phế liệu được thì thu gom thùng riêng để thuê đơn vị thu gom, xử lý 01 tuần/lần.

- Công ty sử dụng các thùng chứa có nắp đậy để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh. Các thùng rác bố trí ở các khu văn phòng, khu vực nhà ăn và dọc theo đường nội bộ trong khuôn viên Công ty.

- Quy định đối với toàn thể CBCNV Công ty để rác vào thùng, không được phép vứt rác bừa bãi.

- CTR sinh hoạt phát sinh sẽ được phân loại tại nguồn, Công ty đã bố trí 10 thùng rác 120 lít và 06 thùng rác 03 ngăn 120 lít, tại khu vực sân bãi và khu vực sản xuất, định kỳ 2 ngày/lần sẽ có nhân viên lao công sử dụng thùng rác di động 1.000 lít, đến thu gom rác ở từng vị trí để đưa về kho chứa CTR sinh hoạt, có diện tích $7m^2$, nền bê tông cốt thép, mái lợp tôn, tường bao quanh bằng tôn, ở vị trí khu vực xử lý nước thải.

- Định kỳ hợp đồng với Trung tâm môi trường và đô thị huyện Gio Linh vận chuyển đi xử lý với tần suất 01 tuần/lần (có HĐ đính kèm tại phụ lục báo cáo) theo đúng quy định.

- Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ, giấy vụn, bìa carton,... sẽ được thu gom, tập kết tại khu vực kho chiết, có mái che và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

3.2. Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất

Trong hoạt động sản xuất bia, chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ: Bã men thải, bã hèm thải, bìa carton, bao gai chứa nguyên liệu và nắp, vỏ lon, thùng nhựa, tro trấu, xỉ than, bùn thải...như sau:

Bảng 16. Chất thải rắn sản xuất phát sinh của Công ty

TT	Tên chất thải	Trạng thái
1	Bã hèm thải: Phát sinh sau quá trình nấu hăng ngày	Rắn
2	Bã men thải: Phát sinh từ quá trình lên men bia	Rắn
3	Chất rắn vô cơ: Bìa carton, bao gai chứa nguyên liệu, nắp, vỏ lon, nắp lon, các can, thùng nhựa,..	Rắn
4	Tro trấu, xỉ than từ quá trình đốt lò; Bùn thải từ hệ thống XLNT; Bột trợ lọc từ quá trình lọc bia; Bã hoa	Rắn
5	Bụi thu hồi từ hệ thống lọc bụi khu vực xử lý nguyên liệu malt, gạo	Rắn

Biện pháp giảm thiểu như sau:

- Bã men thải được lưu chứa trong tank inox có thể tích 14m³. Bã hèm được chứa trong silo có thể tích 25m³. Công ty đã hợp đồng với Công ty Trường Ngân Phát thu gom nhằm sản xuất thức ăn gia súc.

- Chất thải rắn vô cơ sẽ được tập kết tại bãi ở khu vực kho chiết, có diện tích 100m². Đối với CTR như Bìa carton, bao gai chứa nguyên liệu, nắp, vỏ lon, nắp lon sẽ được bán cho đơn vị thu mua phế liệu. Đối với can, thùng nhựa sẽ được chuyển lại cho đơn vị nhà cung cấp

- Tro trấu, xỉ than phát sinh từ quá trình đốt lò sẽ được lưu chứa ở bãi có diện tích 62,5m²

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống XLNT, Bột trợ lọc phát sinh từ quá trình lọc bia và Bã hoa sẽ được lưu tại 03 ô chứa BTCT khu vực xử lý nước thải, có kích thước mỗi ô là DxR = 2x10 m, sẽ được Công ty Cổ phần MT&CTĐT Đông Hà đến vận chuyển và xử lý.

- Bụi thu hồi từ hệ thống lọc bụi khu vực xử lý nguyên liệu malt, gạo: Tận dụng các bao bì chứa malt gạo thải để thu gom, tập trung tại khu vực xử lý nguyên liệu, định kỳ hộ dân thu mua vào vận chuyển đi làm thức ăn chăn nuôi.

- Các palet gỗ hỏng được tận dụng đốt tại lò hơi.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Trong quá trình hoạt động sản xuất, CTNH phát sinh từ các nguồn như: vệ sinh, bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị, in ấn trong quá trình sản xuất, hoạt động văn phòng với thành phần như: giẻ lau, dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, mực in, hộp mực, các thiết bị điện thải bỏ....

Bảng 17. CTNH phát sinh của Công ty

TT	Tên CTNH	Trạng thái	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại (dầu, nhớt)	Rắn	18 02 01
3	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/lỏng	16 01 08
4	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	08 02 01
5	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03

Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại như sau:

- CTNH dạng rắn được thu gom, lưu giữ vào 05 thùng rác loại 240 lít và CTNH dạng lỏng được chứa vào 01 thùng phuy 200 lít, tất cả đều có nắp đậy và được dán nhãn để nhân viên thu gom biết phân loại chất thải.

- CTNH sau khi được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy được lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 8 m², nền bê tông cốt thép, mái lợp tôn, tường bao quanh bằng tôn, ở vị trí khu vực xử lý nước thải.

- Hiện nay, Công ty đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ – Điện – Môi trường LILAMA thu gom và vận chuyển đi với tần suất thu gom 1 năm/lần (Hợp đồng thu gom được đính kèm tại phụ lục báo cáo).

- Tăng cường nhắc nhở cán bộ của nhà máy thường xuyên vệ sinh, thu gom chất thải trong quá trình hoạt động, bảo dưỡng thiết bị, lưu tại khu vực kho chứa theo đúng quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung tại Công ty chủ yếu từ quá trình hoạt động của các thiết bị máy móc như:

- Máy nghiền, máy xay tại nhà xay nghiền nguyên liệu;
- Máy nén tại khu vực nhà động lực;
- Máy chiết bia lon tại khu vực chiết bia thành phẩm;
- Quạt hút của hệ thống xử lý bụi, khí thải;
- Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn và độ rung trong quá trình hoạt động của các máy móc, Công ty áp dụng các biện pháp như sau:

- Lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, không sử dụng các máy móc quá cũ, lạc hậu.
- Trong quá trình sử dụng thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất.
- Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc lò xo giảm chấn động cho một số máy móc nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên.
- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị khi quá tải.
- Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao.
- Ngoài ra, Công ty còn trồng cây xanh trong khuôn viên đất để cải thiện môi trường sản xuất. Hạn chế tiếng ồn lan truyền trong phạm vi khu vực sản xuất và ra khu vực xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

Để hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung hoạt động ổn định và hạn chế sự cố xảy ra, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Định kỳ tiến hành thuê đơn vị có chức năng quan trắc, giám sát chất lượng nước thải, đảm bảo nước thải sau hệ thống xử lý luôn đạt Quy chuẩn đầu ra.
- Công ty đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường đối với hệ thống XLNT nhằm kịp thời đề phòng, kiểm soát sự cố nếu xảy ra, tránh gây ô nhiễm và ảnh hưởng đến môi trường nguồn tiếp nhận nước thải.
- Định kỳ tiến hành duy tu, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, để kịp thời phát hiện các lỗi kỹ thuật có thể mắc phải trong suốt quá trình vận hành hệ thống XLNT.
- Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định Nhà nước để không xảy ra các sự cố đáng tiếc.
- Hệ thống bể được xây dựng bằng BTCT, giảm thiểu đến mức thấp nhất việc hư hỏng, rò rỉ nước thải. Thiết bị vận hành hệ thống đều hoạt động với cơ chế 01 vận hành, 01 dự phòng.
- Thường xuyên bố trí cán bộ kiểm tra và vệ sinh tuyến thoát nước, thu gom rác thải tránh hiện tượng tắc nghẽn hệ thống và hạn chế tối đa sự cố như rò rỉ nước thải cũng như nứt vỡ đường ống thoát nước xảy ra.
- Bố trí 01 cán bộ có trình độ chuyên môn để vận hành, bảo dưỡng hệ thống. Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải của Công ty gặp sự cố, cán bộ vận hành sẽ nhanh chóng kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện vị trí hư hỏng và sửa chữa. Đồng thời, thông báo đến Ban lãnh đạo đơn vị được biết và kịp thời ngừng hoạt động sản xuất để khắc phục, sửa chữa hư hỏng hệ thống xử lý. Chỉ hoạt động sản xuất trở lại khi hệ thống xử lý nước thải của Công ty hoạt động và xử lý đảm bảo.

- Trong thiết kế, thi công hệ thống xử lý nước thải của Công ty, có thi công 02 hồ sinh học nhằm mục đích tăng hiệu quả xử lý nước thải và đề phòng sự cố môi trường, bên cạnh đó còn tạo cảnh quan cho Công ty, chứa nước dự phòng PCCC khi cần thiết. Tuy nhiên, hiện nay nước thải sau xử lý sẽ được đầu nối thoát nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Quán Ngang. Vì vậy, Công ty đã tận dụng 02 hồ sinh học đó làm hồ sự cố, nhằm mục đích lưu chứa nước thải khi hệ thống gặp sự cố không xử lý được. Cả 02 hồ đều được lót bạt HDPE, hồ 01 có kích thước: $D \times R \times H = 49.000 \times 30.000 \times 2.000$ mm, hồ 02 có kích thước: $D \times R \times H = 40.000 \times 30.000 \times 2.000$ mm, tổng thể tích 02 hồ khoảng $4.200 m^3$, trong trường hợp có sự cố thì nước thải có thể lưu giữ được 08 ngày, đảm bảo ứng phó khi sự cố xảy ra. Nước thải được dẫn từ hệ thống sang hồ sự cố bằng đường ống HDPE Ø160, theo hình thức tự chảy do chênh cao độ. Hồ sinh học được xây dựng cách khu vực hệ thống xử lý nước thải khoảng 40m về phía Đông Nam.

Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, người vận hành sẽ tiến hành kiểm tra và khắc phục sự cố. Nếu sự cố được khắc phục ngay tức thời thì tiếp tục cho hệ thống vận hành bình thường trở lại.

Trong trường hợp không khắc phục được thì người vận hành thông báo đến Trưởng bộ phận và Trưởng bộ phận sẽ thông báo đến Giám đốc và các bộ phận liên quan. Các hành động được thực hiện như sau:

+ Hệ thống sẽ được tuần hoàn.

+ Khi nguyên nhân dẫn đến sự cố được xác định, Trưởng bộ phận và các bộ phận liên quan sẽ quyết định và tiến hành việc xử lý sự cố.

+ Toàn bộ nước thải chưa xử lý được chứa trong bể gom, bể điều hòa và bể cân bằng với tổng dung tích chứa nước là $350 m^3$. Trong trường hợp các bể này đã đầy mà chưa xử lý xong được sự cố thì sẽ thông báo đến Giám đốc Công ty cho dừng hoạt động sản xuất của toàn bộ Công ty để xử lý sự cố.

+ Sau khi sự cố đã được xử lý xong thì cho hệ thống XLNT vận hành trở lại. Đồng thời, Trưởng bộ phận và các bộ phận liên quan sẽ cùng họp lại để xác định nguyên nhân gốc rễ, đưa ra biện pháp, phương án phòng ngừa để tránh việc sự cố bị lặp lại trong thời gian tới.

+ Tại mọi thời điểm, Công ty đều tuân thủ theo quy định về xả thải, chỉ tiến hành xả thải khi hệ thống XLNT trở lại hoạt động bình thường và xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$).

+ Lập hồ sơ ghi chép về sự cố.

Với các biện pháp trên, Công ty đảm bảo trong trường hợp hệ thống xử lý gặp sự cố thì sẽ nhanh chóng được khắc phục để đưa vào hoạt động lại bình thường đồng thời xử lý hết được lượng nước thải từ hoạt động của Nhà máy theo đúng quy định trước khi thoát ra môi trường.

6.2. Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý khí thải

* Hệ thống xử lý bụi từ quá trình xử lý nguyên liệu malt, gạo:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, tình trạng

hoạt động của hệ thống để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Bố trí cán bộ có chuyên môn, kỹ thuật vận hành và theo dõi hệ thống
- Trong quá trình vận hành, người vận hành thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nguyên liệu và hệ thống thu hồi bụi đảm bảo hệ thống vận hành ổn định.
- Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, người vận hành sẽ kiểm tra và khắc phục sự cố. Nếu sự cố được khắc phục ngay lập tức thì tiếp tục cho hệ thống vận hành, trong trường hợp không khắc phục được thì người vận hành có quyền tạm dừng hệ thống xử lý nguyên liệu và thông báo đến Trưởng bộ phận; Trưởng bộ phận sẽ thông báo đến Giám đốc và xin ý kiến chỉ đạo. Hệ thống chỉ hoạt động trở lại khi sự cố đã được khắc phục vận hành ổn định.

Với biện pháp trên, Công ty đảm bảo trong trường hợp hệ thống xử lý gặp sự cố thì sẽ nhanh chóng được khắc phục để đưa vào hoạt động lại bình thường, đảm bảo toàn bộ bụi phát sinh đều được thu gom.

*** Hệ thống xử lý khí thải lò hơi:**

Công ty đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa sự cố lò hơi như sau:

- Định kỳ tiến hành thuê đơn vị có chức năng quan trắc, giám sát chất lượng khí thải, đảm bảo khí thải sau hệ thống xử lý luôn đạt Quy chuẩn đầu ra.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng và vệ sinh bên trong lò hơi, lò sấy và vệ sinh dưới bụng lò, vệ sinh đường thoát khói trong trường hợp bị tắc đường dẫn khói phải ngừng lò và làm vệ sinh.
- Theo dõi và điều chỉnh tỷ lệ nhiên liệu đốt cho phù hợp.
- Trong quá trình hoạt động của lò hơi, Công ty định kỳ 1 tháng kiểm tra 1 lần toàn bộ lò. Đặc biệt chú ý các loại van, áp kế và ống khói xem có hiện tượng rò rỉ, tích tụ tro ở cuối lò, hư hỏng các lớp vữa chịu nhiệt, nếu có hiện tượng hư hỏng cần khắc phục hoặc thay thế kịp thời trước khi đưa vào vận hành.
- Công nhân vận hành lò hơi được đào tạo và có chứng chỉ đảm bảo đủ tiêu chuẩn vận hành lò hơi do các trường lớp có đủ tư cách pháp nhân cấp theo qui định của cấp có thẩm quyền. Tuyệt đối không bố trí lao động nữ vận hành lò hơi.
- Lập quy trình vận hành và quy định an toàn đối với lò hơi, trong đó sẽ ghi rõ:
 - + Kiểm tra chế độ an toàn thiết bị trước khi vận hành.
 - + Bàn giao sổ rõ ràng từng ca một, ghi rõ diễn biến trong quá trình vận hành, nếu có sự cố phải ghi cụ thể tình trạng và biện pháp đã xử lý, trước khi bàn giao ghi ý kiến đề xuất (nếu có).
 - + Trong quá trình đốt phải luôn luôn kiểm tra các đồng hồ đo nhiệt độ, đảm bảo cung cấp đủ nhiệt.
 - + Nếu có sự cố mà không tự xử lý được, thì người trực phải báo cáo cho Trưởng bộ phận và Trưởng bộ phận sẽ thông báo đến Giám đốc để kịp thời giải quyết.
 - + Trong khu vực lò hơi, lò sấy tuyệt đối không được hút thuốc, uống bia rượu hoặc

dùng các chất kích thích khác, không làm việc riêng, sử dụng hoặc làm việc với những dụng cụ gây ra cháy nổ, không được phép cho người lạ vào lò và tiếp khách trong khu vực lò.

- Khi xảy ra sự cố lò cần thực hiện các bước: Ngừng cung cấp nhiên liệu và không khí vào lò; Nhanh chóng đưa củi ép đang cháy ra khỏi buồng đốt; Sau khi chấm dứt sự cháy thì đóng hết các cửa van và lá chắn khói lại, để lò nguội từ từ dưới sự giám sát của người vận hành và đặc biệt tuyệt đối nghiêm cấm việc dùng nước để dập lửa trong lò sấy.

6.3. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

6.3.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ

- Công ty đã có các giấy chứng nhận, văn bản về phòng cháy chữa cháy như sau:

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy của phòng Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy và Cứu nạn Cứu hộ Công an tỉnh Quảng Trị số 68/TD-PCCC ngày 09/04/2011.

+ Văn bản số 63/NT-PCCC ngày 05/02/2015 của phòng Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy và Cứu nạn Cứu hộ Công an tỉnh Quảng Trị về việc nghiệm thu phòng cháy chữa cháy công trình Nhà máy bia Hà Nội Quảng Trị

+ Văn bản số 375/TD-PCCC ngày 24/10/2023 của phòng Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy và Cứu nạn Cứu hộ Công an tỉnh Quảng Trị về việc thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh về PCCC công trình Nhà máy bia Hà Nội Quảng Trị (hạng mục Mở rộng nhà xưởng sản xuất)

+ Văn bản số 100/NT-PCCC ngày 26/04/2024 của phòng Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy và Cứu nạn Cứu hộ Công an tỉnh Quảng Trị về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu phòng cháy chữa cháy công trình Nhà máy bia Hà Nội Quảng Trị (hạng mục Mở rộng nhà xưởng sản xuất)

- Công ty đã áp dụng, lắp đặt hệ thống PCCC trong toàn nhà máy, như sau:

+ Khoảng cách an toàn PCCC, lối thoát nạn;

+ Hệ thống báo cháy tự động;

+ Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà;

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;

+ Trang bị, bố trí bình chữa cháy xách tay tại tất cả các khu vực của Công ty, bao gồm 57 bình chữa cháy xách tay MFZL4 (dạng bột) và 37 bình chữa cháy xách tay MT3 (dạng CO₂).

- Các biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ đang áp dụng tại Công ty:

+ Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC.

+ Bố trí các thiết bị chữa cháy tại những nơi dễ thấy, dễ cháy gồm: Nút ấn báo cháy, chuông báo cháy, đèn báo cháy với số lượng 21 cái ở khu vực xưởng sản xuất,

văn phòng; 03 máy bơm nước tại bể chứa nước trung tâm; 57 bình chữa cháy xách tay MFZL4 (dạng bột) và 37 bình chữa cháy xách tay MT3 (dạng CO₂); hệ thống vòi phun nước.... để chữa cháy khi xảy ra sự cố cháy nổ.

+ Xây dựng bể chứa nước trung tâm phục vụ chữa cháy với thể tích 189 m³, tại trung tâm khu vực sản xuất

+ Lắp đặt các tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy xung quanh nhà xưởng, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thực hiện phòng chữa cháy cho mọi người.

+ Thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới dẫn điện.

+ Các thiết bị sử dụng hơi, khí nén phải có hệ thống bảo vệ quá áp, quá nhiệt.

+ Việc thiết kế, lắp đặt, đấu nối vào lưới điện quốc gia tuân thủ theo các quy định về an toàn điện. Các thiết bị điện phải có thiết bị bảo vệ quá tải, dây cáp điện phải có tiết diện đảm bảo thích hợp với cường độ dòng điện. Ở nơi nhiệt độ cao, dây điện phải được đi ngầm hoặc bảo vệ kỹ. Việc lắp đặt phải đảm bảo an toàn theo TCVN 4756-1989 về quy phạm nối đất, nối không các thiết bị điện.

+ Các loại nguyên, nhiên liệu dễ cháy cần được chứa và bảo quản nơi thoáng với hàng rào cách ly có tường bao để ngăn chặn khả năng lan truyền khi có sự cố.

+ Đưa ra các nội quy CBCNV không được hút thuốc trong khuôn viên cơ sở;

+ Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn và thực hành về công tác phòng cháy chữa cháy cho CBCNV.

+ Lắp đặt hệ thống chống sét, thu sét cho toàn bộ Công ty, tuân theo các yêu cầu kỹ thuật nhằm hạn chế ở mức thấp nhất thiệt hại do sét gây ra, đảm bảo sự an toàn của công trình về lâu dài;

Hiện nay, các biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ tại cơ sở đang áp dụng có hiệu quả, do đó Công ty sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp này.

6.3.2. Phòng ngừa tai nạn lao động, an toàn giao thông

Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty đã thực hiện tốt các công tác đảm bảo an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe như sau:

- Công ty đã thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu các chất ô nhiễm, tiếng ồn, khí thải phát sinh góp phần làm giảm thiểu tác động đến sức khỏe của CBCNV và người dân xung quanh.

- Thực hiện các quy định phòng chống cháy nổ theo quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân phù hợp với từng vị trí, điều kiện làm việc theo quy định.

- Trang bị đầy đủ thuốc và dụng cụ y tế cần thiết, tổ chức tập huấn sơ cứu tại chỗ để có thể sơ cứu kịp thời cho các trường hợp xảy ra tai nạn lao động.

- Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn về an toàn lao động cho công nhân.

- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân phải sử dụng các phương tiện

bảo hộ lao động khi làm việc.

- Đối với công nhân kỹ thuật thường xuyên được đào tạo nâng cao chuyên môn nhằm vận hành tốt và an toàn các thiết bị máy móc.

- Xây dựng nhà xưởng rộng rãi, cao ráo tạo nên không khí thoáng mát tại xưởng làm việc.

- Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân ít nhất 1 lần/năm theo Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động.

- Các phương tiện cá nhân của CBCNV, xe chuyên chở nguyên vật liệu sản phẩm ra vào phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, tuyệt đối chấp hành Luật giao thông đường bộ hiện hành.

6.3.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất

Công ty đã xây dựng kế hoạch và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong đó xác định rõ khoảng cách, phạm vi, đối tượng chịu ảnh hưởng trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ hóa chất và phương án phối hợp ứng phó, khắc phục.

Cập nhật đầy đủ thông tin về phiếu an toàn hóa chất, thực hiện phổ biến thông tin hóa chất cho người có liên quan; phân loại và ghi nhãn hóa chất, tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất cho người quản lý, người lao động.

a. Biện pháp ứng phó khi rò rỉ hóa chất đối với bồn chứa xút.

Khi xảy ra sự cố tại bồn chứa NaOH, Công ty cần phải tiến hành các biện pháp sau:

- Tiến hành khoá ngay các van và đình chỉ các khâu sản xuất có sử dụng NaOH.
- Dùng các chất có tính axit để trung hoà.
- Ngăn không cho NaOH lan ra diện rộng.
- Phải trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân khắc phục sự cố.
- Sửa chữa và thay thế các thiết bị hỏng.

b. Biện pháp ứng phó khi rò rỉ hóa chất đối với bồn chứa axit:

Các Axit có tính oxy hoá cao, độ ăn mòn kim loại lớn, độc đối với người và động vật. Khi xảy ra sự cố Công ty phải thực hiện:

- Di chuyển công nhân ra khỏi phạm vi khu vực xảy ra sự cố.
- Khoá các van trên đường ống, đình chỉ hoạt động của các khâu sản xuất có sử dụng axit.
- Dùng vôi bột để trung hoà lượng axit đã rò rỉ ra ngoài.
- Ngăn chặn sự bay hơi lan truyền của axit vào môi trường không khí.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động như găng tay cao su, kính, quần áo chống xâm nhập của axit vào da...

- Sửa chữa các nơi rò rỉ, trong trường hợp cần thiết thì thay thế bồn chứa mới có độ an toàn cao hơn và kiểm tra kỹ trước khi cho hoạt động trở lại.

c. Biện pháp ứng phó khi rò rỉ hóa chất đối với bồn chứa NaClO:

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Dùng các loại vật liệu có khả năng thấm tốt để thấm, thu gom tập kết tại kho CTNH, rồi dùng nước xối rửa sạch nơi tràn chảy hóa chất.

- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Dùng cát, đất tạo bờ chắn xung quanh, không để hóa chất chảy lan rộng, dùng dụng cụ múc thu gom chứa vào thiết bị chứa khác, chở về nơi sản xuất xử lý, sau đó phun nước làm sạch nơi bị tràn chảy.

6.3.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố vệ sinh an toàn thực phẩm

Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất bia, Công ty hoạt động đảm bảo thực hiện đúng theo Thông tư 53/2014/TT-BCT quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh bia.

Ngoài ra trang thiết bị, dụng cụ, bao bì chứa đựng bia thực hiện quy định tại Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ Y tế ban hành các quy chuẩn Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Thiết bị, dụng cụ chứa đựng nguyên liệu, thành phẩm phải được chế tạo từ vật liệu không làm thôi nhiễm vào sản phẩm. Thiết bị, dụng cụ sử dụng trong sản xuất phải được định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa hoặc thay mới khi bị hư hỏng hoặc có dấu hiệu hư hỏng. Dầu mỡ để bôi trơn các bộ phận của trang thiết bị, máy móc tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm phải thuộc loại được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm...

6.3.5. Trồng cây xanh, thảm cỏ

Công ty đã bố trí trồng cây xanh trong khuôn viên để thanh lọc không khí, điều hòa không khí và tạo cảnh quan. Các loại cây trồng phù hợp với môi trường làm việc của Công ty như cây si, xanh, sấu, sài đất, hoa và thảm cỏ...

Hệ thống đèn chiếu sáng bằng đèn cao áp bên ngoài đường giao thông nội bộ, đèn chiếu sáng tại các khu vực nhà xưởng sản xuất nhà kho và các khu nhà khác, đảm bảo điều kiện ánh sáng cho quá trình làm việc.

Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức thường xuyên quét dọn nhà xưởng và đường đi nội bộ để giảm thiểu tác động của bụi trong hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị đã có Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 14/01/2008 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy bia Hà Nội – Quảng Trị” và Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 04/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy bia Hà Nội – Quảng Trị thay đổi công suất giai đoạn I: 15 triệu lít/năm, giai đoạn II: 25 triệu lít/năm”

Đến nay, Công suất của Công ty không thay đổi, giữ nguyên 15 triệu lít/năm, tuy nhiên trong quá trình hoạt động để cho quá trình sản xuất và xử lý chất thải đảm bảo theo quy định, Công ty có xây dựng bổ sung một số hạng mục công trình, cụ thể như sau:

Bảng 18. Các nội dung thay đổi so với ĐTM

TT	Nội dung	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Lý do thay đổi
1	Vật liệu sử dụng cho lò sấy	Sử dụng vật liệu đốt là Than, với công suất 15 triệu lít/năm là 0,37 tấn/giờ	Sử dụng vật liệu đốt là Củi ép, với công suất 15 triệu lít/năm là 0,256 tấn/giờ	Nhiên liệu đốt lò là củi ép nên thành phần ô nhiễm ít ô nhiễm hơn so với phương án đốt than; Chủ yếu là tro bụi, CO, hàm lượng lưu huỳnh thấp
2	Xử lý khí thải từ lò sấy	Nhiên liệu đốt lò: Than Quy trình xử lý: Bụi, khí thải lò hơi → tháp rửa SO ₂ bằng dung dịch sữa vôi → khí sạch	Nhiên liệu đốt lò: Củi ép Quy trình xử lý: Bụi, khí thải lò hơi → Cyclon khô → Bộ hâm → Quạt hút → Cyclon ướt → Bể đập bụi ướt → Ống khói	Sau khi đi vào hoạt động, Công ty có thay đổi nhiên liệu đốt nên thay đổi công nghệ xử lý so với ĐTM đã được phê duyệt và ĐTM bổ sung. Sử dụng nhiên liệu đốt là than thì SO ₂ là tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm. Sử dụng nhiên liệu đốt là củi ép thì CO, bụi là tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm.
3	Hệ thống xử lý nước thải	Được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải có công suất 533 m ³ /ngày. Nước thải → Hồ bơm, song chắn rác → Bể cân bằng → Bể kỵ khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống cống thải.	Được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải có công suất 533 m ³ /ngày. Nước thải → Hồ bơm, song chắn rác → Bể cân bằng → Bể kỵ khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Cống thoát nước KCN. Ngoài ra có bổ sung thêm 02 hồ sinh học	Đảm bảo lưu chứa đủ lượng nước thải khi có sự cố xảy ra, trong khoảng thời gian khắc phục sự cố, không thải ra môi trường
4	Bể tự hoại	Công ty xây dựng 02 bể tự hoại.	Công ty đã xây dựng hoàn thiện 03 bể tự hoại 03 ngăn với tổng thể tích 20 m ³ /bể.	Đảm bảo khu vực vệ sinh cho CBCNV
5	Nước thải từ hệ thống xử lý nước thải	Đầu nối vào hệ thống cống thoát nước	Nước thải sau khi qua bể khử trùng sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN để đưa về hệ thống XLNT tập trung KCN Quán Ngang.	

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Hiện nay, tất cả các nguồn nước thải của Công ty đã được xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B) và đã được chấp thuận đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quán Ngang tại văn bản số 1595/KKT-QHXD ngày 24/09/2024 của Ban Quản lý khu Kinh tế về việc chấp thuận hồ sơ đầu nối thoát nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Quán Ngang (Giấy phép môi trường số 34/GPMT-BNNMT ngày 31/03/2025). Vì vậy, Công ty không xin cấp phép xả thải đối với nước thải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

** Nguồn phát sinh bụi, khí thải:*

- Nguồn số 01: Bụi khí thải từ công đoạn thu hồi bụi xử lý nguyên liệu malt.
- Nguồn số 02: Bụi khí thải từ công đoạn thu hồi bụi xử lý nguyên liệu gạo.
- Nguồn số 03: Bụi khí thải từ công đoạn xử lý khí thải lò hơi đốt củi ép 01.
- Nguồn số 04: Bụi khí thải từ công đoạn xử lý khí thải lò hơi đốt củi ép 02.

** Lưu lượng xả khí thải tối đa: tối đa 22.418 m³/giờ.*

- Nguồn số 01: 4.800 m³/giờ.
- Nguồn số 02: 4.800 m³/giờ.
- Nguồn số 03: 6.409 m³/giờ.
- Nguồn số 04: 6.409 m³/giờ.

Lưu lượng xả khí thải ở nguồn 03, 04 căn cứ theo kết quả quan trắc môi trường năm 2023, 2024 về khí thải của Viện Công nghệ Môi trường. Kết quả được thể hiện ở bảng 25, bảng 26 và có lưu lượng lớn nhất là 6.409 m³/giờ.

** Dòng khí thải:*

- Dòng số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Bụi khí thải từ công đoạn thu hồi bụi xử lý nguyên liệu malt sau khi qua hệ thống lọc bụi túi vải, được thoát ra môi trường bằng đường Ø300mm dài 2m.

- Dòng số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Bụi khí thải từ công đoạn thu hồi bụi xử lý nguyên liệu gạo sau khi qua hệ thống lọc bụi túi vải, được thoát ra môi trường bằng đường Ø300mm dài 2m.

- Dòng số 03 (tương ứng với nguồn số 03): Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường xung quanh Công ty bằng ống khói có đường kính Ø610 mm, chiều cao 12m

- Dòng số 04 (tương ứng với nguồn số 04): Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường xung quanh Công ty bằng ống khói có đường kính Ø610 mm, chiều cao 12m

** Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:*

- Dòng thải số 01, 02: Chất lượng khí thải trước khi xả môi trường tiếp nhận

phải đảm bảo đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - QCKTQG về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (cột B, Kp=1; Kv=1). Nồng độ các chất ô nhiễm sau khi xử lý đạt giới hạn cho phép như sau:

Bảng 19. Giá trị giới hạn ô nhiễm đối với dòng thải 01, 02

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) Kp=1; Kv=1
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200

- Dòng thải số 03, 04: Chất lượng khí thải trước khi xả môi trường tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - QCKTQG về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (cột B, Kp=1; Kv=1). Nồng độ các chất ô nhiễm sau khi xử lý đạt giới hạn cho phép như sau:

Bảng 20. Giá trị giới hạn ô nhiễm đối với dòng thải 03, 04

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) Kp=1; Kv=1
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	SO ₂	mg/Nm ³	500
3	NO _x (theo NO ₂)	mg/Nm ³	850
4	CO	mg/Nm ³	1000
5	Bụi tổng	mg/Nm ³	200

** Vị trí, phương thức xả khí thải:*

- Vị trí xả khí thải:

+ Nguồn số 01: Tại ống thoát khí bụi sau khi qua hệ thống lọc bụi túi vải của quá trình xử lý nguyên liệu malt. Tọa độ X: 1.867.675m; Y: 589.270m.

+ Nguồn số 02: Tại ống thoát khí bụi sau khi qua hệ thống lọc bụi túi vải của quá trình xử lý nguyên liệu gạo. Tọa độ X: 1.867.675m; Y: 589.272m.

+ Nguồn số 03: Tại ống khói phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt củi ép. Tọa độ X: 1.867.753m; Y: 589.288m.

+ Nguồn số 04: Tại ống khói phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt củi ép. Tọa độ X: 1.867.752m; Y: 589.290m.

(Hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiều 3°).

- Phương thức xả khí thải:

+ Dòng số 01: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả gián đoạn, kích thước Ø300mm dài 2m

+ Dòng số 02: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả

gián đoạn, kích thước Ø300mm dài 2m

+ Dòng số 03: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục, kích thước Ø610mm dài 12m

+ Dòng số 04: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục, kích thước Ø610mm dài 12m

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

** Nguồn phát sinh:*

- Nguồn số 01: Máy nghiền, máy xay tại nhà xay nghiền nguyên liệu;
- Nguồn số 02: Máy nén tại khu vực nhà động lực;
- Nguồn số 03: Máy chiết bia lon tại khu vực chiết bia thành phẩm;
- Nguồn số 04: Quạt hút của hệ thống xử lý bụi, khí thải;
- Nguồn số 05: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

** Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:*

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung bên trong nhà máy: Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 24:2016/BYT - QCKTQG về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; 27:2016/BYT - QCKTQG về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc. Mức độ giới hạn cho phép như sau:

Bảng 21. Mức độ giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung trong xí nghiệp

Thông số	Đơn vị	Tiếp xúc 1h	Tiếp xúc 4h	Áp dụng theo quy chuẩn
Độ ồn	dBA	94	88	QCVN 24/2016/BYT
Độ rung (Gia tốc rung)	(m/s ²)	3,9	2,0	QCVN 27/2016/BYT

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung xung quanh nhà máy: Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ). Mức độ giới hạn cho phép như sau:

Bảng 22. Mức độ giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung xung quanh xí nghiệp

TT	Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Quy chuẩn áp dụng
1	Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BYT
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT

Chương V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ môi trường.

Hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn trước khi Công ty đi vào hoạt động.

Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải rắn nguy hại.

Công ty đã thực hiện Chương trình giám sát môi trường đối với: Khí thải, nước thải, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại, qua các năm và đã có gửi báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường cho các đơn vị quản lý trên địa bàn tỉnh

2. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải

Công ty đã phối hợp với tư vấn là Trung tâm Công nghệ Môi trường tại thành phố Đà Nẵng thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, với tần suất giám sát 04 lần/năm đối với nước thải trong năm 2023, 2024, cụ thể như sau:

Bảng 23. Kết quả quan trắc định kỳ chất lượng nước thải năm 2023

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả quan trắc năm 2023				QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, $k_q = 0,9$, $k_f = 1,0$
			Đợt 1 (18/3/23)	Đợt 2 (25/5/23)	Đợt 3 (8/8/23)	Đợt 4 (5/12/23)	
1	Nhiệt độ	°C	26,2	33,6	30,9	29,4	40
2	Độ màu	Pt/Co	30	52	25	20	150
3	pH	-	7,0	8,38	6,9	7,6	5,5 - 9
4	BOD ₅	mg/l	14	12	15	18	45
5	COD	mg/l	23	35	25	29	135
6	Lưu lượng	m ³ /h	12	13	10,5	10	-
7	TSS	mg/l	21,5	16,4	18	12,5	90
8	Tổng N	mg/l	29,3	32,67	28,6	34,8	36
9	Tổng P	mg/l	0,58	5,28	0,15	0,72	5,4
10	Coliform	MPN/100ml	2.900	1.600	2.800	1.500	5.000

Bảng 24. Kết quả quan trắc định kỳ chất lượng nước thải năm 2024

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả quan trắc năm 2024				QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, $k_q = 0,9$, $k_f = 1,0$
			Đợt 1 (26/3/24)	Đợt 2 (6/5/24)	Đợt 3 (21/9/24)	Đợt 4 (28/11/24)	

							$k_f = 1,0$
1	Nhiệt độ	°C	27,8	31,8	30,1	29,4	40
2	Độ màu	Pt/Co	40	25	8	12	150
3	pH	-	6,9	7,4	6,8	7,2	5,5 - 9
4	BOD ₅	mg/l	17	22	25	13	45
5	COD	mg/l	30	41	46	19	135
6	Lưu lượng	m ³ /h	11,2	12,5	11,5	12,8	-
7	TSS	mg/l	13	26,0	8	16	90
8	Tổng N	mg/l	34	15	27,8	8	36
9	Tổng P	mg/l	0,34	2,57	3,8	3,92	5,4
10	Coliform	MPN/100ml	2.600	2.100	2.300	2.300	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B - nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận là các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu ra sau HTXLNT của nhà máy bia Hà Nội

Nhận xét: Qua kết quả quan trắc nước thải tại bảng 23, bảng 24 cho thấy các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

3. Kết quả quan trắc môi trường định đối với bụi, khí thải

Công ty đã phối hợp với tư vấn là Trung tâm Công nghệ Môi trường tại thành phố Đà Nẵng thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, với tần suất giám sát 04 lần/năm đối với nước thải trong năm 2023, 2024, cụ thể như sau:

Bảng 25. Kết quả quan trắc định kỳ chất lượng khí thải năm 2023

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả quan trắc năm 2023				QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, K _p = 1,0; K _v = 1,0
			Đợt 1 (18/3/23)	Đợt 2 (25/5/23)	Đợt 3 (8/8/23)	Đợt 4 (5/12/23)	
1	Lưu lượng	m ³ /h	2.190	6.409	3.603	3.815	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	45,6	41,6	47,9	38,5	200
3	SO ₂	mg/Nm ³	<5	<5,2	<5	<5	500
4	NO _x (theo NO ₂)	mg/Nm ³	42,9	45	3,8	12,3	850
5	CO	mg/Nm ³	314,6	326	743	510,7	1.000

Bảng 26. Kết quả quan trắc định kỳ chất lượng khí thải năm 2024

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả quan trắc năm 2024				QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp = 1,0; Kv = 1,0
			Đợt 1 (26/3/24)	Đợt 2 (6/5/24)	Đợt 3 (21/9/24)	Đợt 4 28/11/24	
1	Lưu lượng	m ³ /h	2.200	2.350	2.300	2.410	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	41,9	37,9	46,4	31	200
3	SO ₂	mg/Nm ³	<5	<5	<5	<5	500
4	NO _x (theo NO ₂)	mg/Nm ³	4,3	24,8	67,9	37,6	850
5	CO	mg/Nm ³	238,3	505,4	346,6	473	1.000

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ Cột B: Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

+ Kp = 1 (Hệ số lưu lượng nguồn thải $P \leq 20.000$); Kv = 1.0 (Phân vùng khu công nghiệp).

- KPH: Không phát hiện, (*): Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu khí lò hơi sau HTXL khí thải nhà máy bia Hà Nội.

Nhận xét: Kết quả tại bảng 25, bảng 26 cho thấy, tất cả các thông số quan trắc môi trường khí thải năm 2023 và 2024 đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, Kp=1,0;Kv=1,0).

4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

4.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Định kỳ hợp đồng với Trung tâm môi trường và đô thị huyện Gio Linh vận chuyển đi xử lý với tần suất 01 tuần/lần (có hợp đồng đính kèm tại phụ lục báo cáo) vận chuyển về bãi chôn lấp của huyện đúng quy định.

- Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ; giấy vụn, bìa carton,... sẽ được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của Công ty trong 03 năm gần nhất, cụ thể như sau:

Bang 27. Khối lượng CTR phát sinh trong 03 năm gần nhất

STT	Nội dung	Khối lượng (kg/năm)		
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân	3.000	3.000	2.900

	viên chức trong nhà máy			
--	-------------------------	--	--	--

4.2. Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất

Trong hoạt động sản xuất bia, chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ: Bã men thải, bã hèm thải, bia carton, bao gai chứa nguyên liệu và nắp, vỏ lon, thùng nhựa, tro trấu, xỉ than, bùn thải... với khối lượng trong 03 năm gần nhất như sau:

Bảng 28. Khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)		
			Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Bã hèm thải: Phát sinh sau quá trình nấu hàng ngày	Rắn	1.552.361	1.279.500	1.543.696
2	Bã men thải: Phát sinh từ quá trình lên men bia	Rắn	122.625	42.790	84.045
3	Chất rắn vô cơ: Bia carton, bao gai chứa nguyên liệu, nắp, vỏ lon, nắp lon, các can, thùng nhựa,...	Rắn	11.000	8.000	6.577
4	Tro trấu, xỉ than từ quá trình đốt lò; Bùn thải từ hệ thống XLNT; Bột trợ lọc từ quá trình lọc bia	Rắn	60.400	47.300	48.092
5	Bụi thu hồi từ hệ thống lọc bụi khu vực xử lý nguyên liệu malt, gạo	Rắn	800	600	700
	Tổng		1.747.186	1.378.190	1.683.110

4.3. Chất thải rắn nguy hại

Trong quá trình hoạt động sản xuất, CTNH phát sinh từ các nguồn như: vệ sinh, bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị, in ấn trong quá trình sản xuất, hoạt động văn phòng với thành phần như: giẻ lau, dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, mực in, hộp mực, các thiết bị điện thải bỏ...; Khối lượng CTNH của Công ty phát sinh trong 03 năm gần nhất như sau:

Bảng 29. Khối lượng CTNH phát sinh

TT	Tên CTNH	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)		
				Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	20	05	05
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại (dầu, nhớt)	Rắn	18 02 01	40	10	10

3	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/lỏng	16 01 08	80	20	0
4	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	08 02 01	05	15	20
5	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	50	140	130
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	0	0	25
	Tổng			195	190	190

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở**5.1. Kết quả kiểm tra, thanh tra**

- Thực hiện Quyết định số 317/QĐ-TCMT ngày 08/04/2022 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường về việc kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra của Tổng cục Môi trường trên địa bàn các tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra đối với Công ty Cổ phần bia Hà Nội Quảng Trị, trong thời gian từ ngày 14/4/2022 đến 18/4/2022, trụ sở tại đường RD6 – KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Đoàn kiểm tra đã kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần bia Hà Nội Quảng Trị. Trong đó, Đoàn kiểm tra có một số nhận xét như sau:

+ Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện công tác bảo vệ môi trường, cụ thể: Đã lập báo cáo ĐTM, báo cáo ĐTM bổ sung Dự án đầu tư xây dựng nhà máy bia Hà Nội – Quảng Trị và được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt theo quy định; Được UBND tỉnh cấp giấy các nhận hoàn thành các công trình BVMT của dự án, Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, Giấy phép xả nước thải; Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định

+ Công ty đã khắc phục được tồn tại theo Kết luận thanh tra số 775/KL-TCMT ngày 30/12/2016 của Tổng cục Môi trường, cụ thể: đã cải tạo buồng đốt, lắp thêm quạt cấp 2, lắp thêm vòm lửa tăng khả năng đốt cháy CO ngay tại buồng đốt, lắp thêm bộ sấy không khí trước khi cấp vào lò để tăng hiệu suất cháy buồng đốt; Đã xây bờ tường, đổ bê tông nền của khu vực đổ bùn thải lò đốt.

+ Ngoài ra, sau khi xem xét, nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu do Công ty cung cấp. Đoàn kiểm tra sẽ tiếp tục đánh giá, xác định các tồn tại, vi phạm (nếu có) và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

** Yêu cầu Công ty triển khai một số nội dung sau:*

+ Trong quá trình hoạt động, Công ty phải thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (Luật bảo vệ Môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT);

+ Thực hiện thu gom và xử lý triệt để nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải;

+ Xử lý khí thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải;

+ Quản lý CTNH, quản lý chất thải rắn thông thường, thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định.

5.2. Công tác khắc phục

Hiện nay, trong quá trình hoạt động, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Luật bảo vệ Môi trường 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Công ty không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 31 của Nghị định số 05/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

**** Quan trắc nước thải:***

Công ty có tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất là 533 m³/ngày.đêm nên thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, hiện nay Công ty đã có văn bản số 1595/KKT-QHXD ngày 24/09/2024 của Ban Quản lý khu Kinh tế về việc chấp thuận hồ sơ đầu nối thoát nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Quán Ngang. Vì vậy, Công ty không còn thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

**** Quan trắc khí thải:***

Công ty không thuộc đối tượng lưu lượng xả khí thuộc Cột 5, Cột 6 Phụ lục XXIX quy định tại khoản 2 điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Vì vậy, Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

2.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ

**** Quan trắc nước thải:***

Công ty có tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất là 533 m³/ngày.đêm nên thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, hiện nay Công ty đã có văn bản số 1595/KKT-QHXD ngày 24/09/2024 của Ban Quản lý khu Kinh tế về việc chấp thuận hồ sơ đầu nối thoát nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Quán Ngang. Vì vậy, Công ty không còn thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

**** Quan trắc khí thải:***

Công ty không thuộc đối tượng lưu lượng xả khí thuộc Cột 5, Cột 6 Phụ lục XXIX quy định tại khoản 2 điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Vì vậy, Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với khí thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ

sở

*** Quan trắc môi trường không khí:**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực xưởng sản xuất của Công ty.
- Thông số quan trắc: Độ ồn, tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO_x, H₂S.
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi
- Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

*** Quan trắc chất thải rắn:**

- Thông số quan trắc: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR sản xuất và CTNH.
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.
- Vị trí quan trắc: Tại kho chứa CTR, CTNH Công ty.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm của Công ty là 70.000.000 đồng.

Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Công ty cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết thực hiện đúng các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường như đã nêu trong báo cáo.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Cam kết trong quá trình vận hành các công trình xử lý chất thải, nếu gặp phải các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và khí thải sẽ tiến hành ngừng hoạt động sản xuất và khắc phục, sửa chữa các công trình xử lý hoàn thiện đảm bảo trước khi đưa nhà máy vào hoạt động trở lại.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Văn bản pháp lý liên quan đến Cơ sở;
- Hồ sơ, bản vẽ của Cơ sở;
- Hợp đồng thu gom chất thải của Cơ sở;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại Cơ sở.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3200264157

Đăng ký lần đầu: ngày 31 tháng 05 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 04 tháng 01 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI-
QUẢNG TRỊ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI-QUANGTRI BEER JOINT
STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HABECO QUANGTRI, JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Đường RD6 - Khu Công nghiệp Quán Ngang, Xã Gio Quang, Huyện Gio Linh, Tỉnh
Quảng Trị, Việt Nam*

Điện thoại: 0233 3638 357

Fax: 0233 3636 357

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 110.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm mười tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 11.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐÌNH LÊ ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/07/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042075011295

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: P509-C9 TT Nam Thành Công, Phường Láng Hạ, Quận Đống
Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P509-C9 TT Nam Thành Công, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam



Trần Thị Minh Hải

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 111/TTr-TNMT ngày 9 tháng 01 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư Xây dựng nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị tại Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị do Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị lập.

Điều 2: Chủ dự án-Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau:

1. Có văn bản báo cáo UBND huyện Gio Linh về Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.
2. Có báo cáo về kế hoạch lắp đặt các công trình xử lý môi trường, thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý gửi UBND tỉnh, Sở tài nguyên và Môi trường Quảng Trị, UBND huyện Gio Linh.
3. Sau khi đã kết thúc việc vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và đề nghị xác nhận về việc đã hoàn thành các nội dung của báo cáo và yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi UBND tỉnh Quảng Trị.

Điều 3: Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4: Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản

báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Quảng Trị.

Điều 5: Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Điều 6: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan, Chủ tịch UBND huyện Gio Linh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



(Signature)
Nguyễn Đức Cường

Số: 1532/QĐ-UBND

Đông Hà, ngày 14 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung dự án
Đầu tư xây dựng nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị thay đổi công suất giai đoạn I:
15 triệu lít/năm, giai đoạn II: 25 triệu lít/năm**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 80/2006/NĐ-CP;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của dự án: "Đầu tư xây dựng nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị" thay đổi công suất giai đoạn I: 15 triệu lít/năm, giai đoạn II: 25 triệu lít/năm đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý môi trường địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1129 /TTr-TNMT ngày 05 tháng 7 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của dự án: "Đầu tư xây dựng nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị" thay đổi công suất giai đoạn I: 15 triệu lít/năm, giai đoạn II: 25 triệu lít/năm của Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị (sau đây gọi là chủ dự án).

Điều 2: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung và những yêu cầu bắt buộc sau:

1. Về quản lý và xử lý chất thải, nước thải:

- Xử lý các nguồn phát thải khí, bụi từ lò hơi và các bộ phận khác trong nhà máy bảo đảm đạt tiêu chuẩn TCVN 5939:2005;

- Xử lý nước thải sản xuất, vệ sinh công nghiệp đạt tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5945:2005 (giới hạn B), nước thải sinh hoạt đạt Quy chuẩn Việt nam QCVN 14:2008 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- Thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại tuân thủ theo các quy định hiện hành về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Định kỳ 02 lần/năm báo cáo kết quả giám sát về Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Báo cáo cho UBND huyện Gio Linh về nội dung quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung.

4. Niêm yết công khai tại địa điểm thực hiện dự án bản tóm tắt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung đã được phê duyệt, trong đó chỉ rõ: chủng loại, số lượng các loại chất thải; công nghệ xử lý chất thải, các biện pháp khắc phục bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án, những yêu cầu bắt buộc tại điều 2 của Quyết định này và báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số: 116/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2008 của UBND tỉnh Quảng Trị là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung đã được phê duyệt.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan, Chủ tịch UBND huyện Gio Linh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. u

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Cường

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1595/KKT-QHXD

V/v chấp thuận hồ sơ đấu nối
thoát nước thải vào hệ thống xử lý
nước thải tập trung KCN Quán
Ngang

Quảng Trị, ngày 24 tháng 9 năm 2024

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Trị.

Ngày 05/9/2024, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh nhận được đơn đề nghị thỏa thuận đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Quán Ngang của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Trị. Qua nghiên cứu hồ sơ đề xuất đấu nối và đối chiếu các hồ sơ có liên quan. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với hồ sơ thiết kế đấu nối thoát nước thải dự án vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang theo hồ sơ đề xuất của Công ty, cụ thể như sau:

- Điểm đấu nối xả thải của dự án vào hệ thống thu gom chung của KCN tại hố ga loại 1 tại K0+0.00 trên tuyến nhánh thoát nước thải từ K0+0,00 đến K1+73,28 Khu công nghiệp Quán Ngang.

- Bản vẽ tổng mặt bằng định vị phạm vi của khu vực đấu nối và Bản vẽ chi tiết điểm đấu nối đảm bảo phù hợp với hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo kết nối với hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang.

- Về đồng hồ đo lưu lượng xả thải và công tác lắp đặt: Yêu cầu lắp đặt thiết bị đồng hồ theo đúng thiết kế. Thiết bị phải có giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) và giấy chứng nhận kiểm định hoặc hiệu chuẩn của cơ quan/đơn vị có thẩm quyền.

- Về chất lượng nước thải: Nước thải phát sinh từ Công ty phải được thu gom và xử lý sơ bộ đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đáp ứng giới hạn tiếp nhận của nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Quán Ngang.

2. Trước khi thi công đề nghị Công ty thông báo thời gian thi công về Ban QLDA ĐTXD KKT và Trung tâm Quản lý Khai thác hạ tầng KKT, KCN địa chỉ 91-Lê Duẩn để được hướng dẫn, hỗ trợ triển khai thực hiện. Trong quá trình thi công phải có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, không làm ảnh hưởng đến hạ tầng kỹ thuật xung quanh và hoàn trả mặt bằng sau khi thi công hoàn thiện.

Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn vướng mắc đề nghị Công ty liên hệ với Trung tâm Quản lý hạ tầng KKT, KCN để được hướng dẫn, hỗ trợ (số điện thoại 0941.234.089).

Ban Quản lý KKT tỉnh đề nghị Công ty nghiên cứu triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Ban (b/cáo);
- Các Phó Trưởng Ban;
- Phòng TNMT;
- BQLDA, TT QLKT Hạ tầng KKT, KCN (phối hợp);
- Lưu: VT, QHXD.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trần Quang Trung

BIÊN BẢN

Kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra về bảo vệ môi trường

Thực hiện Quyết định số 317/QĐ-TCMT ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường về việc kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra của Tổng cục Môi trường trên địa bàn các tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, Đoàn kiểm tra theo Quyết định nêu trên tiến hành kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra của Tổng cục Môi trường đối với Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị (sau đây viết tắt là Công ty).

Thời gian kiểm tra: từ 15h00 ngày 14/4/2022 đến 11h30 ngày 18/4/2022.

Địa chỉ trụ sở chính/nhà máy: đường RD6 - KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

I. Thành phần Đoàn kiểm tra:

1. Ông Cù Hoài Nam, Phó Cục trưởng, Cục Bảo vệ môi trường miền Trung và Tây Nguyên, Tổng cục Môi trường, Trưởng đoàn;
2. Ông Chu Văn Thảo, Trưởng phòng Phòng Thanh tra, xử lý vi phạm, Cục Bảo vệ môi trường miền Trung và Tây Nguyên, thành viên;
3. Ông Mai Hồng Quân, Chuyên viên Phòng Thanh tra, xử lý vi phạm, Cục Bảo vệ môi trường miền Trung và Tây Nguyên, thành viên;
4. Ông Đặng Văn Nhiệm, Chuyên viên Phòng Thanh tra, xử lý vi phạm, Cục Bảo vệ môi trường miền Trung và Tây Nguyên, thành viên;
5. Ông Nguyễn Văn Thiệu, Phó Chánh thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị, thành viên;
6. Bà Đào Thị Huyền, Phó Chi cục trưởng Chi cục BVMT, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị, thành viên;
7. Bà Hoàng Thị Hồng Nhung, Chuyên viên Phòng Quản lý quy hoạch và tài nguyên môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị;
8. Ông Trần Minh Hải, Đội trưởng Đội 1, Phòng Cảnh sát PCTP về môi trường, Công an tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Đơn vị lấy và phân tích mẫu môi trường: Ông Lê Quốc Sinh, Viện Công nghệ môi trường, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

II. Đại diện tổ chức được kiểm tra: Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị

1. Ông Nguyễn Minh Tuấn - Giám đốc Công ty;
2. Bà Nguyễn Thị Tô Loan - Kế toán trưởng Công ty;
3. Bà Đoàn Thị Thanh Ngọc - Cán bộ phụ trách môi trường.



Handwritten signature

III. Kết quả kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra:

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị (sau đây viết tắt là Công ty) có trụ sở chính tại đường RD6-KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200264157 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 6, ngày 10 tháng 9 năm 2020; Giấy chứng nhận đầu tư số 30221000459 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị chứng nhận lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 4 năm 2014. Công ty chuyên sản xuất bia.

Nhà máy bia đi vào hoạt động từ tháng 9 năm 2014, diện tích mặt bằng sản xuất là 7.137 m²; số lượng cán bộ công nhân sản xuất là 62 người; nguyên liệu sản xuất chủ yếu là malt (84.036 kg/tháng), gạo (50.529 kg/tháng), hoa houblon (119 kg/tháng) và các nguyên vật liệu phụ, hóa chất gồm: vỏ nắp lon (11.834.359 cái/tháng), hộp giấy (122.005 hộp/tháng), xút rắn (2385 kg/tháng), acid HNO₃ (770 kg/tháng); nhiên liệu sản xuất gồm: củi trấu, củi mùn cưa (91.570 kg/tháng). Lượng nước sử dụng trung bình khoảng 146 m³/ngày đêm từ nguồn nước máy của Nhà máy nước Gio Linh và nguồn nước dưới đất sử dụng trung bình 16 m³/ngày đêm. Công ty đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2020, thời hạn 5 năm.

2. Tình hình chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường

Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Bia Hà Nội - Quảng Trị được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2008; Báo cáo ĐTM bổ sung dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Bia Hà Nội - Quảng Trị thay đổi công suất giai đoạn I: 15 triệu lít/năm, Giai đoạn II: 25 triệu lít/năm (tổng công suất 25 triệu lít/năm) được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2009. Công ty đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp phép xả nước thải tại Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2015, thời hạn 10 năm; đã được cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường Dự án đầu tư xây dựng nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị số 2468/GXN-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị. Công ty đã thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ và báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định; đã kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

3. Các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động và biện pháp giảm thiểu

Trong quá trình hoạt động của Công ty có phát sinh các loại chất thải và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- Về khí thải: phát sinh chủ yếu từ 02 lò hơi (công suất 04 tấn hơi/giờ/lò hơi, chỉ hoạt động 01 lò hơi và 01 lò hơi dự phòng) nhiên liệu là củi trấu, củi mùn cưa. Bụi, khí thải được thu gom và xử lý qua cyclon chùm để lọc bụi. Khi

hall

qua bộ hâm, khói bụi trao đổi nhiệt với nước cấp vào lò để gia nhiệt cho nước và hạ nhiệt cho khói bụi, sau đó đi vào bể nước dập bụi. Nước được bơm tuần hoàn từ bể dập bụi lên các bệ phun tạo ra dòng phun mưa tăng khả năng tiếp xúc với khói bụi. Nước trong bể dập bụi thường xuyên được bổ sung và thay nước mới, kiểm tra pH, pha thêm nước vôi, hóa chất để tăng khả năng xử lý các chất khí thải NO_x , SO_2 . Bể dập bụi ướt dùng chứa nước tuần hoàn và lọc lượng bụi còn lại trước khi lên ống khói thải ra môi trường.

- *Về nước thải*: nước thải phát sinh từ sản xuất và sinh hoạt, khối lượng trung bình $135 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế $533 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Do chủ đầu tư hạ tầng KCN Quán Ngang chưa triển khai đầu nổi và xử lý nước thải tập trung nên nước thải sau xử lý đạt QCVN sẽ thải ra cống thoát nước mặt chung của KCN.

Ngoài ra, Công ty có xây dựng 02 hồ chứa riêng biệt, có lót đáy bằng bạt nilon (dung tích hồ 1: 2.000 m^3 , hồ số 2: 2.200 m^3), Công ty sử dụng hồ chứa số 2 để làm cảnh quan trong Nhà máy và hồ chứa số 1 dùng để phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải.

- *Về chất thải rắn thông thường*: phát sinh từ quá trình sản xuất bia bao gồm bã malt, bã gạo, hoa men thải, bột trợ lọc thải từ khu vực lọc, lon bia, thùng giấy carton hỏng, can nhựa chứa hóa chất, kim loại từ các bộ phận phụ trợ, tro trấu sau khi đốt lò... và rác thải sinh hoạt của công nhân sản xuất. Cụ thể:

+ Đối với bã malt và bã gạo được thu hồi từ khu vực nấu sau khi lọc được bơm đến chứa trong silo và bán cho người dân trong khu vực làm thức ăn chăn nuôi, phân bón (khối lượng khoảng 3.770 kg/ngày); bã men được thu hồi nhằm tái sử dụng lại men tốt, phần men thải ($42 - 1.000 \text{ kg/ngày}$) được chứa trong các tank và được bán để làm thức ăn chăn nuôi gia súc;

+ Lượng tro thải trong quá trình đốt lò (khoảng $462-900 \text{ kg/ngày.đêm}$), Công ty cho Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị để thu gom làm phân bón vi sinh;

+ Bao bì nilon, bao gai chứa nguyên liệu (1.949 cái/tháng); vỏ, nắp lon (2.613 cái/tháng); nilon bọc vỏ lon (75 kg/tháng) được thu gom và bán cho đơn vị thu mua chế phẩm; các loại can, thùng nhựa sau khi sử dụng (16 cái/tháng) được chuyển lại cho đơn vị cung cấp;

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải kết hợp với tro trấu được ủ tại bãi chứa bùn thải dùng làm phân bón cho cây trồng xung quanh nhà máy và cho các hộ dân ở gần nhà máy sử dụng bón cho cây trồng;

+ Chất thải sinh hoạt thông thường phát sinh khoảng $10-20 \text{ kg/ngày}$ được thu gom vào các thùng chứa rác thải sinh hoạt và tập kết về bãi chứa chất thải rắn, Công ty hợp đồng với Trung tâm Môi trường đô thị huyện Gio Linh thu gom, vận chuyển và xử lý tại bãi rác tập trung. (Hợp đồng số 01/2020/HĐ-MTĐTGTL ngày 02/01/2020).

- *Về chất thải nguy hại (CTNH)*: CTNH phát sinh tại Công ty gồm: Bóng đèn huỳnh quang, dầu nhớt thải, giẻ lau nhiễm dầu thải, vỏ bao đựng xút... Công ty đã bố trí khu vực lưu giữ CTNH tạm thời, mái và tường làm bằng tôn, nền bê tông xi măng, có dán nhãn cảnh báo CTNH ở cửa kho, có gắn tên CTNH và mã

TY
AN
N
JTRI
NG

số quản lý CTNH đối với các loại CTNH trong kho. Công ty đã có hợp đồng với Công ty Cổ phần cơ điện môi trường Lilama để thu gom, xử lý (Hợp đồng số 046/2021/HĐKT/DSO ngày 19/4/2021 và Hợp đồng số 016/2022/HĐKT/DSO ngày 03/01/2022).

- **Tiếng ồn:** phát sinh từ quá trình hoạt động của máy móc thiết bị trong nhà máy cũng như các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực. Công ty tiến hành bảo dưỡng định kỳ các thiết bị; cách ly, cách âm thích hợp bằng cách bố trí các thiết bị gây ồn được đặt trong phòng có tường che chắn, có biện pháp giảm thanh của các thiết bị, khi hoạt động đóng kín cửa để giảm thiểu tiếng ồn; lắp đặt đệm chống rung, lò xo chống rung cho các thiết bị có công suất lớn cũng như các thiết bị có khả năng phát sinh chấn động như máy nén khí, quạt hút bụi...

4. Tình hình thực hiện Kết luận thanh tra số 775/KL-TCMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Tổng cục Môi trường

4.1. Các vi phạm, tồn tại theo Kết luận thanh tra số 775/KL-TCMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Tổng cục Môi trường:

- **Thải khí, bụi vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải** từ 02 lần đến dưới 03 lần (đối với thông số Cacbon monoxit (CO) của mẫu khí thải tại ống khói, lò hơi (lò số 2) của nhà máy, trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 500 m³/giờ đến dưới 5.000 m³/giờ;

- **Đổ, thải chất thải rắn thông thường** (tro bùn thải của lò đốt) từ 5 m³ (hoặc tấn) đến dưới 10 m³ (hoặc tấn).

4.2. Tình hình khắc phục vi phạm:

- Công ty đã nộp tiền phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 194/QĐ-XPVPHC ngày 02 tháng 12 năm 2016 Xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường (có biên lai thu tiền phạt kèm theo).

- Đối với thải khí, bụi vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải: Công ty đã cải tạo buồng đốt, lắp thêm quạt cấp 2 (cấp gió nóng trên mặt ghi buồng đốt), lắp thêm vòm lửa tăng khả năng đốt cháy CO ngay tại buồng đốt, lắp thêm bộ sấy không khí trước khi cấp vào lò để tăng hiệu suất cháy buồng đốt. (kèm theo Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng giữa Công ty Cổ phần Bía Hà Nội – Quảng Trị và Công ty Cổ phần Nồi hơi Việt Nam). Kết quả giám sát khí thải định kỳ cho thấy các thông số đo đạt đều đạt QCVN.

- Năm 2017 Công ty đã xây bờ tường, đổ bê tông nền của khu vực đổ bùn thải lò đốt.

5. Lấy mẫu môi trường

Đoàn kiểm tra đã lấy 02 mẫu nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy và 02 mẫu khí thải lò hơi (lò số 2, công suất 4 tấn hơi/giờ). Việc lấy mẫu được lập thành Biên bản có chữ ký của đại diện Đoàn kiểm tra, đơn vị lấy, phân tích mẫu và đơn vị được lấy mẫu.

IV. Một số nhận xét của Đoàn kiểm tra

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện công tác bảo vệ môi trường, cụ thể: đã lập báo cáo ĐTM, báo cáo ĐTM bổ sung Dự án đầu tư xây

ned

dựng nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị và được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt theo quy định; được UBND tỉnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT của dự án, Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; Giấy phép xả nước thải; thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải kỳ theo quy định.

Công ty đã khắc phục được tồn tại theo Kết luận thanh tra số 775/KL-TCMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Tổng cục Môi trường, cụ thể: đã cải tạo buồng đốt, lắp thêm quạt cấp 2, lắp thêm vòm lửa tăng khả năng đốt cháy CO ngay tại buồng đốt, lắp thêm bộ sấy không khí trước khi cấp vào lò để tăng hiệu suất cháy buồng đốt; đã xây bờ tường, đổ bê tông nền của khu vực đồ bún thải lò đốt.

Ngoài ra, sau khi xem xét các, nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu do Công ty cung cấp. Đoàn kiểm tra sẽ tiếp tục đánh giá, xác định các tồn tại, vi phạm (nếu có) và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

V. Yêu cầu đối với Công ty

Trong quá trình hoạt động, Công ty phải thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT); thực hiện thu gom và xử lý triệt để nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải; xử lý khí thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải; quản lý CTNH, quản lý chất thải rắn thông thường, thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định.

VI. Ý kiến của Công ty

Công ty hoàn toàn nhất trí với các nội dung của Biên bản kiểm tra và cam kết sẽ thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường mà Đoàn kiểm tra đã nêu trong Biên bản này.

Việc kiểm tra kết thúc vào hồi 11 giờ 30 ngày 18/4/2022 tại Văn phòng Công ty.

Biên bản gồm 05 trang, được lập thành 07 bản có nội dung, giá trị như nhau; Đoàn kiểm tra giữ 06 bản, Công ty giữ 01 bản để thực hiện; được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe, công nhận là đúng và nhất trí ký tên./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

**TM. ĐOÀN KIỂM TRA
TRƯỞNG ĐOÀN**



Nguyễn Thị Tố Loan
(Giấy uỷ quyền số 01/GUQ-HQT)

Cù Hoài Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: **2463**/GXN-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày **28** tháng 6 năm 2016

**GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về Dự án/Cơ sở

Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Trị.

Địa chỉ văn phòng: số 158, đường Nguyễn Trãi, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Điện thoại: 053.3852277

Fax: 053.3636357

Tài khoản số: 0771.000.638.357 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200264157 Ngày cấp 31/5/2007, thay đổi lần thứ 4, ngày 28/6/2013. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 14/01/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Bia Hà Nội - Quảng Trị” và Quyết định số 1532/QĐ - UBND ngày 04/8/2009 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Bia Hà Nội – Quảng Trị thay đổi công suất giai đoạn I: 15 triệu lít/năm, giai đoạn II: 25 triệu lít/năm”.

II. Nội dung xác nhận

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Bia Hà Nội - Quảng Trị” (tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của Chủ dự án

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện

Giấy xác nhận này là căn cứ để Chủ dự án đưa Dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

Giấy xác nhận này thay thế Giấy xác nhận số 2376/GXN-UBND ngày 22/6/2016 của UBND tỉnh././

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quân Chính

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số 2468/GXN-UBND ngày 28/6/2016 của UBND tỉnh)

1. Công trình xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.
- Xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn bao quanh tường rào khu vực Dự án.
- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất công nghệ kỵ khí kết hợp hiếu khí cường bức, công suất 553 m³/ngày đêm, bao gồm: bể thu gom (4x2x4)m, bể cân bằng (8,8x7,45x5)m, bể kỵ khí (13,4x6x6)m, bể lắng kỵ khí (6x3,45x5)m, bể aeroten 1 (8,8x6,2x5)m, bể aeroten 2 (8,8x4,9x5)m, bể anoxic (8,8 x5,5x5)m, bể lắng hiếu khí hình trụ (6x4,5)m, bể khử trùng (4,55x1,2x4,5)m, bể chứa bùn trung gian (1,2x1,2x4,5)m, bể nén bùn hình trụ (3x4)m.

2. Công trình xử lý bụi, khí thải

- Lắp đặt các thiết bị cyclon và túi vải lọc bụi tại các công đoạn nghiền để thu gom và xử lý bụi trong quá trình sản xuất.
- Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò hơi với công nghệ khử bụi khô và ướt, bao gồm: cyclon lọc bụi, bộ hâm, quạt hút, hệ thống phun nước dập bụi, bể dập bụi, ống khói.
- Lắp đặt hệ thống thu hồi và tái sử dụng CO₂ trong quá trình sản xuất.

3. Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn thông thường: bố trí các thùng đựng rác để thu gom, lưu giữ rác thải và hợp đồng với Đội thu gom rác xã Gio Quang vận chuyển, xử lý.
- Chất thải rắn sản xuất: bã men được thu gom, tái sử dụng trong quá trình sản xuất; bã malt, bã gạo và tro trấu được thu gom bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua.
- Chất thải nguy hại: dầu thải, dẻ lau dính dầu được thu gom, lưu trữ tại khu vực riêng biệt, có gắn biển cảnh báo; thực hiện báo cáo định kỳ gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Công trình bảo vệ môi trường khác

- Trồng cây xanh đạt tỉ lệ 15% trên tổng diện tích khu vực Dự án.
- Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy; lắp đặt các biển báo, tiêu lệnh.
- Thực hiện vệ sinh công nghiệp, bảo hộ lao động cho công nhân.

5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận

Hồ sơ sau đây được Ủy ban nhân dân tỉnh đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này. Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy xác nhận số 2468/GXN-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp lần thứ nhất ngày 28 tháng 6 năm 2016".

6. Yêu cầu khác

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2160/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 19 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép xả nước thải

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Cổ phần Bía Hà Nội – Quảng Trị ngày 01/7/2015 và Hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2087/TTr-STNMT ngày 17/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Bía Hà Nội – Quảng Trị, địa chỉ số 158 đường Nguyễn Trãi, thành phố Đông Hà được xả nước thải vào nguồn nước tại KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh với các nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe nước tự nhiên phía nam Khu công nghiệp Quán Ngang.

2. Vị trí nơi xả nước thải:

- Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, KTT 106°15', múi chiều

3°): X: 1.867.655 Y: 589.225

3. Phương thức xả nước thải: Sau khi xử lý đạt Quy chuẩn xả thải, nước thải tại hồ sinh học theo mương dẫn thoát ra khe nước tự nhiên phía Nam khu công nghiệp Quán Ngang theo phương thức tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Liên tục trong ngày.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 533 m³/ngày.đêm; 22 m³/giờ

6. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải (QCVN 40:2011/BTNMT (Giá trị C, cột B)):

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40
2	pH	-	5 - 9
3	Độ màu	Pt/Co	150
4	TSS	mg/l	100
5	BOD ₅	mg/l	50
6	COD	mg/l	150
7	Nitơ tổng	mg/l	40
8	Photpho tổng	mg/l	6
9	Coliform	MPN/100ml	5.000

7. Thời hạn của giấy phép: 10 năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Bía Hà Nội – Quảng Trị.

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

- Vị trí quan trắc: 01 mẫu tại vị trí đầu vào hệ thống xử lý nước thải, 01 mẫu tại vị trí đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

- Các thông số quan trắc: Như khoản 6 Điều 1.

- Tần suất quan trắc: 04 lần/năm.

3. Hàng năm, trước ngày 30/12 tổng hợp báo cáo gửi cơ quan cấp phép (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải vào nguồn nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước; các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật khác có liên quan.

5. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, số lượng nước và môi trường do xả nước thải gây ra để có biện pháp xử lý.

6. Thực hiện nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 3. Công ty Cổ phần Bía Hà Nội – Quảng Trị được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho Công ty Cổ phần Bía Hà Nội – Quảng Trị nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND huyện Gio Linh, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gio Linh theo dõi, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật đối với việc xả thải của Công ty Cổ phần Bìa Hà Nội – Quảng Trị.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Bìa Hà Nội – Quảng Trị còn tiếp tục xả nước thải theo quy định tại Điều 1 của giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan, Chủ tịch UBND huyện Gio Linh và Giám đốc Công ty Cổ phần Bìa Hà Nội – Quảng Trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quân Chính

Số: ~~2376~~ /QĐ-UBND

Đông Hà, ngày 18 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép khai thác, sử dụng nước dưới đất

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-UBND ngày 15/6/2007 của UBND tỉnh;

Xét đơn xin cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất ngày 22/9/2009 của Công ty cổ phần bia Hà Nội – Quảng Trị và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ~~1924~~/TTr-STNMT ngày 16/11/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần bia Hà Nội – Quảng Trị có địa chỉ tại 158 Nguyễn Trãi, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng: Cấp nước sinh hoạt và sản xuất.
2. Vị trí công trình khai thác nước: Tại Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước trầm tích sông biển Pleistocen giữa trên (amQ₁²⁻³) và phức hệ chứa nước lỗ hổng trầm tích Neogen hệ tầng Đồng Hới.
4. Tổng số giếng khai thác: 02 giếng
5. Tổng lượng nước khai thác: 150 m³/ngày đêm.

6. Thời hạn khai thác, sử dụng: 10 năm (Từ tháng 11/2009 đến tháng 11/2019).

Vị trí toạ độ, lưu lượng và các thông số của từng giếng cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Toạ độ VN2000 KTT 106°15', múi chiều 3 ^o		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động (m)
	X(m)	Y(m)			Từ	Đến		
1	1867823	589611	50	20	28	48	3,8	14,0
2	1867671	589203	100	20	24	58	3,8	11,7

(Có bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần bìa Hà Nội – Quảng Trị:

1. Thực hiện đúng Quy định tại Điều 1 của Quyết định này. Mọi thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở Trung ương và địa phương. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp xử lý nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, số lượng nước, sự lún mặt đất.

3. Lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước khai thác, sử dụng.

4. Định kỳ sáu tháng một lần báo cáo cơ quan cấp phép về tình hình khai thác, sử dụng nước dưới đất, kết quả quan trắc chất lượng nguồn nước khai thác.

Điều 3. Công ty cổ phần bìa Hà Nội – Quảng Trị được hưởng các quyền hợp pháp theo qui định tại Điều 17 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện Gio Linh, Chủ tịch UBND xã Gio Quang, BQL Khu công nghiệp Quán Ngang và Giám đốc Công ty cổ phần bìa Hà Nội – Quảng Trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / U

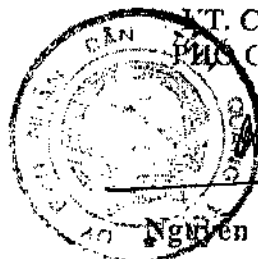
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục quản lý TNN;
- Lưu VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHỤ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quân Chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **2362/QĐ-UBND**

Quảng Trị, ngày **19** tháng **8** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép khai thác, sử dụng nước dưới đất

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị (có hồ sơ kèm theo); đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2475/TTr-STNMT ngày 11/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị, địa chỉ 158 Nguyễn Trãi, thành phố Đông Hà khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng: Cấp nước sinh hoạt và sản xuất.
2. Vị trí khai thác: Tại KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh.
3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước trầm tích sông biển Pleistocen giữa trên (amQ_1^{2-3}) và phức hệ chứa nước lỗ hổng trầm tích Neogen hệ tầng Đồng Hới.
4. Tổng số giếng khai thác: 02 giếng.
5. Tổng lượng nước khai thác: 150 m³/ngày đêm.
6. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt: Không nhỏ hơn 20m tính từ miệng giếng.
7. Thời hạn của giấy phép: 03 năm.

* Vị trí toạ độ, lưu lượng và các thông số của từng giếng cụ thể như sau:

Số hiệu	Toạ độ VN2000 KTT 106 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)
	X(m)	Y(m)			Từ	Đến		
GK1	1867739	589496	50	20	28	48	3,8	14
GK2	1867720	589228	100	20	24	58	3,8	11,7

(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được UBND tỉnh đồng ý bằng văn bản;
2. Thực hiện quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định;
3. Theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.
4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;
5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước; nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
6. Trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
7. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở Trung ương và địa phương. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, chất lượng nước để có biện pháp xử lý.

Điều 3. Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

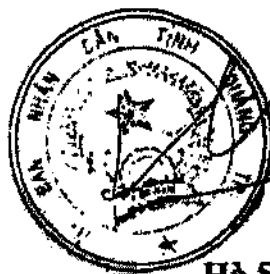
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện Gio Linh, Chủ tịch UBND xã Gio Quang và Giám đốc Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục quản lý TNN;
- Lưu: VT, TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *fu*



Hà Sỹ Đồng

Số: 61 /GP-UBND

Quảng Trị, ngày 05 tháng 9 năm 2023

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Xét Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị và Hồ sơ kèm theo; đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3218/TTr-STNMT ngày 22/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị; địa chỉ tại: Đường RD6, Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng: Cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.
2. Vị trí công trình khai thác: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước trầm tích sông biển Pleitocen giữa trên (amQ_1^{2-3}) và phức hệ chứa lỗ hổng trầm tích Neogen;
4. Tổng số giếng khai thác: 02 giếng.
5. Tổng lưu lượng nước khai thác: 150 m³/ngày đêm.
6. Thời hạn của giấy phép: đến ngày 19/8/2026.
7. Chế độ khai thác: 365 ngày/năm.
8. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt: Không nhỏ hơn 20m tính từ miệng giếng.
9. Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của từng giếng cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ VN2000 KTT 106°15', múi chiếu 3°		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X (m)	Y (m)			Đến		
GK1	1867739	589496	50	14,0	48	3,8	amQ_1^{2-3}
GK2	1867720	589228	100	11,7	58	3,8	

(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định;

3. Theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định;

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước;

6. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của các năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả giám sát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Giấy phép khai thác nước dưới đất số 2362/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 do UBND tỉnh cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện Gio Linh; Chủ tịch UBND xã Gio Quang và Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lv*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục quản lý TNN-Bộ TNMT;
- Lưu: VT, KT *trần* *vv*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **78** /GP-UBND

Quảng Trị, ngày **30** tháng **10** năm 2023

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Điều chỉnh lần 1)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Xét Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị và Hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4027/TTr-STNMT ngày 20/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị, địa chỉ tại: Đường RD6, Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau:

- Mục đích khai thác, sử dụng: Cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.
- Vị trí công trình khai thác: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
- Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước trầm tích sông biển Pleitocen giữa trên (amQ_1^{2-3}) và phức hệ chứa lỗ hổng trầm tích Neogen;
- Tổng số giếng khai thác: 02 giếng.
- Tổng lưu lượng nước khai thác: $75 m^3/ngày đêm$;
- Thời hạn của giấy phép: đến ngày 19/8/2026.
- Chế độ khai thác: 365 ngày/năm.
- Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt: Không nhỏ hơn 20m tính từ miệng giếng.
- Vị trí toạ độ, lưu lượng và các thông số của từng giếng cụ thể như sau:

Số hiệu	Toạ độ VN2000 KTT 106°15', múi chiếu 3°		Lưu lượng ($m^3/ngày đêm$)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X (m)	Y (m)		Từ	Đến		
GK1	1867739	589496	50	14,0	48	3,8	amQ_1^{2-3}
GK2	1867720	589228	100	11,7	58	3,8	

(Cơ sở đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;
2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định;
3. Theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định;
4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;
5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước;
6. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

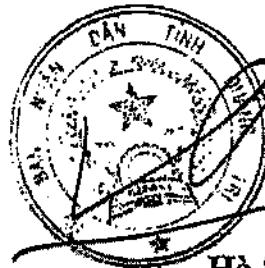
Điều 4. Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Giấy phép khai thác nước dưới đất số 61/GP-UBND ngày 05/9/2023 do UBND tỉnh cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT Hà Sỹ Đồng;
- Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị;
- Cục Quản lý TNN;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, KT *Tuấn*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AB 58715

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
Tỉnh Quảng Trị

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị

Giấy CNĐKKD số: 3003 000130 ngày 31/5/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Trị cấp

Địa chỉ trụ sở chính: 158 Nguyễn Trãi - thị xã Đông Hà - tỉnh Quảng Trị

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số : 78, 987, 375

2. Tờ bản đồ số : 5, 10, 11

3. Địa chỉ thửa đất :

KCN Quán Ngang - Xã Gio Quang - huyện Gio Linh - tỉnh Quảng Trị

4. Diện tích : 128.689,0 m²

Bằng chữ : Một trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi chín mét vuông

5. Hình thức sử dụng :

+ Sử dụng riêng : 128.689,0 m²

+ Sử dụng chung : Không m²

6. Mục đích sử dụng : Đất khu công nghiệp

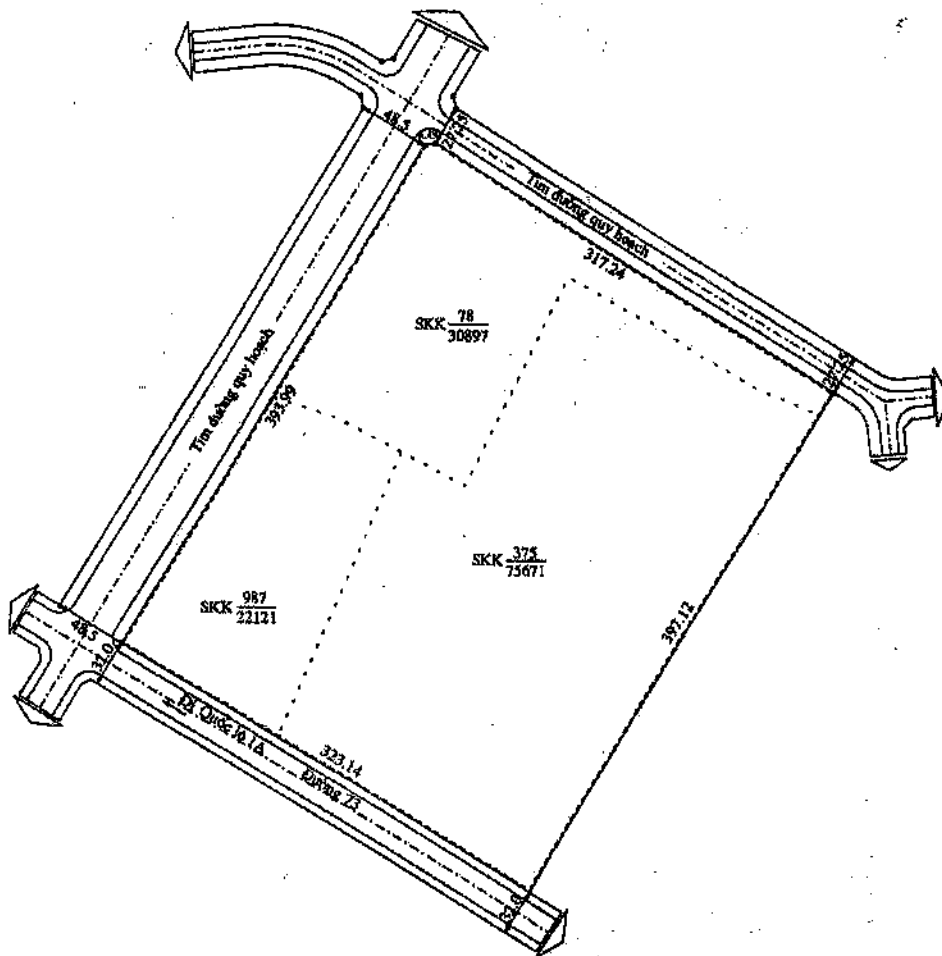
7. Thời hạn sử dụng : Đến ngày 08/10/2057

8. Nguồn gốc sử dụng : Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

V-Sơ đồ thửa đất



TỶ LỆ: 1/5.000

CHÚ DẪN

- Ranh giới khu đất hiện có
- ===== Ranh giới khu cấp giấy

Ngày 8 tháng 10 năm 2007

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh

K17 Chủ tịch

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Cường

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : T 01112



Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
2015/2010	Thợ chập bưng tạo sân gần lối vào khu nhà ở đang xây dựng lại và chỉ định người bán phải trả Quảng Trị và chỉ định người bán này và người bán phải trả Quảng Trị theo hồ sơ số: 10552. 00020. TC. VG. 1.	 Võ Văn Nam
20/6/2016	Nhà nước thu hồi 49.502 m ² , diện tích còn lại là 79.187 m ² , có số hiệu thửa là 987, 375, theo hồ sơ số 000906.TH.079.1.	 Võ Văn Nam

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

Ghi chú: Kèm theo giấy chứng nhận này có bản hồ sơ số: 01.

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 78, 987, 375

Tờ bản đồ số: 5, 10, 11

Số phát hành GCN: AE 587159

Số vào sổ cấp GCN: T 01112

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Xoá thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai với Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Quảng Trị, 184 Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, theo hồ sơ số 19552.000415.XC.VS/.	Ngày 02/12/2013 VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI QUẢNG TRỊ <i>(Signature)</i> Võ Văn Nam

Trang bổ sung này hoàn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 319/GPXD

1. Cấp cho : Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị.

Người đại diện : Ông Nguyễn Quang Lê - Chức vụ : Giám đốc.

Địa chỉ : 158 Nguyễn Trãi-Đông Hà-Quảng Trị.

2. Được phép xây dựng công trình

Nhà máy Bia Hà Nội - Quảng Trị.

Theo thiết kế có ký hiệu : **Hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng.**

Do Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T:P2-A36 khu Yên Lãng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà nội thiết lập gồm các nội dung sau:

Gồm các nội dung sau đây :

a. Nhà phụ trợ và xưởng chiết.

- + Diện tích xây dựng tầng 1 : 2520,00m²
- + Tổng diện tích sàn : 2520,00m²
- + Chiều cao công trình : 12,65 m
- + Số tầng : 01
- + Cốt xây dựng công trình : Cốt nền nhà ± 0,00 cao hơn cốt sân vườn hoàn thiện là: +0,20m và cao hơn cốt tại tim đường 73 là: +0,40m (cốt quy hoạch đường 73 đã được duyệt).

+ Chỉ giới xây dựng:

- Tại trục 3-3 tim trụ cách tim đường 73 (mặt cắt đường 32m) là: 73,80m.

- Tại trục E-E tim trụ cách tim đường quy hoạch (mặt cắt đường 48,5m) là: 82,95m.

b. Nhà nấu bia:

- + Diện tích xây dựng tầng 1 : 296,80 m²
- + Tổng diện tích sàn : 625,60m²
- + Chiều cao công trình : 17,4m
- + Số tầng : 03

c. HTTANK lên men và TANK thành phẩm:

- + Diện tích xây dựng công trình: 243,56m²

Gồm: 08 tanK lên men + 03 tanK thành phẩm

- 08 tanK lên men thể tích 106m³; thể tích hữu dụng 84,8m³ đường kính quy hoạch Ø 3,5m ; chiều cao 10,5m bằng inox 304.

- 03 tanK thành phẩm: thể tích 45m³ bằng inox 304.

d. Nhà ăn:

- + Diện tích xây dựng tầng 1 : 256,82m²
- + Tổng diện tích sàn : 256,82m²
- + Chiều cao công trình : 6,035m
- + Số tầng : 01

e. Nhà nổi hơi:



- 2024

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY :

- 1 - Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
- 2 - Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng.
- 3 - Phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải ...).
- 4 - Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
- 5 - Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.



**HỢP ĐỒNG THUÊ XE VẬN CHUYỂN
VÀ XỬ LÝ CTR THÔNG THƯỜNG**

Số: 9/HDDV

- Căn cứ bộ luật Dân sự Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào nhu cầu thực tế và sự thỏa thuận thực hiện của hai bên;

Hôm nay ngày 22 tháng 11 năm 2024,

Tại địa điểm: Công ty Cổ phần MT&CTĐT Đông Hà,

Chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG TRỊ.

- Đại diện: Ông: **Đinh Lê Anh**

Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Đường RD6 - KCN Quán Ngang, Xã Gio Quang, huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị.

- Điện thoại: 0233-3636357

- Mã số thuế: 3200264157

- Tài khoản số: 0771000638357 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quảng Trị.

Bên B:

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN MT&CTĐT ĐÔNG HÀ.**

- Đại diện là: Ông: **Nguyễn Tuấn Anh**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

- Địa chỉ: Khu phố 8 – Phường 5 – Thành phố Đông Hà.

- Điện thoại: 0233.3562389 – 0916.053.755

- Mã số thuế: 3200011389

- Tài khoản số: **3900.211.010.016** tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị.

Sau bàn bạc, thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Khối lượng, giá cả:

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Vận chuyển xỉ than bằng xe ben	Chuyến	01	700.000	700.000
2	Hút bùn tại KCN Quán Ngang	Chuyến	01	900.000	900.000
3	Công tác xử lý xỉ than tại bãi rác	m ³	01	220.000	220.000

Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT (8%)

- Khối lượng chất thải để đưa vào xác định giá trị thanh toán là khối lượng chất thải giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên thông qua “ Biên Bản Giao Nhận Chất Thải Rắn Thông Thường”.

Điều 2: Thời gian thực hiện:

Tháng 11 và tháng 12 năm 2024.

Điều 3: Địa điểm thực hiện: Công ty Cổ Phần Bìa Hà Nội – Quảng Trị, đường RD6 - KCN Quán Ngang, Xã Gio Quang, huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị.

Điều 4: Phương thức thanh toán:

- Nghiệm thu thanh toán theo khối lượng thực tế sau khi hoàn thành công việc.
- Bên A thanh toán bằng phương thức chuyển khoản (Việt Nam đồng) cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ khi Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán.
- Hồ sơ thanh toán bao gồm :

1. Biên bản giao nhận chất thái rắn thông thường.
2. Biên bản nghiệm thu thanh lý theo khối lượng thực tế sau khi hoàn thành công việc.
3. Hoá đơn tài chính theo quy định của Bộ Tài Chính.
4. Công văn đề nghị thanh toán của Bên B

Điều 5: Trách nhiệm mỗi bên:

*** Bên A:**

- Giám sát, hướng dẫn bên B thực hiện công việc theo nội dung trong hợp đồng.
- Thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.

*** Bên B:**

- Hoàn thành tốt công việc theo nội dung trong hợp đồng.
- Bên B cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ để làm căn cứ thanh toán.
- Cho thuê đúng kích thước, chủng loại, đảm an toàn lao động, có tinh thần trách nhiệm.

Điều 6: Điều khoản chung và hiệu lực hợp đồng:

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng.
- Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản liên quan đến Hợp đồng này phải được sự thỏa thuận thống nhất của hai bên và lập thành văn bản.
- Mọi tranh chấp phát sinh trước hết cần được giải quyết trên tinh thần thương lượng, hợp tác. Nếu không thể giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ còn có hiệu lực cho đến khi hai bên đã hoàn tất các quyền lợi và trách nhiệm theo hợp đồng của mỗi bên.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc



Đinh Lê Anh

ĐẠI DIỆN BÊN B
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Tuấn Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt)

Số: ... 04 .../2020/HĐ-MTĐTGL

Căn cứ Luật môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành,

Căn cứ Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 07/05/2014 của UBND huyện Gio Linh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Gio Linh;

Căn cứ Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng các khoản thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ nhu cầu của Công ty CP Bia Hà Nội – Quảng Trị và khả năng cung cấp dịch vụ của Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Gio Linh.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2020, tại Công ty CP Bia Hà Nội – Quảng Trị:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG TRỊ
Địa chỉ : 158 Nguyễn Trãi, Phường 1, Đông Hà, Quảng Trị.
Điện thoại : 0233.3638.357 Fax: 0233.3636.357
Tài khoản : 0771000638357 tại Ngân hàng Vietcombank Quảng Trị.
Mã số thuế : 3200264157
Đại diện : Ông NGUYỄN MINH TUÂN Chức vụ: Giám đốc Công ty

BÊN B : TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HUYỆN GIO LINH
Địa chỉ : KP8, thị trấn Gio Linh, Gio Linh, Quảng Trị
Điện thoại : 0233.631.686
Đại diện : Ông NGUYỄN THANH ĐỒNG Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng với các nội dung cụ thể sau: -

ĐIỀU 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ

1.1 Bên B nhận thu gom, bốc xếp, vận chuyển và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt, rác thải rắn không nguy hại (rác công nghiệp) cho bên A tại Nhà máy Bia Hà Nội – Quảng Trị - KCN Quán Ngang, Gio Quang, Gio Linh, Quảng Trị.

1.2 Phương tiện lưu chứa rác: Bên A tự trang bị, tập kết rác về bãi chứa rác của Nhà máy để bên B đến thu gom.

1.3 Thời gian thu gom: Bên B tổ chức thu gom rác 01 lần/tuần vào buổi chiều thứ Sáu hàng tuần hoặc theo yêu cầu của bên A khi có trường hợp đột xuất nhưng không quá 02 lần/tuần.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Lệ phí thu gom rác: 700.000 đồng/tháng (Bảy trăm ngàn đồng/tháng)

2.2 Tổng giá trị hợp đồng: 8.400.000 đồng (Tám triệu, bốn trăm ngàn đồng).

2.3 Phương thức thanh toán:

- Bên B xuất hóa đơn tài chính hợp lệ trên tổng giá trị hợp đồng cho bên A trong quý I/2020.

2.4 Bên A thanh toán tiền phí thu gom rác cho bên B theo từng Quý vào cuối Quý. Nếu sau 7 ngày mà bên A chưa thanh toán thì bên B sẽ tạm ngưng hợp đồng.

ĐIỀU 3: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng có giá trị kể từ ngày 01/01/2020 đến khi hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của bên A:

4.1.1 Chứa rác vào bao nylon hoặc thùng chứa rác chuyên dụng chuẩn, thực hiện các quy định về phân loại chất thải rắn tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy, nổ vào chung chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại.

4.1.2 Tập kết rác đúng nơi lưu chứa và phải thuận tiện cho xe lấy rác vào thu gom.

4.1.3 Thanh toán chi phí thu gom rác theo giá trị đã ký kết trong hợp đồng này.

4.1.4 Thông báo cho Bên B trong trường hợp khối lượng chất thải tăng để Bên B có kế hoạch điều động phương tiện xe máy. Bên A chịu trách nhiệm thanh toán chi phí phát sinh.

4.2 Trách nhiệm của bên B:

4.2.1 Bố trí nhân sự, phương tiện đến thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại bãi tập kết rác của bên A theo gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường. Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom. Tuyệt đối không để phương tiện, nhân sự di chuyển vào những khu vực không thuộc bãi chứa thải của bên A khi chưa được sự đồng ý của bên A.

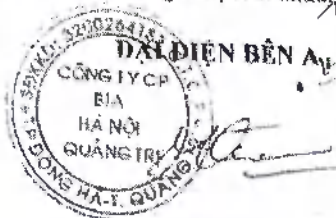
4.2.2 Thực hiện đúng theo quy định về vệ sinh môi trường. Vận chuyển chất thải về Trạm trung chuyển, tuyệt đối không đổ rác thải của bên A ra các khu vực không phải là Trạm trung chuyển làm ảnh hưởng đến môi trường, nếu bên B vi phạm điều khoản này thì bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với Pháp luật.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

5.1 Hai bên đồng ý thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác hai bên cùng có lợi và một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn phải thông báo cho bên kia biết trước 10 ngày. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được thì thống nhất nộp đơn đến tòa án để được giải quyết. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa án do bên có lỗi theo phán quyết của Tòa án chịu.

5.2 Khi hợp đồng hết hạn hoặc có những điều chỉnh thay đổi để phù hợp với thực tế nhu cầu của hai bên thì hai bên sẽ cùng bàn bạc, thỏa thuận ký hợp đồng mới hoặc phụ lục hợp đồng.

5.3 Hợp đồng này được thành lập thành hai (02) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ một (01) bản có giá trị như nhau.



Nguyễn Minh Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Thanh Đồng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/2025/HĐKT/DSO/BIAHNQT-LILAMA

(V/v: thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý chất thải nguy hại)

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại VP Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị, chúng tôi gồm có:

I. BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

Địa Chỉ : Đường RD6 – KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị

Điện thoại : 0233.3638.357 Fax: 0233.3636.357

Mã Số Thuế : 3200264157

Tài khoản số: 0771000638357 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Quảng Trị.

111.375.445 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Người Đại diện: (Ông) ĐÌNH LÊ ANH - Chức vụ: Giám Đốc

II. BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ – ĐIỆN – MÔI TRƯỜNG LILAMA

Địa chỉ : Khu dịch vụ công cộng - Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại : 0255.3908.001

Tài khoản số : 57300 66488 tại: Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Dung Quất

Mã số thuế : 4300357921

Người Đại diện: (Ông) HUỖNH VĨNH PHÚC - Chức vụ: Giám đốc KLH

Sau khi bàn bạc, thoả thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A giao và Bên B đồng ý thực hiện dịch vụ:

- Vận chuyển và xử lý các chất thải nguy hại (CTNH) mà Bên A là chủ nguồn thải.
- Các CTNH phát sinh tại địa điểm cơ sở: Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Trị.
- Địa điểm giao nhận CTNH tại: Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Trị
Đường RD6 – KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
- Danh sách các CTNH:

STT	Danh Mục CTNH	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị tính
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	Kg
02	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Rắn/Lỏng	Kg

03	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	Kg
04	Mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 01	Rắn/Lỏng	Kg
05	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	18 01 01	Rắn	Kg
06	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	Kg
07	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	Kg

1.2. Thời gian thực hiện:

- Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển cho Bên A theo yêu cầu của Bên A, tần suất tối thiểu 01 lần/năm. Lịch thu gom do 2 Bên thỏa thuận.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B sẽ thông báo lịch thu gom cho Bên A xác nhận nếu phù hợp thì tiến hành giao nhận CTNH cần vận chuyển xử lý. Thời gian thông báo: trước 03 ngày để Bên A chuẩn bị công tác bàn giao.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Tổ chức thu gom, phân loại, đóng gói, dán tem nhãn, lưu giữ tạm thời và quản lý các CTNH theo quy định của Nhà nước về trách nhiệm của chủ nguồn thải tại cơ sở phát sinh CTNH.
- Chịu trách nhiệm cân, đo khối lượng chất thải khi bàn giao cho bên B.
- Hỗ trợ xe nâng (nếu cần thiết) ... Phối hợp cùng với bên B bốc xếp các chất thải đã được đóng gói và lưu trữ tạm thời đưa lên xe vận chuyển CTNH của Bên B
- Phối hợp với Bên B trong quá trình giao nhận CTNH để công việc tiến hành một cách an toàn và nhanh chóng.
- Cử người đại diện để cùng Bên B thực hiện việc giao nhận chất thải và xác nhận khối lượng vào biên bản giao nhận CTNH.
- Thanh toán đầy đủ giá trị dịch vụ cho Bên B theo đơn giá quy định của hợp đồng.

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để tiếp nhận chất thải tại các điểm tập kết CTNH của bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận.
- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy các CTNH theo đúng quy định của pháp luật.
- Chịu trách nhiệm bốc xếp các chất thải đã được đóng gói và lưu trữ tạm thời đưa lên xe vận chuyển CTNH của Bên B.
- Cử đại diện để cùng Bên A phối hợp thực hiện việc giao nhận CTNH, xác nhận khối lượng vào biên bản giao nhận chất thải nguy hại và Chứng từ CTNH đảm bảo việc thu gom thực hiện an toàn, nhanh chóng và đúng yêu cầu của bên A.
- Tuân thủ quy định và nội quy của Bên A.
- Tư vấn các vấn đề về pháp lý, kỹ thuật trong việc phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại đúng theo quy định của Nhà nước.
- Chịu trách nhiệm pháp lý trước các cơ quan chính quyền theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

ĐIỀU 3: KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI – ĐƠN GIÁ – GIÁ TRỊ THANH TOÁN

3.1. Khối lượng chất thải để đưa vào xác định giá trị thanh toán là khối lượng chất thải của mỗi đợt giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên thông qua “Biên bản giao nhận chất thải nguy hại”.

3.2. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH:

Nấc khối lượng	Bảng giá tính cho một chuyến vận chuyển và xử lý (VNĐ)
Đến 200 Kg	6.000.000
Mỗi 1 Kg tiếp theo	10.000

Lưu ý: Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT

3.3. Giá trị thanh toán: (Chưa bao gồm thuế VAT)

- Trường hợp khối lượng chất thải của Bên A tại thời điểm thu gom nhỏ hơn hoặc bằng 200kg thì bên A sẽ phải thanh toán cho bên B mức phí là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

- Trong trường hợp khối lượng chất thải của Bên A tại thời điểm thu gom vượt quá 200kg thì giá trị thanh toán được tính bằng 6.000.000 đồng (cho 200kg đầu tiên) cộng với giá trị xử lý của phần khối lượng chất thải vượt trên 200kg. Đơn giá xử lý của khối lượng chất thải vượt trên 200kg là 10.000 đồng/kg.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Bên A thanh toán toàn bộ giá trị của hợp đồng theo từng đợt vận chuyển cho Bên B bằng tiền Việt Nam Đồng theo phương thức chuyển khoản trong vòng 15 ngày khi Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán.

- Hồ sơ thanh toán bao gồm :

1. Các biên bản giao nhận chất thải (bản photo).
2. Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán cho từng đợt có xác nhận của người có thẩm quyền hai bên.
3. Các chứng từ chất thải nguy hại (bản chính).
4. Hoá đơn tài chính theo qui định của Bộ Tài Chính.
5. Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.

ĐIỀU 5: BẤT KHẢ KHÁNG

5.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính bất thường và nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên như thiên tai và các biến động của xã hội như chiến tranh, nổi loạn, khủng bố; làm cản trở việc thực hiện hợp đồng của một trong hai bên.

5.2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng làm một bên không thực hiện được các nghĩa vụ theo hợp đồng thì bên bị ảnh hưởng phải thông báo ngay cho bên kia trong vòng 03 ngày và được miễn thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của hợp đồng.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

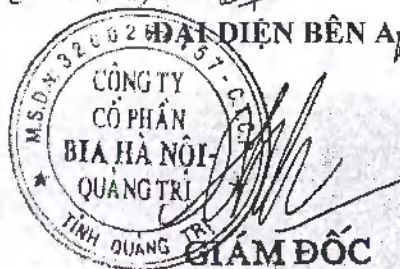
6.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, nếu có gì khó khăn hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

6.2. Bên nào vi phạm các điều khoản trong hợp đồng này thì bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại do sự vi phạm của mình gây ra theo pháp luật hiện hành của Việt Nam. Nếu tranh chấp hợp đồng xảy ra mà hai bên không tự giải quyết được thì hai bên sẽ trình lên Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết, và phán quyết của Tòa án là cơ sở cuối cùng buộc hai bên phải thi hành. Tất cả các chi phí liên quan đến trọng tài, tòa án và các thiệt hại khác liên quan đến tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu (kể cả chi phí thuê Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp), trừ khi đã có thỏa thuận nào đó khác giữa hai bên.

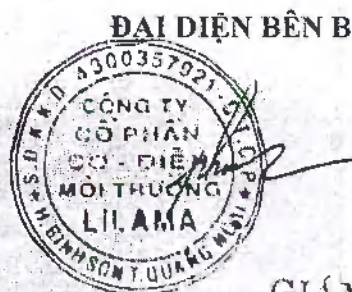
6.3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025.

6.4. Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý sau 15 ngày kể từ ngày hết hiệu lực hợp đồng nếu 02 (hai) Bên đã làm tròn nghĩa vụ và không có khiếu nại gì.

6.5. Hợp đồng được thành lập làm 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.



ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC
Dinh Lê Anh



ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC KINH
Nguyễn Vĩnh Phú

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 0601/2025/HĐKT-VNLMT-HABECO-QT

V/v: Lập báo cáo giám sát môi trường, phân tích mẫu nước năm 2025

- Căn cứ Luật dân sự số 91/2013/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, ban hành ngày 24/11/2013, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 nước CHXHCN Việt Nam, ban hành ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006

- Căn cứ nhu cầu, chức năng và nhiệm vụ của hai bên;

Hôm nay, ngày 06 tháng 01 năm 2025, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

Bên giao (Bên A): Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị.

Đại diện là Ông: **ĐINH LÊ ANH** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ Công ty: Đường RD6 – Khu Công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0233 3638357

Fax : 0233 3636357

Mã số thuế: 3200264157

Số tài khoản: 111 375 445 Tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở Hà Nội hoặc TK 0771 000 638 357 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quảng Trị

Bên nhận (Bên B): Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường

Đại diện là:

1. Ông: **NGUYỄN HOÀI NAM** Chức vụ: Phó Viện trưởng

(Theo Giấy ủy quyền số 503/UQ-VNLMT ngày 03/06/2024) *bsung*

2. Ông: **HUỲNH ĐỨC LONG** Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Công

nghệ môi trường tại Đà Nẵng - Chủ trì thực hiện

Địa chỉ: 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội;

Điện thoại: 04.3756.9133

Mã số thuế: 0110527751

Tài khoản số: 1312717979 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Thăng Long, Hà Nội.

Hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung công việc

1. Bên A giao cho bên B thực hiện việc: Lấy mẫu, phân tích mẫu nước, mẫu khí tại

(Chữ ký)

Công ty Cổ phần bia Hà Nội – Quảng Trị. Khu công nghiệp Quán Ngang – Huyện Gio Linh - tỉnh Quảng Trị trong năm 2025.

2. Bên B thực hiện công việc phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước.

Điều 2: Thời gian thực hiện hợp đồng

1. Thời gian thực hiện: Từ ngày ký hợp đồng đến 31/12/2025.
2. Thời gian Bên B lấy mẫu nước, mẫu khí cho Bên A:
 - Quý 1: Tháng 1/2025
 - Quý 2: Tháng 4/2025
 - Quý 3: Tháng 7/2025
 - Quý 4: Tháng 10/2025

Điều 3: Giá trị hợp đồng và Phương thức thanh toán

1. Giá trị của hợp đồng sẽ căn cứ vào khối lượng thực tế từng đợt mà bên B đã thực hiện được theo yêu cầu của bên A.

2. Đơn giá: Chỉ tiết theo phụ lục đính kèm

Đối với những thông số, chỉ tiêu không nằm trong phụ lục, hai bên tiến hành thương lượng và lập báo giá bổ sung kèm theo.

3. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Đơn vị thụ hưởng: **Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường**

Tài khoản số: 1312717979 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Chi nhánh Thăng Long, Hà Nội.

4. Hồ sơ thanh toán

Định kỳ hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện 6 tháng/lần và bên B xuất hóa đơn tài chính cho bên A.

Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho bên B sau 10 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán:

Hồ sơ thanh toán đợt 1 bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng 6 tháng/lần.
- Kết quả phân tích mẫu
- Hóa đơn tài chính

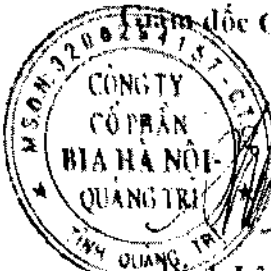
Hồ sơ thanh toán đợt 2 bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng 6 tháng/lần.
- Kết quả phân tích mẫu
- Hóa đơn tài chính
- Biên bản thanh lý hợp đồng

Điều 4: Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng có giá trị từ ngày ký.
2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng - Bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định chung của Pháp luật về hợp đồng kinh tế.
3. Trong quá trình thực hiện nếu xảy ra tranh chấp hợp đồng thì hai bên chủ động bàn bạc giải quyết. Khi cần sẽ lập phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung hợp đồng.

4. Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau để căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Trưởng Công ty

Đinh Lê Anh

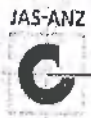
ĐẠI DIỆN BÊN B
KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Hoài Nam

0254
CÔNG TY
CỔ PHẦN
A HÀ NỘI
QUẢNG TRỊ
DIANG



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa - Quận Ngũ Hành Sơn - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.iet.vn>; <http://www.danetc.vn>



ISO 9001:2015



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00293/2023/PKQ (12W2303.083-084)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 18/03/2023
Thời gian thử nghiệm : 18/03/2023 - 27/03/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT
				0318/ B/NT1	0318/ B/NT2	Cmax
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	27,5	26,2	36
2.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	90	30	150
3.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,6	7,0	5,5 ÷ 9
4.	BOD ₅ (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	646	14	45
5.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	1.095	23	135
6.	Lưu lượng nước thải	m ³ /h	QT-HT.01	13	12	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	410	21,5	90
8.	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	84,1	29,3	36
9.	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,1	0,58	5,4
10.	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	6,4x10 ³	2,9x10 ³	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cmax: Cột B, K_a = 0,9 và K_f = 1,0
- 0318/B/NT1: Mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom nước thải
- 0318/B/NT2: Mẫu nước thải đầu ra sau HTXLNT của nhà máy bia Hà Nội

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KIỂM TRA VIÊN
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình

Đỗ Văn Mạnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa - Quận Ngũ Hành Sơn - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797. Website: <http://www.icetvn.vn>, <http://www.danetc.vn>



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00292/2023/PKQ (12A2303.100)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 18/03/2023
Thời gian thử nghiệm : 18/03/2023 - 27/03/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				0318/B/KT	Cột B
1.	Lưu lượng khí thải	m ³ /h	EPA method 2	2.190	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	45,6	200
3.	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	HD-HTKT	<5	500
4.	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	HD-HTKT	42,9	850
5.	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	HD-HTKT	314,6	1.000

Ghi chú:

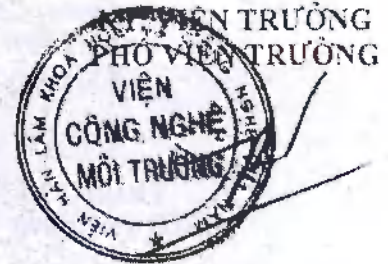
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- 0318/B/KT: Mẫu khí lò hơi sau HTXL khí thải nhà máy bia Hà Nội, E 107°5'24", N 16°53'7"

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC



Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình

Đỗ Văn Mạnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 22-10

Ngày hiệu lực: 01/8/2019

Trang: 1/1
trang. 1/1



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02861/2023/PKQ (1635.01W2305.808)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty CP Bia Hà Nội- Quảng Trị
Địa chỉ : Gio Quang- Gio Linh- Quảng Trị
Loại mẫu : Nước thải
PE 1,0L bảo quản lạnh
Tình trạng mẫu : PE 0,5L hãm H₂SO₄
TT 0,1L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 25/05/2023
Thời gian thử nghiệm : 25/05/2023 - 13/06/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
					C _{max}
1.	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2017	33,6	40
2.	Lưu lượng nước thải ^(b)	m ³ /h	QT-HT.01	13	-
3.	Độ màu ^(a,b)	Pt/Co	TCVN 6185:2015	52	150
4.	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	8,38	5,5 ÷ 9
5.	BOD ₅ (20°C) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	12	45
6.	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	35	135
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	16,4	90
8.	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2017	32,67	36
9.	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	5,28	5,4
10.	Coliform ^(a,b)	MPN/100 mL	TCVN 6187-2: 2020	1,6x10 ³	5.000

Ghi chú: - QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- C_{max}: Cột B, K_p = 0,9 và K_f = 1,0

- 01W2305.808: NT2- Mẫu nước thải đầu ra sau HTXL, nước thải của nhà máy bia Hà Nội.

X=16°53'10", Y=107°05'26"

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quản trắc môi trường;

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

QA/QC



Phạm Hải Long

Phạm Hải Long

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 72-10

Ngày hiệu lực: 01/8/2019

Trang: 1/1



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: 1800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1651 Fax: (84-24) 3791 1703



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02862.1/2023/PKQ (1635.01A2305.283)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty CP Bia Hà Nội- Quảng Trị
Địa chỉ : Gio Quang- Gio Linh- Quảng Trị
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 25/05/2023
Thời gian thử nghiệm : 25/05/2023 – 13/6/2023

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Khí thải - mẫu khí lò hơi sau HTXL khí thải nhà máy bia Hà Nội	QCVN 19:2009/ BTNMT
					Nồng độ C*
1	SO ₂ ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	<5,2	500
2	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	45	850
3	CO ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	326	1.000
4	Bụi tổng ^(b)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	41,6	200
5	Lưu lượng ^(b)	EPA Method 2	m ³ /h	6409	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (*): Cột B: Nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- (-): không xác định.

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Phạm Hải Long

Phạm Hải Long



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

RM 22-10

Ngày hiệu lực: 01/8/2019

Trang: 1/1



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02862/2023/PKQ (1635.01W2305.809)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty CP Bía Hà Nội- Quảng Trị
Địa chỉ : Gio Quang- Gio Linh- Quảng Trị
Loại mẫu : Nước mặt
PE 1,0L bảo quản lạnh
Tình trạng mẫu : PE 0,5L hãm H₂SO₄
TT 0,1L bảo quản lạnh
TT 1,0L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 25/05/2023
Thời gian thử nghiệm : 25/05/2023 - 13/06/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT
					Cột B1
1.	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14	15
2.	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2017	34,6	-
3.	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	29	30
4.	Ôxy hòa tan (DO) ^(b)	mg/L	TCVN 7325:2016	4,1	≥ 4
5.	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,73	5,5 ÷ 9
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	<2	50
7.	Độ đục ^(b)	NTU	TCVN 6184:2008	8,49	-
8.	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2017	1,99	-
9.	NO ₃ ⁻ (Tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6180:1996	<0,01	10
10.	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,16	-
11.	Tổng dầu, mỡ ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B:2017	<0,3	1
12.	Coliform ^(a,b)	MPN/100 mL	TCVN 6187-2: 2020	2,2x10 ³	7.500

Ghi chú: - QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
- 01W2305.809: NM- Mẫu nước mặt phía Nam KCN Quán Ngang cách vị trí xả thải nhà máy bìa 200m, N 16°53'08", E 107°05'12"

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00928/2023/PKQ (12W2308.024-025)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 08/08/2023
Thời gian thử nghiệm : 08/08/2023 - 22/08/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT Cmax
				0808/ B/NT1	0808/ B/NT2	
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	31,6	30,9	40
2.	Độ màu	Pl/Co	TCVN 6185C:2015	40	25	150
3.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,5	6,9	5,5 ÷ 9
4.	BOD ₅ (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	722	15	45
5.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	1.223	25	135
6.	Lưu lượng nước thải	m ³ /h	QT-HT.N03	12	10,5	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	235	18,0	90
8.	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	86,8	28,6	36
9.	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,43	0,15	5,4
10.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	6,9x10 ³	2,8x10 ³	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cmax: Cột B, K_a = 0,9 và K_f = 1,0
- 0808/B/NT1: Mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom nước thải, N 16°53'53,9", E 107°05'26"
- 0808/B/NT2: Mẫu nước thải đầu ra sau HTXLNT của nhà máy bia Hà Nội, N 16°53'10", E 107°05'26"

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2023

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC



Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình

Đỗ Văn Mạnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCETS 120 – VIMCETS 079 – VIMCETS 032)
Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa - Quận Ngũ Hành Sơn - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.vimcets.vn>; <http://www.danetc.vn>.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00927/2023/PKQ (12A2308.16)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 08/08/2023
Thời gian thử nghiệm : 08/08/2023 - 22/08/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				0808/B/KT	Cột B
1.	Lưu lượng khí thải	m ³ /h	EPA method 2	3.603	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	47,9	200
3.	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	<5	500
4.	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	3,8	850
5.	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	743	1.000

Ghi chú:

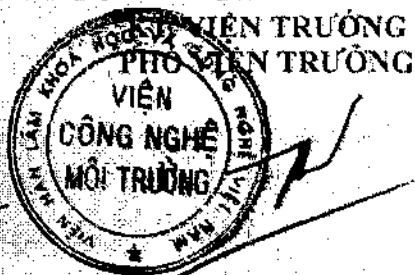
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- 0808/B/KT: Mẫu khí lò hơi sau HTXL khí thải nhà máy bia Hà Nội, E 10°5'24", N 16°53'7"

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2023

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC



Huỳnh Đức Long

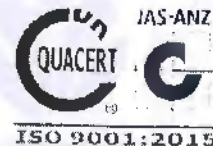
Hoàng Đình Đình

Đỗ Văn Mạnh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 - VIMCERTS 079 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa - Quận Ngũ Hành Sơn - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: (84-236) 9467707; Website: <http://www.icvn.vn>, <http://www.danetec.vn>.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02872/2023/PKQ (23.1115.12W2312.140-141)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quàn Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 05/12/2023
Thời gian thử nghiệm : 05/12/2023 - 15/12/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT Cmax
				1205/ B/NT1	1205/ B/NT2	
1.	Lưu lượng nước thải	m ³ /h	QT-HT.N03	11,5	10	-
2.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	28,3	29,4	40
3.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185C:2015	35	20	150
4.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	7,6	5,5 ÷ 9
5.	BOD ₅ (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	586	18	45
6.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	1.128	29	135
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	62,0	12,5	90
8.	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	54,4	34,8	36
9.	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,99	0,72	5,4
10.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	9,4x10 ³	1,5x10 ³	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cmax: Cột B, K_q = 0,9 và K_f = 1,0
- 1205/B/NT1: Mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom nước thải, N 16°53'53,9", E 107°05'26"

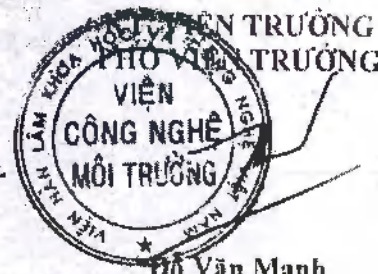
E 107°05'26"

- 1205/B/NT2: Mẫu nước thải đầu ra sau HTXLNT của nhà máy bia Hà Nội, N 16°53'10", E 107°05'26"

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2023

QA/QC



Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình

Đỗ Văn Mạnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa - Quận Ngũ Hành Sơn - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.iet.vn.vn>; <http://www.dancte.vn>



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02870/2023/PKQ (23.1115.12A2312.81)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 05/12/2023
Thời gian thử nghiệm : 05/12/2023 - 15/12/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				1205/ B/KT	Cột B
1.	Lưu lượng khí thải	m ³ /h	EPA method 2	3.815	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	38,5	200
3.	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	<5	500
4.	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	12,3	850
5.	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	510,7	1.000

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- 1205/B/KT: Mẫu khí lò hơi sau HTXL khí thải nhà máy bia Hà Nội, E 107°5'24", N 16°53'7"

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2023

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 134, Đường Trần Đại Nghĩa - Quận Ngũ Hành Sơn - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.vietnam.vn>, <http://www.danang.vn>



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02871/2023/PKQ (23.11/15.12W2312.139)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm

Địa chỉ

Loại mẫu

Tình trạng mẫu

Số lượng mẫu

Thời gian lấy mẫu

Thời gian thử nghiệm

: Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị

: Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

: Nước mặt

: Bảo quản lạnh, hầm hóa chất

: 1

: 05/12/2023

: 05/12/2023 - 15/12/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				1205/ B/NM	QCVN 08- MT:2015/ BTNMT Cột B1
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,7	5,5 ÷ 9
2.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	26,8	-
3.	BOD ₅ (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14	15
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	25	30
5.	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	6,4	≥ 4
6.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	10,7	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	12,5	50
8.	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,36	10
9.	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	46,6	-
10.	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,01	-
11.	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	<0,3	1
12.	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	1,1x10 ³	7.500

Ghi chú:

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
- 1205/B/NM: Mẫu nước mặt phía Nam KCN Quán Ngang cách vị trí xả thải nhà máy bia 200 m, E 107°5'12", N 16°53'8"

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2023

KT. VIỆN TRƯỞNG
ĐẠI VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình

Đỗ Văn Mạnh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01087/2024/PKQ (24.316.12A2403.338)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 26/03/2024
Thời gian thử nghiệm : 26/03/2024 - 09/04/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				0326/BHN /KT	Cột B
1.	Lưu lượng khí thải	m ³ /h	EPA method 2	2.200	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	41,9	200
3.	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	<5	500
4.	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	4,3	850
5.	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	238,3	1.000

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- 0326/BHN/KT: Mẫu khí lò hơi sau HTXL khí thải nhà máy bia Hà Nội,
E 107°5'24", N 16°53'7"

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2024

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình

Nguyễn Hoài Nam

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01088/2024/PKQ (24.316.12W2403.804-805)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 26/03/2024
Thời gian thử nghiệm : 26/03/2024 - 09/04/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT
				0326/ BHN/ NT1	0326/ BHN/ NT2	C _{max}
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	29,2	27,8	40
2.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185C:2015	160	40	150
3.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,4	6,9	5,5 ÷ 9
4.	BOD ₅ (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	2.244	17	45
5.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	4.401	30	135
6.	Lưu lượng nước thải	m ³ /h	QT-HT.N03	12,7	11,2	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	580	13,0	90
8.	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	42,4	34,0	36
9.	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,91	0,34	5,4
10.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	9,5x10 ³	2,6x10 ³	5.000

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- C_{max}: Cột B, K_a = 0,9 và K_f = 1,0
- 0326/BHN/NT1: Mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom nước thải, N 16°53'53,9", E 107°05'26"
- 0326/BHN/NT2: Mẫu nước thải đầu ra sau HTXLNT của nhà máy bia Hà Nội, N 16°53'10", E 107°05'26"

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2024

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình



Nguyễn Hoài Nam



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 - VIMCERTS 079 - VIMCERTS 012)
Địa chỉ: Số 331 Đường Trần Duệ Khanh - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 091 2 06 1197 - Website: http://www.vimcerts.vn - http://www.danang.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01708/2024/TKQ (24.519.12W2405.385-386)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quế Ngang, Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hàm hòa chất
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 06/05/2024
Thời gian thử nghiệm : 06/05/2024 - 23/05/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT
				0506/ BHN/ NT1	0506/ BIIN/ NT2	C _{max}
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	33,1	31,8	40
2	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185C:2015	90	25	150
3	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	7,4	5,5 - 9
4	BOD ₅ (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	240	22	45
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	453	41	135
6	Lưu lượng nước thải	m ³ /h	QT-IIT.N03	14	12,5	-
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	370	26,0	90
8	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	61	15	36
9	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	6,05	2,57	5,4
10	Culiform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	7,9x10 ³	2,1x10 ³	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- C_{max}: Cột B, K_a = 0,9 và K_f = 1,0
- 0506/ BHN/ NT1: Mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom nước thải
- 0506/ BHN/ NT2: Mẫu nước thải đầu ra sau HTXLNT của nhà máy bia Hà Nội

Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2024

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Huỳnh Đình Đình

Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Không được tách ra một phần kết quả này để công bố, sử dụng ở nơi khác của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01707/2024/PIKQ (24.519.12W2405.384)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Nước mặt
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 06/05/2024
Thời gian thử nghiệm : 06/05/2024 - 23/05/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	
				0506/BHN/NM	Bảng 1	Bảng 2 - Mức B
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,3	-	6 + 8,5
2.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	32,3	-	-
3.	BOD ₅ (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5,6	-	≤ 6
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	9,3	-	≤ 15
5.	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	6,1	-	≥ 5,0
6.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	8,5	-	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	9,0	-	≤ 100
8.	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,42	10 ⁽¹⁾	-
9.	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	0,68	-	≤ 1,5
10.	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,29	-	≤ 0,3
11.	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	<0,3	5	-
12.	Coliform	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2023	1,1x10 ³	-	≤ 5.000

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
- (1): QCVN 08-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
- 0506/BHN/NM: Mẫu nước mặt phía Nam KCN Quán Ngang cách vị trí xả thải nhà máy bia 200m, E 107°5'12", N 16°53'8"

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

Huỳnh Đức Long

Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2024

QA/QC KT. VIỆN TRƯỞNG

Hoàng Đình Đình



*Nguyễn Hoàn Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01706/2024/PPKQ (24.519.12A2405.54)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 06/05/2024
Thời gian thử nghiệm : 06/05/2024 - 23/05/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				0506/BHN /KT	Cột B
1.	Lưu lượng khí thải	m ³ /h	US EPA Method 2	2.350	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	37,9	200
3.	Lưu huỳnh điôxít, SO ₂	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	<5	500
4.	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	24,8	850
5.	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	505,4	1.000

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- 0506/BHN/KT: Mẫu khí lơ lửng sau HTXL khí thải nhà máy bia Hà Nội, E 107°5'24", N 16°53'7"

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2024

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình



Nguyễn Hoài Nam

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích ra một phần kết quả này để không được sử dụng ở các Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03955/2024/PKQ (24.1516.12W2409.1137-1138)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 21/09/2024
Thời gian thử nghiệm : 21/09/2024 - 08/10/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 40:2011/BTNMT
				0921/ BHN/ NT1	0921/ BHN/ NT2	Cmax
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	31,1	30,1	40
2.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185C:2015	14	8	150
3.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,5	6,8	5,5 ÷ 9
4.	BOD ₅ (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	617	25	45
5.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	1.067	46	135
6.	Lưu lượng nước thải	m ³ /h	QT-HT.N03	12,0	11,5	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	12,0	8,0	90
8.	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	36,7	27,8	36
9.	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	6,0	3,8	5,4
10.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	7,9x10 ³	2,3x10 ³	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cmax: Cột B, K_a = 0,9 và K_f = 1,0
- 0921/BHN/NT1: Mẫu nước thải đầu vào vào tại bể thu gom nước thải
- 0921/BHN/NT2: Mẫu nước thải đầu ra sau HTX/LNT của nhà máy bia Hà Nội

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2024

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình



Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 5.10.10

Ngày hiệu lực: 01/01/2024

Trang: 1/1



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03954/2024/PKQ (24.1516.12A2409.193)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 21/09/2024
Thời gian thử nghiệm : 21/09/2024 - 08/10/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				0921/BHN/ KT	Cột B
1.	Lưu lượng khí thải	m ³ /h	US EPA Method 2	2.300	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	46,4	200
3.	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	<5	500
4.	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	67,9	850
5.	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	346,6	1.000

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- 0921/BHN/KT: Mẫu khí lò hơi sau HTXL khí thải nhà máy bia Hà Nội. E 10°5'24", N 16°53'7"

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2024

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 134, Đường Trần Đại Nghĩa - Quận Ngũ Hành Sơn - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797, Website: <http://www.vstec.vn>, <http://www.daneic.vn>



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05105/2024/PKQ (24.1993.12A2411.295)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 28/11/2024
Thời gian thử nghiệm : 28/11/2024 - 27/12/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				1217/BHN/ KT	Cột B
1.	Lưu lượng khí thải	m ³ /h	US EPA Method 2	2.410	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	31	200
3.	Lưu huỳnh dioxit, SO ₂	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	<5	500
4.	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	37,6	850
5.	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	473	1.000

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- 1217/BHN/KT: Mẫu khí lò hơi sau HTXL khí thải nhà máy bia Hà Nội, E 107°5'24", N 16°53'7"

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT. VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình



Nguyễn Hoài Nam

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 5.10.10

Ngày hiệu lực: 01/01/2024

Trang: 1/1



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05104/2024/PKQ (24.1993.12W2411.639-640)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bía Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 28/11/2024
Thời gian thử nghiệm : 28/11/2024 - 27/12/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 40:2011/BTNMT
				1128/ BHN/ NT1	1128/ BHN/ NT2	Cmax
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	32,3	29,4	40
2.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185C:2015	30	12	150
3.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,7	7,2	5,5 ÷ 9
4.	BOD ₅ (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	402	13	45
5.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	627	19	135
6.	Lưu lượng nước thải	m ³ /h	QT-HT.N03	13	12,8	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	28,0	16,0	90
8.	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	25,0	8,0	36
9.	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,03	3,92	5,4
10.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	7x10 ³	2,3x10 ³	5.000

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05103/2024/PKQ (24.1993.12W2411.638)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị
Địa chỉ : Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu : Nước mặt
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 28/11/2024
Thời gian thử nghiệm : 28/11/2024 - 27/12/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	
				1128/ BHN/ NM	Bảng 1	Bảng 2 - Mức B
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	-	6 ÷ 8,5
2.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	28,3	-	-
3.	BOD ₅ (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6	-	≤ 6
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	10	-	≤ 15
5.	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	6,1	-	≥ 5,0
6.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	6,8	-	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	10	-	≤ 100
8.	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,53	10	-
9.	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	7,9	-	≤ 1,5
10.	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,21	-	≤ 0,3
11.	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	<0,3	5	-
12.	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	780	-	≤ 5.000

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 5.10.10

Ngày hiệu lực: 01/01/2024

Trang: 1/2

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH QUẢNG TRỊ
Số: 68 /TD-PCCC (.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 24 ngày 31 /3 /2011

của: Công ty cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị
Người đại diện là ông/ bà: Nguyễn Minh Tuấn Chức danh: P. Giám đốc

(1) Phòng CS PCCC & CNCH

CHỨNG NHẬN:

- (2) Công trình: Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị
Địa điểm: KCN Quán Ngang thuộc xã Gio Quang - Gio Linh - Quảng Trị
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng HPT

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

1. Khoảng cách an toàn PCCC; lối thoát nạn;
2. Hệ thống báo cháy tự động;
3. Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà;
4. Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;
5. Trang bị, bố trí bình chữa cháy xách tay;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)

1. Đảm bảo an toàn PCCC, PN trong quá trình thi công;
2. Ở hạng mục nhà ăn bố trí thêm 01 cửa thoát nạn;
3. Công tác PCCC phải được kiểm tra, nghiệm thu trước khi đưa công trình vào hoạt động.

Nơi nhận:

Cty CP Hà Nội - Quảng Trị
Lm PCCC

Đang B, ngày 09 tháng 4 năm 10 11.

(4) TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC & CNCH

Tai Kế Phan Ngọc Thăng

- (1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cụ thể;
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (kẻ tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 227/ĐT Quyền số: Số chứng thực bản sao đúng với bản chính - SCTĐT/BS

Ngày 10 tháng 10 năm 2023



Handwritten signature

Số: 63/NT-PCCC

Quảng Trị, ngày 05 tháng 02 năm 2015

**V/v Nghiệm thu phòng cháy chữa cháy (PCCC)
Công trình Nhà máy bia Hà Nội Quảng Trị**

Kính gửi: Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị.

- Căn cứ công văn số 06/BIHQ-TĐT ngày 13/01/2015 của Công ty cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị về việc đề nghị nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị;

- Căn cứ vào hồ sơ nghiệm thu do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình xây dựng Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị do Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) - Công an tỉnh Quảng Trị và các bên liên quan lập ngày 16/01/2015;

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Quảng Trị đồng ý nghiệm thu về PCCC:

Công trình: Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị;

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị;

Địa điểm xây dựng: KCN Quán Ngang - Gio Linh - Quảng Trị.

Các nội dung đã được nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy gồm

1. Khoảng cách an toàn PCCC; lối thoát nạn;
2. Hệ thống chiếu sáng sự cố; chỉ dẫn thoát nạn;
3. Hệ thống báo cháy tự động;
4. Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà;
5. Bình chữa cháy xách tay.

Đồng thời đề nghị chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu kèm theo sau:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về bảo trì, bảo dưỡng, vận hành sử dụng và sửa chữa thay thế các thiết bị phòng cháy, chữa cháy.
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy đã được lắp đặt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu PCCC.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Thượng tá Bùi Hương

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 228/ĐT Quyền số: Số chứng thực bản sao từ bản chính-CTĐT/BS

Ngày 10 tháng 10 năm 2023



Chinh

**CÔNG AN TỈNH QUẢNG TRỊ
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 375 /TD-PCCC

Quảng Trị, ngày 24 tháng 10 năm 2023

V/v thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh về PCCC
công trình Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị
(hạng mục Mở rộng nhà xưởng sản xuất)

Kính gửi: Công ty cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 68/TD-PCCC ngày 09/4/2011 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) - Công an tỉnh Quảng Trị;

Xét hồ sơ, văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh về phòng cháy và chữa cháy số 10/TTr-2023 ngày 11/10/2023 của Công ty cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị;

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Quảng Trị đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ

Mở rộng nhà xưởng sản xuất, diện tích 1.060m².

II. NỘI DUNG THẨM DUYỆT

Khoảng cách PCCC giữa nhà và công trình; đường và lối thoát nạn; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; bậc chịu lửa; bố trí công năng; giao thông, bãi đỗ cho phương tiện chữa cháy; chữa cháy và cứu nạn; hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; bình chữa cháy xách tay.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh phòng cháy và chữa cháy được kèm theo văn bản này.

(Thay thế văn bản thẩm duyệt số 155/TD-PCCC ngày 15/5/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Quảng Trị) /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC và CNCH (báo cáo);
- Đội Công tác phòng cháy;
- Lưu: PCCC (Đ1).

TRƯỞNG PHÒNG

Hạng tá Lê Văn Hoàng



**QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

*(Kèm theo văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
số 375 /TD-PCCC, ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Phòng Cảnh sát
PCCC và CNCH - Công an tỉnh Quảng Trị)*

TT	NỘI DUNG		GHI CHÚ
I	QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH		
-	Mở rộng nhà xưởng sản xuất, diện tích 1.060 m ² .		
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH		
	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	
1	Thuyết minh thiết kế thi công hệ thống PCCC		01 bộ
2	Hồ sơ thiết kế thi công		01 bộ
-	Phân kiến trúc, kết cấu	BVTK:01; BVTK:02; BVTK:05 đến BVTK:31	
-	Giao thông, bãi đỗ, nguồn nước phục vụ chữa cháy	BVTK:03; BVTK:04; BVTK:32; BVTK:33	
-	Hệ thống báo cháy, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn	PCCC-01 đến PCCC-07	
-	Hệ thống chữa cháy, trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu	PCCC-08 đến PCCC-12	
-	Hệ thống thông gió	PCCC:13; PCCC:14	

Phạm

**CÔNG AN TỈNH QUẢNG TRỊ
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 100 /NT-PCCC

Quảng Trị, ngày 26 tháng 4 năm 2024

V/v chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC
công trình Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị
(hạng mục Mở rộng nhà xưởng sản xuất)

Kính gửi: Công ty cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 375/TD-PCCC ngày 24/10/2023 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH), Công an tỉnh Quảng Trị;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 22/CV-HQT ngày 03/4/2024 của Công ty cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị (người đại diện theo pháp luật là ông: Đinh Lê Anh, Chức vụ: Giám đốc);

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 19/4/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Quảng Trị;

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Quảng Trị chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của công trình Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị (hạng mục Mở rộng nhà xưởng sản xuất) với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị.

Đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty cổ phần SQ Quảng Trị.

Đơn vị giám sát PCCC: Công ty TNHH Thiên Khôi 68.

Quy mô công trình: Mở rộng nhà xưởng sản xuất, diện tích 1.060m².

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

1. Khoảng cách PCCC giữa nhà và công trình; đường và lối thoát nạn; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; bậc chịu lửa; bố trí công năng;
2. Giao thông, bãi đỗ dành cho phương tiện chữa cháy; chữa cháy và cứu nạn;
3. Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà;
4. Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; bình chữa cháy xách tay.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất hoạt động của công trình, hạng mục công trình phải bảo đảm theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC để được thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định;

- Cung cấp hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình cho đơn vị quản lý, vận hành khi đưa công trình vào sử dụng để xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu. Việc kiểm tra của cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH không thay thế, làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ. *Phu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PCCC (Đ1).

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Lê Văn Hoàng

Chứng nhận

Hệ thống quản lý theo
ISO 22000 : 2018

Tổ chức chứng nhận TUV NORD Việt Nam căn cứ theo kết quả đánh giá, thẩm định và quyết định chứng nhận đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17021-1:2015, xác nhận

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Số 183, Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà,
Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội,
Việt Nam

vận hành hệ thống quản lý phù hợp với các yêu cầu tiêu chuẩn ISO 22000 : 2018 tại địa điểm

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
Đường RD6 - Khu Công Nghiệp Quán Ngang,
Xã Gio Quang, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị,
Việt Nam



sẽ được đánh giá xác nhận tính phù hợp trong thời hạn hiệu lực 3 năm của giấy chứng nhận.

Phạm vi chứng nhận

Sản xuất và cung cấp bia hơi và bia lon
Chuyên ngành: CII, CIV, FI - ISO 22003-1:2022

Số chứng chỉ: TNV164240386-006
Số báo cáo: 2.5-VN40106/2025

Hiệu lực từ 2025-03-22
Hiệu lực đến 2028-03-21
Chứng nhận lần đầu 2019

Lê Sỹ Trung - Tổng Giám đốc

Việt Nam, 2025-03-19

TUV NORD Việt Nam - thành viên của tập đoàn TUV NORD (CHLB Đức)

Hiệu lực của chứng chỉ này liên kết với hiệu lực của chứng chỉ chính.



Truy cập cơ sở dữ liệu
để xác minh tính
hiệu lực của chứng chỉ

TÜVNORD

Certificate

Management system as per

ISO 22000 : 2018

The Certification Body TÜV NORD Vietnam hereby confirms as a result of the audit, assessment and certification decision according to ISO/IEC 17021-1:2015, that the organization

HANOI BEER ALCOHOL AND BEVERAGE JOINT STOCK CORPORATION

No.183 Hoang Hoa Tham Street, Ngoc Ha Ward,
Ba Dinh District, Hanoi City,
Vietnam

operates a management system in accordance with the requirements of ISO 22000 : 2018 at the location

HANOI - QUANGTRI BEER JOINT STOCK COMPANY

Road RD6 - Quan Ngang Industrial Zone,
Gio Quang Commune, Gio Linh District, Quang Tri Province,
Vietnam

will be assessed for conformity within the 3 year term of validity of the certificate.

Scope

Manufacturing and supplying of draught beer and canned beer

Subcategory: CII, CIV, FI - ISO 22003-1:2022

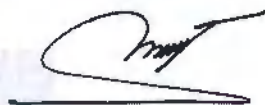
Certificate Registration No.TNV164240386-006

Audit Report No.2.5 - VN40106/2025

Valid from 2025-03-22

Valid until 2028-03-21

Initial certification 2019



Le Sy Trung - General Manager

Vietnam, 2025-03-19

TÜV NORD Vietnam - a member of TÜV NORD Group (Federal Republic of Germany)

This certificate is valid in conjunction with the main certificate.

TÜVNORD

TÜV NORD Vietnam Co., Ltd

ISO 22000

tuvnord.vn

VICAS 016



Visit our database to
verify the validity of
this certificate.

TÜV NORD Vietnam Co., Ltd
Floor 12th, T.I.D Building,
No. 4 Lieu Giai, Ba Dinh District,
Hanoi, Vietnam
www.tuvnord.vn

TÜV*
VNA VN40106 RC CII # CIV # FI



TÜVNORD

Chứng nhận

Hệ thống quản lý theo
ISO 14001 : 2015

Tổ chức chứng nhận TÜV NORD Việt Nam căn cứ theo kết quả đánh giá, thẩm định và quyết định chứng nhận đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17021-1:2015, xác nhận

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Số 183, Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà,
Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội,
Việt Nam

vận hành hệ thống quản lý phù hợp với các yêu cầu tiêu chuẩn ISO 14001 : 2015 tại địa điểm

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
Đường RD6 - Khu Công Nghiệp Quán Ngang,
Xã Gio Quang, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị,
Việt Nam

sẽ được đánh giá xác nhận tính phù hợp trong thời hạn hiệu lực 3 năm của giấy chứng nhận.

Phạm vi chứng nhận

Sản xuất và cung cấp bia hơi và bia lon

Số chứng chỉ: TNV164240385-006
Số báo cáo: 2.5-VN40106/2025

Hiệu lực từ 2025-03-22
Hiệu lực đến 2028-03-21
Chứng nhận lần đầu 2019

Lê Sỹ Trung - Tổng Giám đốc

Việt Nam, 2025-03-19

TÜV NORD Việt Nam - thành viên của tập đoàn TÜV NORD (CHLB Đức)

Hiệu lực của chứng chỉ này liên kết với hiệu lực của chứng chỉ chính.

TÜV NORD Việt Nam
Tầng 12, tòa nhà T.I.D,
Số 4 Liễu Giai, Ba Đình,
Hà Nội, Việt Nam
www.tuvnord.vn

TÜV®

VNA VN40106 RC EAC 03 R3



VICAS 016 EMS

TÜVNORD
TÜV NORD Vietnam Co., Ltd

ISO 14001

tuvnord.vn

VICAS 016



Truy cập cơ sở dữ liệu
để xác minh tính
hiệu lực của chứng chỉ

TÜVNORD

Certificate

Management system as per

ISO 14001 : 2015

The Certification Body TÜV NORD Vietnam hereby confirms as a result of the audit, assessment and certification decision according to ISO/IEC 17021-1:2015, that the organization

HANOI BEER ALCOHOL AND BEVERAGE JOINT STOCK CORPORATION

No.183 Hoang Hoa Tham Street, Ngoc Ha Ward,
Ba Dinh District, Hanoi City,
Vietnam

operates a management system in accordance with the requirements of ISO 14001 : 2015 at the location

HANOI - QUANGTRI BEER JOINT STOCK COMPANY

Road RD6 - Quan Ngang Industrial Zone,
Gio Quang Commune, Gio Linh District, Quang Tri Province,
Vietnam

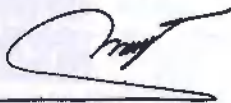
will be assessed for conformity within the 3 year term of validity of the certificate.

Scope

Manufacturing and supplying of draught beer and canned beer

Certificate Registration No.TNV164240385-006
Audit Report: No. 2.5-VN40106/2025

Valid from 2025-03-22
Valid until 2028-03-21
Initial certification 2019



Le Sy Trung - General Manager

Vietnam, 2025-03-19

TÜV NORD Vietnam - a member of TÜV NORD Group (Federal Republic of Germany)

This certificate is valid in conjunction with the main certificate.



Visit our database to
verify the validity of
this certificate.

TÜV NORD Vietnam Co., Ltd
Floor 12th, T.I.D Building,
No. 4 Lieu Giai, Ba Dinh District,
Hanoi, Vietnam
www.tuvnord.vn

TÜV
VNA VN40106 RC EAC 03 R3



Certificate

TÜVNORD

TUV NORD Vietnam Co., Ltd

ISO 9001

tuvnord.vn

VICAS 016

Management system as per

ISO 9001 : 2015

The Certification Body TÜV NORD Vietnam hereby confirms as a result of the audit, assessment and certification decision according to ISO/IEC 17021-1:2015, that the organization

HANOI BEER ALCOHOL AND BEVERAGE JOINT STOCK CORPORATION

**No.183 Hoang Hoa Tham Street, Ngoc Ha Ward,
Ba Dinh District, Hanoi City,
Vietnam**

operates a management system in accordance with the requirements of ISO 9001 : 2015 at the location

HANOI - QUANGTRI BEER JOINT STOCK COMPANY

**Road RD6 - Quan Ngang Industrial Zone,
Gio Quang Commune, Gio Linh District, Quang Tri Province,
Vietnam**

will be assessed for conformity within the 3 year term of validity of the certificate.

Scope

Manufacturing and supplying of draught beer and canned beer



Certificate Registration No.TNV164240384-006
Audit Report No.2.5 - VN40106/2025.

Valid from 2025-03-22
Valid until 2028-03-21
Initial certification 2019

Le Sy Trung - General Manager

Vietnam, 2025-03-19

TÜV NORD Vietnam - a member of TÜV NORD Group (Federal Republic of Germany)

This certificate is valid in conjunction with the main certificate.



Visit our database to
verify the validity of
this certificate.

TUV NORD Vietnam Co., Ltd
Floor 12th, T.I.D Building,
No. 4 Lieu Giai, Ba Dinh District,
Hanoi, Vietnam
www.tuvnord.vn

TÜV*
VNA VN40106 RC EAC 03



VICAS 016 QMS

Chứng nhận

Hệ thống quản lý theo

ISO 9001 : 2015

Tổ chức chứng nhận TUV NORD Việt Nam căn cứ theo kết quả đánh giá, thẩm định và quyết định chứng nhận đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17021-1:2015, xác nhận

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Số 183, Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà,
Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội,
Việt Nam

vận hành hệ thống quản lý phù hợp với các yêu cầu tiêu chuẩn ISO 9001 : 2015 tại địa điểm

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

Đường RD6 - Khu Công Nghiệp Quán Ngang,
Xã Gio Quang, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị,
Việt Nam

sẽ được đánh giá xác nhận tính phù hợp trong thời hạn hiệu lực 3 năm của giấy chứng nhận.

Phạm vi chứng nhận

Sản xuất và cung cấp bia hơi và bia lon

Số chứng chỉ: TNV164240384-006

Số báo cáo: 2.5-VN40106/2025

Hiệu lực từ 2025-03-22

Hiệu lực đến 2028-03-21

Chứng nhận lần đầu 2019

Lê Sỹ Trung - Tổng Giám đốc

Việt Nam, 2025-03-19

TUV NORD Việt Nam - thành viên của tập đoàn TÜV NORD (CHLB Đức)

Hiệu lực của chứng chỉ này liên kết với hiệu lực của chứng chỉ chính.

TUVNORD

TUV NORD Vietnam Co., Ltd

ISO 9001

tuvnord.vn

VICAS 016

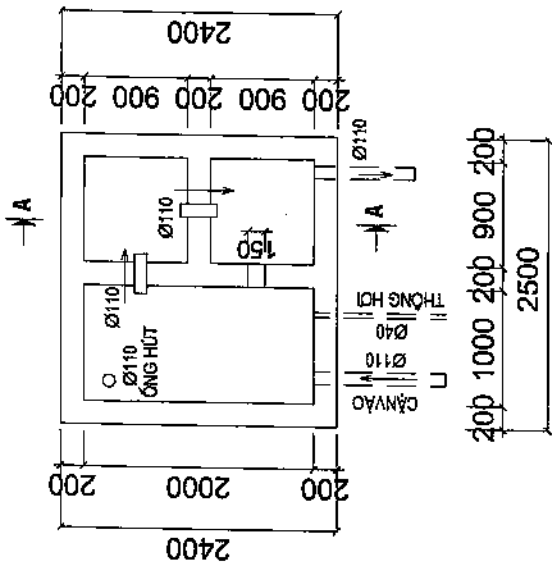


HABECO
HQT Brewery Jsc.

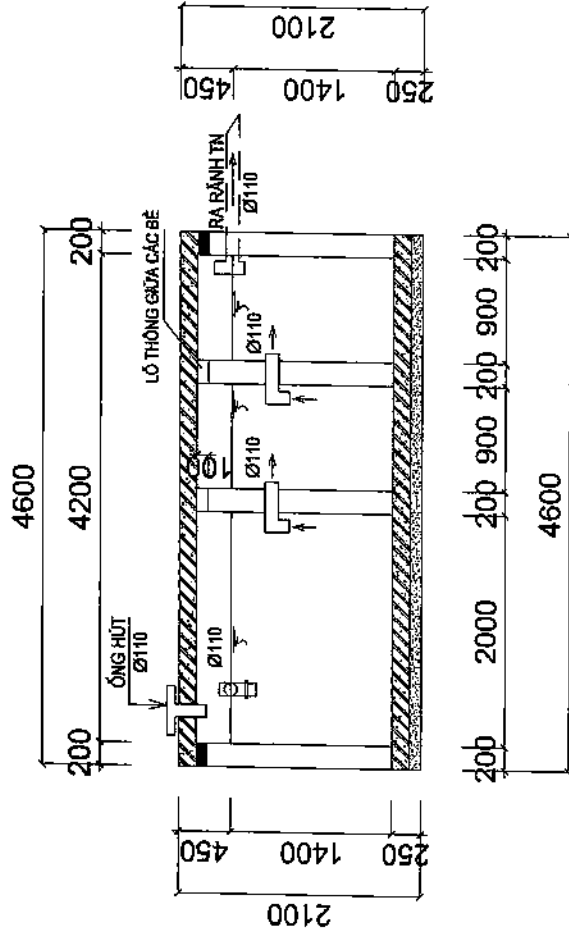


Truy cập cơ sở dữ liệu
để xác minh tính
hiệu lực của chứng chỉ

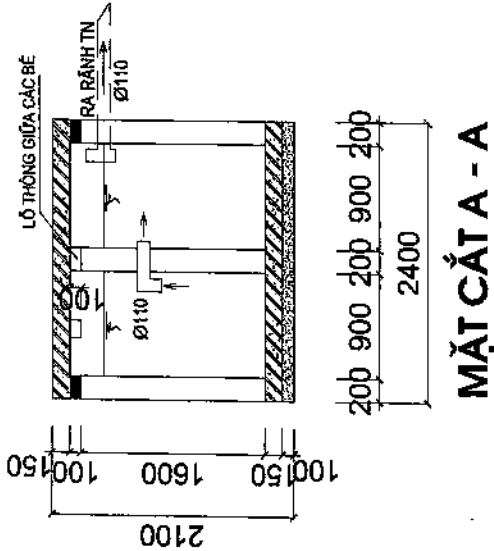
MẶT BẰNG, MẶT CẮT BỂ TỰ HOẠI 03 NGĂN



MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI 03 NGĂN



MẶT CẮT DỌC BỂ THEO HƯỚNG DÒNG NƯỚC



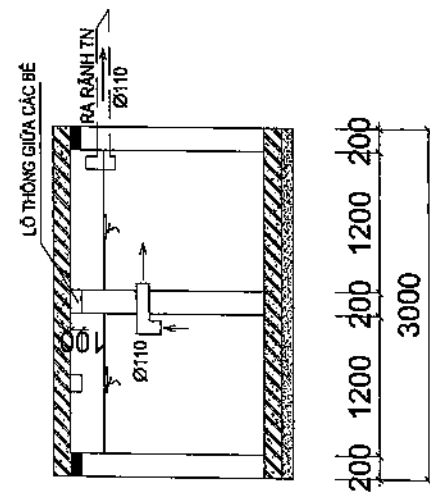
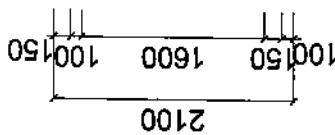
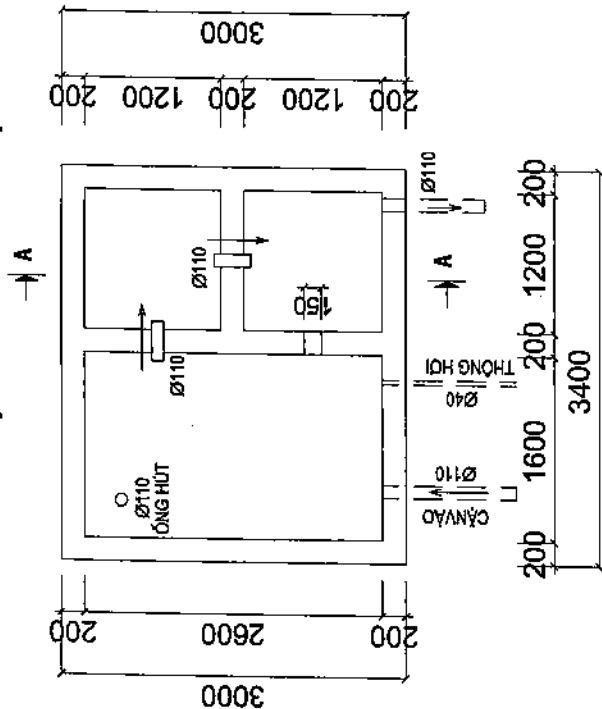
MẶT CẮT A - A

GHI CHÚ:

- XÂY BỂ PHỐT BẰNG GẠCH CHỈ ĐẶC TUYẾN DÀY 200 MẮC 75
- TRÁT MẶT TRONG BỂ VỪA XM MẮC 75 DÀY 3CM, ĐÁNH MÀU XM
- NGUYÊN CHẤT CHỐNG THẤM. ĐÁY BỂ LÓT BÊ TÔNG ĐÁ 4X6 MẮC 50 DÀY 100,
- ĐỔ BTCT ĐÁY BỂ ĐÁ 1X2 MẮC 200 DÀY 150, TRÁT ĐÁY BỂ DÀY 3CM,
- ĐÁNH MÀU XM NGUYÊN CHẤT CHỐNG THẤM (NGÂM BỂ CHỐNG THẤM).
- ĐỔ TẮM ĐẠN BTCT NẮP BỂ ĐÁ 1X2 MẮC 200 DÀY 150, LẮP GHEP VÀ BÍT KÍN KHE HỖ

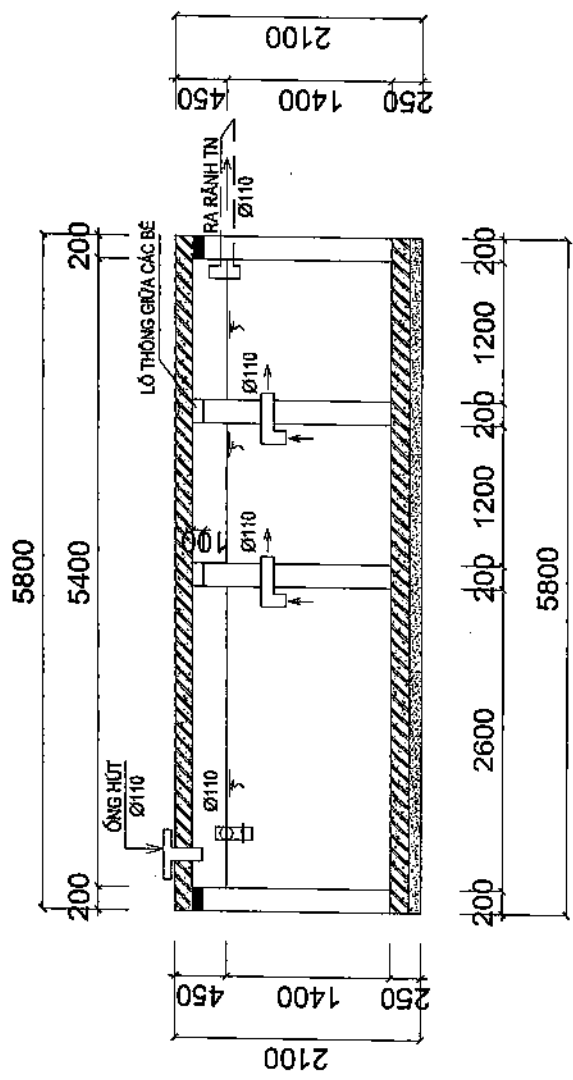
Công ty	Địa chỉ
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ	Đường RD6, KCN Quán Ngang, xã Gio Quang huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Bản vẽ	
	BỂ TỰ HOẠI 03 NGĂN 5 M3

MẶT BẰNG, MẶT CẮT BỂ TỰ HOẠI 03 NGĂN



MẶT CẮT A - A

MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI 03 NGĂN

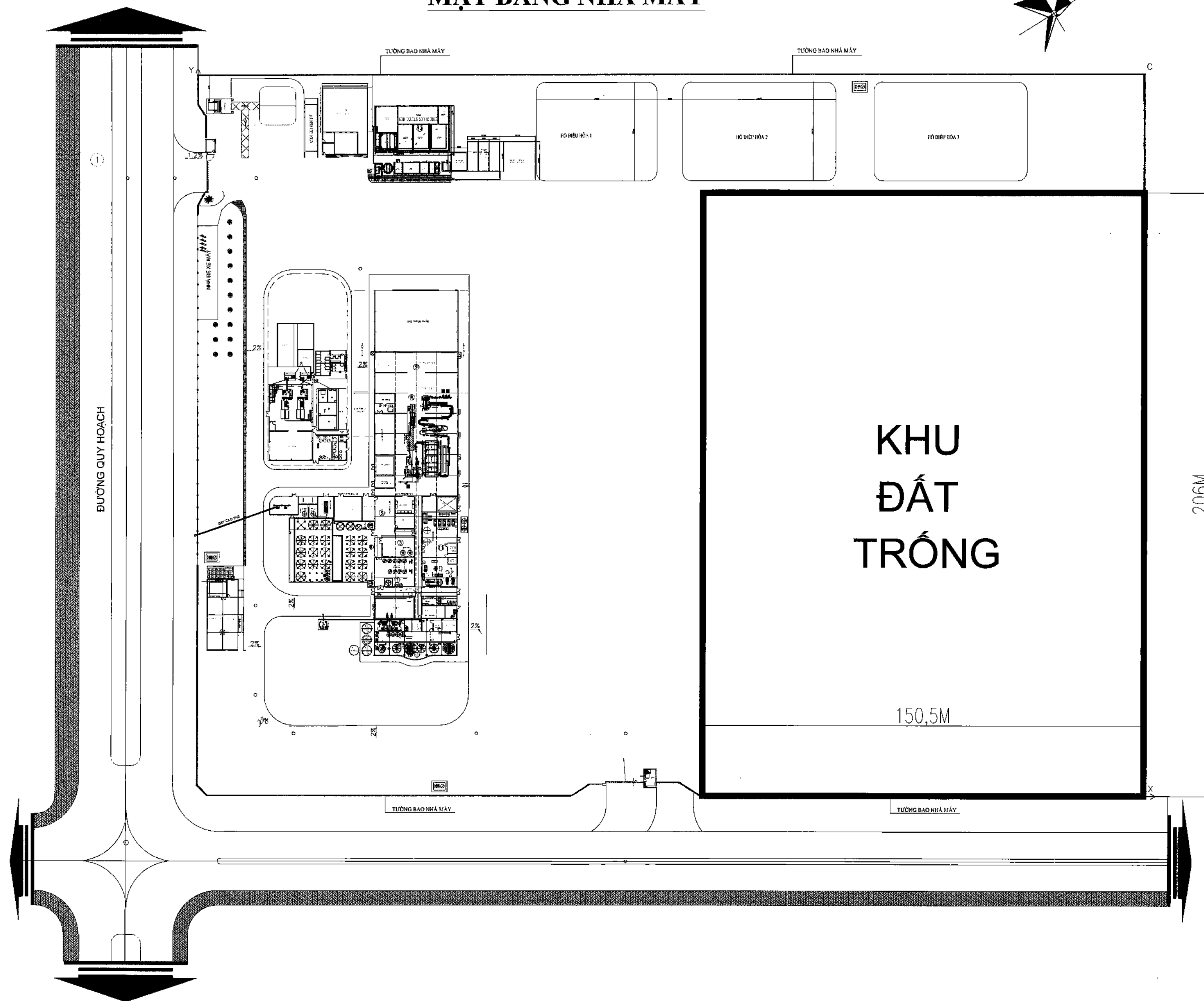


MẶT CẮT DỌC BỂ THEO HƯỚNG DÒNG NƯỚC

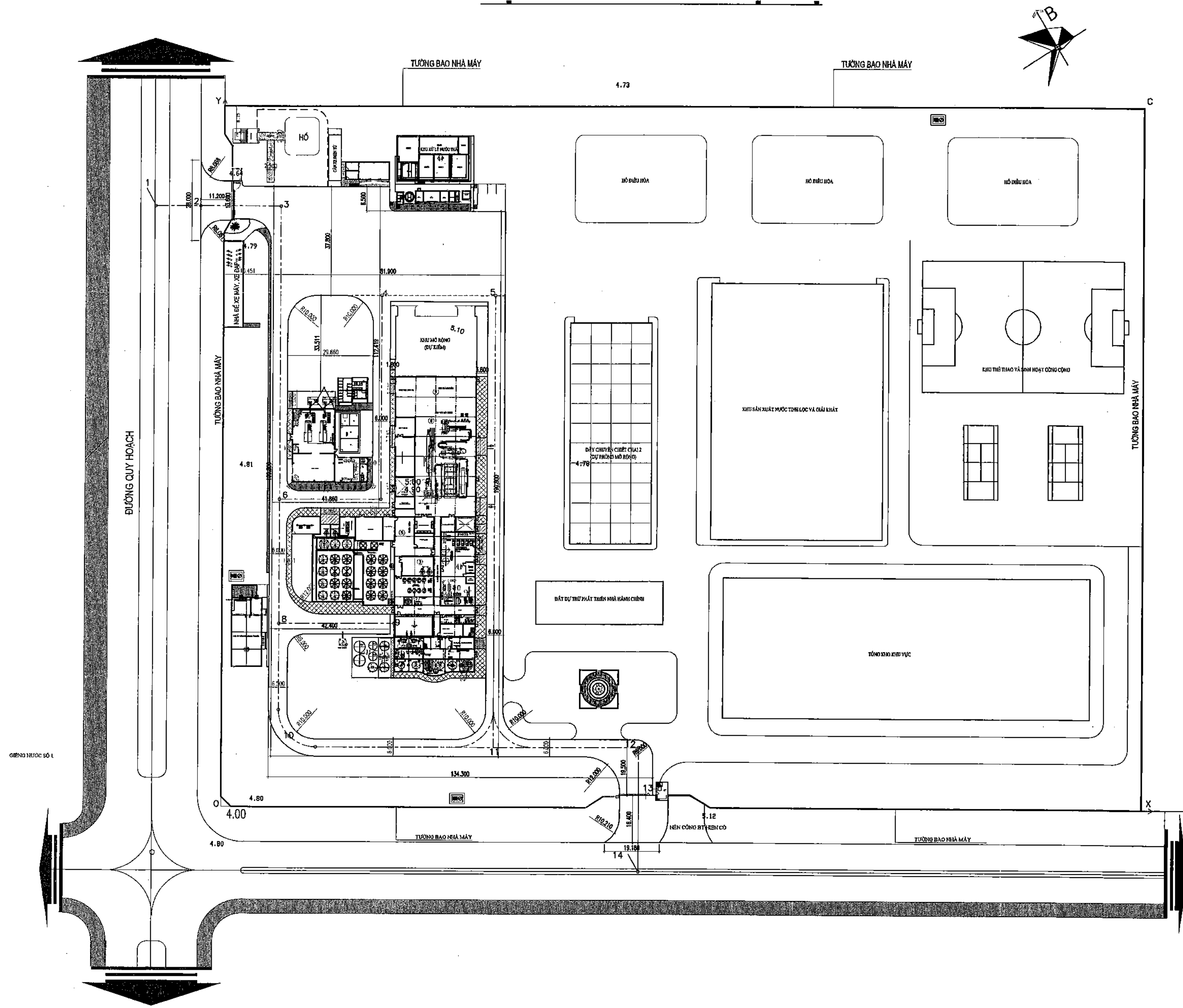
GHI CHÚ:

- XÂY BỂ PHỐT BẰNG GẠCH CHỈ ĐẶC TUYẾN DÀY 200 MẮC 75
- TRÁT MẶT TRONG BỂ VỪA XM MẮC 75 DÀY 3CM, ĐÁNH MÀU XM NGUYÊN CHẤT CHỐNG THẤM. ĐÁY BỂ LÓT BÊ TÔNG ĐÁ 4X6 MẮC 50 DÀY 100, ĐỒ BTCT ĐÁY BỂ ĐÁ 1X2 MẮC 200 DÀY 150, TRÁT ĐÁY BỂ DÀY 3CM, ĐÁNH MÀU XM NGUYÊN CHẤT CHỐNG THẤM (NGÂM BỂ CHỐNG THẤM).
- ĐỒ TẮM ĐÀN BTCT NẮP BỂ ĐÁ 1X2 MẮC 200 DÀY 150, LẮP GHEP VÀ BÍT KÍN KHE HỖ

Công ty	Địa chỉ	Đường RD6, KCN Quán Ngang, xã Gio Quang huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
	Bản vẽ	BỂ TỰ HOẠI 03 NGĂN 5 M3



MẶT BẰNG KÍCH THƯỚC ĐỊNH VỊ



AS-BUILT DRAWING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 15 TRIỆU LÍT/NĂM MỞ RỘNG LÊN 25 TRIỆU LÍT/NĂM

ĐỊA CHỈ KHU CN QUẬN NGANG - XÃ GIÓ QUANG - HUYỆN GIÓ LINH
(TỈNH QUẢNG TRỊ)

OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

ĐỊA CHỈ SỐ 156 ĐƯỜNG NGUYỄN TRẦN - THỊ XÃ ĐÔNG HÀ - QUẢNG TRỊ
TEL: 053.851437 FAX: 053.852277

ĐẠI DIỆN (BÊN CHỦ ĐẦU TƯ)	CHỮ KÝ	NGÀY

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT:
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
QUẢNG TRỊ

ĐẠI DIỆN	CHỮ KÝ	NGÀY

CHẤM SÁT VIỆC
NHÀ THẦU XÂY LẮP:
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG TRƯỜNG XUÂN
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
TRƯỜNG XUÂN
QUẢNG TRỊ - TP. HÀ NỘI

ĐẠI DIỆN	TÊN	CHỮ KÝ
TỔNG GIÁM ĐỐC	LÊ HOÀI VŨ	
VÊ	NG. MINH TRƯỜNG	

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG
KÍCH THƯỚC ĐỊNH VỊ

TỶ LỆ	N/A	SỐ BẢN VẼ
GHIAI ĐOẠN	HOÀN CÔNG	QTRIBIA-GT-0370
NGÀY	11-2014	

[illegible]

ĐỊA CHỈ: KHU CN QUẢN NGANG - XÃ GIÓ QUANG - HUYỆN GIÓ LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ

OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ:

ĐỊA CHỈ: SỐ 158 ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI - THỊ XÃ ĐÔNG HẠ - QUẢNG TRỊ
TEL: 053.851437 FAX: 053.852277

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT :

ĐẠI DIỆN	CHỮ KÝ	NGÀY
	<i>[Signature]</i>	

GIÁM SÁT VIỆC
NHÀ THẦU XÂY DỰNG

102148-100

CÔNG TY CỔ PHẦN XD TRƯỜNG XUÂN

CÓ PHẢN

ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TRƯỜNG XUÂN

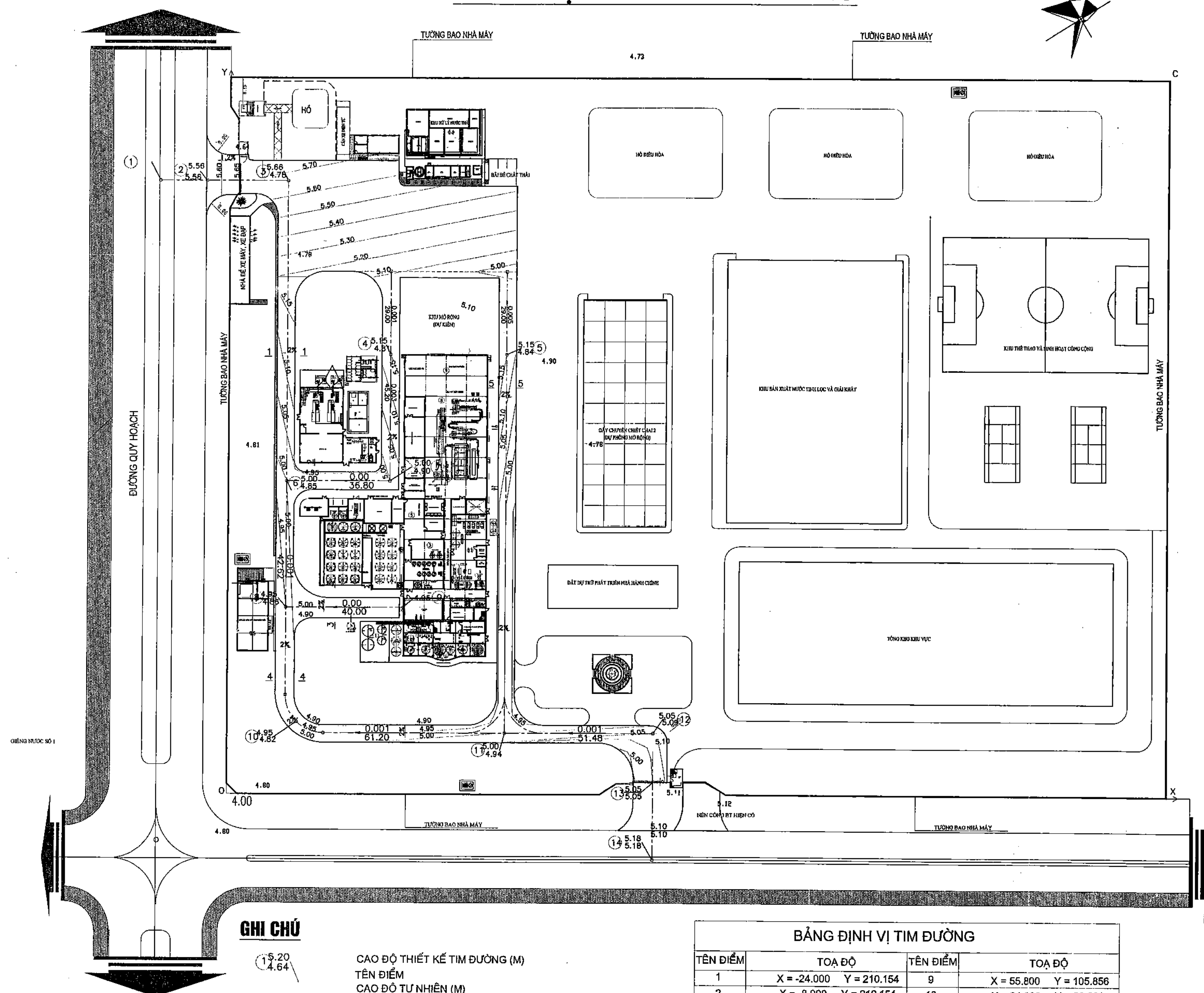
Q. BÀ ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

ĐẠI DIỆN	TÊN	CHỮ KÝ
TỔNG GIÁM ĐỐC	LÊ HOÀI VŨ	
VỀ	NG. MINH TRƯỜNG	

TÊN BẢN VẼ

TỔNG MẶT BẰNG
GIAO THÔNG NỘI BỘ

TỶ LỆ	N/A	SỐ BẢN VẼ
GIẢI ĐOẠN	HOÀN CÔNG	QTRIBIA-GT-0
NGÀY	11-2014	



① 5.20
4.64

CAO ĐỘ THIẾT KẾ TİM ĐƯỜNG (M)
TÊN ĐIỂM
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (M)

ĐỘ DỐC
CHIỀU DÀI ĐOẠN DỐC

ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC THIẾT KẾ MẶT ĐƯỜNG - CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)

- DỰA VÀO TƯỜNG RÀO NHÀ MÁY ĐÃ XÂY DỰNG, DỰNG HỆ TOẠ ĐỘ GIẢ ĐỊNH XOY
- CÁC ĐIỂM TÌM ĐƯỜNG ĐƯỢC XÁC ĐỊNH DỰA TRÊN HỆ TOẠ ĐỘ GIẢ ĐỊNH XOY

BẢNG ĐỊNH VI TIM ĐƯỜNG

TÊN ĐIỂM	TOA ĐỘ	TÊN ĐIỂM	TOA ĐỘ
1	X = -24.000 Y = 210.154	9	X = 55.800 Y = 105.855
2	X = -8.000 Y = 210.154	10	X = 24.608 Y = 23.601
3	X = 18.500 Y = 210.154	11	X = 94.210 Y = 21.000
4	X = 55.800 Y = 151.064	12	X = 145.688 Y = 21.000
5	X = 94.211 Y = 151.073	13	X = 145.688 Y = 4.190
6	X = 18.500 Y = 105.855	14	X = 145.688 Y = -16.000
7	X = 55.800 Y = 105.855		
8	X = 18.500 Y = 63.238		

AS-BUILT DRAWING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 15 TRIỆU LÍT/NĂM MỞ RỘNG LÊN 25 TRIỆU LÍT/NĂM

ĐỊA CHỈ KHU CN QUẬN NGANG - XÃ GIÓ QUANG - HUYỆN GIÓ LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ

OWNER CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

ĐỊA CHỈ SỐ 158 ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI - THỊ XÃ ĐỒNG HÃ - QUẢNG TRỊ
TEL: 053.851437 FAX: 053.882277

ĐẠI DIỆN (BẢN CHỮ)	TÊN	

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT:
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
QUẢNG TRỊ

ĐẠI DIỆN	TÊN	CHỮ KÝ

GIÁM SÁT TƯ VẤN

ĐỊA CHỈ XÂY LẬP

CÔNG TY CP ĐT & XD TRƯỜNG XUÂN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
TRƯỜNG XUÂN
QUẢNG BÌNH - TP. HÀ NỘI

ĐẠI DIỆN	TÊN	CHỮ KÝ
TỔNG GIÁM ĐỐC	LÊ HOÀI VŨ	
VE	NG. MINH TRƯỜNG	

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG
THOÁT NƯỚC MƯA

TỶ LỆ	1/4	SỐ BẢN VẼ
GIẢI ĐOẠN	HOÀN CÔNG	QTRIBIA-TNM-01
NGÀY	11-2014	

THỐNG KÊ VẬT LIỆU THOÁT NƯỚC MƯA

STT	TÊN VẬT LIỆU	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	RÀNH THU NƯỚC MẶT ĐƯỜNG XÂY GẠCH	B300	M	29
2	RÀNH THU NƯỚC MẶT ĐƯỜNG XÂY GẠCH ĐẪY ĐẠN	B400	M	4,8
3	RÀNH THOÁT NƯỚC MƯA XÂY GẠCH ĐẪY ĐẠN	B500	M	406,5
4	RÀNH THOÁT NƯỚC MƯA XÂY GẠCH ĐẪY ĐẠN	B600	M	249,1
5	RÀNH THOÁT NƯỚC MƯA XÂY GẠCH ĐẪY ĐẠN	B1000	M	28,3
6	RÀNH BTCT CHỊU LỰC ĐOẠN QUA ĐƯỜNG	B500	M	117,7
7	RÀNH BTCT CHỊU LỰC ĐOẠN QUA ĐƯỜNG	B600	M	26,9
	RÀNH BTCT CHỊU LỰC ĐOẠN QUA ĐƯỜNG	B1000	M	7

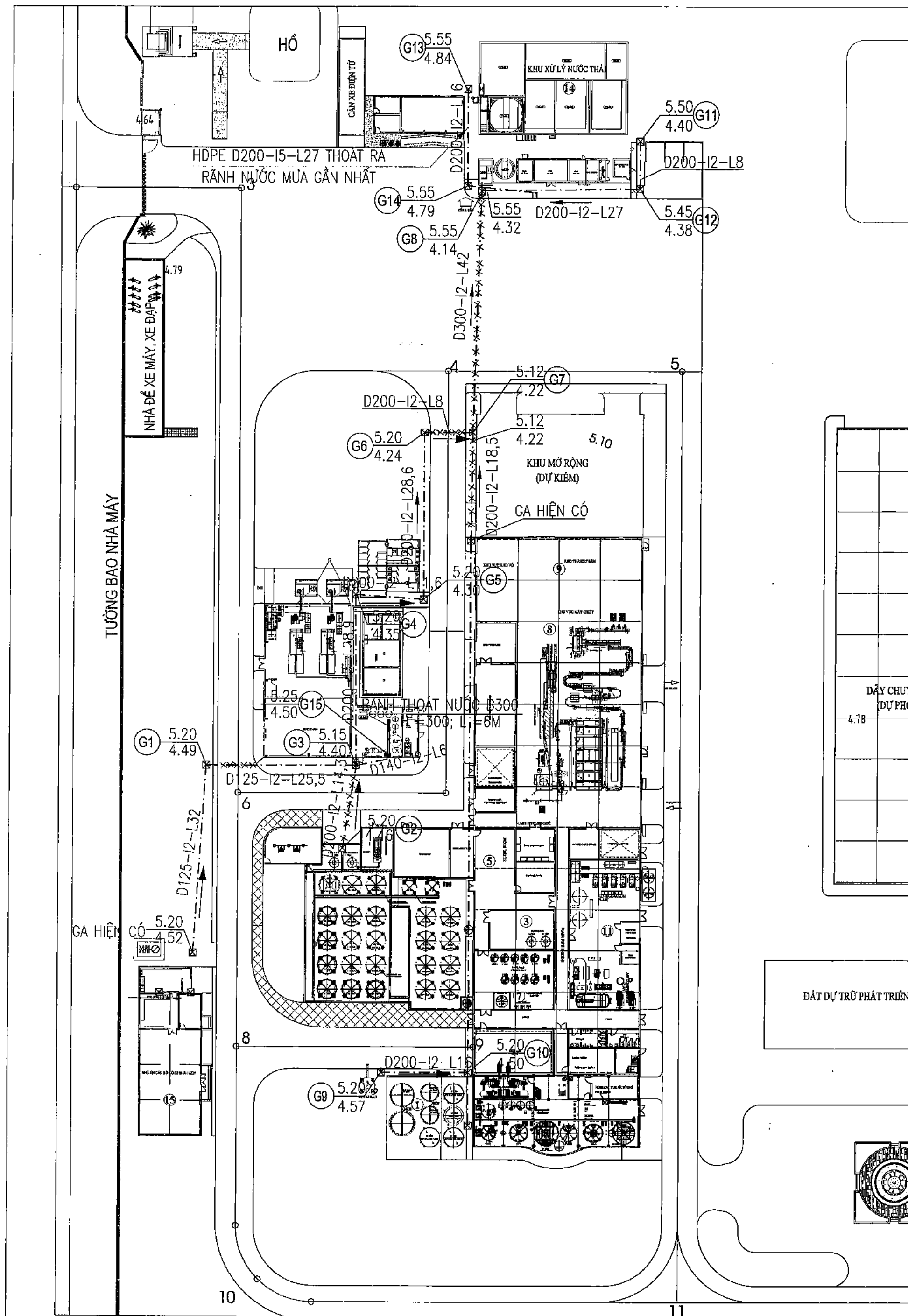
STT	TÊN VẬT LIỆU	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
9	HỐ GA NƯỚC MƯA	0,5X0,5X0,7(M)	CÁI	2
10	ỐNG THOÁT NƯỚC UPVC	D110	M	21,5
11	ỐNG THOÁT NƯỚC UPVC	D160	M	22
12	ỐNG THOÁT NƯỚC HDPE	D200	M	4
13	CỬA THU NƯỚC MƯA KIỂU HẠM ÉCH (15-20M 1 ĐIỂM)	400X100	CÁI	34
14	SÔNG CHẤM RÁC	440X150	CÁI	34
15	HỐ THU ĐẤT, CÁT VÀ RÁC (30M 1 ĐIỂM)	500X300	CÁI	20

KÝ HIỆU

--- RÀNH THOÁT NƯỚC MƯA BTCT
--- RÀNH BTCT QUA ĐƯỜNG
--- RÀNH GIỚI KHU ĐẤT
B500-12-L38M BỀ RỘNG RÀNH(MM)-ĐỘ DỐC(%)--CHIỀU DÀI RÀNH(M)

→ HƯỚNG NƯỚC CHẢY
■ CỬA THU NƯỚC MƯA KIỂU HẠM ÉCH
□ HỐ THU ĐẤT, CÁT VÀ RÁC
A4 +5.20 CAO ĐỘ MẶT ĐẤT(M)
+4.06 CAO ĐỘ ĐÁY RÀNH(M)

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

KÝ HIỆU

— — — — —	ĐOẠN ỐNG HDPE QUA ĐƯỜNG CÓ TẦM ĐẠN BTCT M250 DÂY 12CM BẢO VỆ
— — — — —	CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI HDPE
⊗	HỒ GA NƯỚC THẢI
— — — — —	RĂNG HỖ XÂY GẠCH THOÁT NƯỚC
D200-15-L14M	ĐƯỜNG KÍNH CỐNG(MM)-ĐỘ DỐC(0/00)-CHIỀU DÀI CỐNG(M)
→	HƯỚNG NƯỚC CHẢY
G1	ĐIỂM TÍNH
+5.20	CAO ĐỘ MẶT ĐẤT
+4.30	CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG

THỐNG KÊ VẬT LIỆU THOÁT NƯỚC THẢI

STT	TÊN VẬT LIỆU	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	CỐNG THOÁT NƯỚC HDPE TRÒN TRON- PN8	D125	M	57.5
2	CỐNG THOÁT NƯỚC HDPE TRÒN TRON- PN8	D200	M	187.9
3	CỐNG THOÁT NƯỚC HDPE TRÒN TRON- PN8	D300	M	42
4	HỒ GA NƯỚC THẢI BTCT	800X800	CÁI	2
5	HỒ GA NƯỚC THẢI XÂY GẠCH	800X800	CÁI	12
6	HỒ GA NƯỚC THẢI XÂY GẠCH	500X600	CÁI	1
7	RĂNG THOÁT NƯỚC THẢI XÂY GẠCH B300	DÀI 6M	M	1

AS-BUILT DRAWING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 15 TRIỆU LÍT/NĂM MỞ RỘNG LÊN 25 TRIỆU LÍT/NĂM

ĐỊA CHỈ: KHU CN QUẢNG NGANG - XÃ GIÓ QUANG - HUYỆN GIÓ LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ

OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

ĐỊA CHỈ: SỐ 108 ĐƯỜNG NGUYỄN TRẠI - THỊ XÃ ĐÔNG HẠ - QUẢNG TRỊ
TEL: 053.851437 FAX: 053.852277

ĐẠI DIỆN (CHỮ KÝ)	TÊN	CHỮ KÝ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
QUẢNG TRỊ

ĐẠI DIỆN (CHỮ KÝ)	TÊN	CHỮ KÝ

PHẦN THẦU XÂY LẮP:

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
TRƯỜNG XUÂN
QUẢNG TRỊ

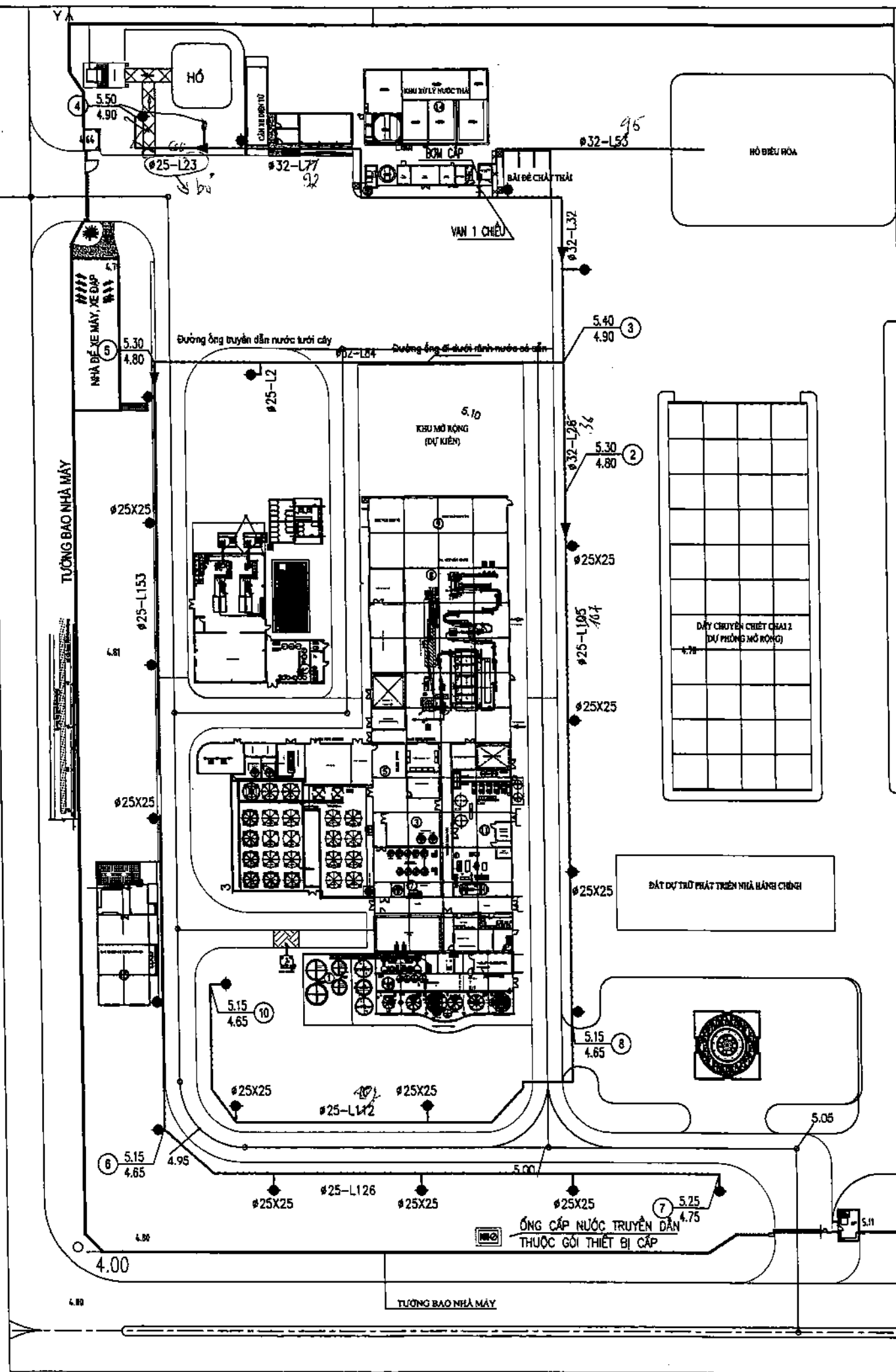
ĐẠI DIỆN	TÊN	CHỮ KÝ
TỔNG GIÁM ĐỐC	LE HOÀI VŨ	

VỀ	NG. MINH TRƯỜNG	
----	-----------------	--

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

TỶ LỆ	NA	SỐ BẢN VẼ
GIẢI ĐOẠN	HOÀN CÔNG	HC NT-01
NGÀY	11-2014	



MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

AS-BUILT DRAWING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

KÝ HIỆU

- ỚNG CẤP NƯỚC TRUYỀN DẪN Ø32-L32 ĐƯỜNG KÍNH(MM)—CHIỀU DÀI(M)
 ———— ỚNG CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI —————> HƯỚNG NƯỚC CHẢY
 (1) +5.00 TRỤ CẦU HOÀ NGOÀI NHÀ ĐIỂM TÍNH CAO ĐỘ MẶT ĐẤT
 ● +4.60 ĐẦU VỎI CẤP NƯỚC TƯỚI CÂY CAO ĐỘ ĐÁY ỚNG

THỐNG KÊ VẬT LIỆU CẤP NƯỚC

STT	TÊN VẬT LIỆU	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	ỚNG NHỰA CẤP NƯỚC HDPE PNB	Ø32	M	272.28
2	ỚNG NHỰA CẤP NƯỚC HDPE PNB	Ø25	M	543.60
3	NỐI GÓC 90 ĐỘ NHỰA HDPE	Ø32	CÁI	06
4	NỐI GÓC 90 ĐỘ NHỰA HDPE	Ø25	CÁI	51
5	BA CHẠC NHỰA HDPE	Ø32X32	CÁI	03
6	BA CHẠC NHỰA HDPE	Ø32X25	CÁI	04
7	BA CHẠC NHỰA HDPE	Ø25X25	CÁI	17
8	NỐI CHUYỂN BẮC NHỰA HDPE	Ø32X25	CÁI	03
9	VỎI CẤP NƯỚC TƯỚI CÂY	Ø25	CÁI	25.21
10	VAN CHẶN THÉP BB	Ø32	CÁI	00
11	VAN MỘT CHIỀU THÉP BB	Ø32	CÁI	01
12	ĐẦU BỊT	Ø25	CÁI	22.21
13	NỐI GÓC 135 ĐỘ NHỰA HDPE	Ø25	CÁI	06
14	NỐI THẲNG NHỰA HDPE	Ø32	CÁI	05
15	NỐI THẲNG NHỰA HDPE	Ø25	CÁI	10
16	BƠM CẤP NƯỚC Q=5M ³ .H, H=15M		CÁI	01

ĐƠN VỊ: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 15 TRIỆU LÍT/NĂM MỞ RỘNG LÊN 25 TRIỆU LÍT/NĂM

ĐƠN VỊ: CHẾ NHU CH QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LẬP - TỈNH QUẢNG TRỊ

CHUYÊN CHẾ DẦU MÀU

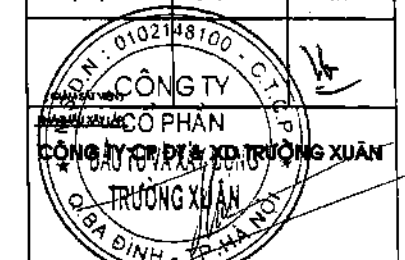
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

ĐƠN VỊ: SỐ 188 QUANG NGUYỄN TRẦN - TH. XÃ ĐÔNG HẢI - QUẢNG TRỊ
TEL: 093.85.147 FAX: 093.85.2277

ĐẠI DIỆN (BÊN CHỦ ĐẦU TƯ)	CHỮ KÝ	NGÀY

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

ĐẠI DIỆN	CHỮ KÝ	NGÀY
----------	--------	------

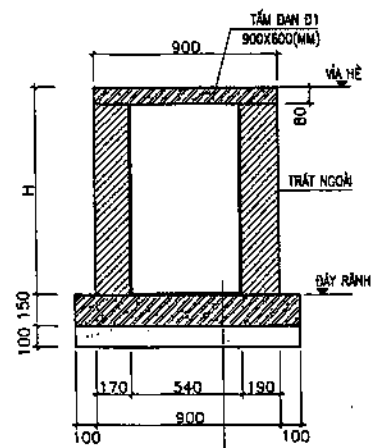


TÊN	CHỮ KÝ	NGÀY
TỔNG GIÁM ĐỐC	LÊ HÒA VĨ	
VỀ	NG. MINH TRƯỜNG	

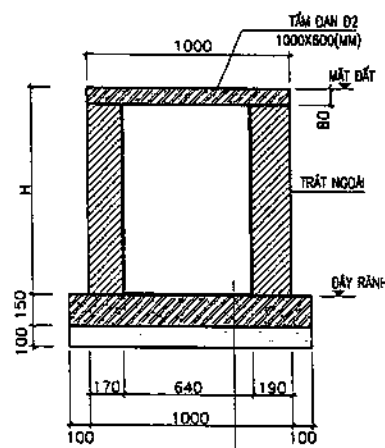
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

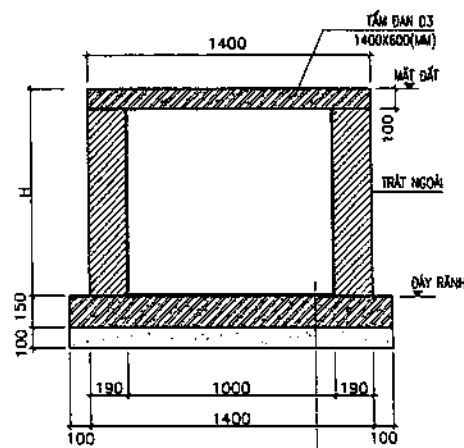
TÝ LỆ	NGA	SỐ BẢN VẼ
GIẢI ĐOẠN	HOÀN CÔNG	HC NƯỚC CẤP-01
NGÀY	11-2016	



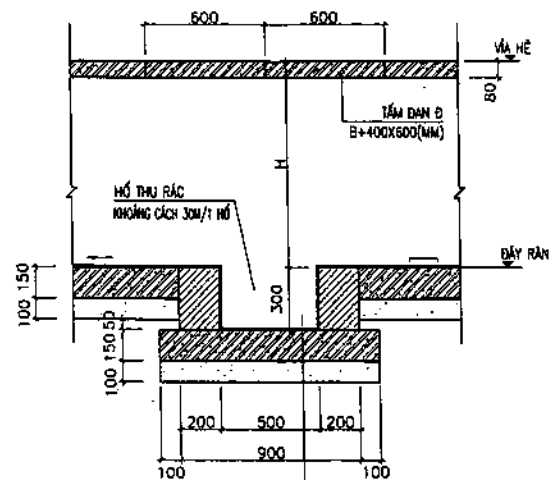
MẶT CẮT 1-1



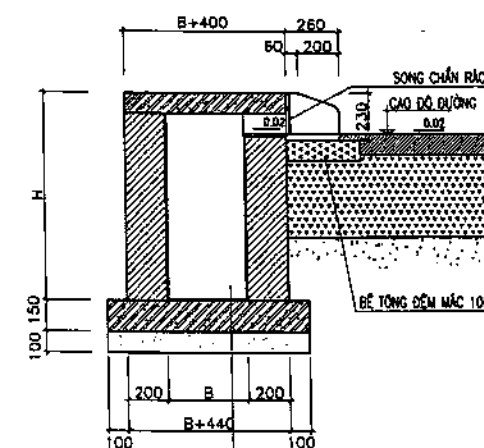
MẶT CẮT 2-2



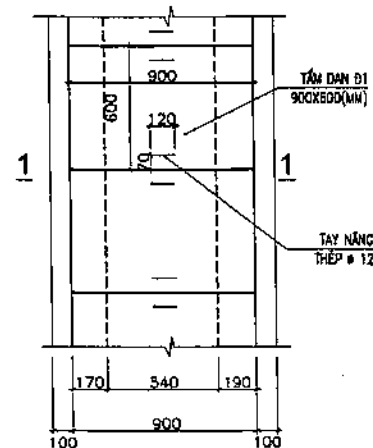
MẶT CẮT 3-3



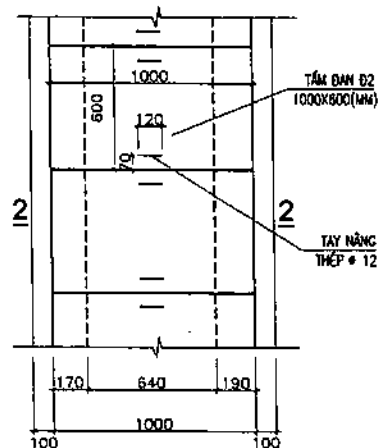
MẶT CẮT HỒ THU ĐẤT, CÁT VÀ RÁC
(20 HỒ)



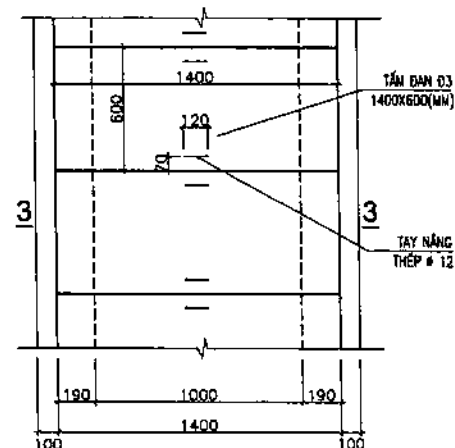
MẶT CẮT 5-5



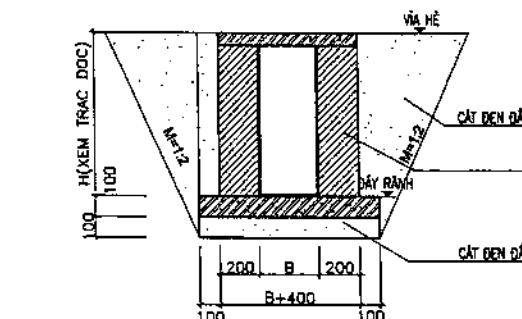
MẶT BẰNG TUYẾN
RÃNH B500 (406.5 MÉT)



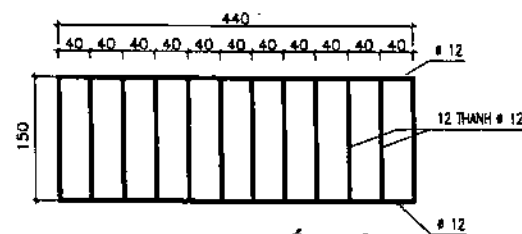
MẶT BẰNG TUYẾN
RÃNH B600 (249.1 MÉT)



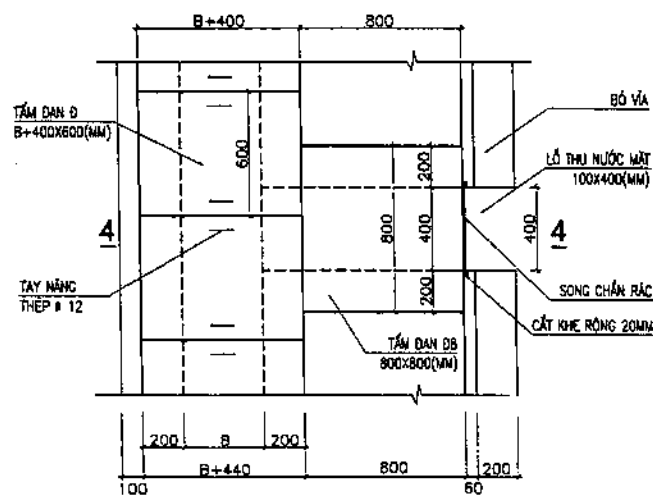
MẶT BẰNG TUYẾN
RÃNH B1000 (28.3 MÉT)



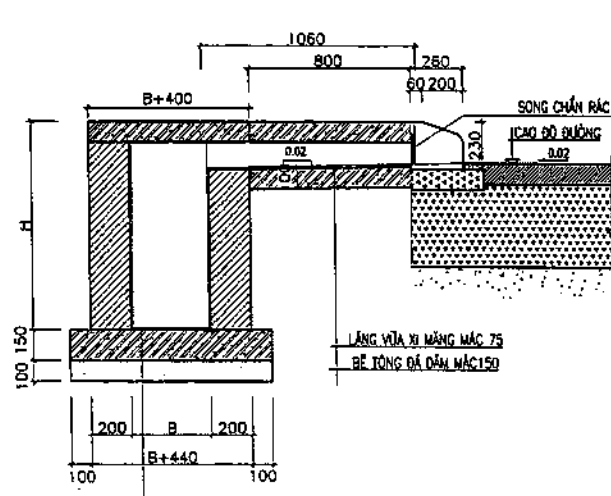
MẶT CẮT HỒ ĐÀO



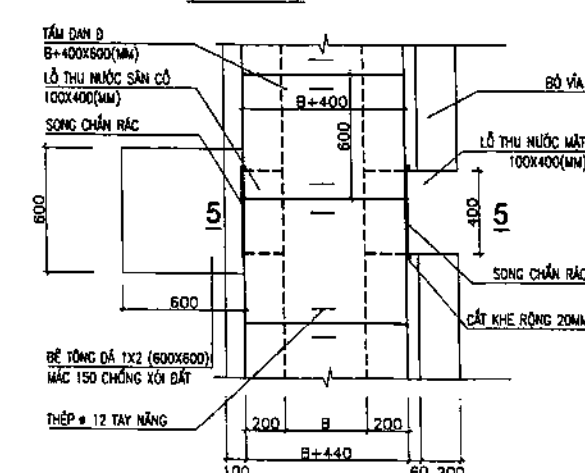
MẶT BẰNG CỬA THU NƯỚC MẮT
CÁC TUYẾN CÒN LẠI (20 CỬA THU)



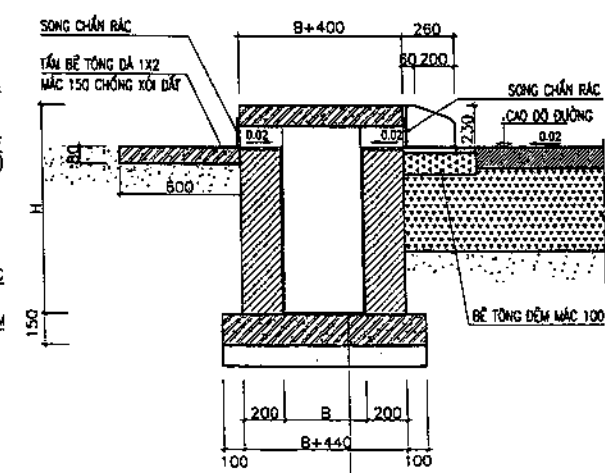
MẶT BẰNG CỬA THU NƯỚC MẮT TUYẾN A1-A3
(6 CỬA THU)



MẶT CẮT 4-4



MẶT BẰNG CỬA THU NƯỚC MẮT TẠI VỊ TRÍ BÃI CỎ
(8 CỬA THU)



MẶT CẮT 5-5

AS-BUILT DRAWING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 15 TRIỆU LÍT/NĂM MỞ RỘNG LÊN 25 TRIỆU LÍT/NĂM

ĐỊA CHỈ: KHU CÁN QUẢNG NGÃI - XÃ QUẢNG QUANG - HUYỆN QUẢNG LÂM
TỈNH QUẢNG TRỊ

QUY TRÌNH CHỌN CHỌN

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

ĐỊA CHỈ: SỐ 181 ĐƯỜNG NGUYỄN TRẦN - THỊ XÃ DƯƠNG HẠ - QUẢNG TRỊ
TEL: 063.851407 FAX: 063.852277

ĐẠI DIỆN (BAN GIÁM ĐỐC)	CHỮ KÝ	NGÀY

ĐƠN VỊ VẬN HÀNH:

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
QUẢNG TRỊ

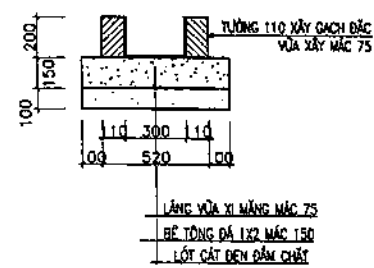
ĐẠI DIỆN	CHỮ KÝ	NGÀY

0102148100
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
TRƯỜNG XUÂN
HÀ NỘI

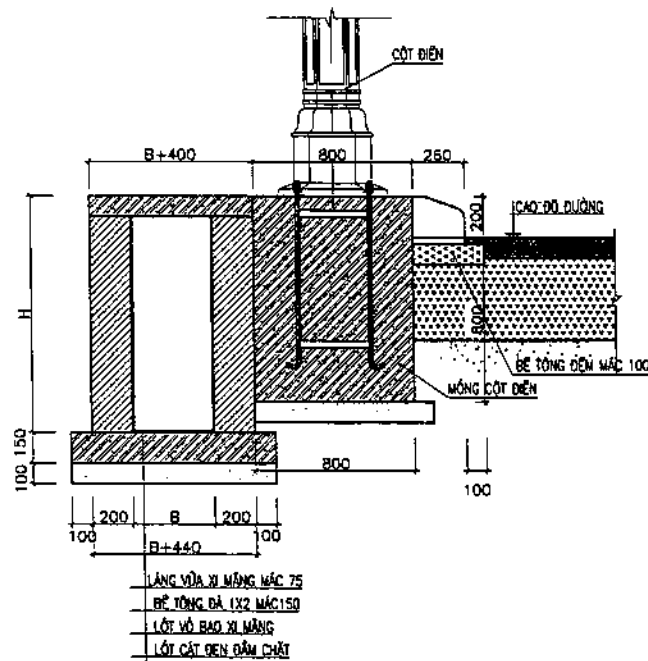
ĐẠI DIỆN	TÊN	CHỮ KÝ

RÃNH THOÁT NƯỚC MUA
TRÊN HÈ

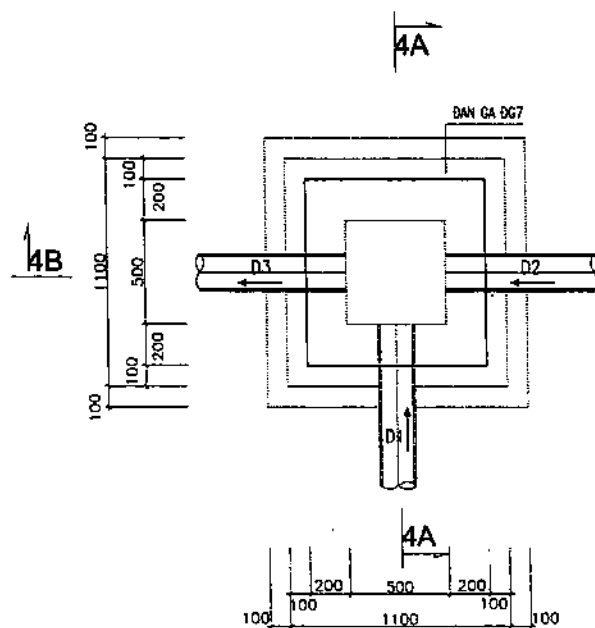
TÊN	NỘI DUNG	SỐ BẢN VẼ



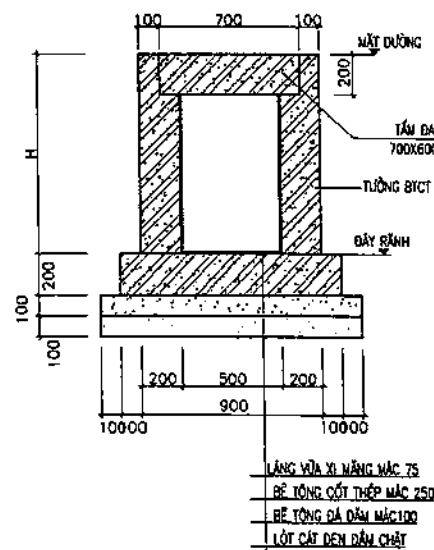
MẶT CẮT Rãnh B300



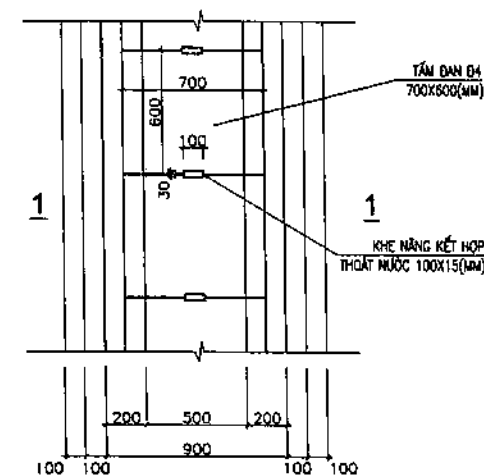
MẶT CẮT Rãnh VỊ TRÍ SẮT CỘT ĐIỆN



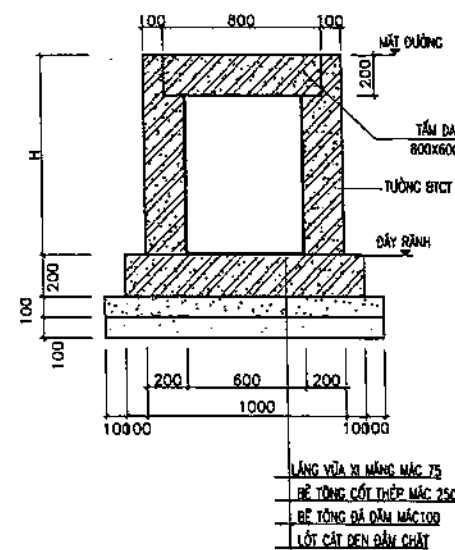
HỖ GA NƯỚC MƯA LOẠI 1 (2 CÁI)



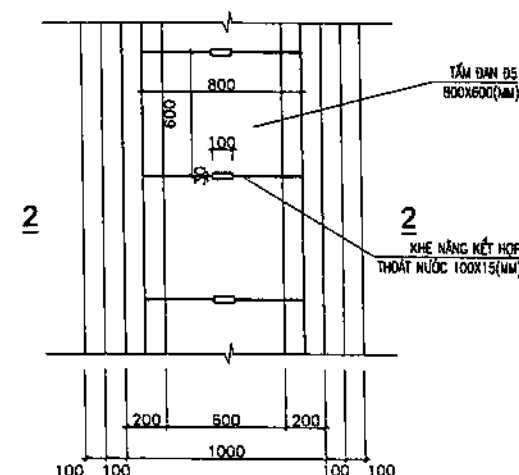
MẶT CẮT 1-1



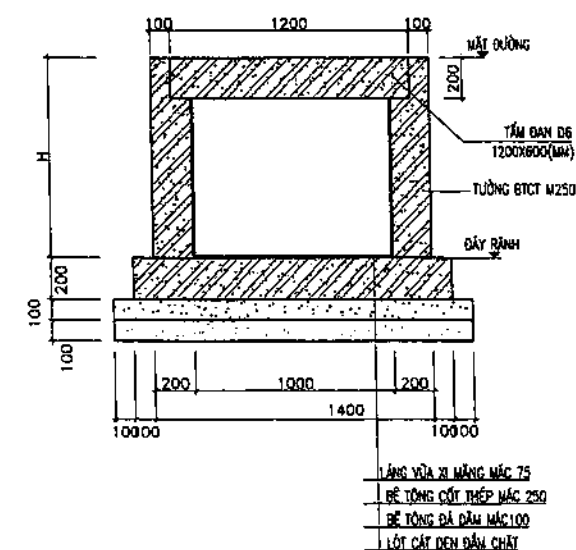
**MẶT BẰNG TUYẾN Rãnh B500
(117.7 MÉT)**



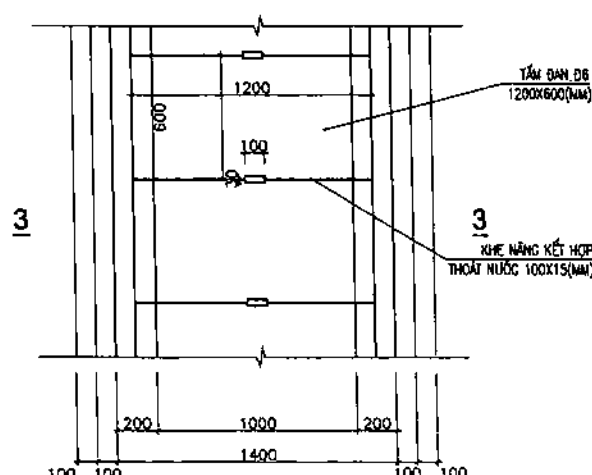
MẶT CẮT 2-2



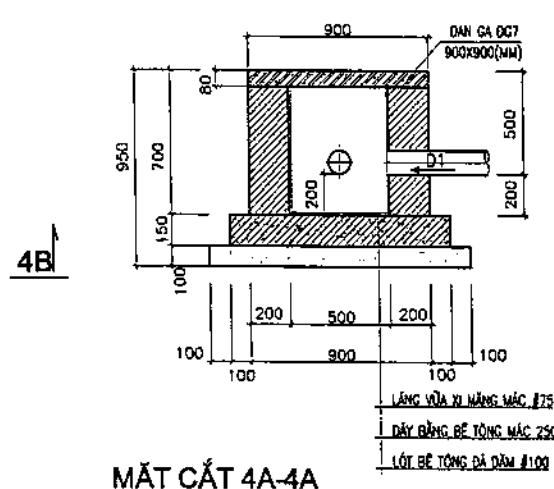
**MẶT BẰNG TUYẾN Rãnh B500
(26.9 MÉT)**



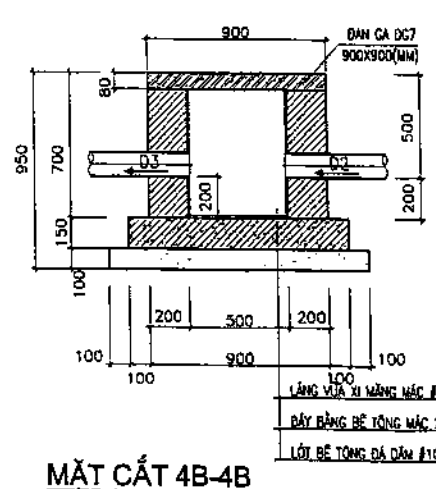
MẶT CẮT 3-3



**MẶT BẰNG TUYẾN Rãnh B1000
(7 MÉT)**



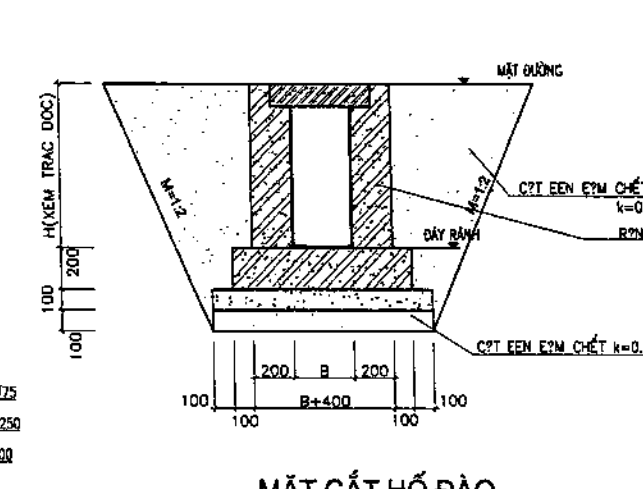
MẶT CẮT 4A-4A



MẶT CẮT 4B-4B

BẢNG THỐNG KÊ HỖ GA NƯỚC MƯA

STT	KÝ HIỆU	Kiểu	Kích thước cống (mm)	CAO ĐỘ	CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG (M)	ĐỘ SÂU CỐNG (M)	Kích thước GA (mm)
1	G1	I	D1 D2 D3	MẶT GA (M)	D1 D2 D3	H1 H2 H3	A1 A2 H
1	G1	I	110 110 160	+5.06	+4.36 +4.36	0.5 0.5	0.50 0.50 0.70
2	G2	I	110 110 160	+5.10	+4.40 +4.40 +4.40	0.5 0.5 0.5	0.50 0.50 0.70



MẶT CẮT HỒ ĐÀO

CHÚ THÍCH:

- H: ĐỘ SÂU HỖ GA
- D1, D2, D3: ĐƯỜNG KÍNH CỐNG
- H1, H2, H3: ĐỘ SÂU CHỌN ỐNG
- RẢI NỀN CÁT VÀNG ĐAM CHẶT TRƯỚC KHI ĐẶT ỐNG

**AS-BUILT DRAWING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 15 TRIỆU LÍT/NĂM MỞ RỘNG LÊN 25 TRIỆU LÍT/NĂM

ĐỊA CHỈ KHU CH: QUẢNG NGÃI - XÃ GIỚI QUẢNG - HUYỆN GIỚI LÍNH
THỊNH QUẢNG TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

ĐỊA CHỈ SỐ 15 ĐƯỜNG NGUYỄN TRẦN - THỊ XÃ ĐÔNG HẠ - QUẢNG TRỊ
TEL: 053.851437 FAX: 053.852977

ĐẠI DIỆN (ĐƠN KẾ) CHỮ KÝ NGÀY

**CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
QUẢNG TRỊ**

ĐẠI DIỆN CHỮ KÝ NGÀY

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
CÓ PHÂN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TRƯỜNG XUYÊN**

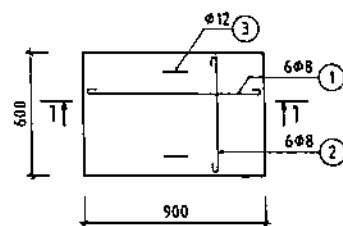
ĐẠI DIỆN CHỮ KÝ

TỔNG QUẢN ĐỐC LÊ HOÀNG VŨ

VỀ NG. MINH TRƯỜNG

**Rãnh thoát nước
QUA ĐƯỜNG
HỖ GA NƯỚC MƯA**

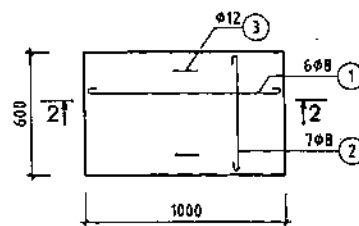
TITLE NHA SỐ BẢN VẼ
ĐẠI DIỆN HOÀN CÔNG
NGÀY 11-2014 QTRIEBA-00-TNM-003



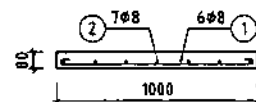
TẤM ĐAN D1
(SL: 678)



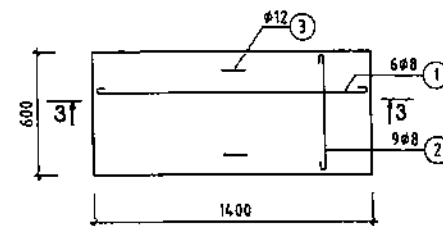
MẶT CẮT 1-1



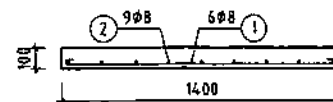
TẤM ĐAN D2
(SL: 415)



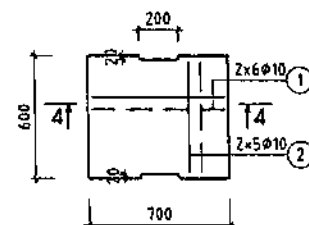
MẶT CẮT 2-2



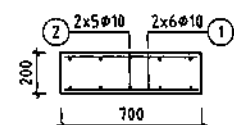
TẤM ĐAN D3
(SL: 45)



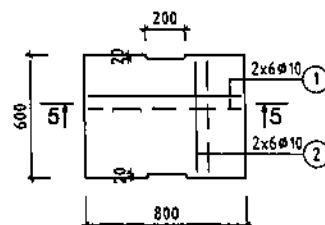
MẶT CẮT 3-3



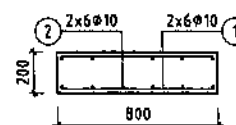
TẤM ĐAN D4
(SL: 196)



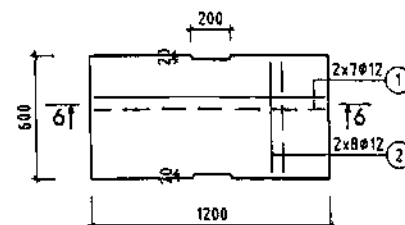
MẶT CẮT 4-4



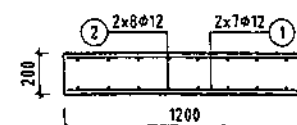
TẤM ĐAN D5
(SL: 45)



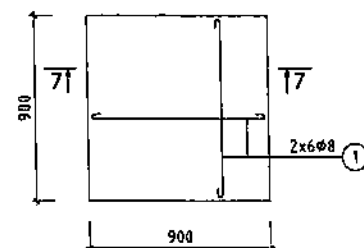
MẶT CẮT 5-5



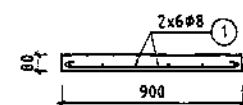
TẤM ĐAN D6
(SL: 12)



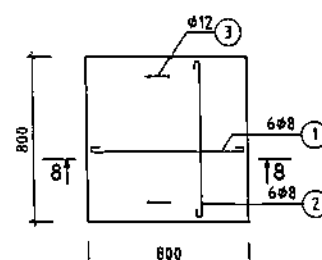
MẶT CẮT 6-6



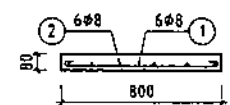
TẤM ĐAN D7
(SL: 02)



MẶT CẮT 7-7



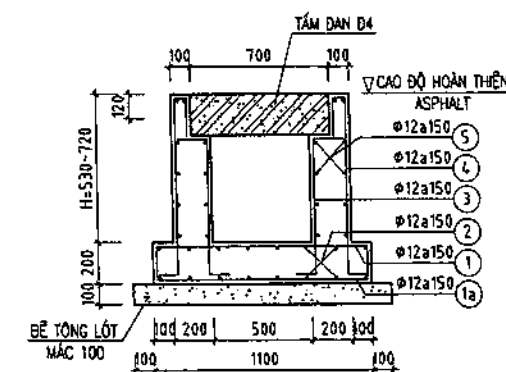
TẤM ĐAN D8
(SL: 06)



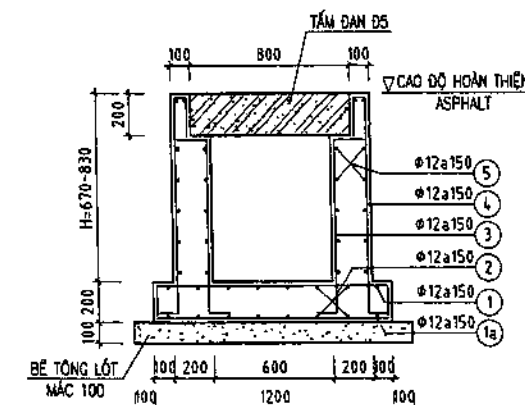
MẶT CẮT 8-8

GHI CHÚ:

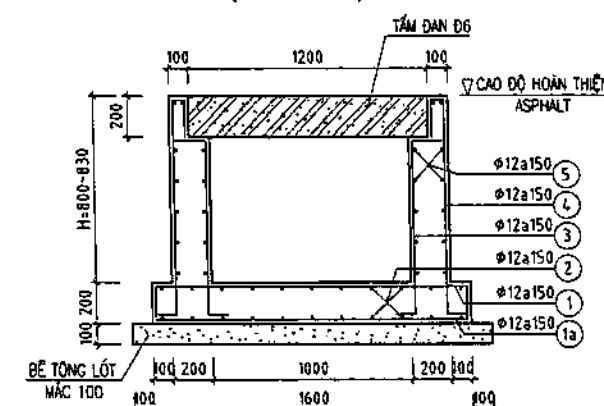
- BÊTÔNG HỒ GÁ VÀ TẤM ĐAN D1, D2, D3, D7, D8
CẤP ĐỘ BỀN CHỊU NÉN B20 (M250), RB=11,5MPa
- TẤM ĐAN D4, D5, D6 CẤP ĐỘ BỀN CHỊU NÉN B22,5 (M300)
RB=13,0MPa
- BÊTÔNG LÓT MÓNG CẤP ĐỘ BỀN CHỊU NÉN B7,5 (M100)
RB=4,5MPa
- THÉP CÓ ĐƯỜNG KÍNH D<10 DÙNG THÉP A1, RS=225MPa
- THÉP CÓ ĐƯỜNG KÍNH D >=10 DÙNG THÉP A1, RS=280MPa



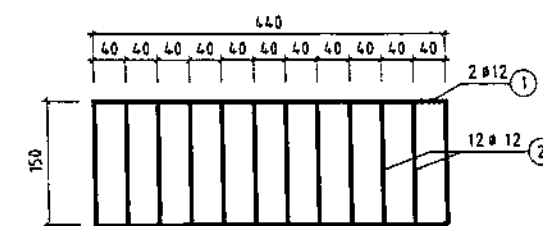
KẾT CẤU RÀNH QUA ĐƯỜNG B500
(L=117.7 MÉT)



KẾT CẤU RÀNH QUA ĐƯỜNG B600
(L=26.9 MÉT)



KẾT CẤU RÀNH QUA ĐƯỜNG B1000
(L=7 MÉT)



SONG CHẮN RÁC
(44 CÂY)

AS-BUILT DRAWING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 15 TRIỆU LÍT/NĂM MỞ RỘNG LÊN 25 TRIỆU LÍT/NĂM

ĐỊA CHỈ: KHU CH QUẢN NGANG - XÃ GIÓ QUANG - HUYỆN GIÓ LẬP
THị xã Quảng Trị

QUẢN LÝ CHỈ ĐẠO:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

ĐỊA CHỈ: SỐ 156 ĐƯỜNG NGUYỄN TRẦN - THỊ XÃ ĐỒNG HẠ - QUẢNG TRỊ
TEL: 054.851437 FAX: 054.852277

ĐẠI DIỆN (BAN QUẢN)	CHỮ KÝ	NGÀY
	<i>[Signature]</i>	

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
QUẢNG TRỊ

ĐẠI DIỆN	CHỮ KÝ	NGÀY
----------	--------	------

02148100
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
TRƯỜNG XUYÊN
Q. BÀ ĐỊNH - TP. HÀ NỘI

ĐẠI DIỆN	TÊN	CHỮ KÝ
----------	-----	--------

TỔNG GIÁM ĐỐC	LÊ NHÀN VŨ
---------------	------------

VE	NG. MINH TRƯỜNG
----	-----------------

TÊN BẢN VẼ

BỐ TRÍ THÉP TẤM ĐAN

TỶ LỆ	N/A	SỐ BẢN VẼ
GIẢI ĐOẠN	HOÀN CÔNG	QTRIBIA-00-TNM-004
NGÀY	11/2014	

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
Đan 1 SL: 678	1		8	970	6	4068	3945.96	1557.01
	2		8	670	6	4068	2725.56	1075.46
	3		12	460	2	1356	623.76	553.78
Đan 2 SL: 415	1		8	1070	6	2490	2664.3	1051.29
	2		8	670	6	2490	1668.3	658.28
	3		12	460	2	830	381.8	338.97
Đan 3 SL: 45	1		8	1470	6	270	396.9	156.61
	2		8	670	6	270	180.9	71.38
	3		12	460	2	90	41.4	36.76
Đan 4 SL: 196	1		10	650	12	2352	1528.8	942.56
	2		10	550	10	1960	1078	664.83
Đan 5 SL: 45	1		10	750	12	540	405	249.70
	2		10	550	12	540	297	183.11
Đan 6 SL: 12	1		12	1150	14	168	193.2	171.53
	2		12	550	16	192	105.6	93.75
Đan 7 SL: 2	1		8	970	12	24	23.28	9.19
Đan 8 SL: 6	1		8	870	12	72	62.64	24.72

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8$ = 4603.94 kg; Chiều dài = 11667.84 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 10$ = 2040 kg; Chiều dài = 3308.8 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 12$ = 1194.79 kg; Chiều dài = 1345.76 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
RCĐ B500 Số lượng: 1	1		12	1390	785	785	1091.15	968.74
	1a		12	1050	785	785	824.25	731.78
	2		12	121200	16	16	1939.2	1721.65
	3		12	1050	1578	1578	1656.9	1471.02
	4		12	1200	1578	1578	1893.6	1681.16
RCĐ B600 Số lượng: 1	5		12	121200	24	24	2908.8	2582.47
	1		12	1490	180	180	268.2	238.11
	1a		12	1150	180	180	207	183.78
	2		12	27520	18	18	495.36	439.79
	3		12	1160	360	360	417.6	370.75
RCĐ B1000 Số lượng: 1	4		12	1310	360	360	471.6	418.69
	5		12	27520	24	24	660.48	586.38
	1		12	1890	47	47	88.83	78.86
	1a		12	1550	47	47	72.85	64.68
	2		12	7000	22	22	154	136.72
SONG CHÂN RẮC Số lượng: 44	3		12	1160	94	94	109.04	96.81
	4		12	1310	94	94	123.14	109.33
	5		12	7000	24	24	168	149.15
	1		12	440	2	88	38.72	34.38
	2		12	150	12	528	79.2	70.31

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 12$ = 13150.13 kg; Chiều dài = 14811.82 mét

AS-BUILT DRAWING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

QUẢN LÝ
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 15 TRIỆU LÍT/NĂM MỞ RỘNG LÊN 25 TRIỆU LÍT/NĂM

ĐỊA CHỈ KHU CN QUẢNG NGÃI - XÃ GIÒ QUẢNG - HUYỆN GIÒ LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ

QUẢN LÝ CHỈ DẪN

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

ĐỊA CHỈ SỐ 158 ĐƯỜNG NGUYỄN TRẠI - THỊ XÃ ĐỒNG HẢI - QUẢNG TRỊ
TEL: 083.851437 FAX: 083.852277

ĐẠI DIỆN CHỮ KÝ NGÀY
(BẢN QUẢN LÝ)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT:

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
QUẢNG TRỊ

ĐẠI DIỆN CHỮ KÝ NGÀY

QUẢN LÝ CHỈ DẪN
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
CƠ PHÂN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TRƯỜNG XUYÊN
Đ. B. ĐINH - TP. HÀ NỘI

ĐẠI DIỆN TÊN CHỮ KÝ

TỔNG GIÁM ĐỐC (LÊ HÒA VĨ)

VỀ NG. MINH TRƯỜNG

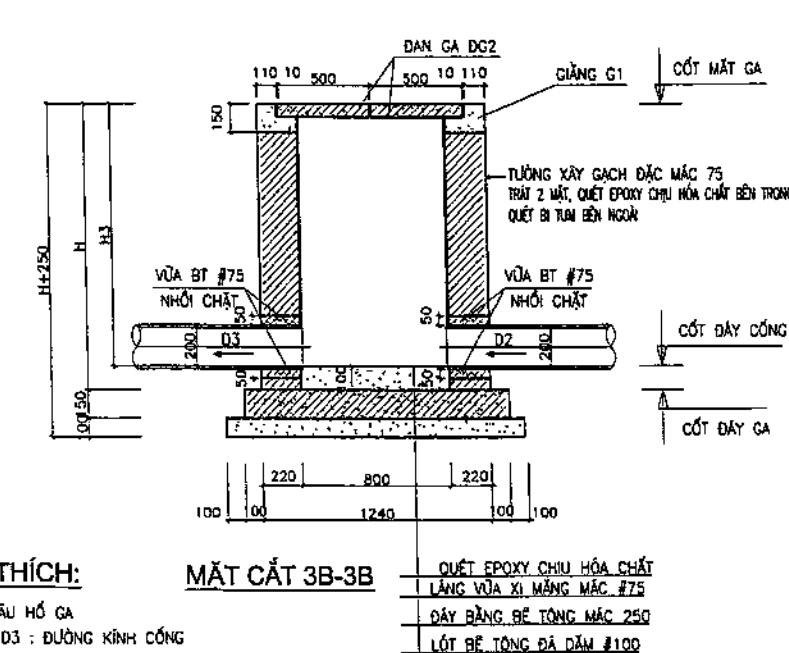
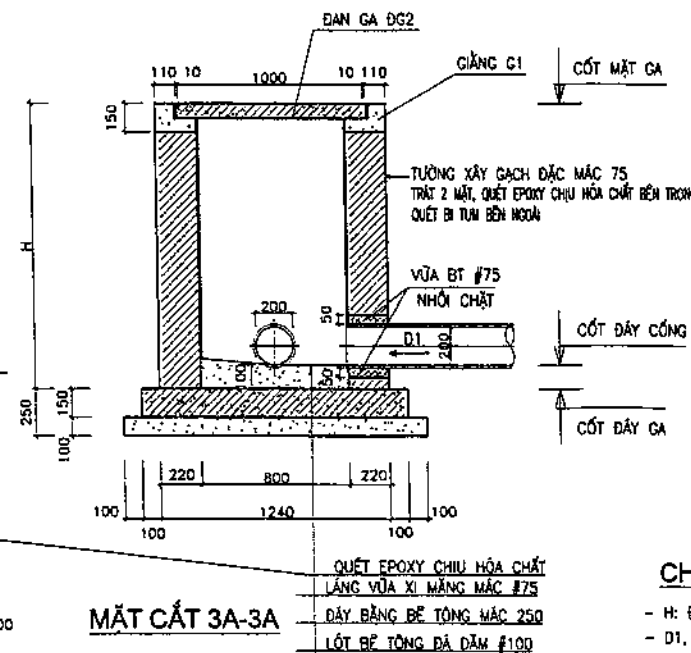
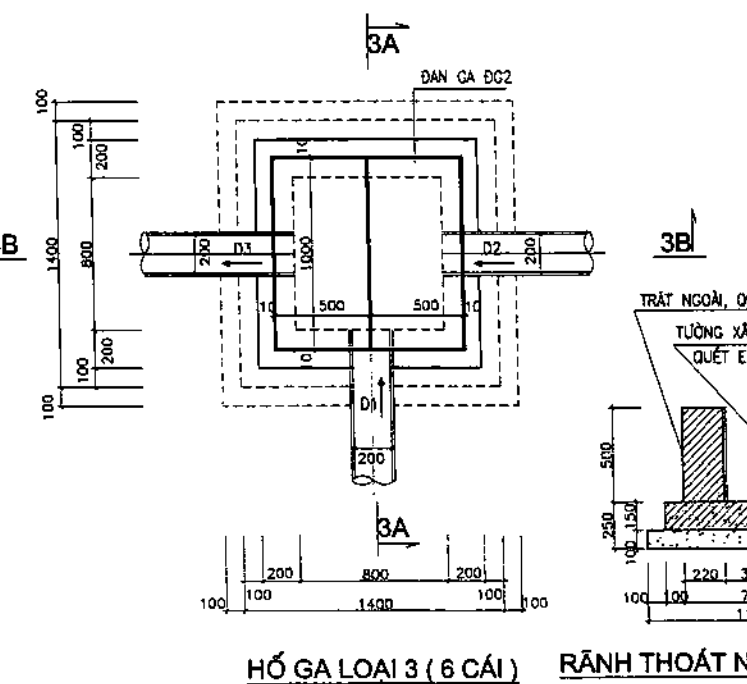
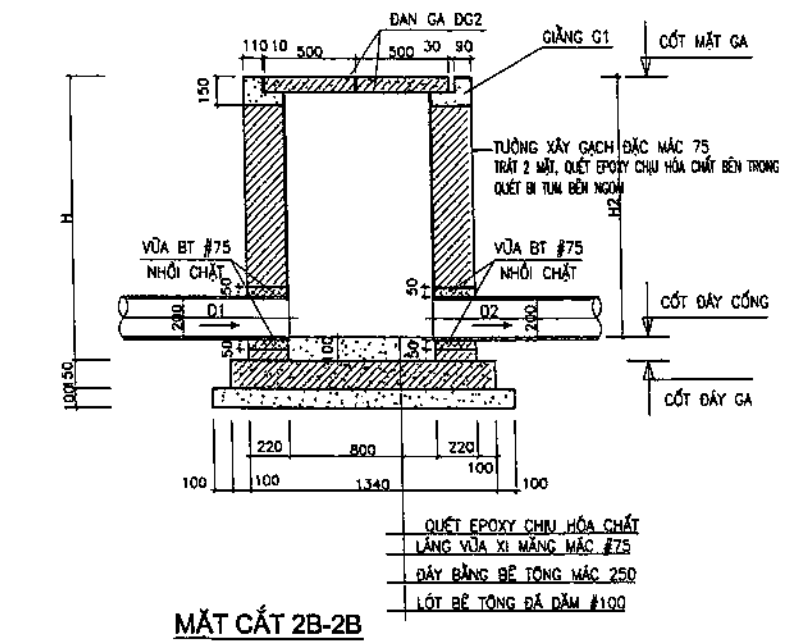
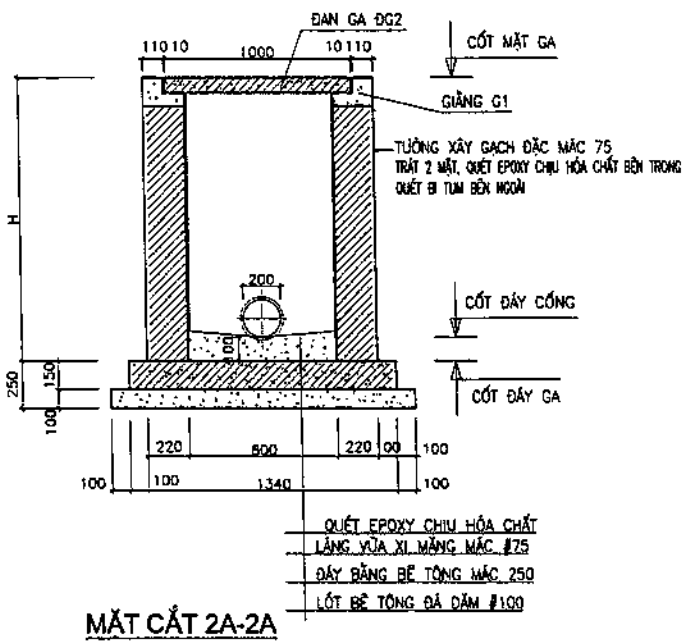
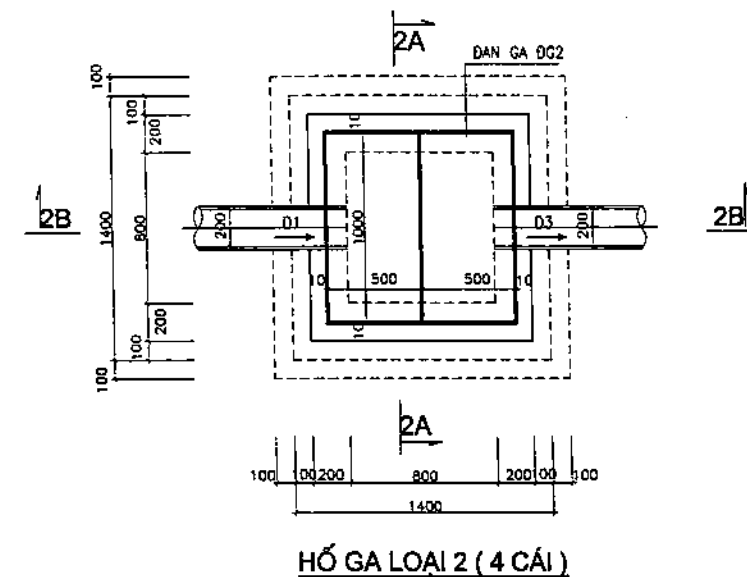
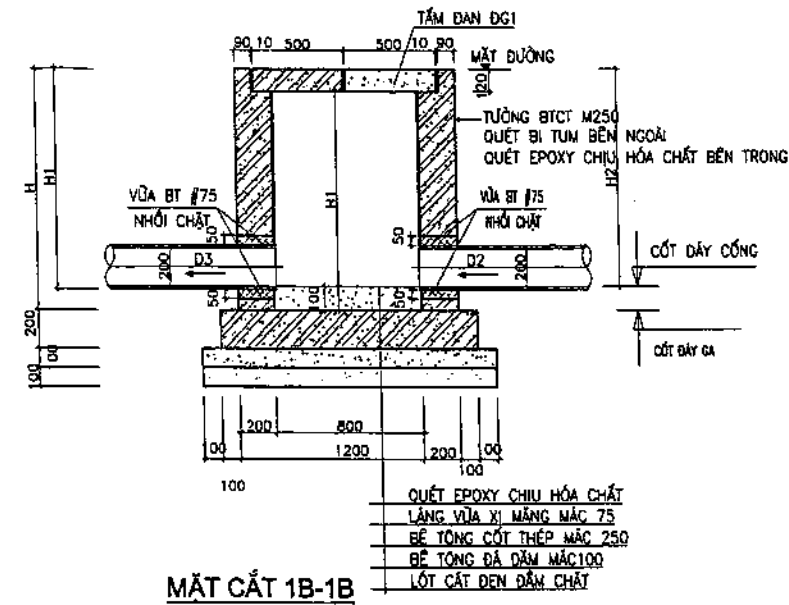
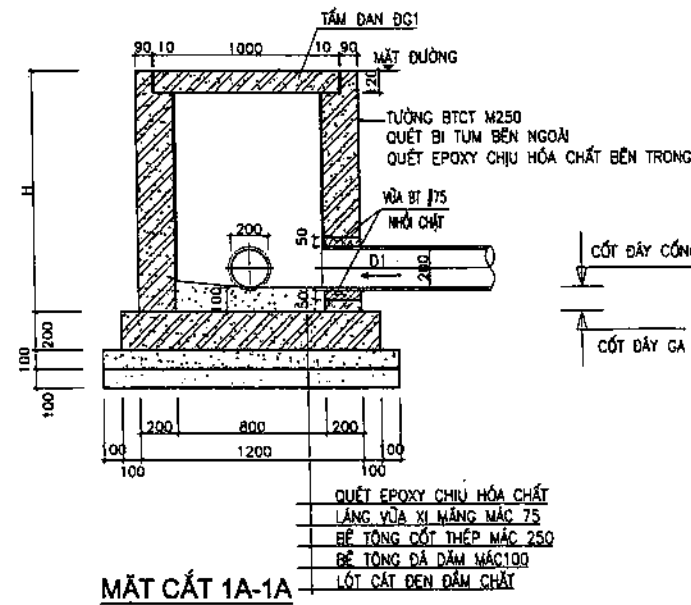
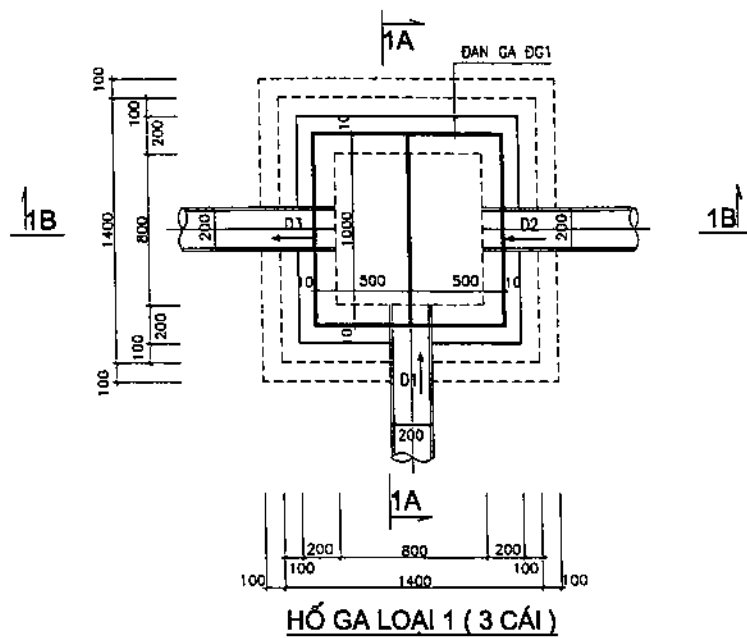
TÊN BẢN VẼ

BẢNG THỐNG KÊ THÉP

TÝLE N/A SỐ BẢN VẼ

BẢN ĐOẠN HOÀN CÔNG Q7TRUBIA-00-TNM-005

NGÀY 11-2014



CHÚ THÍCH:

- H: ĐỘ SÂU HỐ GA
- D1, D2, D3: ĐƯỜNG KÍNH CỒNG
- H1, H2, H3: ĐỘ SÂU CHỖN ỐNG
- RÀ NỀN CÁT VÀNG ĐẦM CHẤT TRƯỚC KHI ĐẶT ỐNG
- VỮA GÁN, CHÍT MẠCH GẠCH CHỐNG ACID BẰNG VỮA CHỐNG ACID

AS-BUILT DRAWING BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY ĐIỆN HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 15 TRIỆU LIT/NĂM MỞ RỘNG LÊN 25 TRIỆU LIT/NĂM

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
QUẢNG TRỊ

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

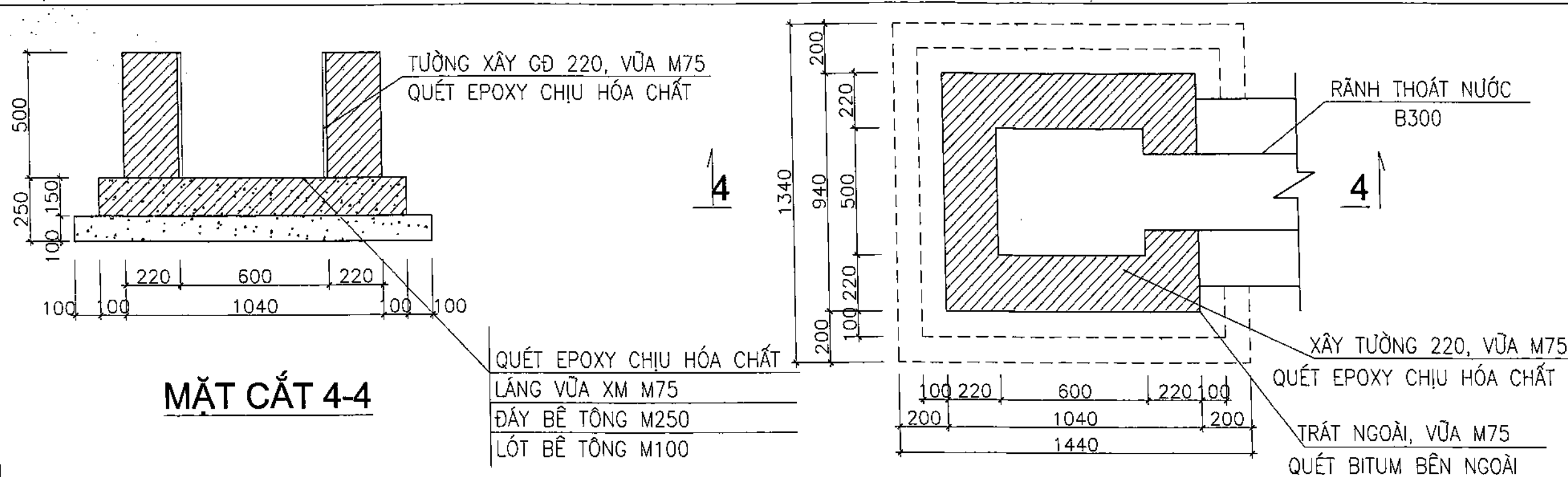
ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị

HỐ GA NƯỚC THẢI

ĐẠI DIỆN CHỦ QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUANG - HUYỆN GIỚI LỊCH
THị xã Quảng Trị



STT	KÝ HIỆU	KIỂU	KÍCH THƯỚC CỐNG (MM)			CAO ĐỘ	CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG (M)			ĐỘ SÂU CỐNG (M)			KÍCH THƯỚC GA (MM)		
	HỔ GA	HỔ GA	D1	D2	D3	MẶT GA (M)	Đ1	Đ2	Đ3	H1	H2	H3	A1	A2	H
1	G1	2	125		125	+5.20		+4.49			0.71		0.80	0.80	0.81
2	G2	2	200		200	+5.20		+4.46			0.74		0.80	0.80	0.84
3	G3	3	125	125	200	+5.15			+4.40			0.75	0.80	0.80	0.85
4	G4	2	200		200	+5.20		+4.35			0.85		0.80	0.80	0.95
5	G5	2	200		200	+5.20		+4.30			0.90		0.80	0.80	1.00
6	G6	2	200		200	+5.20		+4.24			0.96		0.80	0.80	1.06
7	G7	1	200	200	300	+5.12	+4.22			0.90			0.80	0.80	1.00
8	G8	1	300		300	+5.55	+4.14			1.41			0.80	0.80	1.51
9	G9	2	200		200	+5.20		+4.57			0.63		0.80	0.80	0.73
10	G10	3	200		200	+5.20			+4.50			0.70	0.80	0.80	0.80
11	G11	2	200		200	+5.50		+4.40			1.10		0.80	0.80	1.20
12	G12	2	200		200	+5.45		+4.38			1.07		0.80	0.80	1.17
13	G13	2	200		200	+5.55		+4.84			0.71		0.80	0.80	0.81
14	G14	2	200		200	+5.55		+4.79			0.76		0.80	0.80	0.86
15	G15	4				+5.35		+4.85					0.50	0.60	0.50

CHÚ THÍCH:

- CÁC HỔ GA VÀ TUYẾN CỐNG HIỆN CÓ ĐÃ ĐƯỢC XÂY DỰNG ĐƯỢC ĐÁU NỐI VÀO TUYẾN THOÁT NƯỚC THẢI CHUNG THEO CAO ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC TÍNH TOÁN Ở BẢNG TRÊN

BẢNG THỐNG KÊ HỔ GA NƯỚC THẢI

AS-BUILT DRAWING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

QUẢN LÝ:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 15 TRIỆU LÍT/NĂM MỞ RỘNG LÊN 25 TRIỆU LÍT/NĂM

ĐỊA CHỈ KHU CH QUẢN LÝ: XÃ QUẢNG QUANG - HUYỆN QUẢNG LÂM
TỈNH QUẢNG TRỊ

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

ĐỊA CHỈ SỐ 158 ĐƯỜNG NGUYỄN TRẦN - TH. XÃ ĐÔNG HẠ - QUẢNG TRỊ
TEL: 053.651437 FAX: 053.65277

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: CHỮ KÝ: NGÀY:

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT:

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
QUẢNG TRỊ

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: CHỮ KÝ: NGÀY:

0102143100
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
QUẢNG TRỊ
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
TRƯỜNG XUYÊN
0. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: TÊN: CHỮ KÝ:

TỔNG QUẢN ĐỐC: LÊ HOÀNG VŨ

VỀ: NG. MINH TRƯỜNG

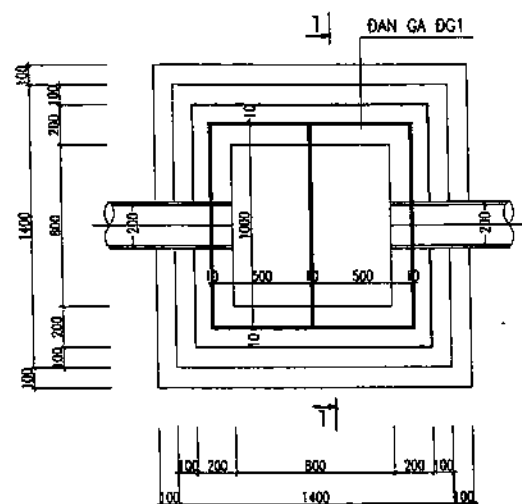
TÊN BẢN VẼ:

BẢNG THỐNG KÊ THÉP

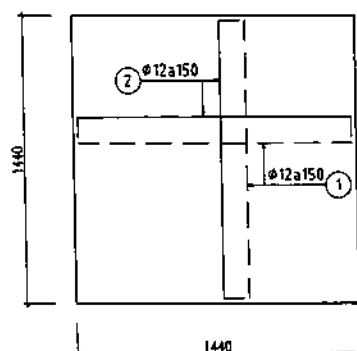
TÝ LỆ: N/A SỐ BẢN VẼ:

QUY TRÌNH: HOÀN CÔNG QTRBIA-00-TNT-003

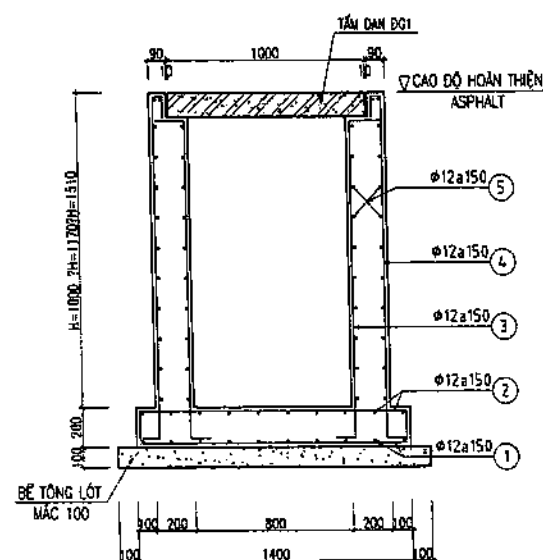
NGÀY: 11/2014



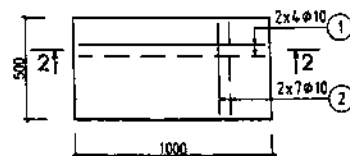
MẶT BẰNG HỐ GA LOẠI 1
(SL: 03)



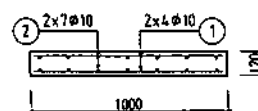
MẶT BẰNG THÉP ĐÁY HỐ GA LOẠI 1



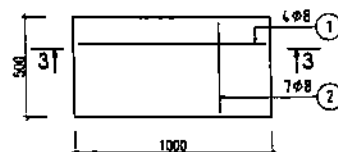
MẶT CẮT 1-1



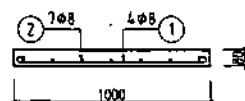
TẦM ĐÀN ĐG1
(SL: 04)



MẶT CẮT 2-2



TẦM ĐÀN ĐG2
(SL: 24)



MẶT CẮT 3-3

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
HỐ GA LOẠI 1 (H=1000)	1	1350	12	1350	20	20	27	23.97
	2	170 1350 170	12	1690	20	20	33.8	30.01
	3	150 1180 150	12	1460	22	22	32.12	28.52
	4	50 120 1280 150	12	1600	32	32	51.2	45.46
	5	4800	12	4800	24	24	115.2	102.30
HỐ GA LOẠI 1 (H=1510)	1	1350	12	1350	20	20	27	23.97
	2	170 1350 170	12	1690	20	20	33.8	30.01
	3	150 1570 150	12	1870	22	22	41.14	36.53
	4	50 120 1890 150	12	2010	32	32	64.32	57.11
	5	4800	12	4800	44	44	211.2	187.54
ĐG1 SL: 4	1	950	10	950	8	32	30.4	18.73
	2	450	10	450	14	56	25.2	15.52
ĐG2 SL: 24	1	60 950 60	8	1070	4	96	102.72	40.47
	2	60 450 60	8	570	7	168	95.76	37.73
G1 SL: 12	1	4800	10	4800	4	48	230.4	142
	2	30 110 70 50 180	6	700	28	336	235.2	51.74

AS-BUILT DRAWING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY ĐIỆN HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 15 TRỆU WATT/NĂM MỞ RỘNG LÊN 25 TRỆU WATT/NĂM

ĐỊA CHỈ KHU CH QUẢN LÝ: XÃ GIỚI QUẢNG - HUYỆN GIỚI QUẢNG - TỈNH QUẢNG TRỊ

CHUYÊN CHẾ GIẤY BÉ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

ĐỊA CHỈ SỐ 188 ĐƯỜNG NGUYỄN TRẠI - THỊ XÃ ĐÔNG HÀ - QUẢNG TRỊ
TEL: 093.851467 FAX: 093.852277

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
QUẢNG TRỊ

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

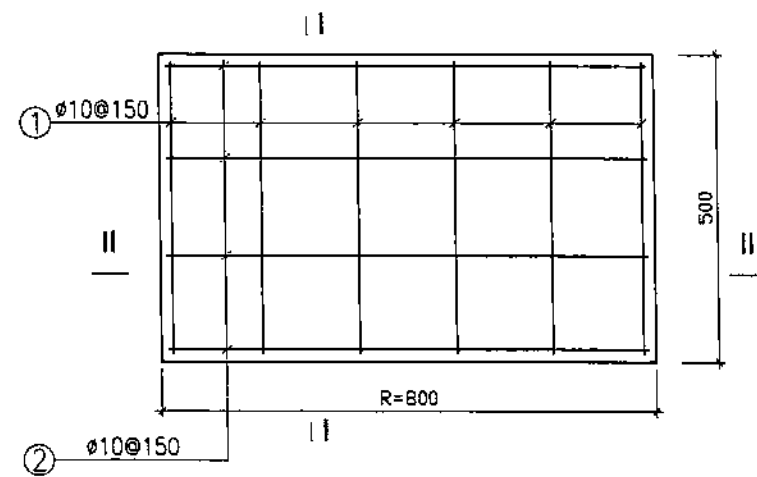
ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

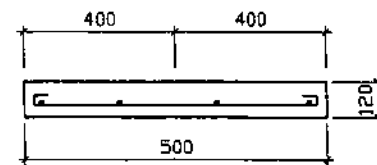
ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

ĐẠI DIỆN CHỦ KI NGÀY

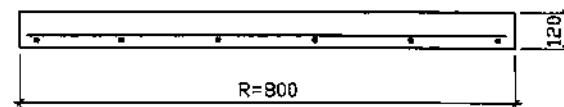
TẤM ĐAN BẢO VỆ ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI QUA ĐƯỜNG



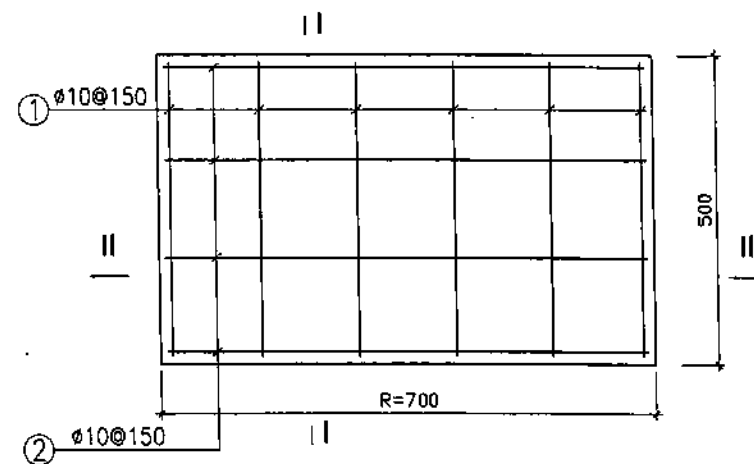
BỐ TRÍ THÉP TẤM ĐAN A BẢO VỆ ỐNG D300
(số lượng : 84 tấm)



CẮT I-I



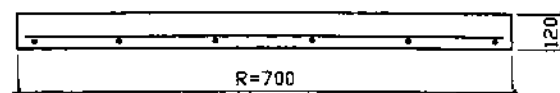
CẮT II-II



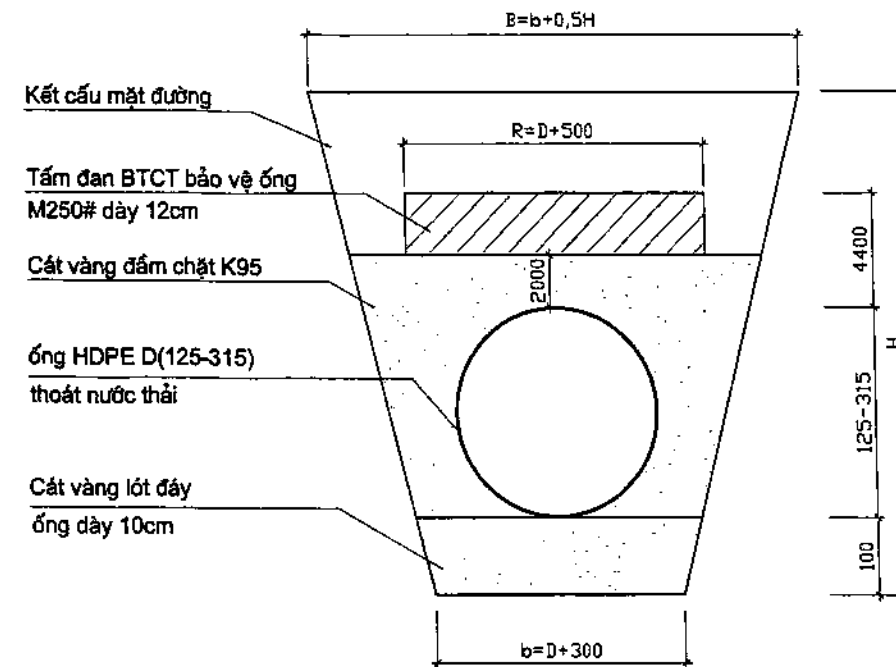
BỐ TRÍ THÉP TẤM ĐAN B BẢO VỆ ỐNG D200
(số lượng : 65 tấm)



CẮT I-I



CẮT II-II



CẮT NGANG ĐOẠN ỐNG QUA ĐƯỜNG

GHI CHÚ

Mương chôn rãnh thiết kế theo TCVN 4453-1994

Đáy ống lót cát đệm dày 10cm, đầm chặt K90

Sau khi chôn ống lấp cát đầm chặt K95, có tấm đan bê tông CT bảo vệ ống, tấm đan vữa BT M250, đá 1x2

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
TẤM ĐAN A	Số lượng: 84	80 450 80	10	610	6	504	307.44	189.55
		750	10	750	4	336	252	155.37
TẤM ĐAN B	Số lượng: 65	80 450 80	10	610	6	390	237.9	146.59
		650	10	650	4	260	169	104.14

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 10 = 595.65 \text{ kg}$; Chiều dài = 966.34 mét

AS-BUILT DRAWING
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐƠN VỊ:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY ĐIỆN HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 15 TRIỆU LƯU LƯỢNG MỎ RỘNG LÊN 25 TRIỆU LƯU LƯỢNG

ĐỊA CHỈ KHU CHỨNG QUẢN NGANG - XÃ GIỚI QUẢNG - HUYỆN GIỚI LÍNH
TỈNH QUẢNG TRỊ

ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

ĐỊA CHỈ SỐ 188 ĐƯỜNG NGUYỄN TRẦN - THỊ XÃ CÔNG HÀ - QUẢNG TRỊ
TEL: 093.851437 FAX: 093.852277

ĐẠI DIỆN (BAN CHỈ ĐẠO)	CHỮ KÝ	NGÀY

ĐƠN VỊ VẤN DẪN SẴN

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
QUẢNG TRỊ

ĐẠI DIỆN	CHỮ KÝ	NGÀY

CHỖ ĐẤU CHỮ KÝ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
TRƯỜNG XUYÊN
QUẢNG TRỊ - TP. HÀ NỘI

ĐẠI DIỆN	CHỮ KÝ
TỔNG QUẢN ĐỐC (LÊ HOÀNG VŨ)	
VÊ NG. MINH TRƯỜNG	

TÊN BẢN VẼ

KẾT CẤU TẤM ĐAN
BẢO VỆ ỐNG QĐ

TÝ LỆ	N/A	SỐ BẢN VẼ
GIẤY ĐOẠN	HOÀN CÔNG	QTRUBIA-00-TNT-005
NGÀY	11/2014	

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ CÔNG TY TNHH NHẬT ANH

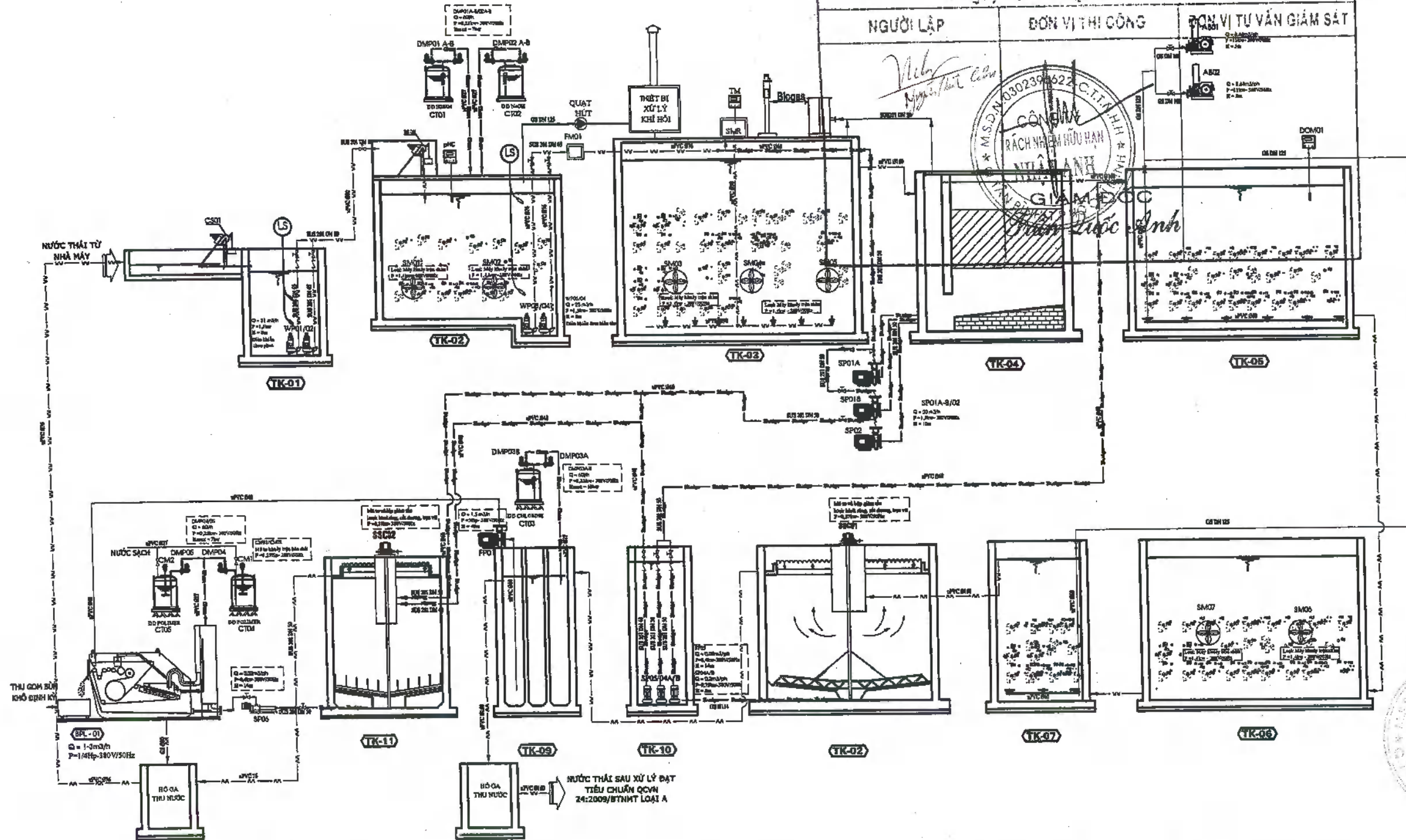
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày: 30 tháng 10 năm 2014

NGƯỜI LẬP

ĐƠN VỊ THI CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT



CHÚ THÍCH:

- — — — — ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
- — — — — ĐƯỜNG BỀN
- — — — — ĐƯỜNG HÓA CHẤT
- — — — — ĐƯỜNG KHÍ
- — — — — VAN MỘT CHIỀU
- — — — — VAN BÍ, VAN GẠT
- — — — — VAN BƯỚM

TK-01: HỒ GOM (4x2x0.4m)
Vw/Vt = 28/32m³ - VL: BTCT

TK-02: BỂ CÂN BẰNG (8,8x7,45x0.5m)
Vw/Vt = 295/327,8m³ - VL: BTCT

TK-03: BỂ XỬ LÝ KY KHÍ (13,4x6x0.5m)
Vw/Vt = 442,2/482,4m³ - VL: BTCT

TK-04: BỂ LẮNG KY KHÍ (6x3,45x0.5m)
Vw/Vt = 96,26/103,5m³ - VL: BTCT

TK-05: BỂ AEROTEN 1 (8,8x6,2x0.5m)
Vw/Vt = 245,5/272,3m³ - VL: BTCT

TK-06: BỂ AEROTEN 2 (8,8x4,9x0.5m)
Vw/Vt = 217,8/242m³ - VL: BTCT

TK-07: BỂ AEROTEN 2 (8,8x4,9x0.5m)
Vw/Vt = 194/213,6m³ - VL: BTCT

TK-08: BỂ LẮNG SINH HỌC HIẾU KHÍ (DxH: 6x4,5m)
Vw/Vt = 84,78/127,17m³ - VL: BTCT

TK-09: BỂ KHỬ TRÙNG (4,5x3,2x4,5m)
Vw/Vt = 21,29/24,57m³ - VL: BTCT

TK-10: BỂ CHỨA BÓN TRUNG GIẢN (1,2x1,2x4,5m)
Vw/Vt = 5,76/6,48m³ - VL: BTCT

TK-11: BỂ NÉN BÚN (DxH: 3x4m)
Vw/Vt = 22,6/28,26m³ - VL: BTCT

CT01/02: BÓN CHỨA HÓA CHẤT
V = 2m³ - VL: Composite

CT03: BÓN CHỨA HÓA CHẤT
V = 1m³ - VL: Composite

CT04/05: BÓN CHỨA HÓA CHẤT
V = 1m³ - VL: Composite

WP: BƠM NƯỚC THẢI CHÌM

CS: LƯỚI LƯỚI RÁC THỎ

LS: PHẠO BẢO MỨC NƯỚC

FS: MÁY LƯỚI RÁC TÍNH

DMP: BƠM ĐỊNH LƯỢNG

SM: MÁY KHUẤY CHÌM

FM: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

PHC: PH CONTROLLER

SMR: THIẾT BỊ TRỘN

TM: THIẾT BỊ ĐO NHỆT ĐỘ

FL: ĐẦU ĐỐT KHÍ

DOM: ĐO METER

AB: MÁY THỞ KHÍ

SSC: MÔ TÔ GIẢM TỐC

CM: MÔ TÔ KHUẤY TRỘN HÓA CHẤT

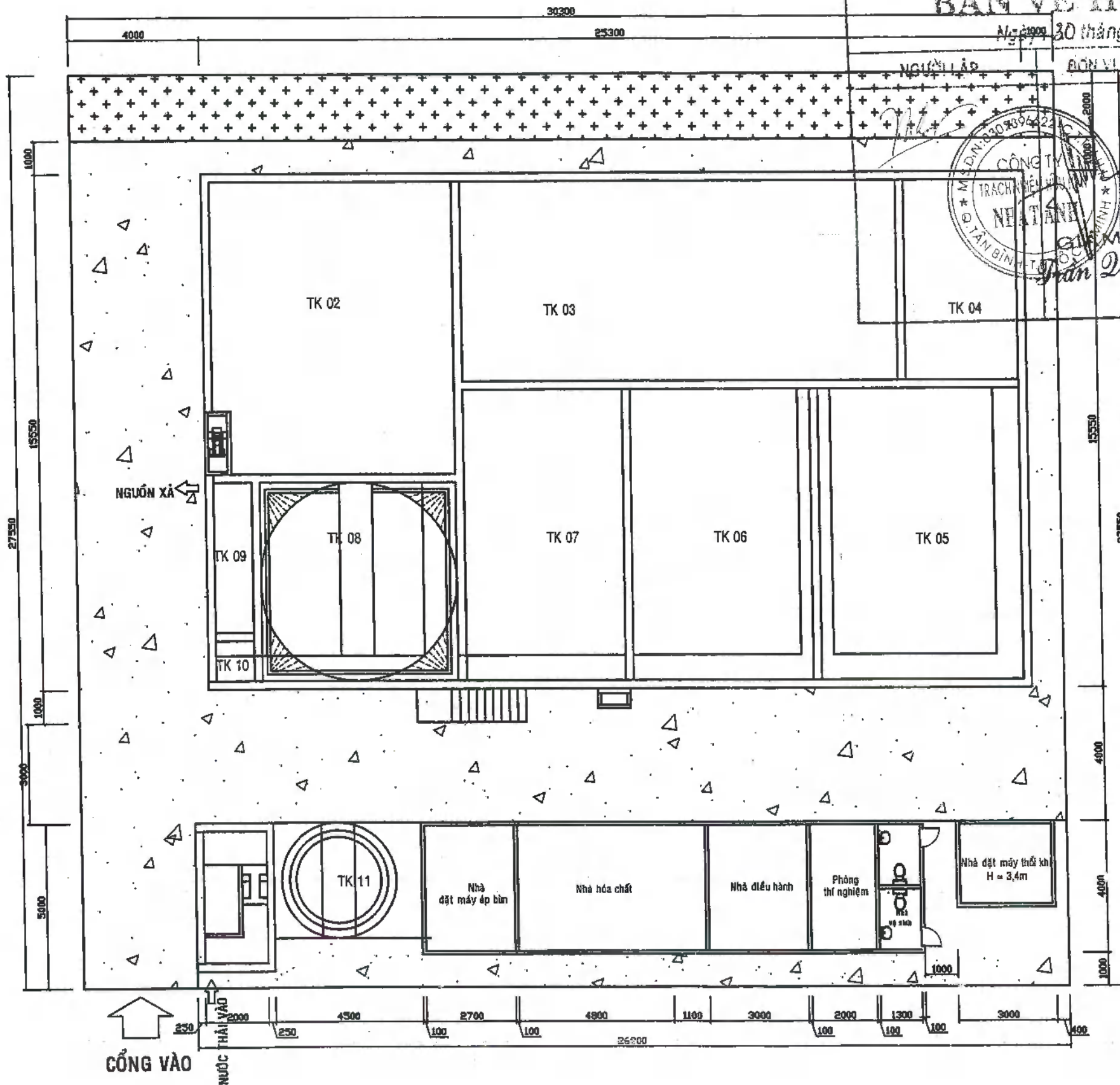
BPL: MÁY ÉP BÚN

FP: BƠM NƯỚC SẠCH

SỐ DẪI		
Đm	Ngày	Ký tên
CHỨC VỤ		
HỌ TÊN		
CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ		
MÔ TẢ		
CƠ SỞ		
XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ CÔNG SUẤT 500M ³ /NGÀY		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG		
Khu Công nghiệp Quảng Ngãi, Xã Gio Quang, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị		
THIẾT KẾ & THI CÔNG		
NHATANH CO., LTD CÔNG TY TNHH NHẬT ANH 28/3 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P.14, Q.7B, TP.HCM ĐT: 08 9 487 481 FAX: 08 6 121 285		
THIẾT KẾ	TÊN QUỐC ANH	
THIẾT KẾ	NGƯỜI VẼ HỌ TÊN	
VẼ	NGƯỜI THỰC HIỆN	
TÊN DỰ ÁN	CÔNG NGHỆ	
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ		
MÔ TẢ VỀ THI CÔNG PHẦN CÔNG NGHỆ		
PHÁT HÀNH	2014	
TỔNG DẪN VẼ	KÝ HẸP DẪN VẼ	XUẤT BẢN NHẬT ANH

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

CÔNG SUẤT: 500M3/NGÀY.ĐÊM



CÔNG TY TNHH NHẬT ANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 30 tháng 10 năm 2014

NGƯỜI LẬP: ĐƠN VỊ THI CÔNG: ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁ



Số	Ngày	Ký tên

CÔNG TY CP
BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

CÔNG TY TNHH NHẬT ANH

XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY

THIẾT KẾ & THỰC HIỆN

THIẾT KẾ & THỰC HIỆN

THIẾT KẾ & THỰC HIỆN

GHI CHÚ

- TK 01: BỂ THU GOM
- TK 02: BỂ CÂN BẰNG
- TK 03: BỂ SINH HỌC KỶ KHÍ
- TK 04: BỂ LẮNG 1
- TK 05: BỂ AEROTANK 1
- TK 06: BỂ ANOXIC
- TK 07: BỂ AEROTANK 2
- TK 08: BỂ LẮNG 2
- TK 09: BỂ KHỬ TRÙNG
- TK 10: BỂ CHỨA BÙN
- TK 11: BỂ NÉN BÙN

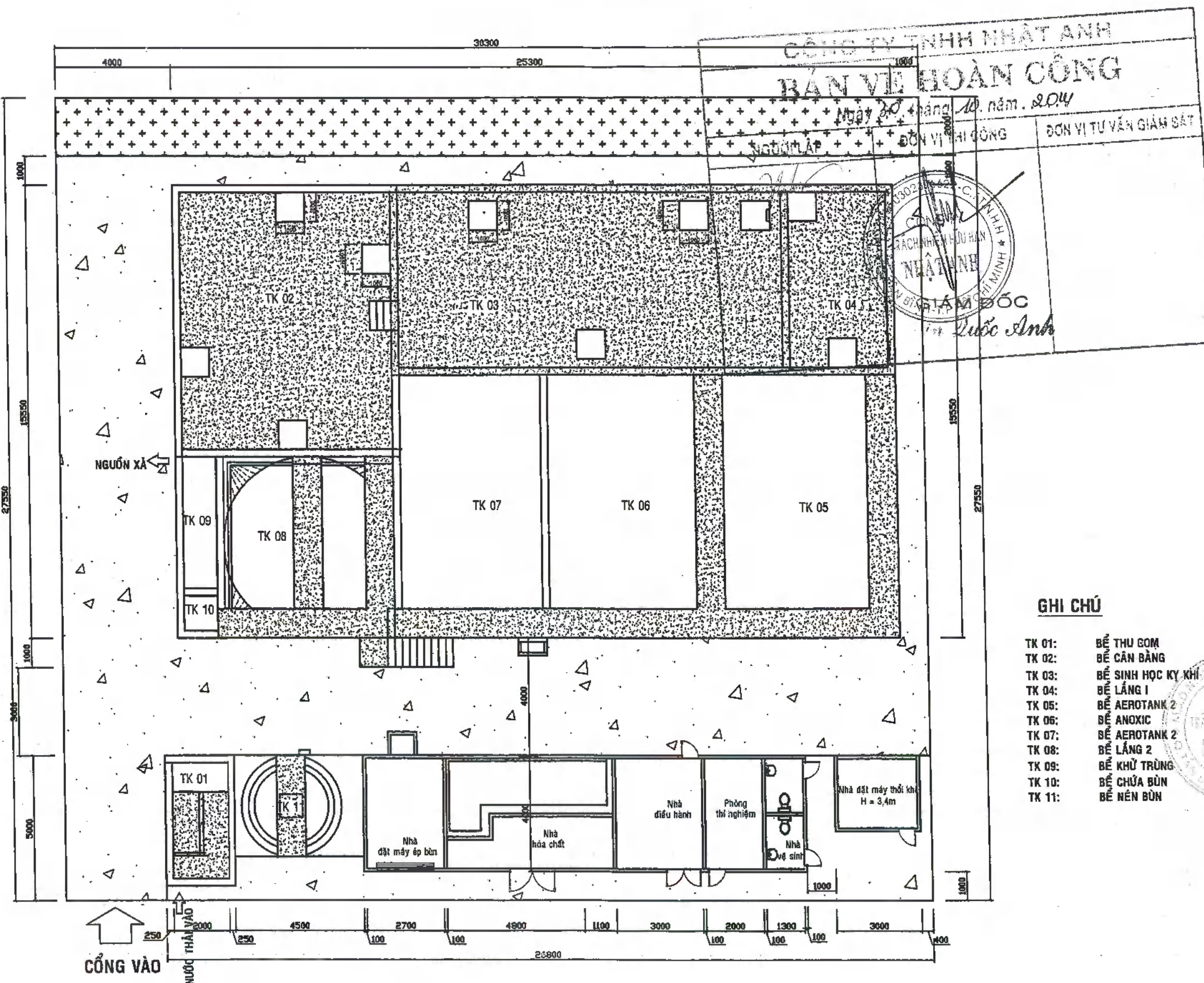
THIẾT KẾ & THỰC HIỆN

THIẾT KẾ & THỰC HIỆN

THIẾT KẾ & THỰC HIỆN

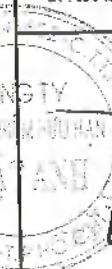
THIẾT KẾ & THỰC HIỆN

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HÀNH LANG CÔNG TÁC VÀ NẮP BẾ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT: 500M3/NGÀY.ĐÊM

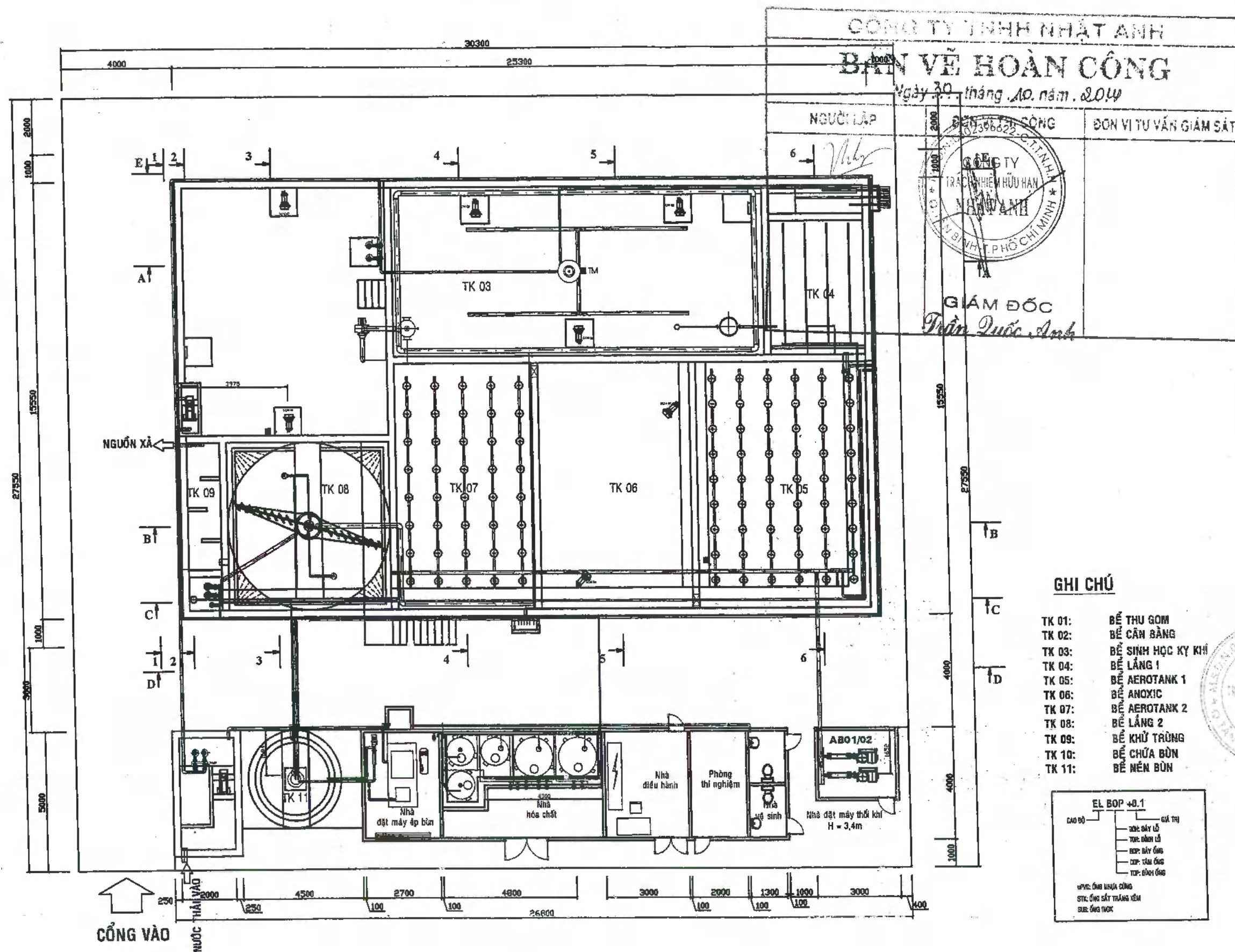


GHI CHÚ

- | | |
|--------|--------------------|
| TK 01: | BỂ THU GOM |
| TK 02: | BỂ CÂN BẰNG |
| TK 03: | BỂ SINH HỌC KỶ KHÍ |
| TK 04: | BỂ LẮNG 1 |
| TK 05: | BỂ AEROTANK 2 |
| TK 06: | BỂ ANOXIC |
| TK 07: | BỂ AEROTANK 2 |
| TK 08: | BỂ LẮNG 2 |
| TK 09: | BỂ KHỬ TRÙNG |
| TK 10: | BỂ CHỨA BÙN |
| TK 11: | BỂ NÉN Bùn |

SỐ QUÂN		
Họ và tên	Ngày	Số
Đơn vị: 		
Chức vụ:  CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ 		
Mã dự án: 		
Công trình: XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY		
Địa điểm xây dựng: KHU CÔNG NGHIỆP QUẬN NGANG, XÃ GIỚI QUANG, HUYỆN GIỚI LĨNH, TỈNH QUẢNG TRỊ		
Thiết kế & thi công:  NHATANH CO., LTD CÔNG TY TNHH NHẬT ANH 283 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P.14, Q.7B, TP.HCM ĐT : 08 8 498 481 FAX : 08 8 121 285		
  CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ ĐÓNG TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT		
KHẢO TRÃ	TRẦN QUỐC ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN HỢP	
VẼ	NGUYỄN THƯỜNG CƯỜNG	
TÊN BẢN VẼ:	CÔNG HOẠCH MẶT BẰNG HÀNH LAN CÔNG TÁC VÀ NẮP B	
BỘ BẢN VẼ HOÀN CÔNG PHẦN CÔNG HOẠCH		
PHÁT HÀNH		2014
TỔNG BẢN VẼ	22/03	KHUYẾN MÃI QUÂN

MẶT BẰNG VỊ TRÍ MẶT CẮT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT: 500M3/NGÀY.ĐÊM



CÔNG TY TNHH NHẬT ANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 30 tháng 10 năm 2014

NGUỒN LẬP

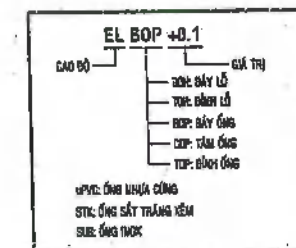
ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Anh

GHI CHÚ

- TK 01: BỂ THU GOM
- TK 02: BỂ CÂN BẰNG
- TK 03: BỂ SINH HỌC KỶ KHÍ
- TK 04: BỂ LẮNG 1
- TK 05: BỂ AEROTANK 1
- TK 06: BỂ ANOXIC
- TK 07: BỂ AEROTANK 2
- TK 08: BỂ LẮNG 2
- TK 09: BỂ KHỬ TRÙNG
- TK 10: BỂ CHỨA BÙN
- TK 11: BỂ NÉN BÙN



QU	NGÀY	KÝ TÊN

CÔNG TY CP
BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

CÔNG TY CP
BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY

THIẾT KẾ & THỰC CÔNG
NHẬT ANH CO., LTD
CÔNG TY TNHH NHẬT ANH
 28/3 TRƯỜNG CỎNG ĐINH 4, P.14, Q.13, TP. HCM
 ĐT: (+84) 9 493 461 FAX: (+84) 8 121 265

THIẾT KẾ & THỰC CÔNG
NHẬT ANH CO., LTD
CÔNG TY TNHH NHẬT ANH
 28/3 TRƯỜNG CỎNG ĐINH 4, P.14, Q.13, TP. HCM
 ĐT: (+84) 9 493 461 FAX: (+84) 8 121 265

GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Anh

THIẾT KẾ	THỰC CÔNG

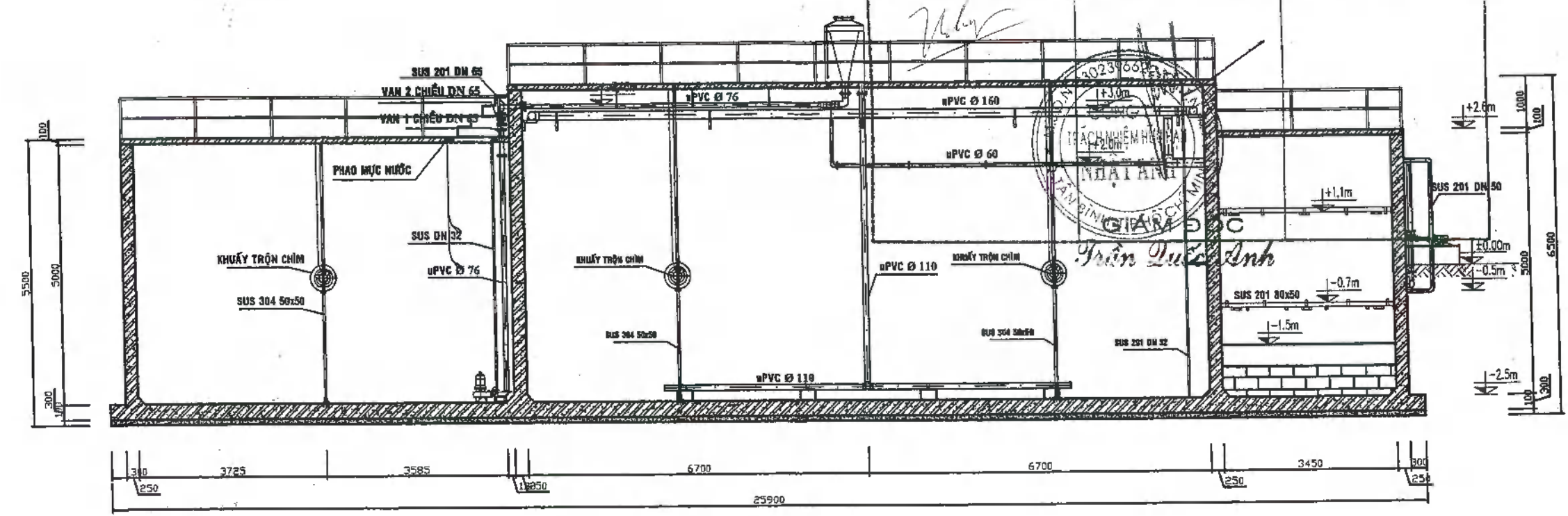
PHÁT HÀNH	2014
TỔNG MÀN VẼ	KÝ HIỆU MÀN VẼ
23/03	XUẤT/THA HN Q7/01.05

CÔNG TY TNHH NHẬT ANH BẢN VẼ HOÀN CÔNG

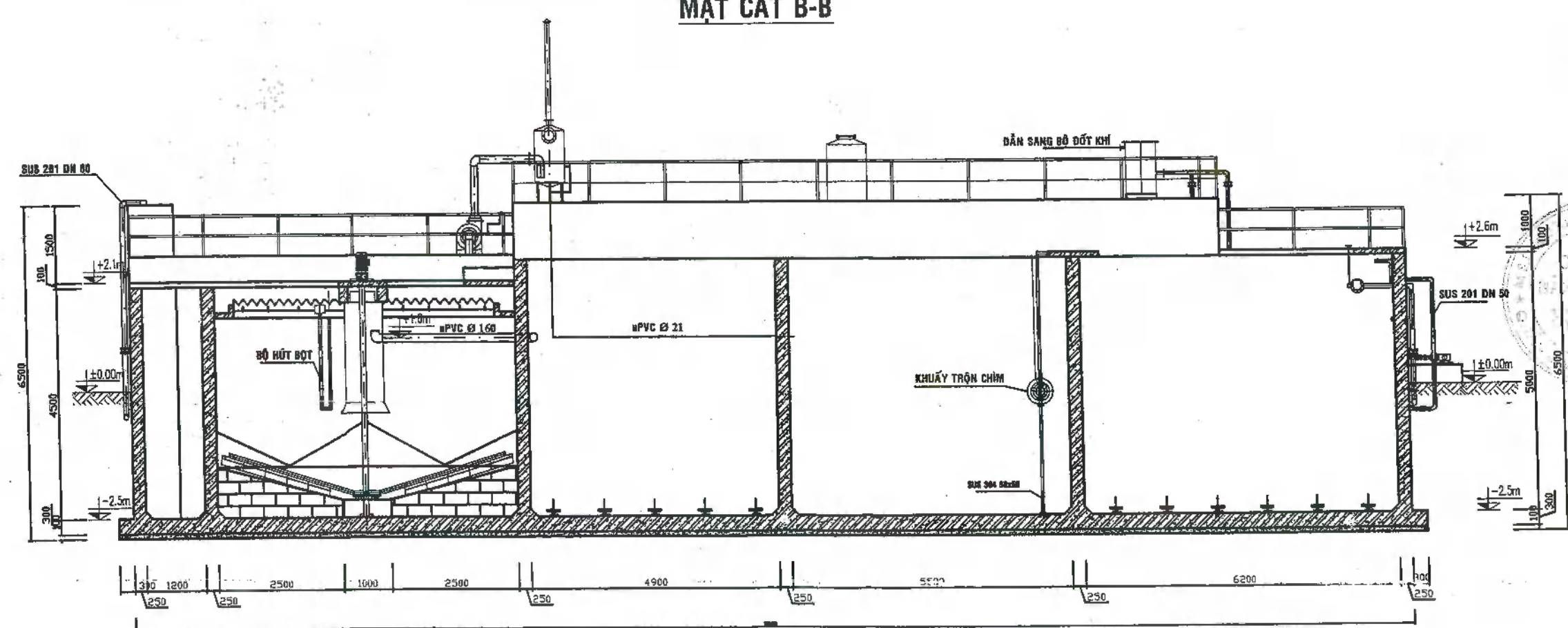
Ngày 30, tháng 10 năm 2014

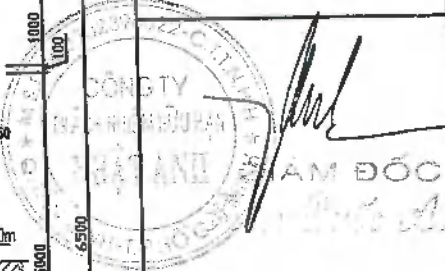
NGƯỜI LẬP ĐƠN VỊ THI CÔNG ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT

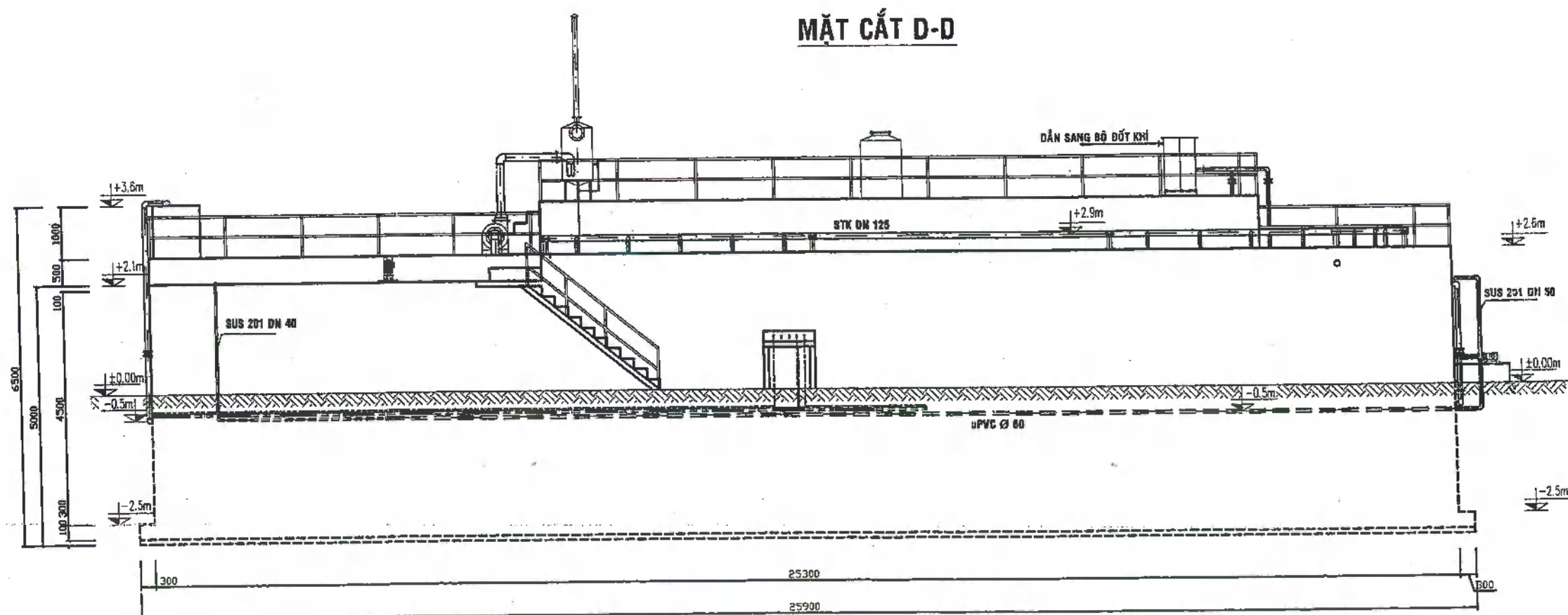
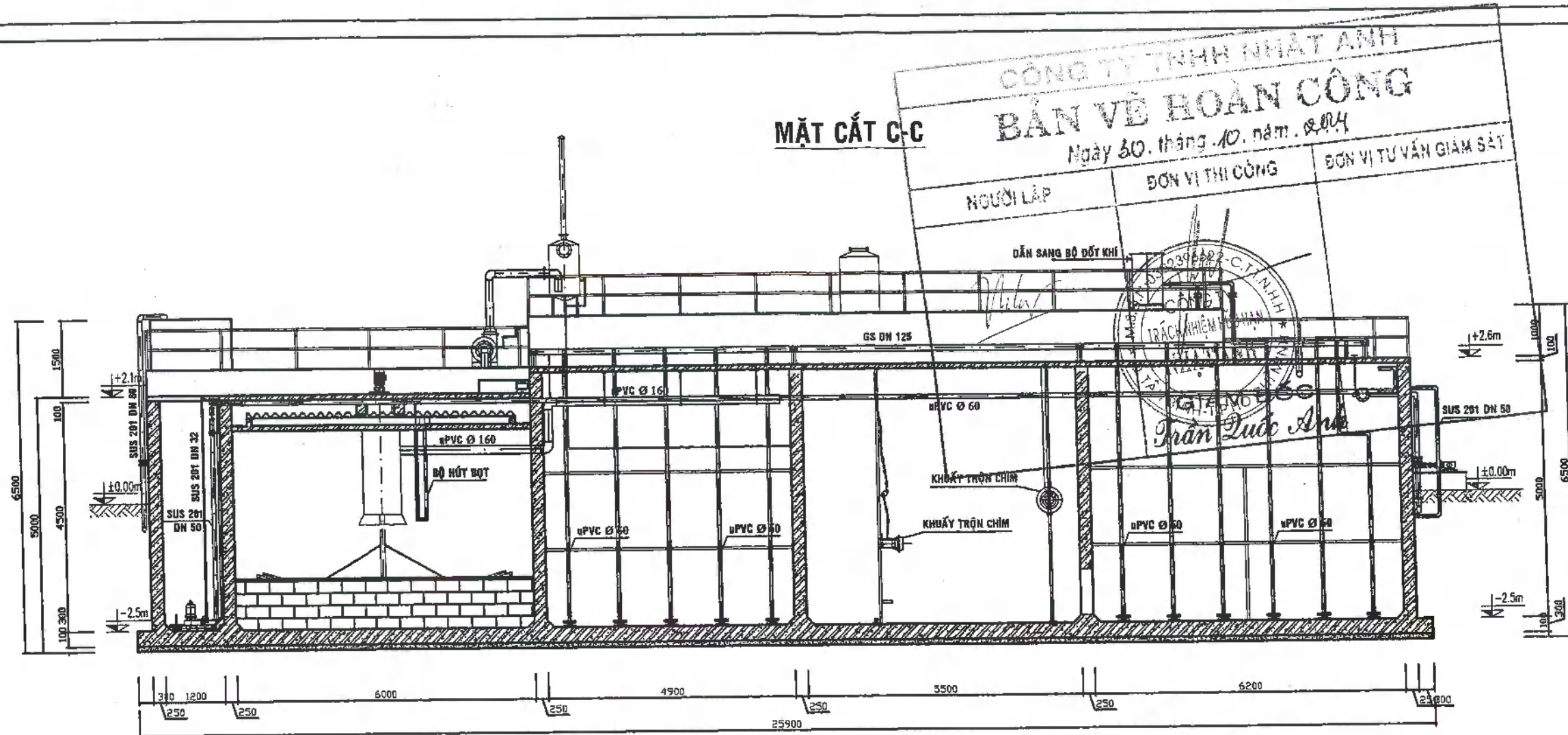
MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



SỐ DẪI		
ĐƠN VỊ	NGÀY	TÊN
ĐƠN VỊ THI CÔNG		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT		
CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ		
XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ CÔNG SUẤT 500M ³ /NGÀY		
MÃ BIỂU XÂY DỰNG		
KHOA CÔNG NGHIỆP QUẢN LÝ, XÃ GIỚI QUANG, HUYỆN GIỚI LÍNH, TỈNH QUẢNG TRỊ		
THIẾT KẾ & THI CÔNG		
 NHATANH CO., LTD CÔNG TY TNHH NHẬT ANH 88/8 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P.14, Q.10, TP. HCM ĐT : 08 8 493 481 FAX : 08 8 121 265		
		
THIẾT KẾ	TỔNG QUỐC ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN HỢP	
	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	
CÔNG NGHỆ		
MẶT CẮT A-A MẶT CẮT B-B		
SỐ BẢN VẼ HOÀN CÔNG PHẦN CÔNG NGHỆ		
2014		
TỔNG BẢN VẼ	23/43	
XUẤT BẢN NHẬT ANH		



SUN 001		
ĐƠN	NGÀY	KÝ TÊN
CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ		
HỆ QUẢN:		
CÔNG TRÌNH:		
XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ CÔNG SUẤT 500M ³ /NGÀY		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
Khu công nghiệp Quế Ngang, Xã Gio Quang, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị		
THIẾT KẾ & THI CÔNG:		
 NHATANH CO., LTD CÔNG TY TNHH NHẬT ANH 88/3 TỈNH LƯU CÔNG ĐỊNH, P.14, Q.7, TP. HCM ĐT: 08-8-4153-861 FAX: 08-8-121-285		
 GIÁM ĐỐC		
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	
CÔNG TRÌNH		
MẶT CẮT C-C MẶT CẮT D-D		
BỘ BẢN VẼ HOÀN CÔNG NHẬN CÔNG TRÌNH		
PHÁT HÀNH 2014		
TỔNG BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ	
23/43	NHATANH CO., LTD	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 30 tháng 10 năm 2014

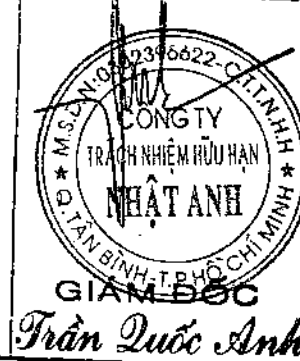
NGƯỜI LẬP

SON OF THE KING

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT

MẶT CẮT E-E

Walter
Nyeenthall Co.



GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Anh

DẪN SANG BỘ ĐỐT KHÍ

SUS 201 DN 50

SL\$ 201 DM 65

•PVC Ø 76

HÀM DƯỚI		
ĐƠN	NGÀY	KÝ TÊN

SALON

polo

CÔNG TY CP
BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

संक्षेपम्

Other info:

XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY

ĐÁP ÁN LÝ THUYẾT

KHU CÔNG NGHIỆP QUẢN NGANG, XÃ GIỚI QUANG,
HUYỆN GIỚI LÍNH, TỈNH QUẢNG TRỊ

THIẾT KẾ & THI CÔNG



NHATANH CO., LTD
CÔNG TY TNHH NHẬT ANH
23/3 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P.14, Q.10, TP. HCM
ĐT: 08 493 461 FAX: 08 6 121 285

GIÁM ĐỐC
[Signature]

<u>Kiểm tra</u>	TRẦN QUỐC ANH	
<u>Thiết kế</u>	NGUYỄN VĂN HỢP	Hợp
<u>Giải</u>	NGUYỄN THẠNH CƯỜNG	Thích

	CÔNG NGHỆ
TÊN SẢN PHẨM	MẬT CẮT E-E

SỞ BÀN VỀ HỢP CÔNG NHIÊN CÔNG NGHỆ

PHÁT HÀNH	2014
-----------	------

TỔNG SẢN VỐ	KỶ NGUYÊN SẢN VỐ
-------------	------------------

23/13	32.07/04 HH-QT/CH.08
-------	----------------------

CỘNG HÒA VIỆT NAM
BAN VỆ HOÀN CÔNG

Ngày 30 tháng 10 năm 1974.

NGƯỜI LẬP:

ĐƠN VỊ THỰC CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT

Value
Agree That Cost



Trần Quốc Anh

SỬA SỬ		
STT	Ngày	Ký tên

GLOVE

Content

CÔNG TY CP
BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

RE-DIRECT

pharmaceutical,

XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY

ĐẠI BIỂU HỘI TRƯỞNG

KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃNG, XÃ GIÓ QUANG,
HUYỆN GIÓ LỊCH, TỈNH QUẢNG TRỊ

THREE OF A KIND



NHATHANH CO., LTD
CÔNG TY TNHH NHẬT ANH
268 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P.14, QU. TP. HCM
ĐT: 08.3.453.401. FAX: 08.3.121.265

CÔNG TY

[illegible]

GIẤM ĐỐC

John Smith

<u>KẾT THỦ</u>	TRẦN QUỐC ANH	
<u>THÀNH VIÊN</u>	NGUYỄN VĂN HỢP	<i>Ng</i>
<u>VI</u>	NGUYỄN THÁNH CƯỜNG	<i>Ph</i>

THÀNH VIÊN	CÔNG NGHỆ
------------	-----------

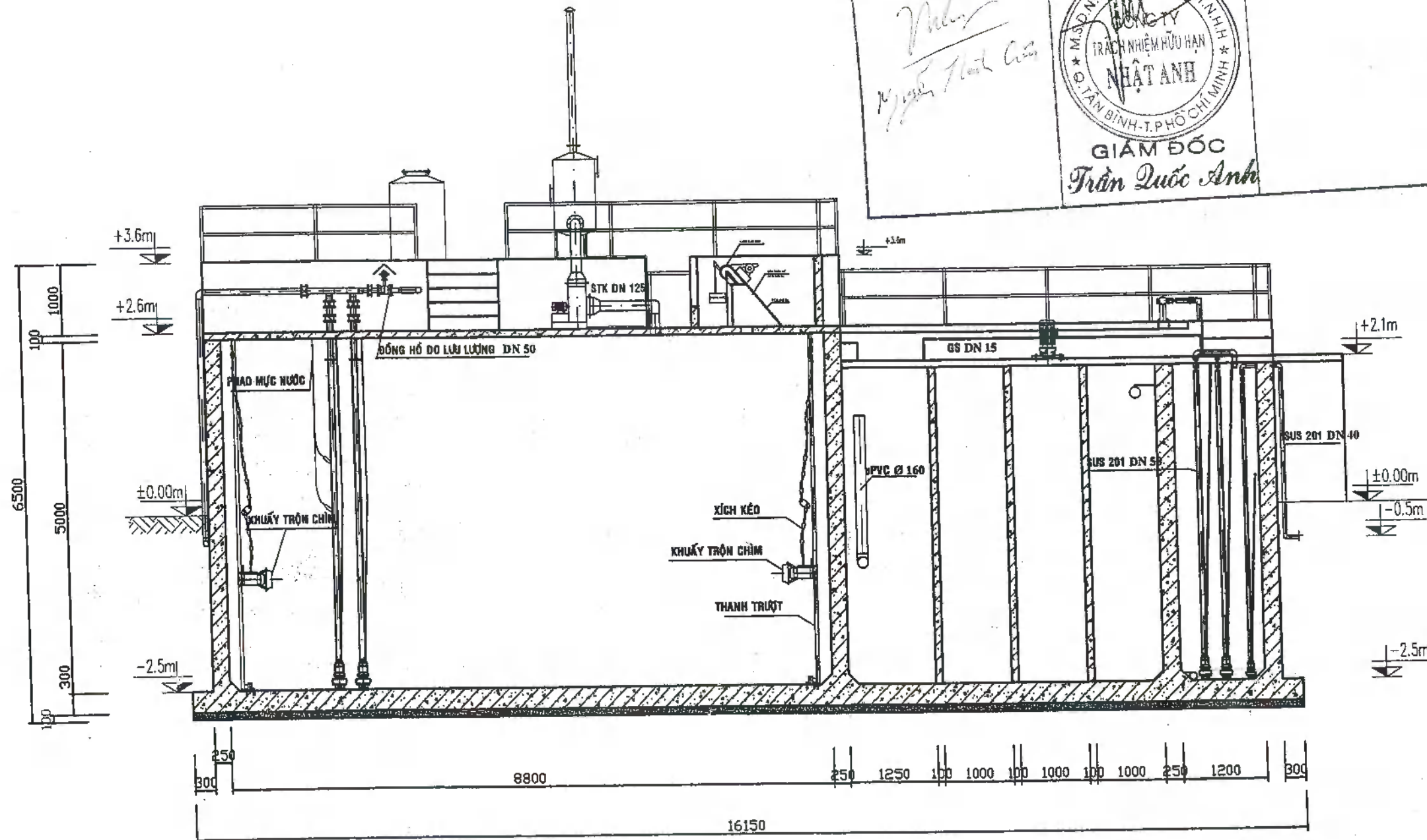
MAT CẮT 1-1

BỘ BAN VỀ HOÀN CÔNG PHẦN CÔNG NGHỆ

THÁNG NĂM 2014

TỔNG BÀN VÉ	KÝ HIỆU BÀN VÉ
ZH/3	XU/775a HƯ CỘNG D

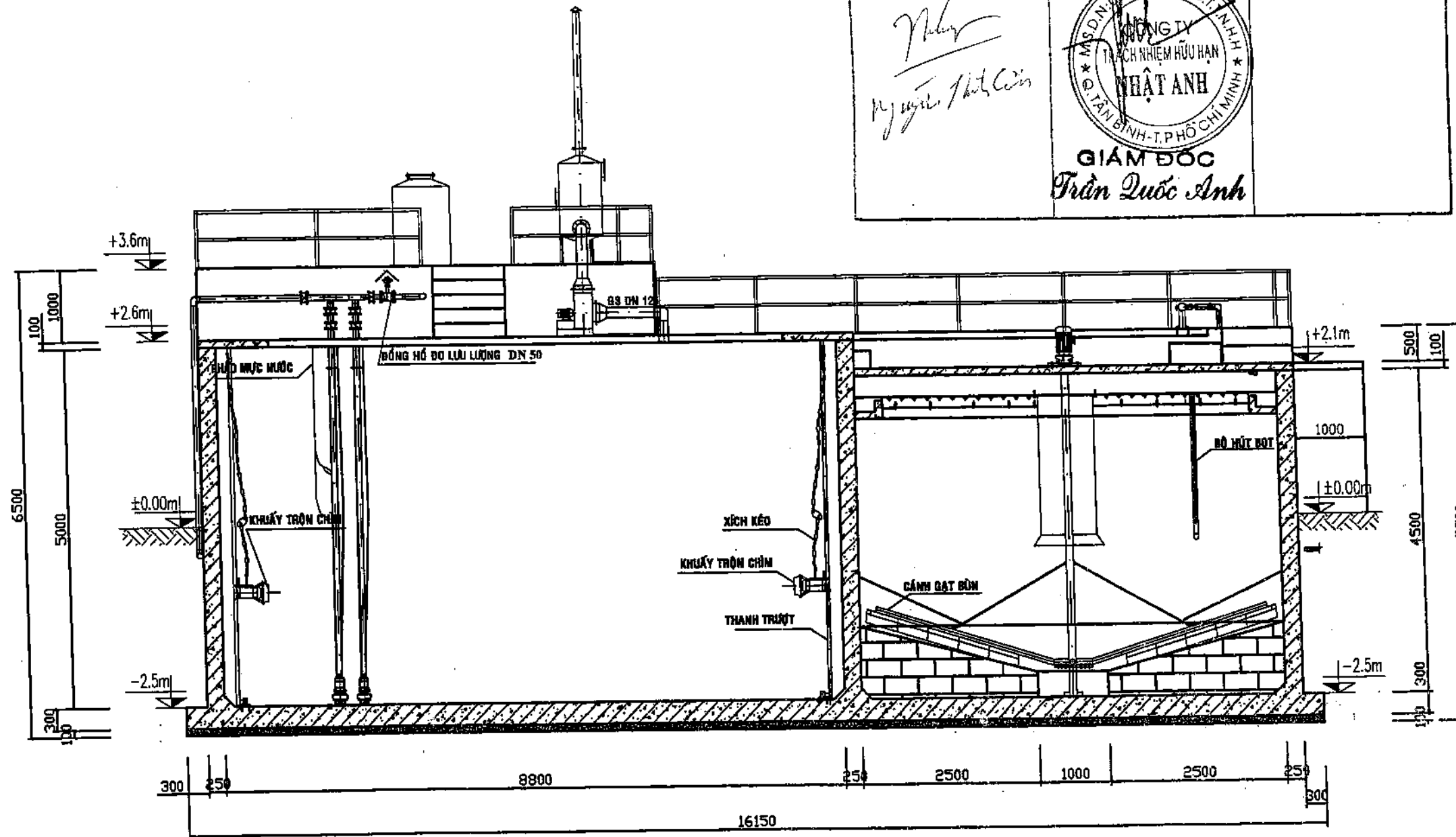
MẶT CẮT 2-2



CÔNG TY TNHH NHẬT ANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày: 30 tháng 10 năm 2014.		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Thanh An</i>		
	GIÁM ĐỐC <i>Trần Quốc Anh</i>	

SỐ DẪI		
QU	NGÀY	TÊN
Ghi chú:		
Mã dự án: <i>Đinh Hùng</i> CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ <i>Trần</i>		
Mã dự án: CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY		
Địa điểm xây dựng: KHU CÔNG NGHIỆP QUẬN NGANG, XÃ GIÒ QUANG, HUYỆN GIÒ LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ		
Thiết kế & thi công: NHẬT ANH CO., LTD CÔNG TY TNHH NHẬT ANH 283 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P.14, Q.10, TP. HCM ĐT: 08 6 493 461 FAX: 08 6 121 285		
Giám đốc: GIÁM ĐỐC <i>Trần Quốc Anh</i>		
ĐỀ TÀI	TRƯỜNG QUỐC ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN HỢP	<i>HT</i>
VẼ	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	<i>HT</i>
TÊN BẢN VẼ	CÔNG TRÌNH	
MẶT CẮT 2-2		
Bộ bản vẽ hoàn công nhà công nghệ		
PHÁT HÀNH 2014		
TỔNG BẢN VẼ	23/03	15/07/2014 H&QT/CH 10

MẶT CẮT 3-3



CÔNG TY TNHH NHẬT ANH BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20. tháng 10. năm 2014.

NGƯỜI LẬP

ĐƠN VỊ THI CÔNG

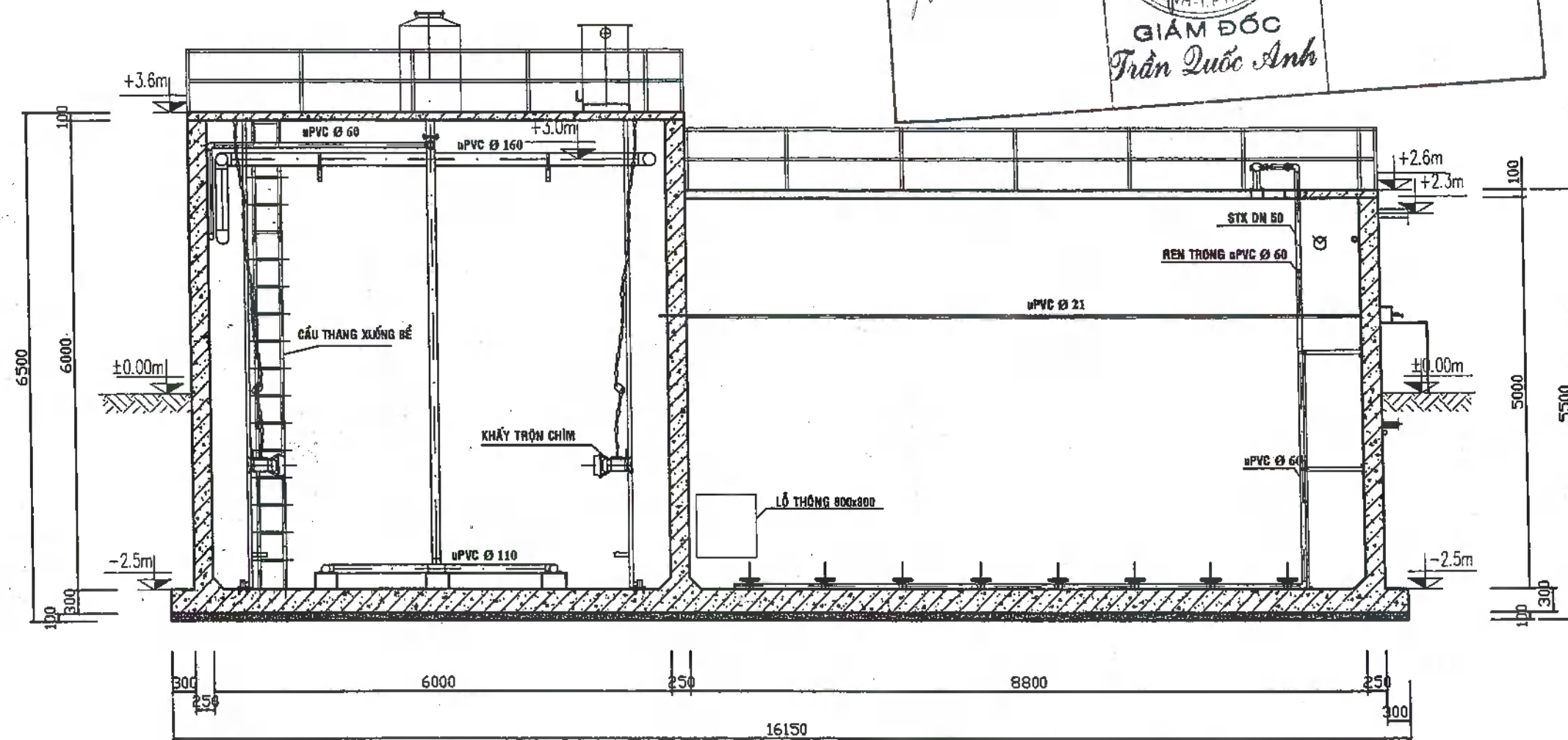
ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT

Nguyễn Văn Cường



GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Anh

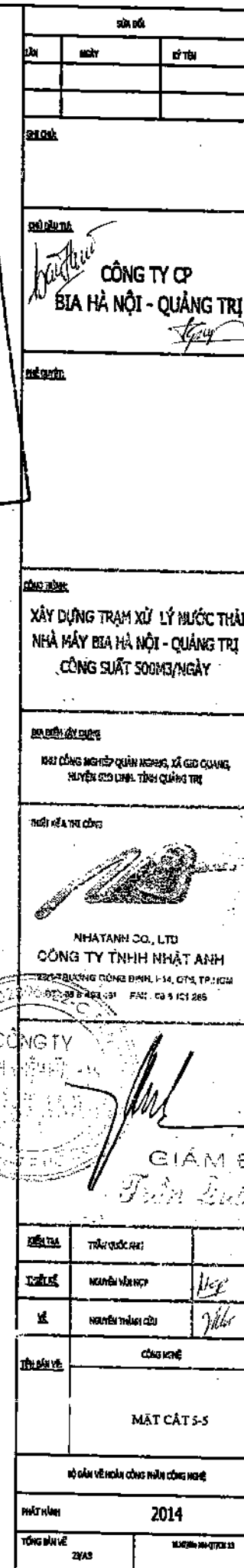
SỐ NỘI		
Ngày	Ngày	Nội dung
SỐ CÔNG		
SỐ BẢN VẼ		
CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ		
SỐ QUẢN		
SỐ TÍNH		
XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY		
MÀU MÀNG XÂY DỰNG		
KHO CÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI, XÃ QUẢNG HUYỆN QUẢNG LÂM, TỈNH QUẢNG TRỊ		
THIẾT KẾ & THI CÔNG		
NHẬT ANH CO., LTD CÔNG TY TNHH NHẬT ANH 28/3 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P.14, Q.15, TP. HCM ĐT : 08 4 491 481 FAX : 08 6 121 286		
GIÁM ĐỐC <i>Trần Quốc Anh</i>		
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	
CÔNG VIỆC		
MẶT CẮT 3-3		
MỘT SỐ VẼ HOÀN CÔNG PHẦN CÔNG VIỆC		
THÁNG NĂM		
2014		
TỔNG QUẢN LÝ	KÝ TÊN QUẢN LÝ	
23/12	KINH TẾ - QUẢN LÝ	



CÔNG TY TNHH NHẬT ANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày . 30. tháng 10. năm 2014.		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
Nguyễn Thanh Cường		
GIÁM ĐỐC Trần Quốc Anh		

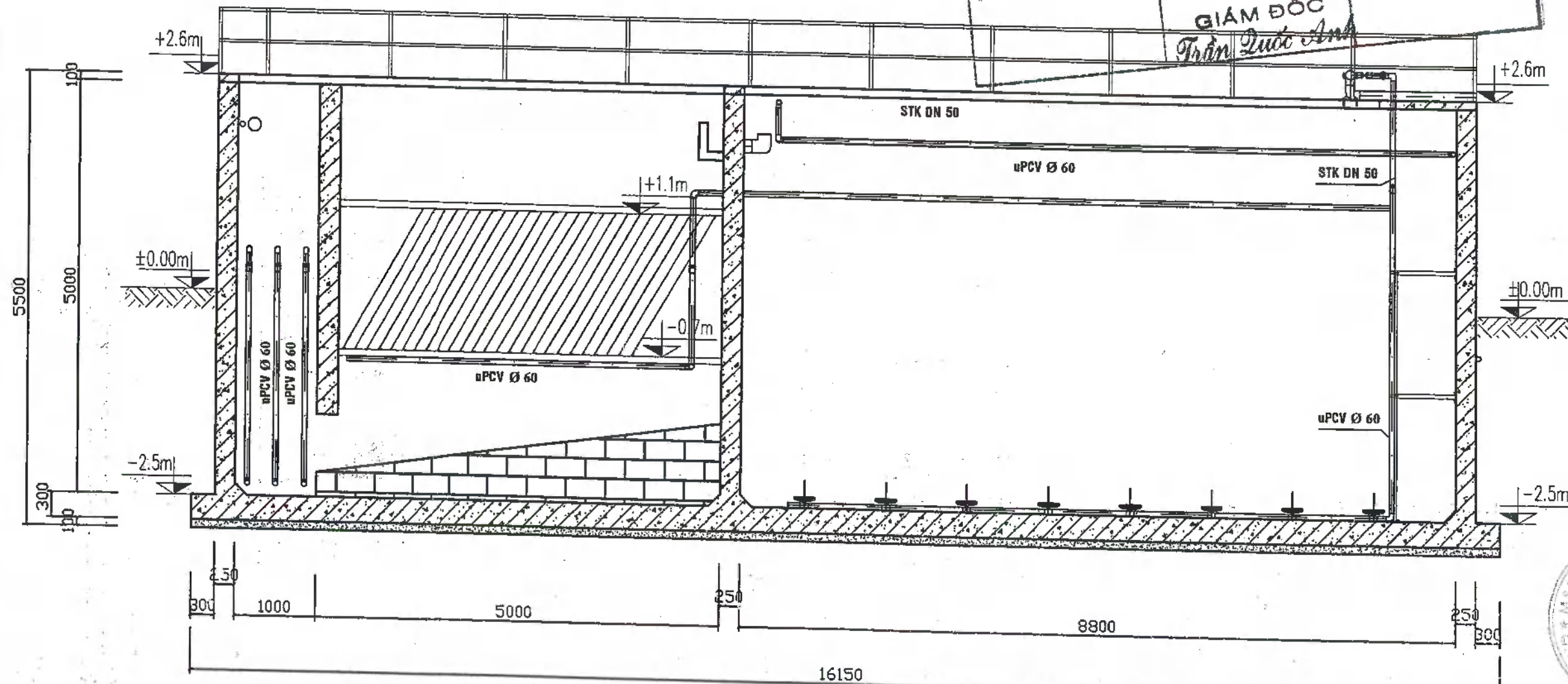
SỬA ĐỔI		
LÀM	NGÀY	KÝ TÊN
BỘ CỤC		
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ		
BỘ MÔN		
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP QUẬN NGANG, XÃ GIỚI QUANG, HUYỆN GIỚI LỊCH, TỈNH QUẢNG TRỊ		
THIẾT KẾ & THI CÔNG NHATANH CO., LTD CÔNG TY TNHH NHẬT ANH 203 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P.14, Q.10, TP. HCM ĐT: 08 9 492 461 FAX: 08 9 121 265		
CHIAI ĐỐC Trần Quốc Anh		
THI CÔNG	TRẦN QUỐC ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN HỢP	1/4
YẾ	NGUYỄN THỊNH CƯỜNG	1/4
TÊN BẢN VẼ	CÔNG NGHỆ	
MẶT CẮT 4-4		
BỘ BẢN VẼ HOÀN CÔNG PHẢI CÔNG NGHỆ		
PHÁT HÀNH 2014		
TỔNG BẢN VẼ	HƯỚNG DẪN THI CÔNG	
2/13		

CÔNG TY TNHH NHẬT ANH	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày 30, tháng 10, năm 2014.	
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG
 Nguyễn Nhật An	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT: GIÁM ĐỐC Trần Quốc Anh	



MẶT CẮT 6-6

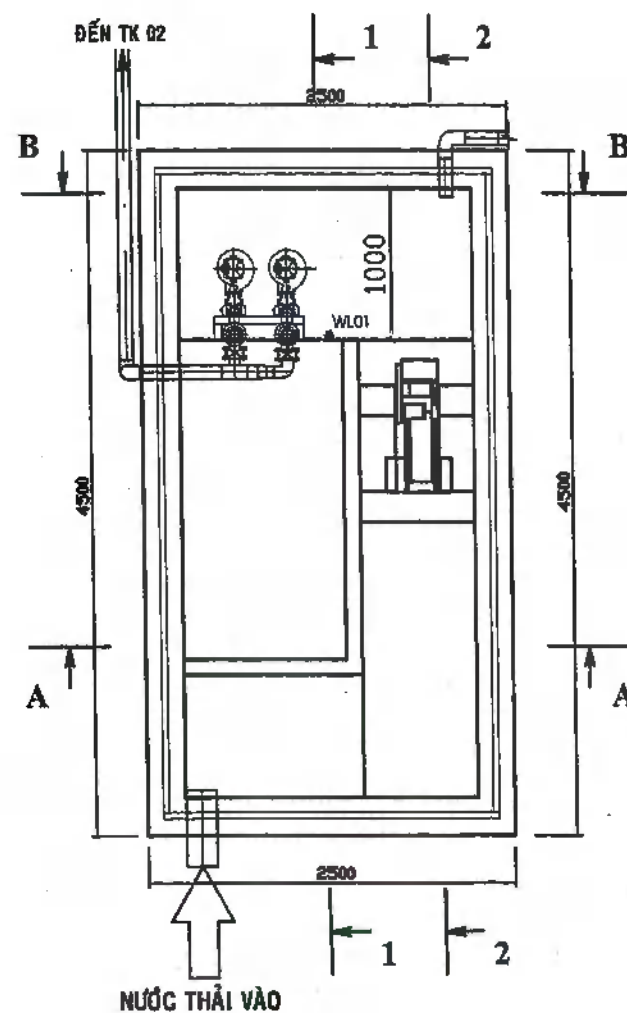
CÔNG TY TNHH NHẬT ANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày: 30 tháng 10 năm 2014		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Văn Cường</i>		
GIÁM ĐỐC <i>Trần Quốc Anh</i>		



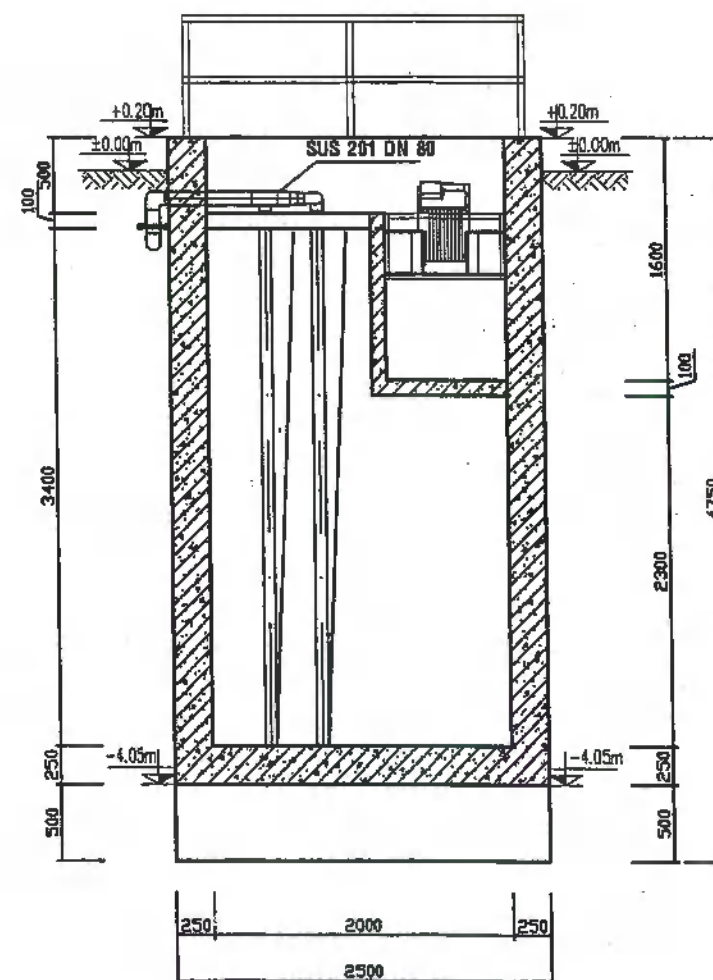
SƠ DỒI		
Lưu	Ngày	Ký tên
ĐƠN VỊ		
CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ		
ĐỀ DƯỚI		
CÔNG TRÌNH		
XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ CÔNG SUẤT 500M ³ /NGÀY		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG		
Khu Công nghiệp Tân Cảng, Xã Đa Phước, Huyện Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh		
THIẾT KẾ THE CÔNG		
		
NHẬT ANH CO., LTD CÔNG TY TNHH NHẬT ANH 28/3 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P.14, Q.10, TP. HCM ĐT: 08 6 295 161 FAX: 08 6 121 235		
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHẬT ANH GIÁM ĐỐC <i>Trần Quốc Anh</i>		
Kiểm tra	THIẾT KẾ	
THIẾT KẾ	NGƯỜI VẤN HỢP	<i>Nguyễn Văn Cường</i>
VẼ	NGƯỜI THIẾT KẾ	<i>Trần Quốc Anh</i>
TÊN BẢN VẼ		
MẶT CẮT 6-6		
BỘ BẢN VẼ HOÀN CÔNG PHẦN CÔNG NGHỆ		
PHÁT HÀNH		
2014		
TỔNG ANH VẼ	KÝ HẸU BẢN VẼ	
20/10	XUẤT BẢN NHẬT ANH	

CHI TIẾT BỂ TK 01

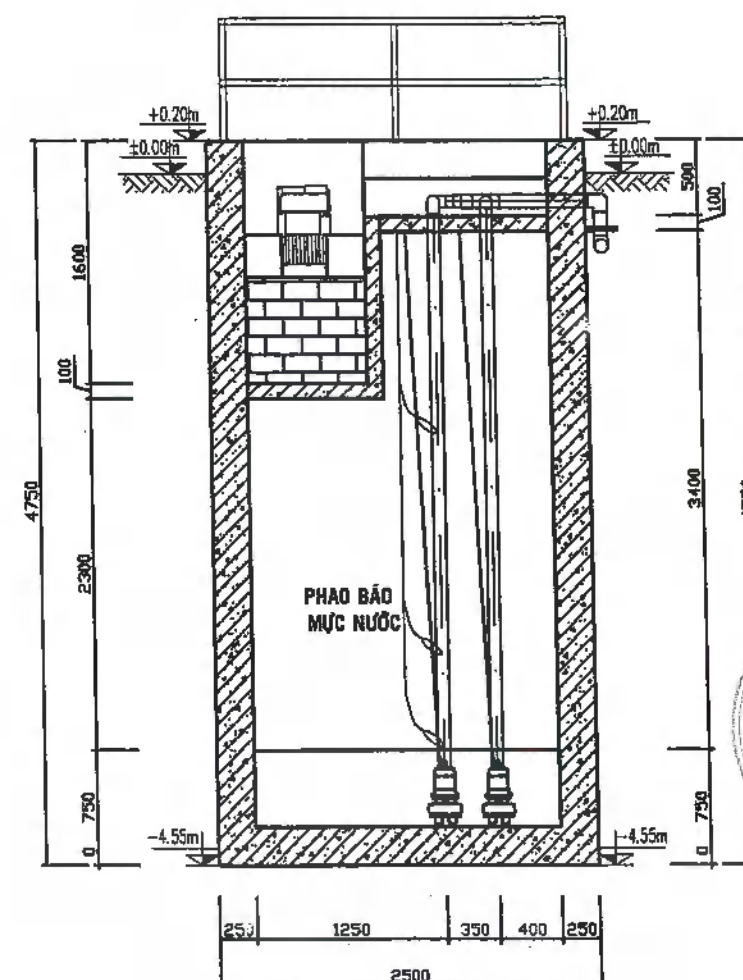
CÔNG TY TNHH NHẬT ANH		
BAN VÀ HOÀN CÔNG		
Ngày 30 tháng 10 năm 2014		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN	CƠN VI TỰ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Văn Cường</i>		
GIÁM ĐỐC		
<i>Trần Quốc Anh</i>		



MẶT BẰNG



MẶT CẮT A-A

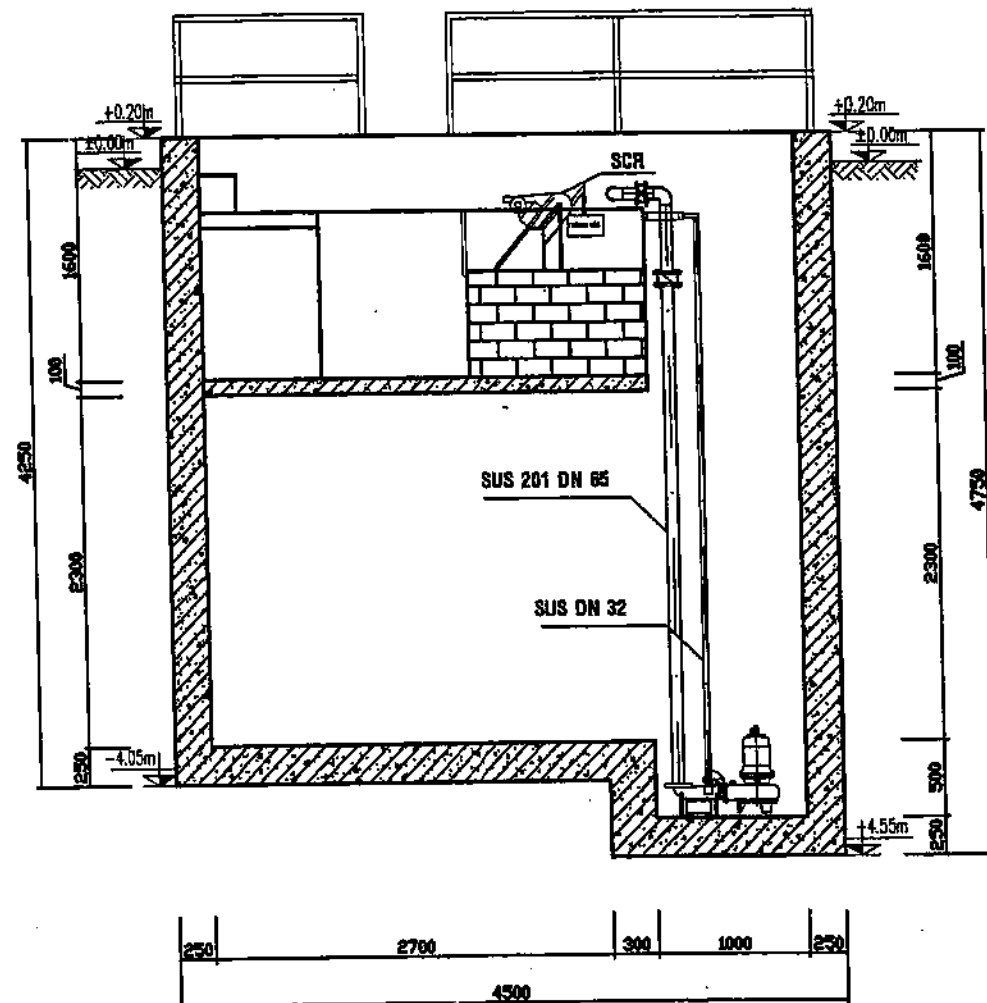


MẶT CẮT B-B

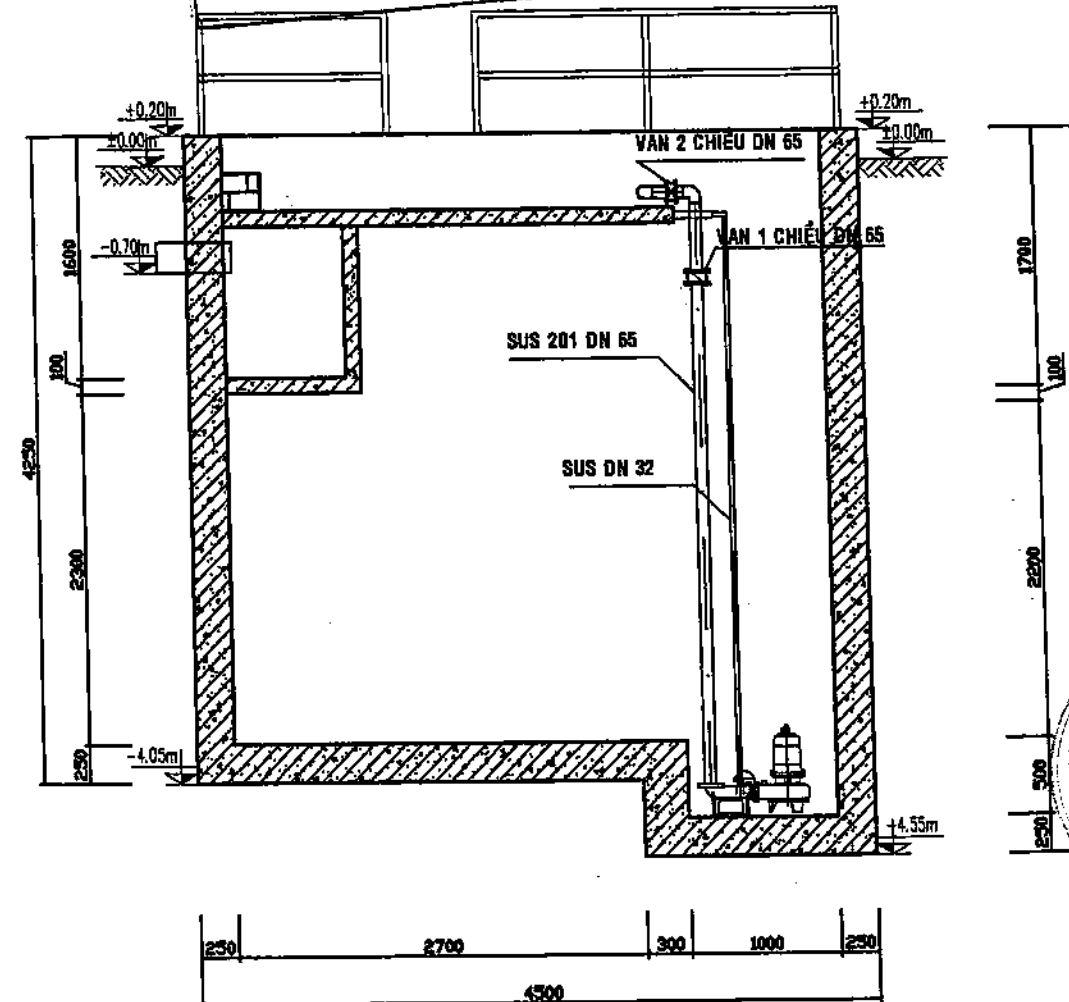
SỐ DẪN		
ĐƠN	NGÀY	KÝ TÊN
CHỨC VỤ		
CHỨC VỤ		
CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ		
CHỨC VỤ		
CHỨC VỤ		
XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ CÔNG SUẤT 500M ³ /NGÀY		
ĐƠN VỊ XÂY DỰNG		
KHOA CÔNG NGHỆ QUẢN LÝ NGUYÊN, XÍ GIỚI QUẢNG, HUYỆN GIỚI LẠNH, TỈNH QUẢNG TRỊ		
THIẾT KẾ & THỰC CÔNG		
NHATANH CO., LTD		
CÔNG TY TNHH NHẬT ANH		
20/3 TRUNG BÔNG CÔNG ĐỊNH, P14, Q10, TP HCM		
ĐT: 09 8 483 481 FAX: 08 8 121 286		
GIÁM ĐỐC		
<i>Trần Quốc Anh</i>		
CHỨC VỤ	TRẦN QUỐC ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	<i>Nguyễn Văn Cường</i>
VẼ	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	<i>Nguyễn Văn Cường</i>
TÊN BẢN VẼ	CÔNG MẸP	
CHI TIẾT TK01		
MẶT BẰNG, MẶT CẮT A-A		
MẶT CẮT B-B		
SỐ BẢN VẼ HOÀN CÔNG MẸP CÔNG MẸP		
PHÁT HÀNH	2014	
TỔNG BẢN VẼ	2/13	KÝ HỌ TÊN VẼ
		NGUYỄN VĂN CƯỜNG

CHI TIẾT BỂ TK-01

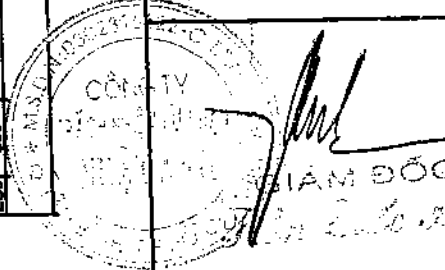
CÔNG TY TNHH NHẬT ANH		
BẢN VẼ KỸ THUẬT CÔNG		
Ngày: 30 tháng 10 năm 2014		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Thị Linh</i>	<i>Trần Quốc Anh</i>	
		
GIÁM ĐỐC Trần Quốc Anh		



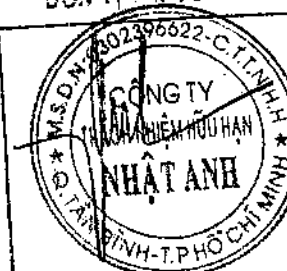
MẶT CẮT 2-2

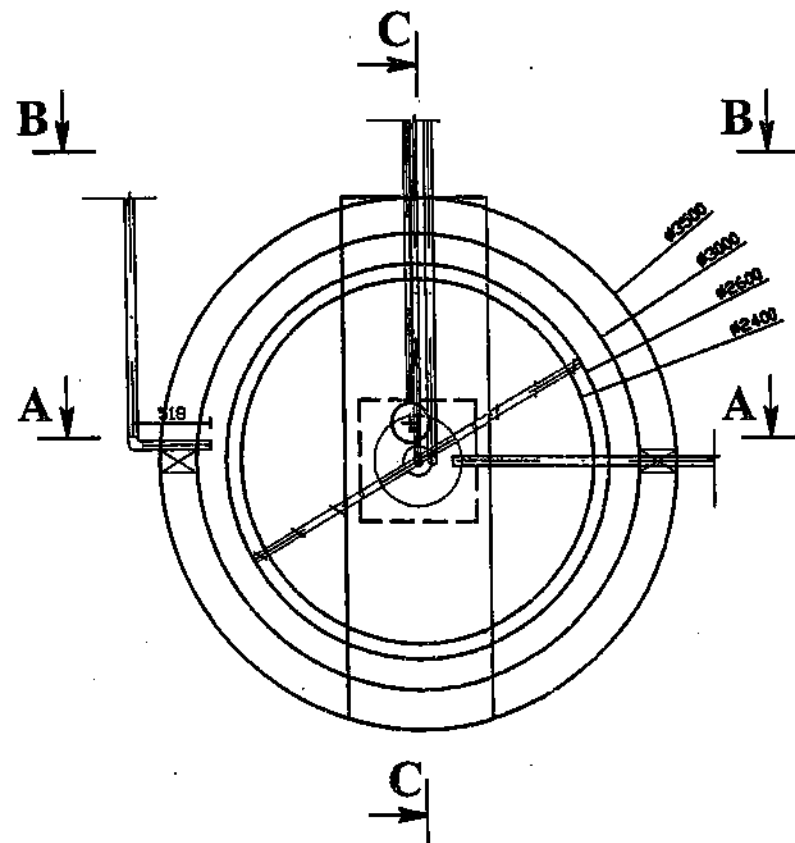


MẶT CẮT 1-1

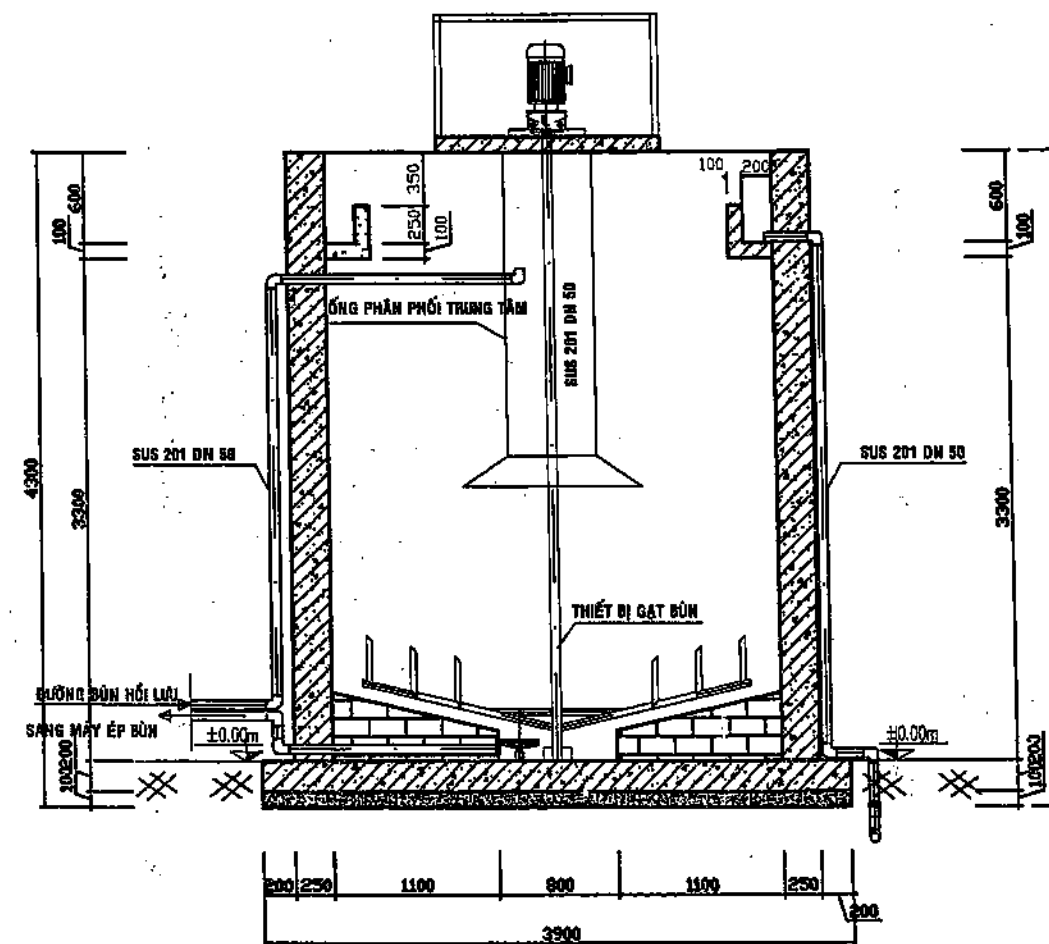
SỐ DẪN		
2/4	hạng	kí hiệu
CHỖ CHỖ:		
CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ		
Mô hình:		
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ CÔNG SUẤT 500M ³ /NGÀY		
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI, XÃ QUẢNG, HUYỆN GIỚI LÍNH, TỈNH QUẢNG TRỊ		
THIẾT KẾ & THỰC HIỆN:  NHAT ANH CO., LTD CÔNG TY TNHH NHẬT ANH 28/4 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P.14, Q.7B, TP.HCM ĐT: 08 8 422 481 FAX: 08 8 121 265		
CHỖ CHỖ: 		
CHỖ CHỖ:	TRẦN QUỐC ANH	
THIẾT KẾ:	NGUYỄN VĂN HỢP	<i>Ng</i>
VẼ:	NGUYỄN THỊNH CƯỜNG	<i>Th</i>
THIẾT KẾ:	CÔNG TRÌNH	
CHI TIẾT TK01 MẶT CẮT 1-1, MẶT CẮT 2-2		
BỘ BAN VẼ HOÀN CÔNG TRÌNH CÔNG NGHỆ		
NGÀY: 2014 KÝ HIỆU BAN VẼ: 22/10 20/10/14-QUYÊN 26		

CHI TIẾT BỂ TK 11

CÔNG TY TNHH NHẬT ANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 30 tháng 10 năm 2014		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Văn Anh</i>		
	GIÁM ĐỐC <i>Trần Quốc Anh</i>	



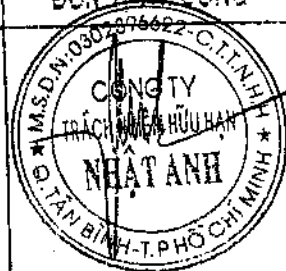
MẶT BẰNG

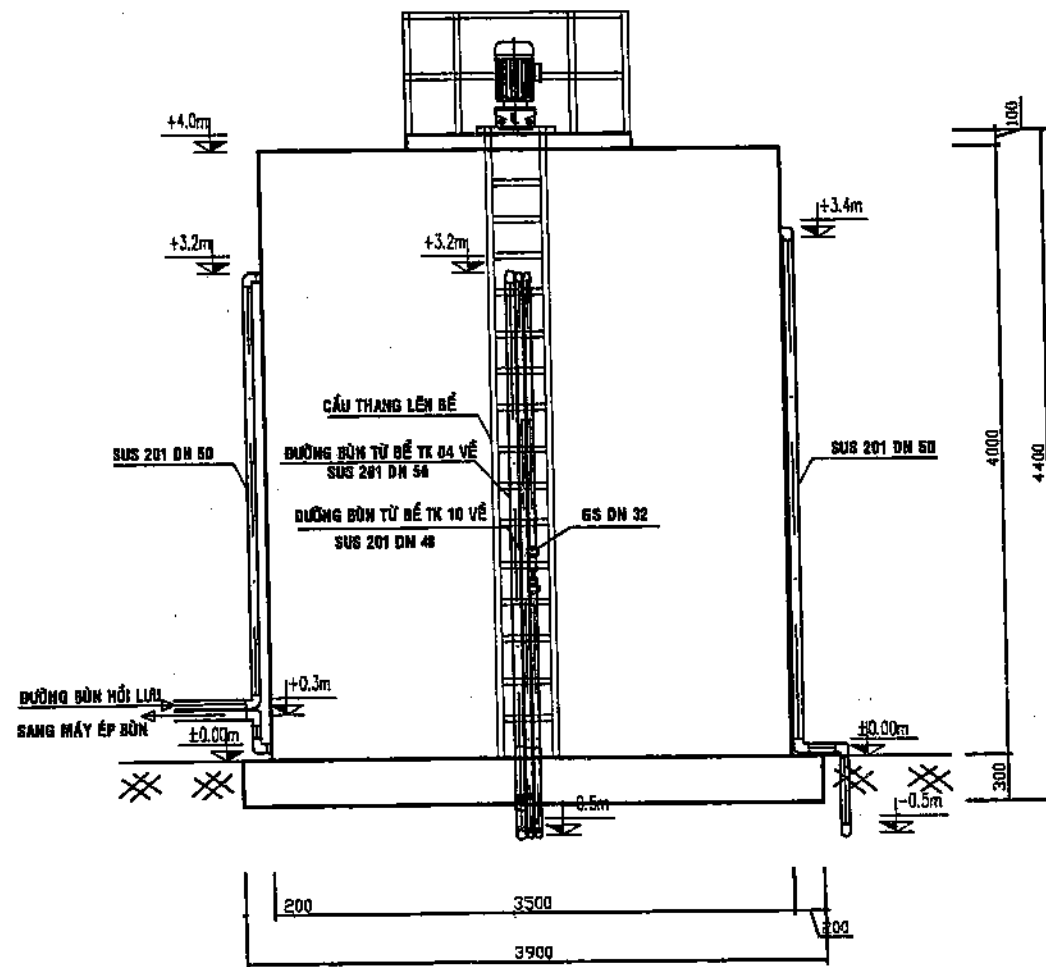


MẶT CẮT A-A

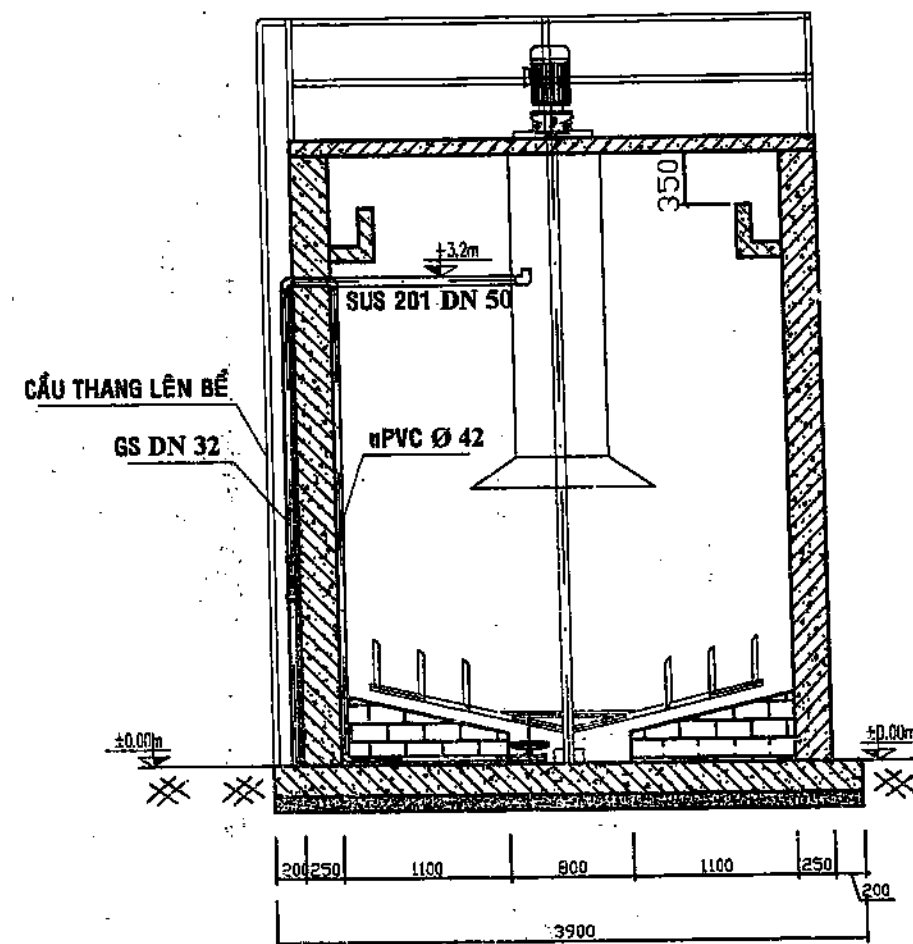
SỐ DẪI		
ĐƠN VỊ	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
Ghi chú:		
CƠ SỞ:		
CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ		
Mô tả:		
CƠ SỞ:		
XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY		
Địa điểm xây dựng:		
Khu công nghiệp Quảng Ninh, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị		
Thiết kế & thi công:		
		
NHẬT ANH CO., LTD CÔNG TY TNHH NHẬT ANH 28/3 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P.14, QTB, TP.HCM ĐT: 08 8 493 451 FAX: 08 8 121 285		
GIÁM ĐỐC <i>Trần Quốc Anh</i>		
KẾT THỦ	TRẦN QUỐC ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN ANH	<i>Nguyen Van Anh</i>
VẼ	NGUYỄN VĂN ANH	<i>Nguyen Van Anh</i>
TÊN BẢN VẼ	CÔNG HOẠ	
CHI TIẾT TK.11 MẶT BẰNG, MẶT CẮT A-A		
DỰ ÁN VỀ NHÀ CÔNG SẢN CÔNG HOẠ		
PHẠC BẢN	2014	
TỔNG BẢN VẼ	23/03	KI HOẠ BẢN VẼ XUẤT BẢN 17

CHI TIẾT BỂ TK-11

CÔNG TY TNHH NHẬT ANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 30. tháng 10. năm 2014		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Văn Anh</i>		
GIÁM ĐỐC <i>Trần Quốc Anh</i>		



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT C-C

SỐ DẪN		
QU	NGÀY	SỐ TÊN
BÊN CHẾ		
CHỮ CHỮ <i>Nguyễn Văn Anh</i> CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ <i>Trần Quốc Anh</i>		
BÊN CHẾ		
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ CÔNG SUẤT 500M ³ /NGÀY		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI, XÃ GIỚI QUANG, HUYỆN GIỚI LÂM, TỈNH QUẢNG TRỊ		
THIẾT KẾ & THİ CÔNG  NHATANH CO., LTD CÔNG TY TNHH NHẬT ANH 28/3 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P.14, Q.12, TP. HCM ĐT : 08 6 482 461 FAX : 08 6 121 285		
 GIÁM ĐỐC <i>Trần Quốc Anh</i>		
Kiểm tra	Trần Quốc Anh	
Thiết kế	Nguyễn Văn Anh	<i>Nguyễn Văn Anh</i>
Vẽ	Nguyễn Văn Anh	<i>Nguyễn Văn Anh</i>
TÊN MÀN VẼ CHI TIẾT TK-11 MẶT CẮT B-B / MẶT CẮT C-C		
SỐ BẢN VẼ HOÀN CÔNG MÀN CÔNG NGHỆ		
NĂM HẠO 2014		
TỔNG SỬA VẼ	2014	SỐ KẾ MÀN VẼ
2014		2014

NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
 BAN VỆ HOÀN CÔNG

Ngày 30. tháng 10. năm 2017.

NGƯỜI LẬP:

ĐƠN VI THU CÔNG

ĐƠN VI TƯ VẤN GIÁM SÁT

၁၆၆၅ ခု

CÔNG TY CP
BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

THE DATA

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY

ĐIỂM XÂY DỰNG

KHU CÔNG NGHIỆP QUẬN NGANG, XÃ GIỚI QUANG,
HUYỆN GIỚI LÍNH, TỈNH QUẢNG TRỊ

THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG

NHATHANH CO., LTD
CÔNG TY TNHH NHẬT ANH
28/3 TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH, P.14, QTB, TP.HCM
ĐT: 08 8 403 481 FAX: 08 8 121 258

CONG TY
WANG TUN
[Signature]

SIAM ĐỒ

KẾT TRẢ	TRÌNH CHỨC ANH
---------	----------------

THIỆT LỄ	NGUYỄN VĂN HỢP	1/27
----------	----------------	------

ST	NGUYỄN THÀNH CƯỜNG	Đã
----	--------------------	----

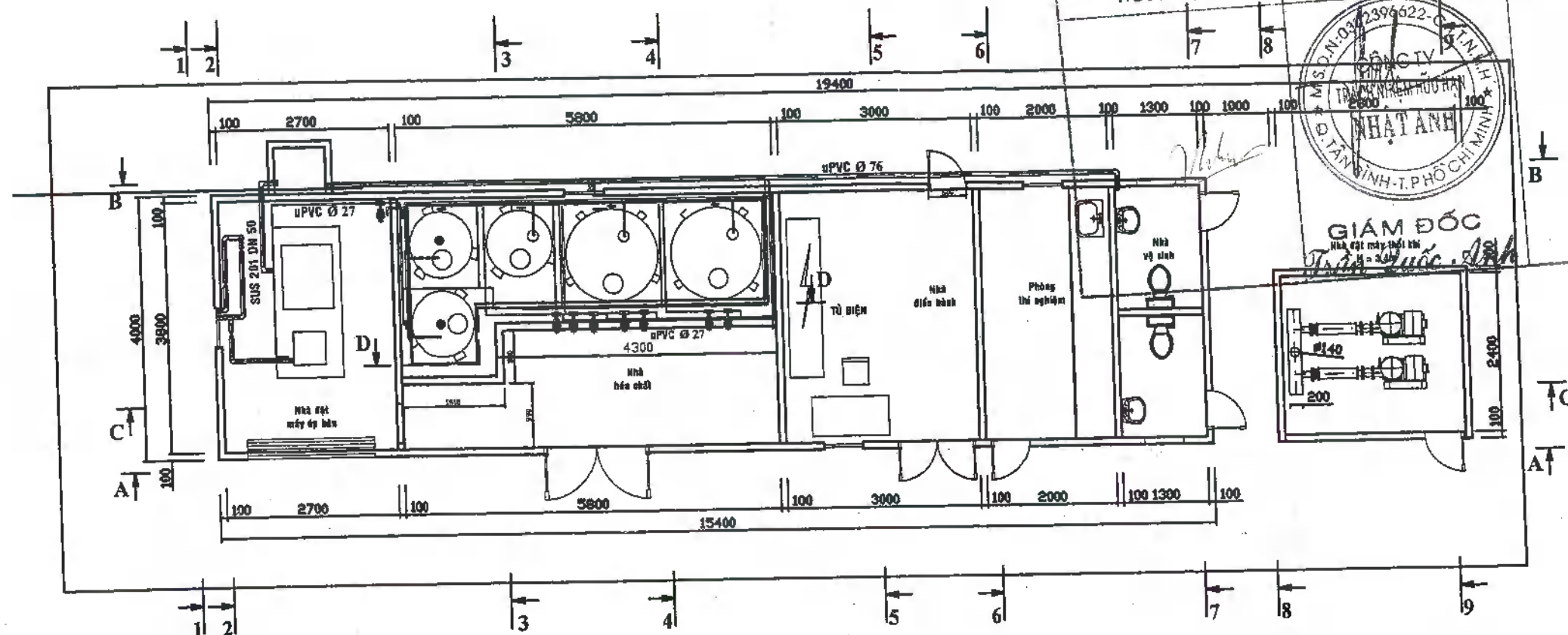
CÔNG NGHỆ

CỤM NHÀ ĐIỀU HÀNH
MẬT CÁT A-A

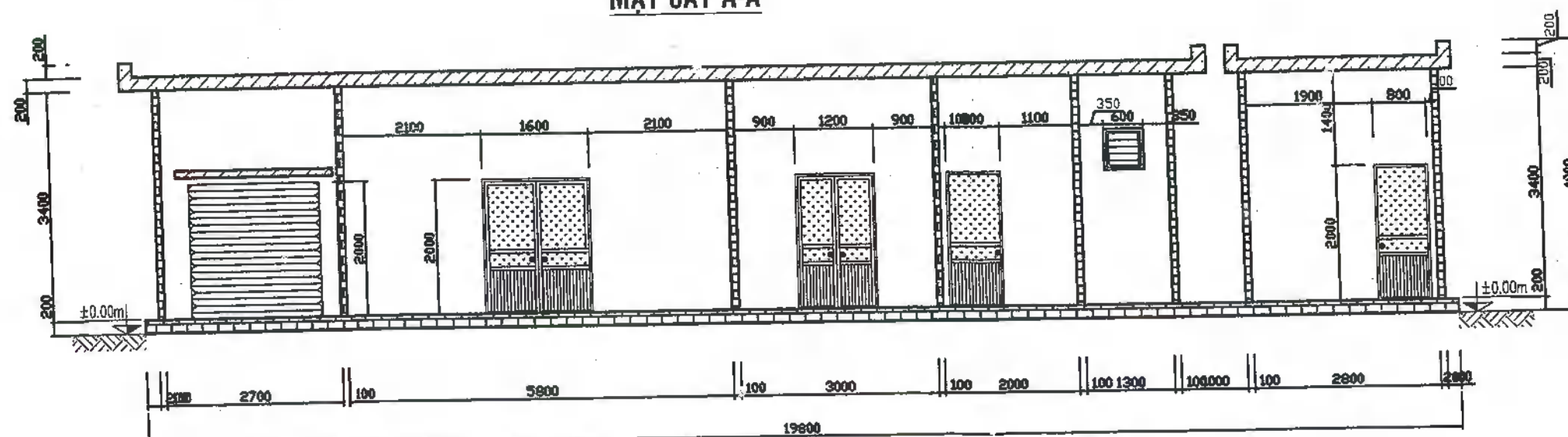
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHÁT HÀNH 2014

TỔNG SÀN VÉ	XÝ HIỆU SÀN VÉ
77/43	VH 0706-144-CTH/TK 10

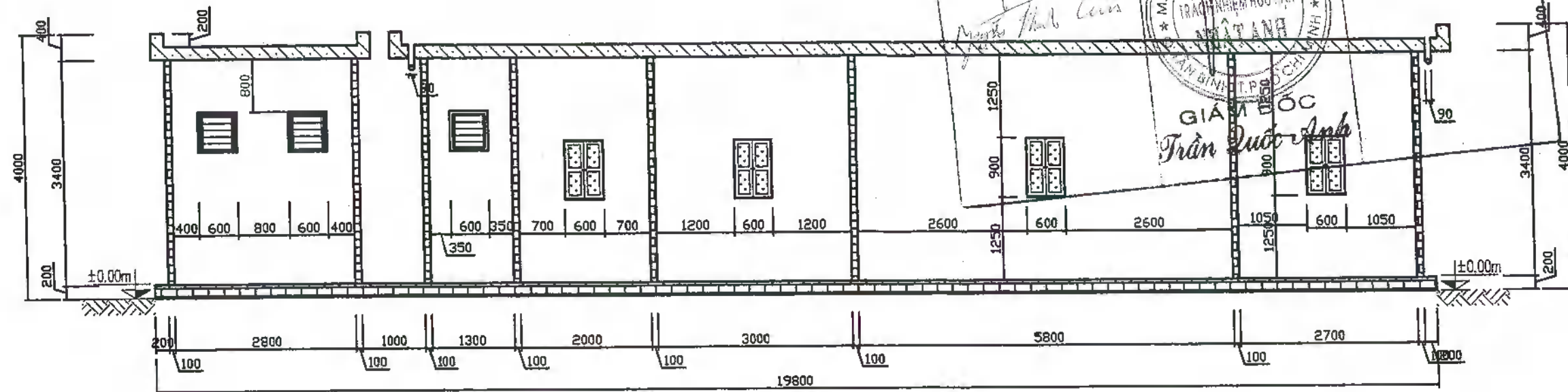


MẶT CẮT A-A

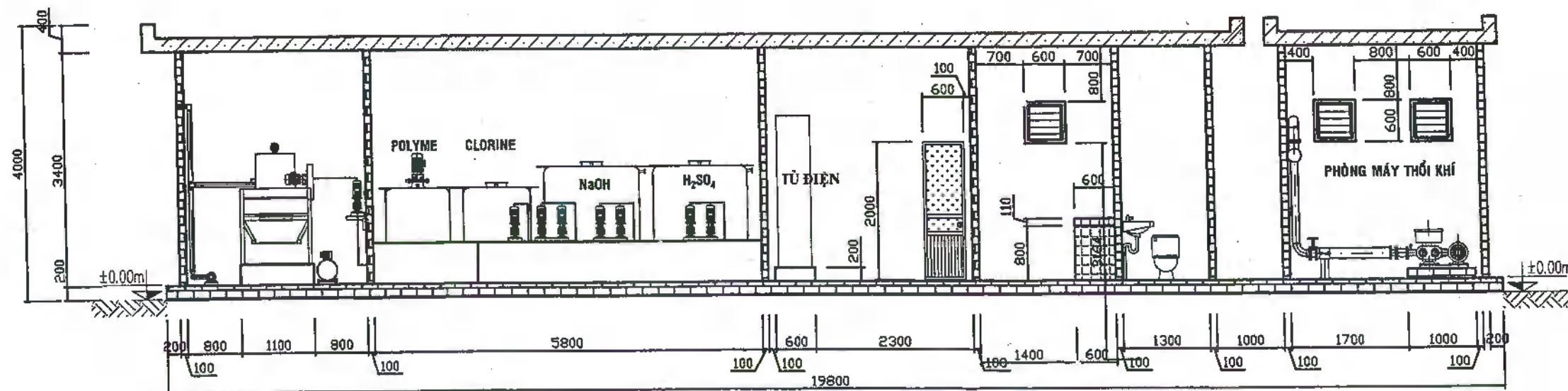


MẶT CẮT CỤM NHÀ ĐIỀU HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

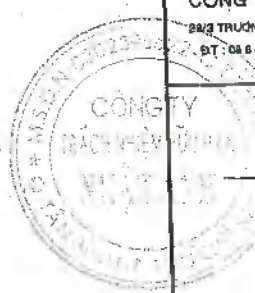
CÔNG SUẤT: 500M³/NGÀY.ĐÊM

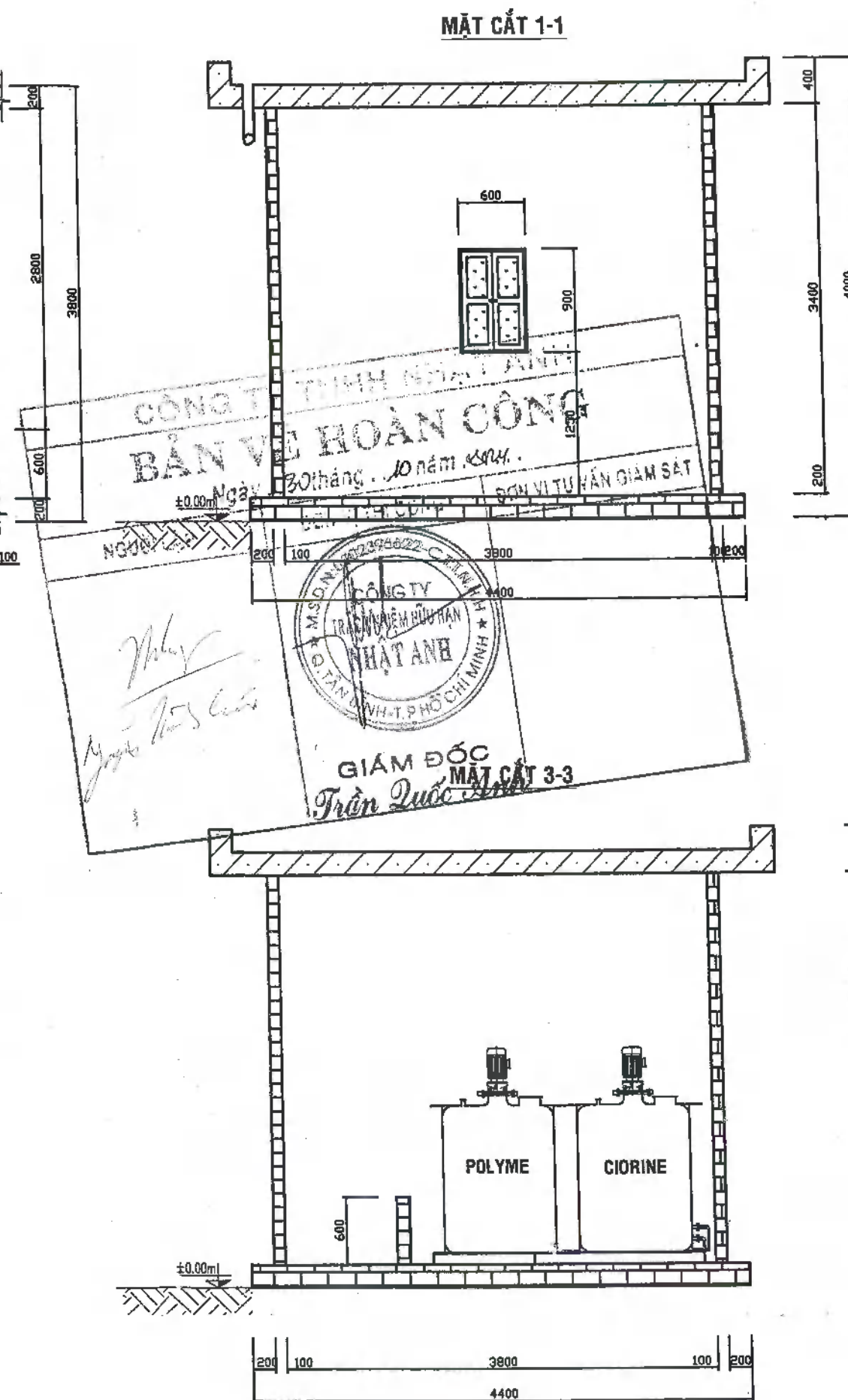
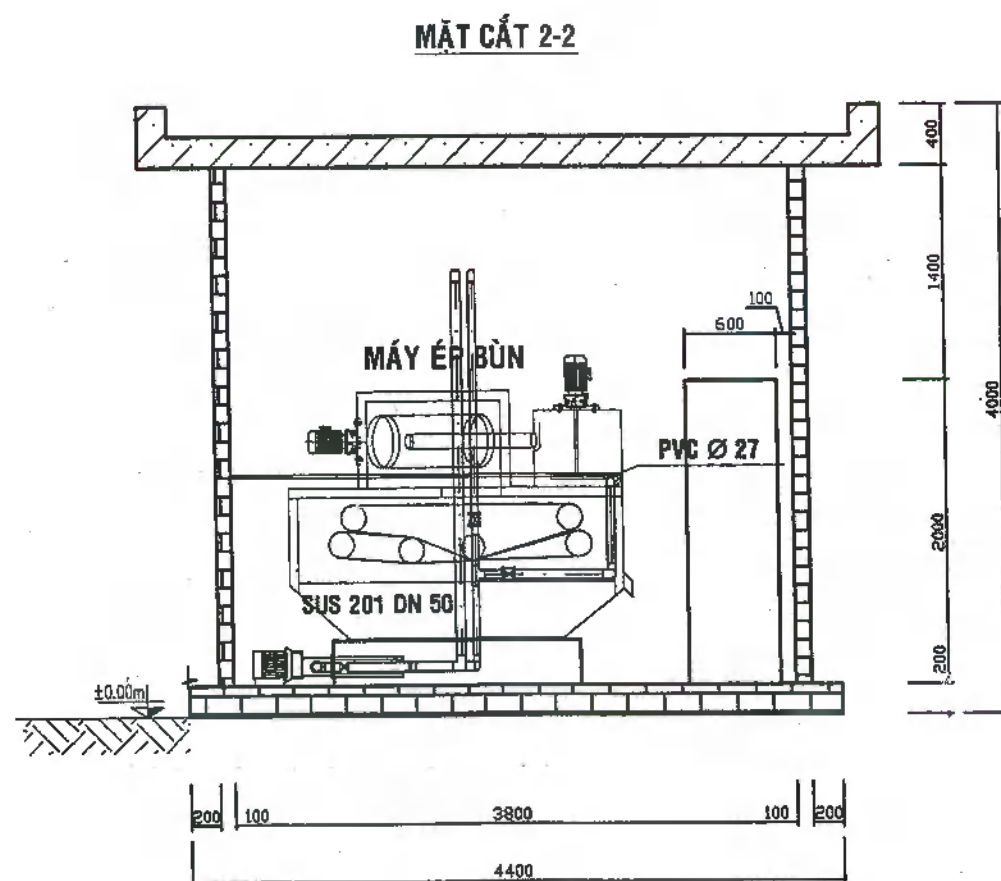
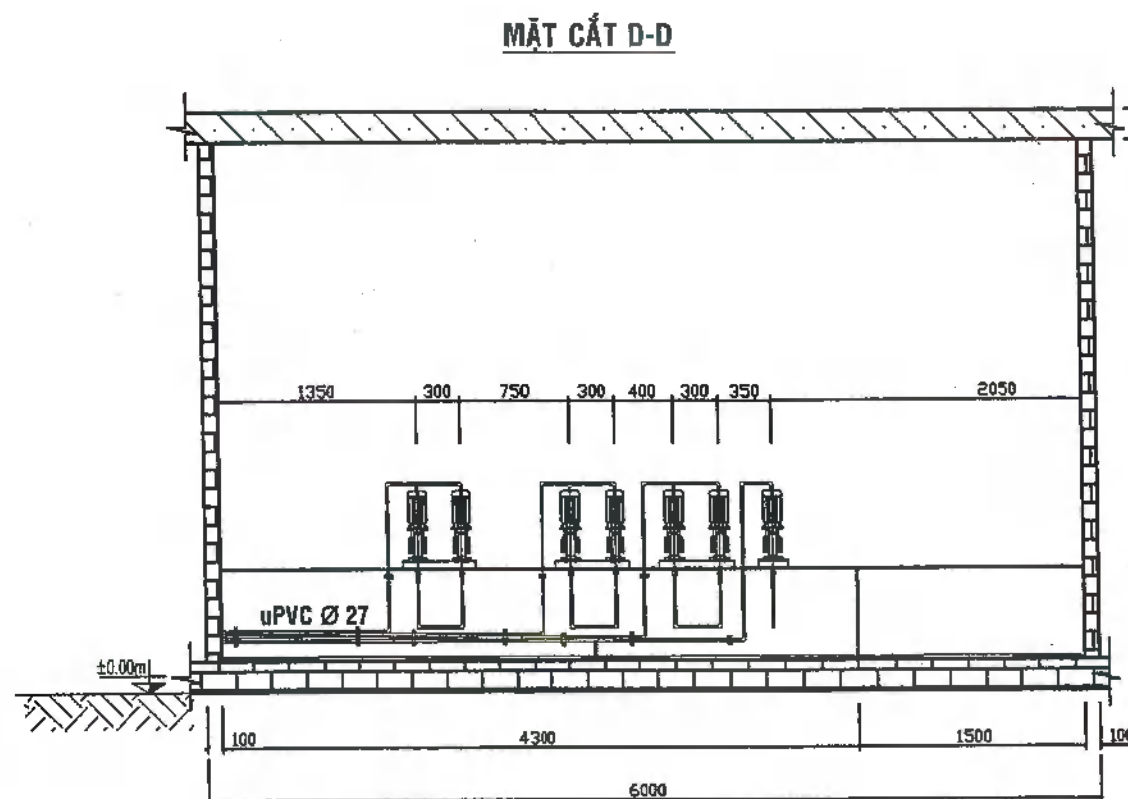


MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT C-C

SỬA ĐỔI		
QU	NGÀY	KÝ TÊN
CHỈ DẪN		
CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ		
PHÊ DUYỆT		
CÔNG TRÌNH		
XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ CÔNG SUẤT 500M ³ /NGÀY		
CƠ SỞ XÂY DỰNG		
KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI, XÃ GIÒ QUẢNG, HUYỆN GIÒ LÍNH, TỈNH QUẢNG TRỊ		
THIẾT KẾ & THIẾT KẾ		
 NHATANH CO., LTD CÔNG TY TNHH NHẬT ANH 8A/3 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P.14, Q.10, TP. HCM ĐT: 08 8 499 461 FAX: 08 8 121 265		
 GIÁM ĐỐC Trần Quốc Anh		
TIẾP THEO	TRẦN QUỐC ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN HỢP	HL
VẼ	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	HL
TÊN BẢN VẼ	CỘNG HẠNH	
CỤM NHÀ ĐIỀU HÀNH MẶT CẮT A; B-B		
BỘ BẢN VẼ HOÀN CÔNG PHẦN CÔNG NGHỆ		
PHÁT HÀNH 2014		
TỔNG BẢN VẼ	KÝ HẸP BẢN VẼ	XUẤT BẢN 10/01/2014



SỬA SỬ		
UN	NGÀY	KÝ TÊN

ĐƠN VỊ:

ĐƠN VỊ:

CÔNG TY CP
BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ

ĐƠN VỊ:

ĐƠN VỊ:

XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY

ĐƠN VỊ:

KHU CÔNG NGHIỆP QUẬN NGANG, XÃ GIỚI QUANG,
HUYỆN GIỚI LĨNH, TỈNH QUẢNG TRỊ

THIẾT KẾ & THỰC HIỆN

NHATANH CO., LTD
CÔNG TY TNHH NHẬT ANH
22/3 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P14, QTB, TP HCM
ĐT: 09 8 121 481 FAX: 08 6 121 265

ĐƠN VỊ:

GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Anh

VIỆT TRÁ	TRẦN QUỐC ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN HỢP	
	NGUYỄN VĂN CHU	

TÊN SẢN PHẨM

CỤM NHÀ ĐIỀU HÀNH
MẶT CẮT D-D; 1-1
MẶT CẮT 2-2; 3-3

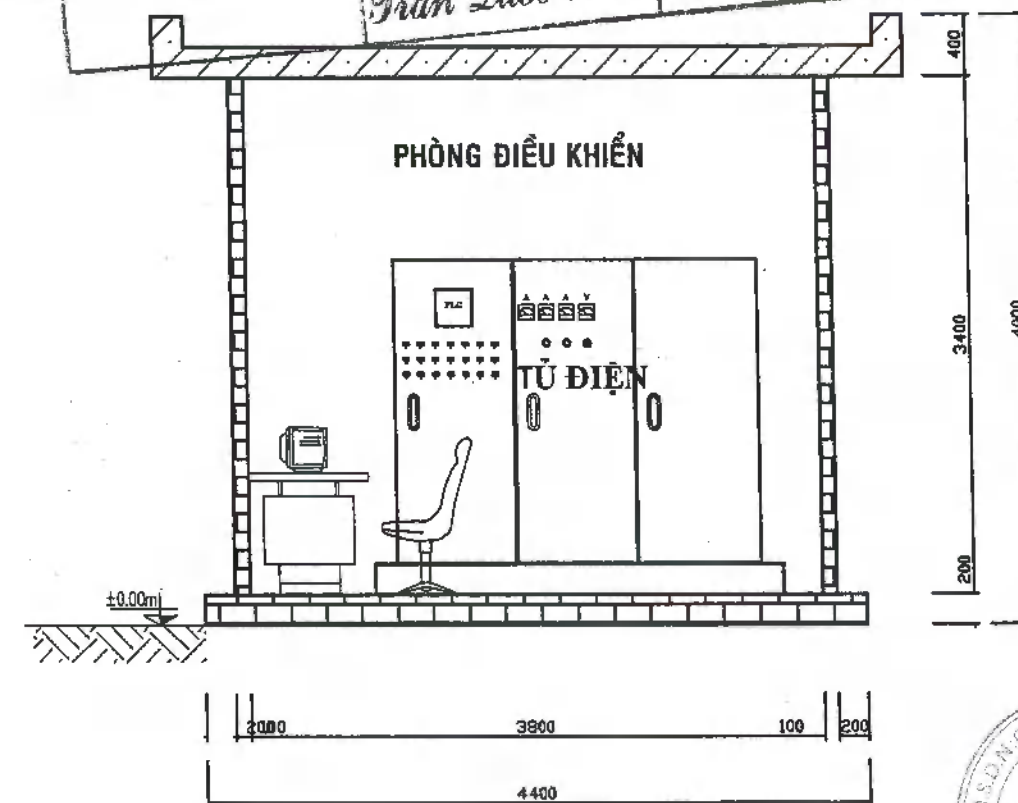
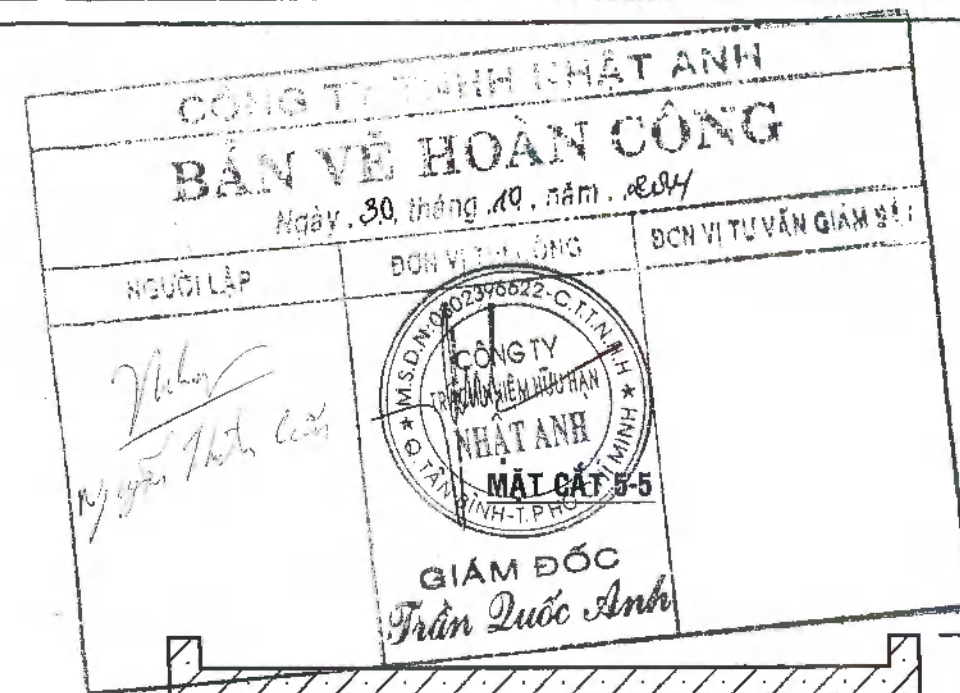
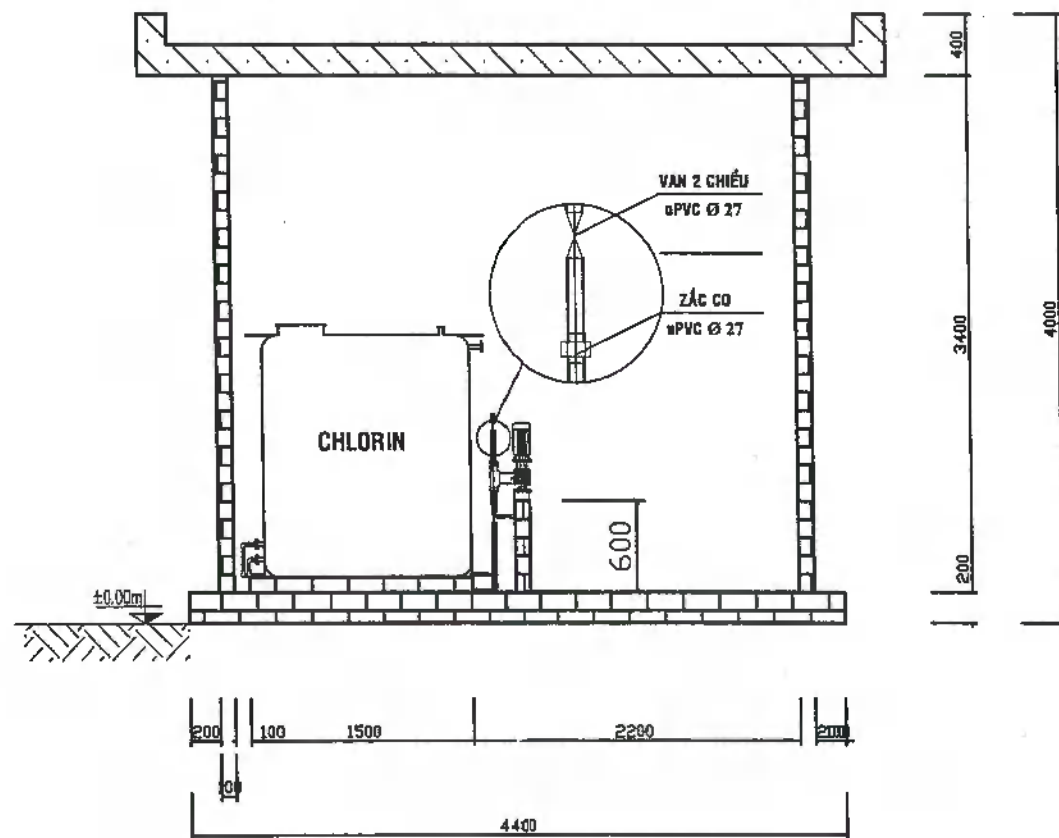
HỌ TÊN VÀ CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI CHỌN

PHÁT HÀNH

2014

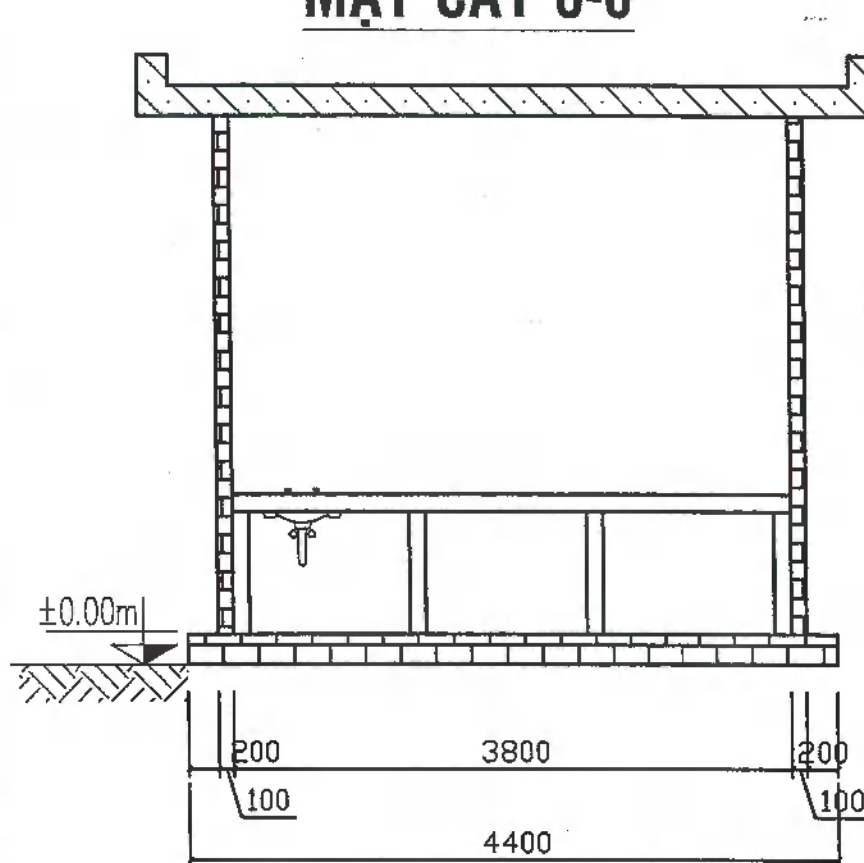
TỔNG BÀN VẼ		KÝ HỌ ĐƠN VỊ
ZUAI		XUẤT BẢN NHẬT ANH

MẶT CẮT 4-4

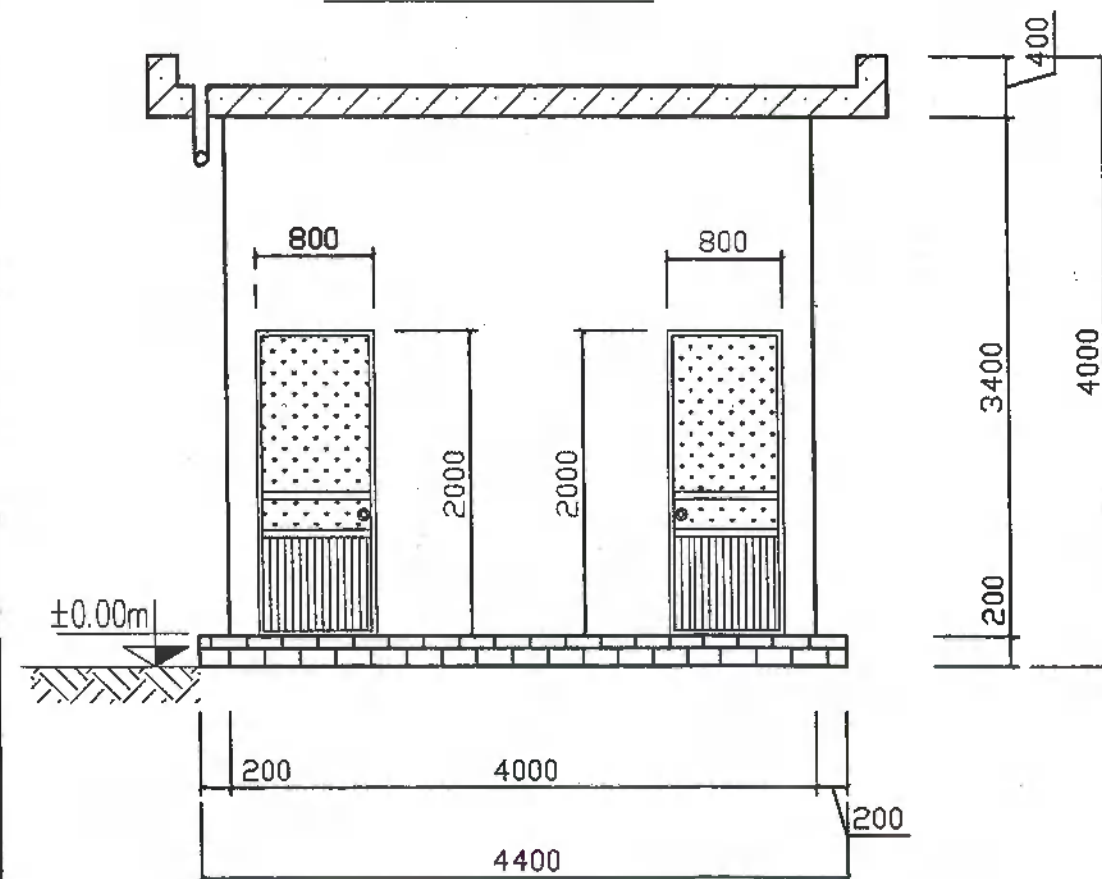


SỐ DẪN		
ĐƠN VỊ	NGÀY	CHỖ TÊN
CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ		
XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃNG, XÃ GIỎ QUANG, HUYỆN GIỎ LÍNH, TỈNH QUẢNG TRỊ		
THIẾT KẾ & THỰC HIỆN: NHẬT ANH CO., LTD CÔNG TY TNHH NHẬT ANH 28/3 TRƯỜNG CÔNG BÌNH, P.14, Q.8, TP. HCMĐT: 09 6 493 461 FAX: 09 6 121 285		
 GIÁM ĐỐC Trần Quốc Anh		
THIẾT KẾ	TRẦN QUỐC ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN HỢP	HP
VẼ	NGUYỄN THẨM CƯỜNG	TC
CÔNG MỤC		
CỤM NHÀ ĐIỀU HÀNH MẶT CẮT 4-4; 5-5		
BỘ BẢN VẼ HOÀN CÔNG THẨM CÔNG MỤC		
PHÁT HÀNH: 2014		
TỔNG BẢN VẼ	23/43	KẾ HOẠCH VẼ: XUYT/BA-HA-QT/CH 22

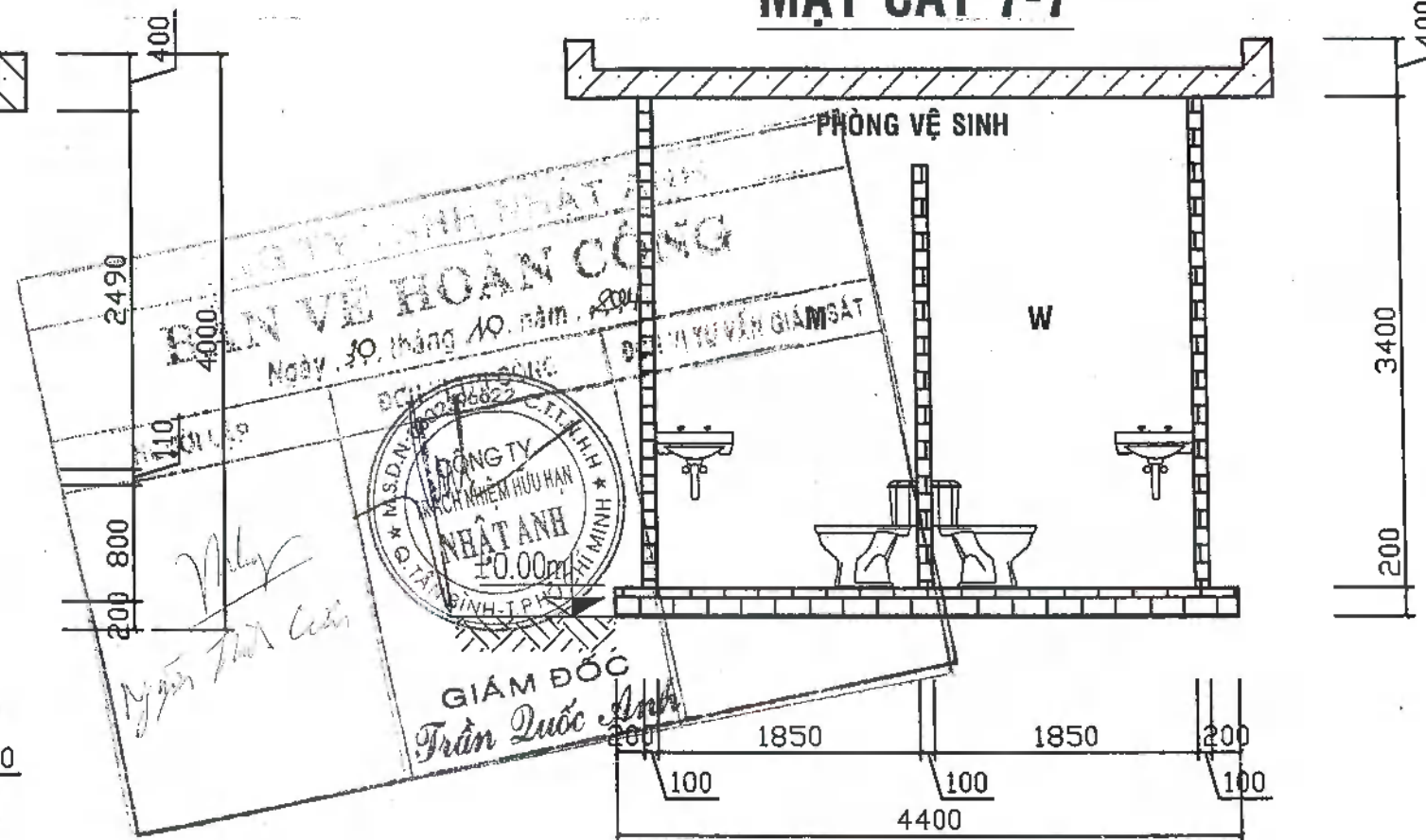
MẶT CẮT 6-6



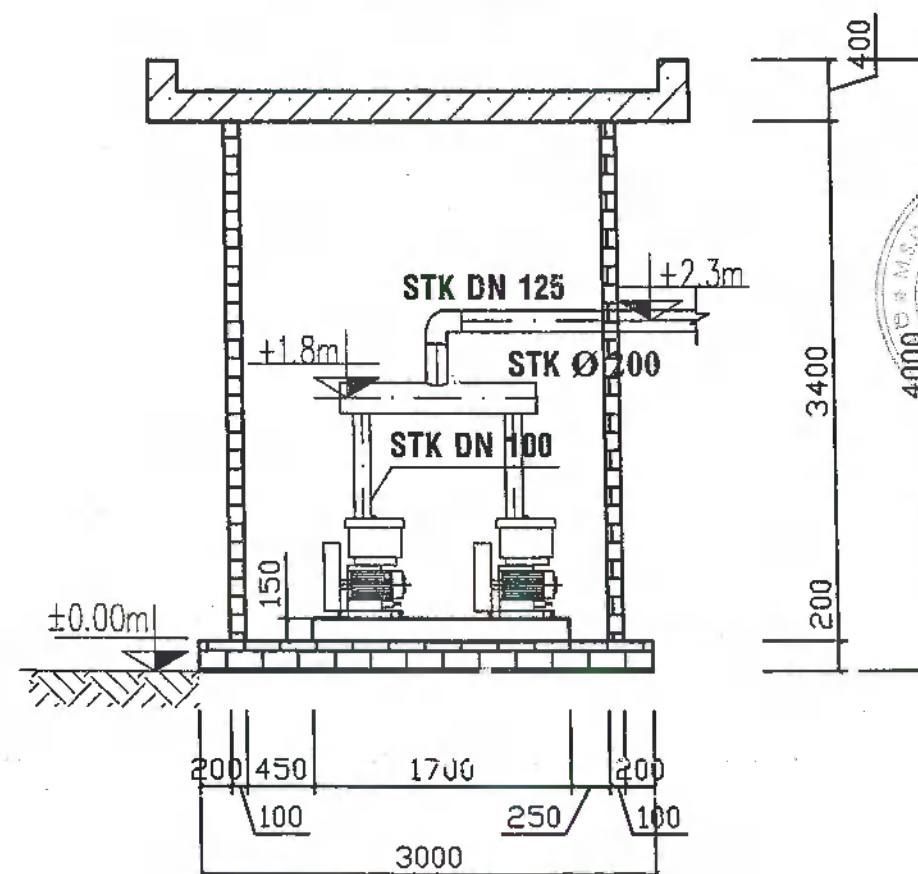
MẶT CẮT 8-8



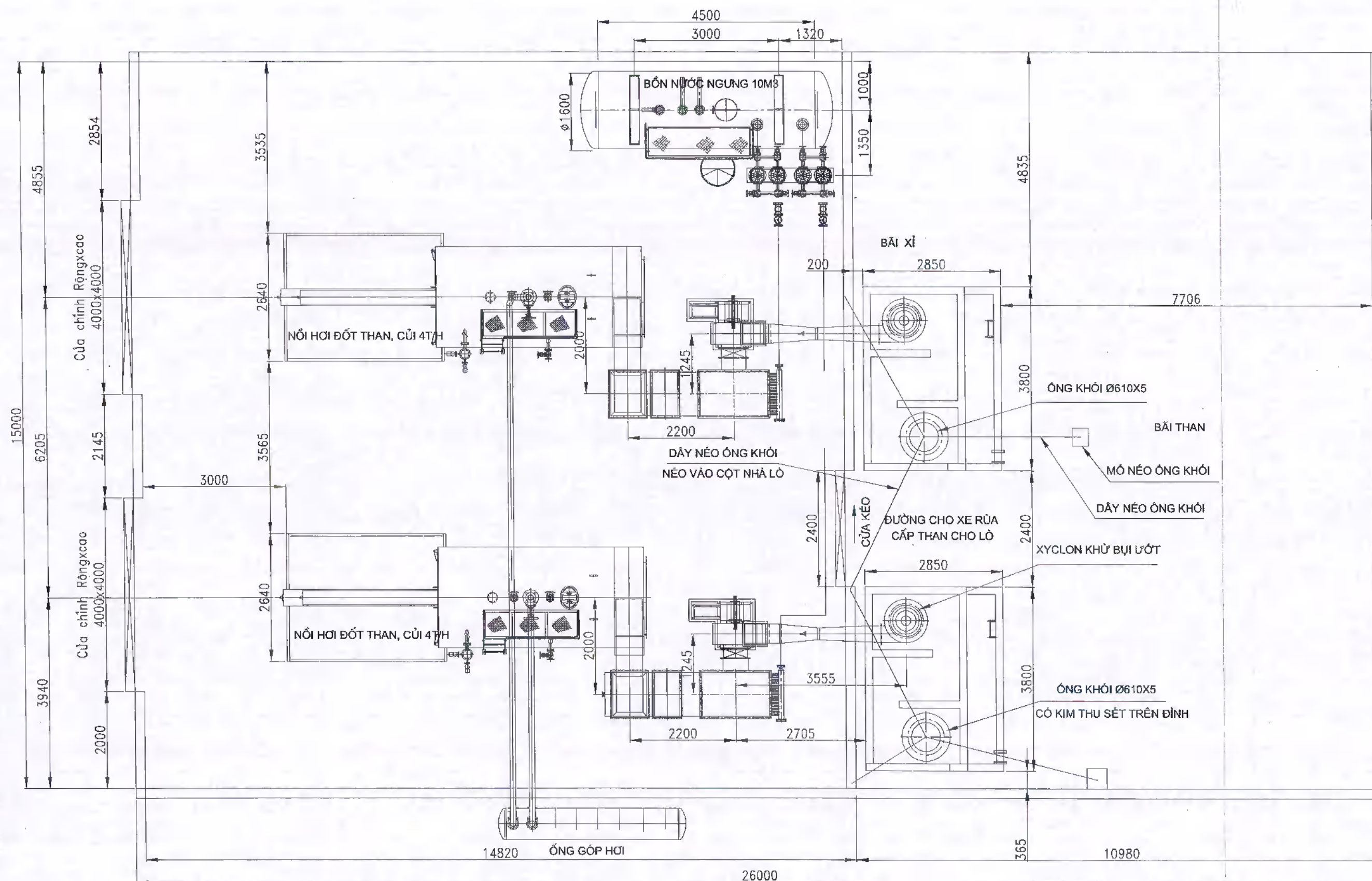
MẶT CẮT 7-7



MẶT CẮT 9-9



SỐ DẪN		
ĐƠN	NGÀY	SỐ TÊN
ĐƠN VỊ		
CÔNG TY CP		
BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ		
MÔ TẢ		
XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
NHÀ MÁY BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ		
CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG		
Khu Công Nghiệp Quãng Ngãi, Xã Quãng Ngãi, Huyện Quãng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi		
THIẾT KẾ & THỰC HIỆN		
NHATANH CO., LTD		
CÔNG TY TNHH NHẬT ANH		
Số 10 Trưng Bội Công Định, P.14, Q.9, TP. HCM		
ĐT : 08 4 490 401 FAX : 08 4 121 285		
GIÁM ĐỐC		
Trần Quốc Anh		
THIẾT KẾ	TRẦN QUỐC ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN HỢP	HT
VẼ	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	HT
TÊN DỰ ÁN		
CUM NHÀ ĐIỀU HÀNH		
MẶT CẮT 6-6; 7-7		
MẶT CẮT 8-8; 9-9		
SỐ BẢN VẼ HOÀN CÔNG MÀN CÔNG NGHỆ		
PHÁT HÀNH		
2014		
TỔNG BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ	XÉT Duyệt HH-QT/CH 23
23/43		



CHỦ ĐẦU TƯ:

DỰ ÁN :

HẠNG MỤC :

HỆ THỐNG NỒI HƠI

(GỒM: LÒ HƠI, THIẾT BỊ ĐỒNG BỘ
VÀ HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN)

HỒ SƠ:

THIẾT KẾ KT THI CÔNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN
NỒI HƠI VIỆT NAM**

ĐỊA CHỈ: KM 24 TT ĐỒNG ANH
HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

MAI VĂN ĐỐI

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM:

THIẾT KẾ:

KS. HOÀNG HẢI

NGƯỜI VẼ:

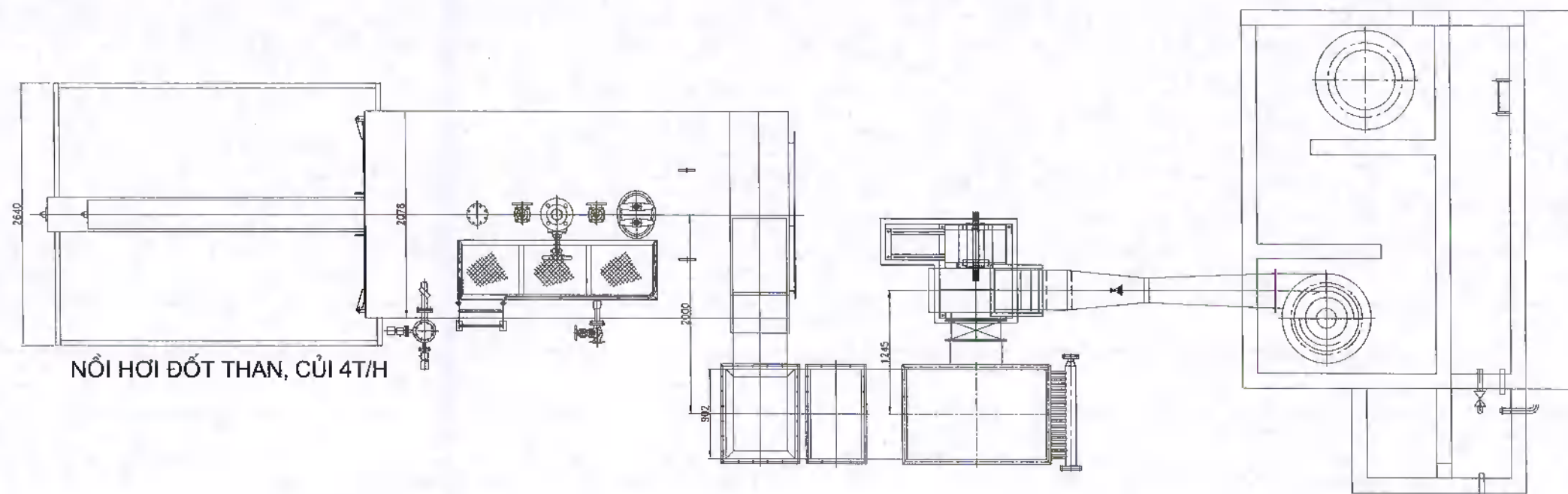
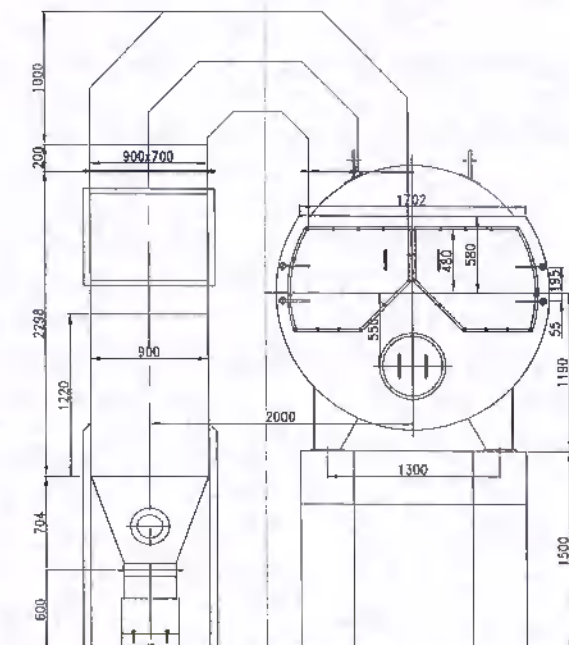
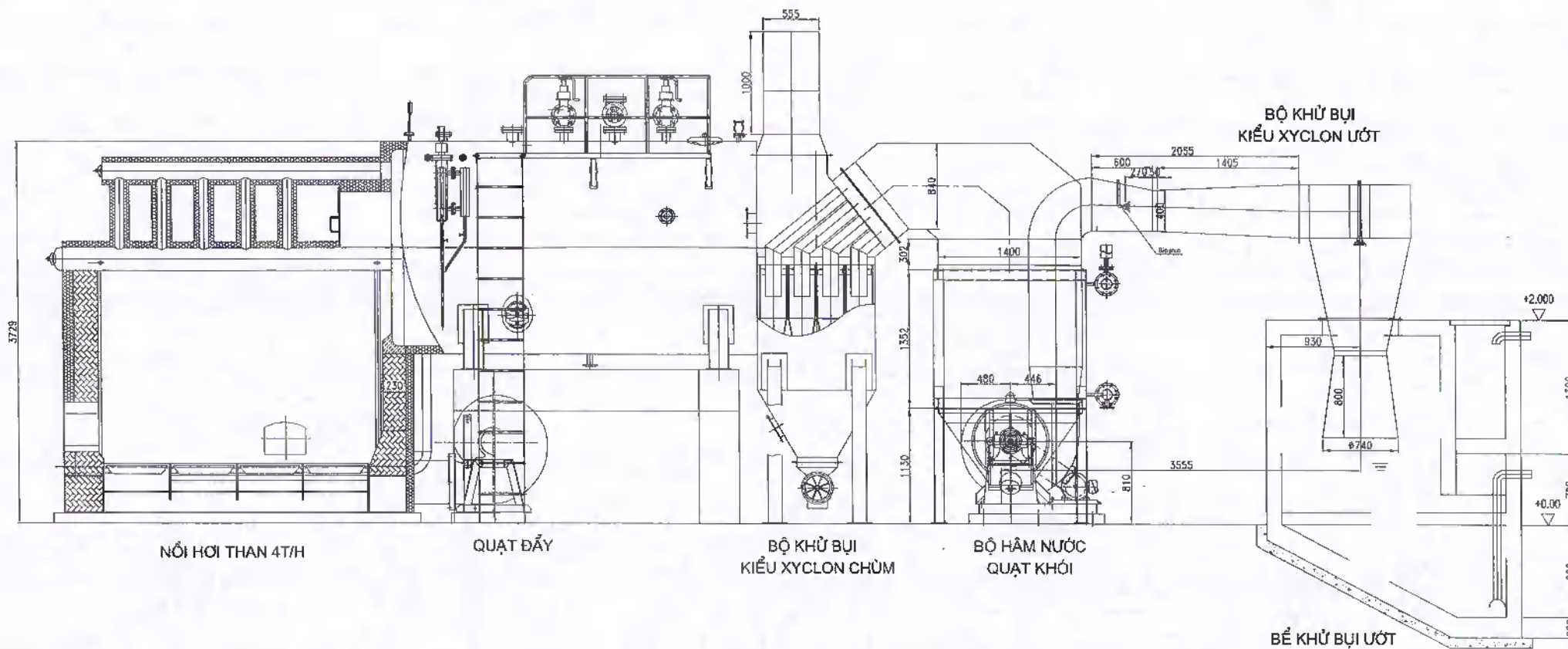
KS. PHAN CHÍ CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

**SƠ ĐỒ BỐ TRÍ MẶT BẰNG
HỆ THỐNG LÒ HƠI 4T/H**

T.K.B.V.T.C
12-2013

MB-LT4-00



CHỦ ĐẦU TƯ:

DỰ ÁN:

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG NỒI HƠI

(GỒM: LÒ HƠI, THIẾT BỊ ĐỒNG BỘ
VÀ HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN)

HỒ SƠ:

THIẾT KẾ KT THI CÔNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN
NỒI HƠI VIỆT NAM**

ĐỊA CHỈ: KM 24 TT ĐÔNG ANH
HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

MAI VĂN ĐÔI

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM:

THIẾT KẾ:

KS. HOÀNG HẢI

NGƯỜI VẼ:

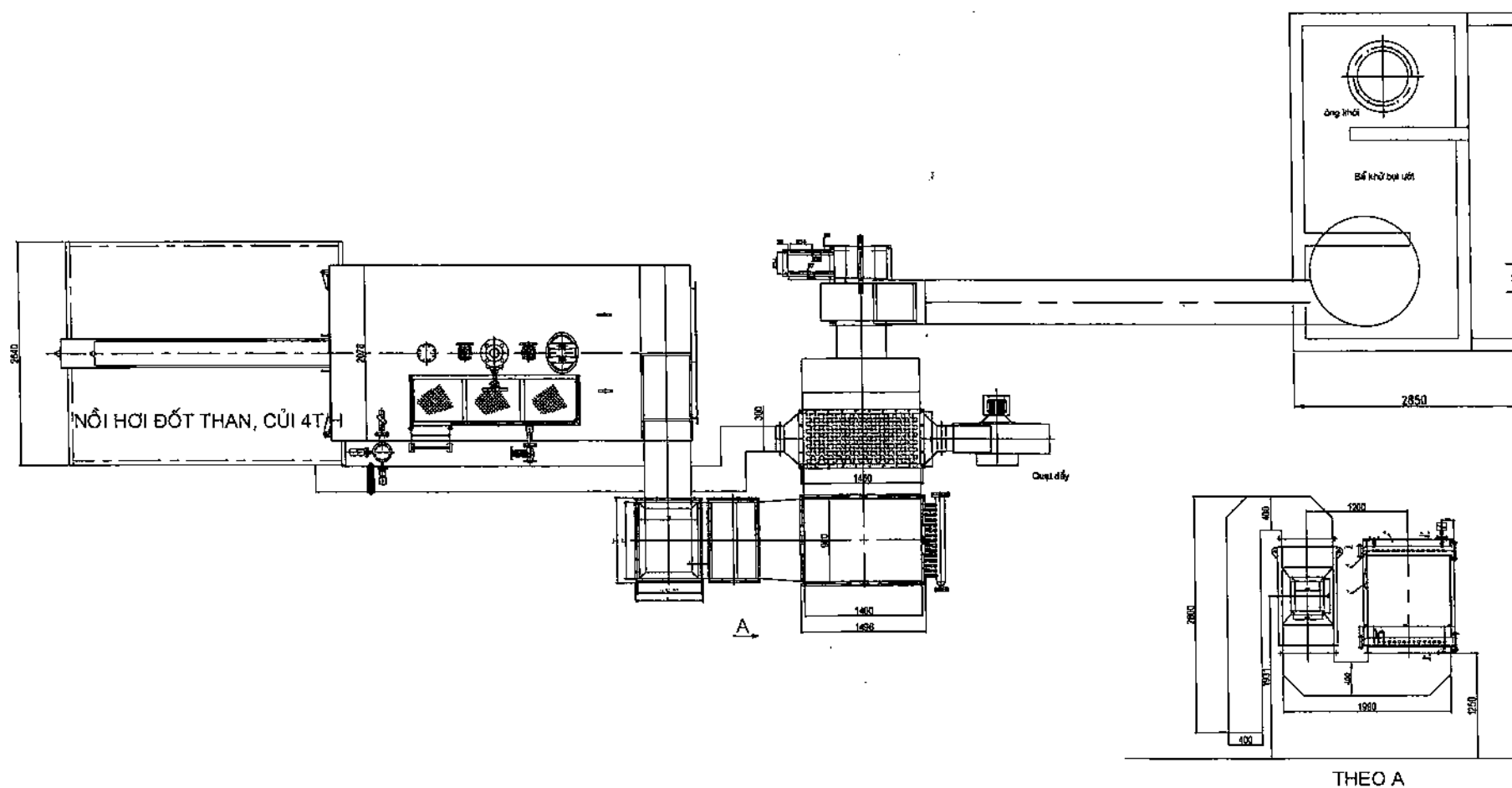
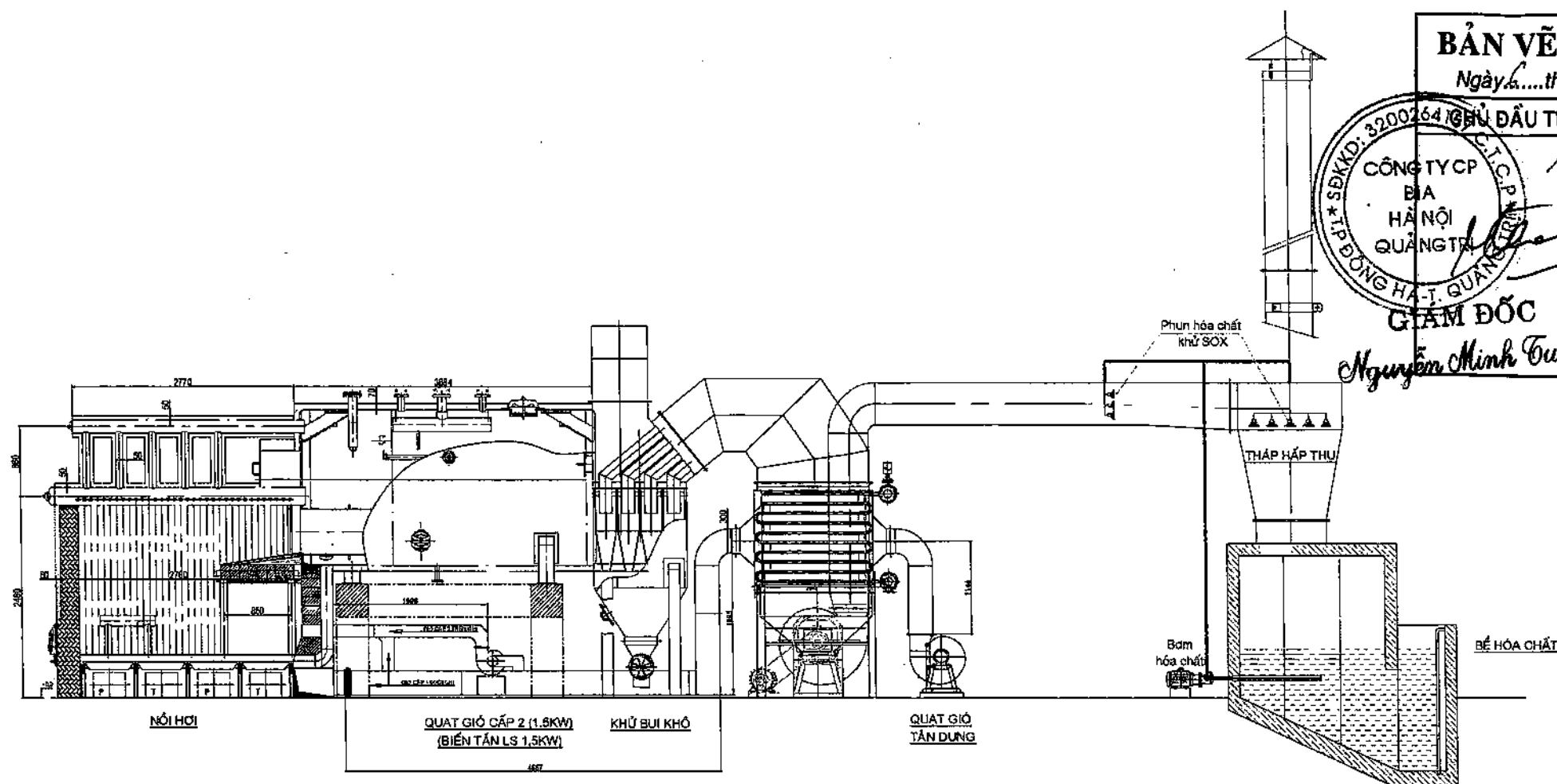
KS. PHAN CHÍ CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

**THIẾT KẾ TỔNG THỂ
HỆ THỐNG LÒ HƠI 4T/H**

T.K.B.V.T.C
12-2013

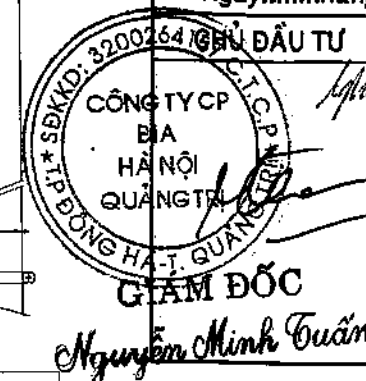
TT-LT4-00



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH

Ngày.....tháng...năm 2012



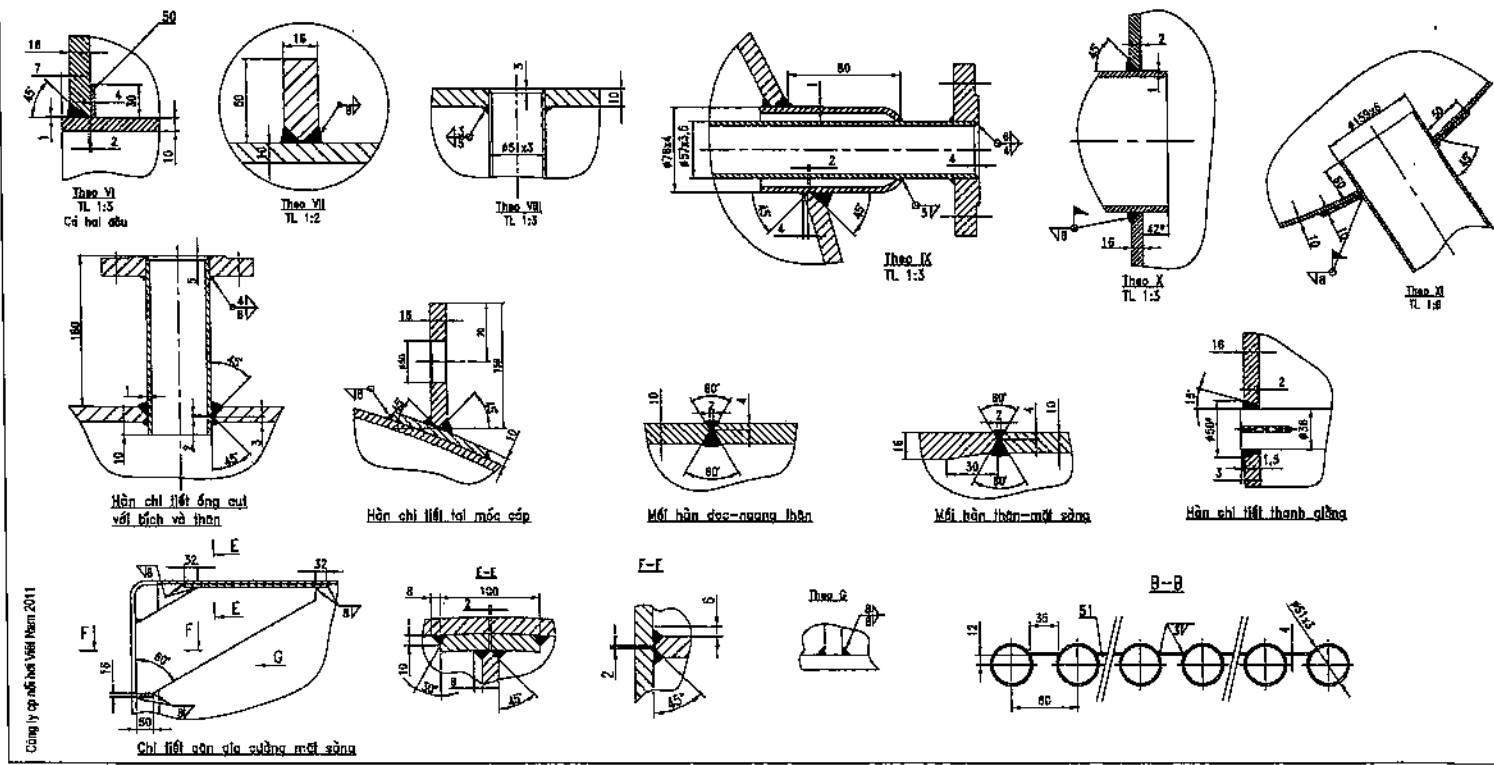
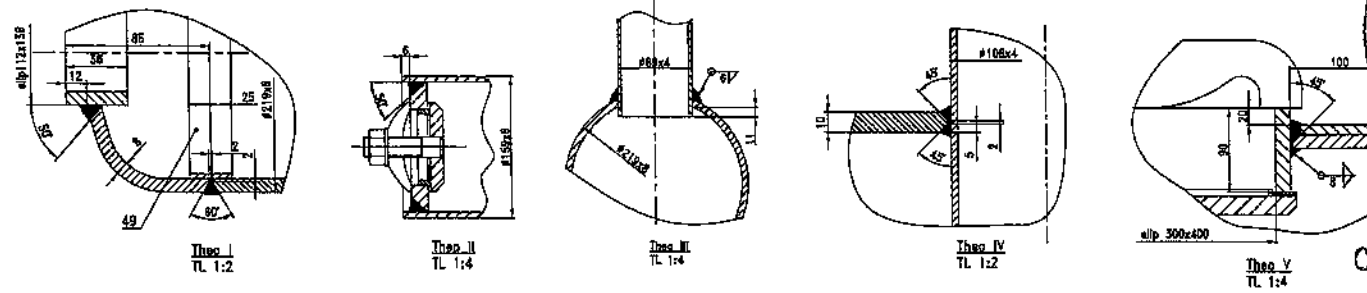
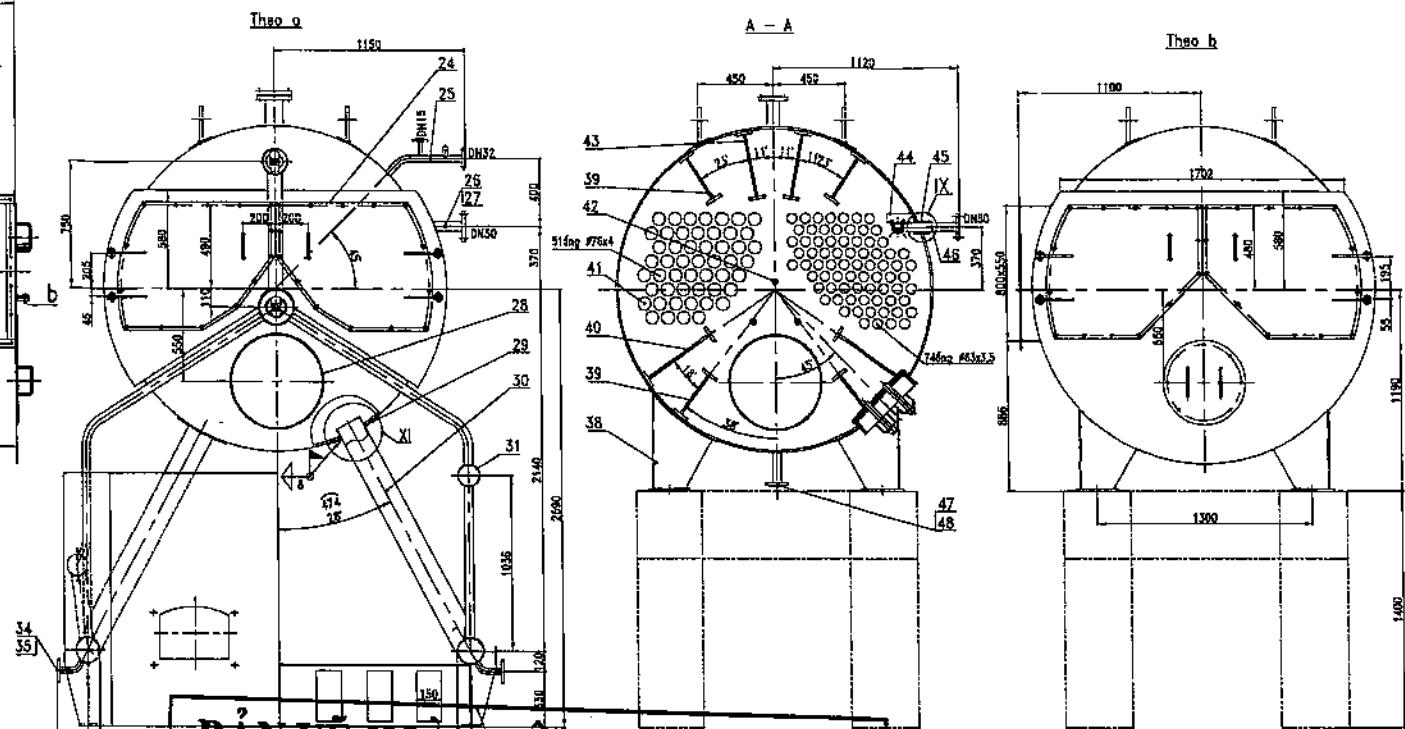
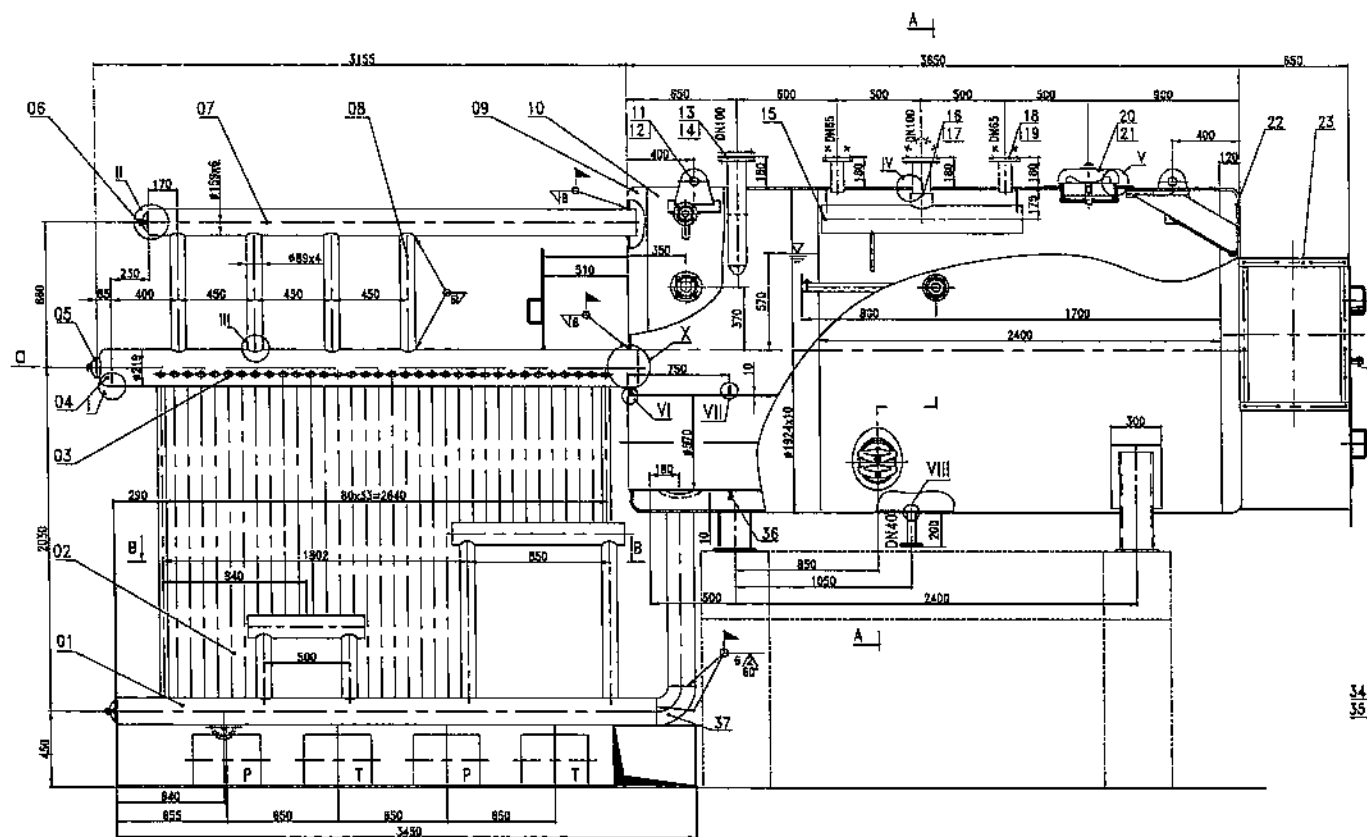
TU VẤN GIÁM SÁT

ĐƠN VỊ THI CÔNG

Thiết kế	Phạm Tiến Dũng	Trình độ	1:25
Vẽ	Nguyễn Văn Thông	Trình độ	01
Xét duyệt	Mai Hồng Dương	Trình độ	01
Thuyết minh	Phạm Tiến Dũng	Trình độ	01
Đánh giá	Phạm Tiến Dũng	Trình độ	01

CÔNG TY CP NỒI HƠI VIỆT NAM

LT4/ST-TXL-00



BẢN VẼ HOÀN CÔNG CÔNG TRÌNH

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

CÔNG TY CHỨNG ĐẦU TƯ
HÀ NỘI
QUẢNG AN

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Tuấn

TƯ VẤN GIÁM SÁT
ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP NỒI HƠI VIỆT NAM

- ĐẶC TÍNH VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT**
- Năng suất sinh hơi: D = 4000kg/h
 - Áp suất thiết kế: P = 10kg/cm²
 - Nhiệt độ hơi bão hòa: t_{bh} = 183°C
 - Nhiệt độ nước cấp: t_{nc} = 25°C
 - Điện tích bề mặt: F_{nc} = 130m²
 - Các mối hàn phải được kiểm tra bằng phương pháp siêu âm hoặc chụp ảnh phóng xạ
 - Các mối hàn phải được kiểm tra bằng phương pháp siêu âm hoặc chụp ảnh phóng xạ
 - Các mối hàn phải được kiểm tra bằng phương pháp siêu âm hoặc chụp ảnh phóng xạ
 - Các mối hàn phải được kiểm tra bằng phương pháp siêu âm hoặc chụp ảnh phóng xạ

Ghi chú: Các mối hàn phải được kiểm tra bằng phương pháp siêu âm hoặc chụp ảnh phóng xạ.

51	LT410T-01-43	Vách tường đốt	SS400	165 m	S=4	21	LT410T-01-16	Mặt sàn sau	AS150x40	01	S=16
50	LT410T-01-42	Vành lót ống là	SS400	02	S=4	20	LT410T-01-15	Vành nắp cửa vệ sinh	SS400	02	S=10
49	LT410T-01-41	Vành lót ống góc	SS400	01	S=4	19	LT410T-01-14	Bộ cửa người đi	AS150x40	02	TCNH-04A
48	LT410T-01-40	Ống xả đáy thân lò DN40	C20	01	Ø51x3	18	LT410T-01-13	Ống nối VAT DN 65	C20	02	Ø75x4
47	LT410T-01-39	Bịch DN40, PN10	SS400	01	TCNH-01A	17	LT410T-01-12	Bịch DN65, PN10	SS400	02	TCNH-01A
46	LT410T-01-38	Cụm cấp nước DN50	C20	01	Ø100x10	16	LT410T-01-11	Ống cấp hơi DN100	C20	01	Ø100x4
45	LT410T-01-37	Ống lót	C20	01	Ø75x4	15	LT410T-01-10	Bịch DN100, PN10	SS400	01	TCNH-01A
44	LT410T-01-36	Cửa để ống cấp nước	CT3	02	Ø38	14	LT410T-01-09	Cụm lọc hơi	C20	01	Ø150x8
43	LT410T-01-35	Cụm gắn giằng mặt sáng 3	SS400	04	S=16	13	LT410T-01-08	Ống DN100	C20	01	Ø100x4
42	LT410T-01-34	Thành giằng mặt sáng	CT3	03	Ø38	12	LT410T-01-07	Bịch DN100, PN10	SS400	01	S=16
41	LT410T-01-33	Ống lót	C20	51x74	Ø75x4	11	LT410T-01-06	Tập tại mức cấp	SS400	04	S=16
40	LT410T-01-32	Cụm gắn giằng mặt sáng 2	SS400	04	S=16	10	LT410T-01-05	Tại mức cấp	SS400	04	S=16
39	LT410T-01-31	Cụm gắn giằng mặt sáng 1	SS400	08	S=16	09	LT410T-01-04	Thần nổi	AS150x40	01	S=10
38	LT410T-01-30	Cụm chắn đỡ thân lò	SS400	04	S=16	08	LT410T-01-03	Mặt sàn trước	AS150x40	01	S=16
37	LT410T-01-29	Dối ống nước xuống	C20	02	Ø150x8	07	LT410T-01-02	Ống dẫn thông 1	C20	04	Ø25x4
36	LT410T-01-28	Vành giá đỡ ống đỡ lò	SS400	04	S=16	06	LT410T-01-01	Ống góp hơi trên	C20	01	Ø150x8
35	LT410T-01-27	Ống xả đáy DN25	C20	02	Ø32x3	05	LT410T-01-00	Cửa tuốt 2	AS150x40	03	TCNH-03B
34	LT410T-01-26	Bịch DN25, PN10	SS400	02	TCNH-01A	04	LT410T-01-00	Cửa tuốt 1	AS150x40	01	TCNH-03A
33	LT410T-01-25	Cụm khung bộ	SS400	01	TCNH-01A	03	LT410T-01-00	Dây ống góp giữa	AS150x40	01	S=8
32	LT410T-01-24	Ống nối bên	C20	04	Ø200x4	02	LT410T-01-00	Ống góp giữa	C20	52x18	Ø210x8
31	LT410T-01-23	Ống góp của bên	C20	02	Ø130x5	01	LT410T-01-00	Ống bốc hơi	C20	01	Ø150x8
30	LT410T-01-22	Ống nước xuống	C20	02	Ø150x8	00	LT410T-01-00	Ký hiệu	C20	01	Ø150x8
29	LT410T-01-21	Tập ống nước xuống	SS400	02	S=10	00	LT410T-01-00	Phạm Tiến Dũng	12/18	1	1
28	LT410T-01-20	Ống lò	AS150x40	01	S=10	00	LT410T-01-00	Mai Hồng Đăng	12/18	1	1
27	LT410T-01-19	Bịch DN50, PN10	SS400	01	TCNH-01A	00	LT410T-01-00	Phạm Tiến Dũng	12/18	1	1
26	LT410T-01-18	Ống tín hiệu 2 DN50	C20	01	Ø57x3,5	00	LT410T-01-00	Phạm Tiến Dũng	12/18	1	1
25	LT410T-01-17	Cụm ống tín hiệu 1 DN32	C20 + CT3	01	Ø38x3	00	LT410T-01-00	Phạm Tiến Dũng	12/18	1	1
24	LT410T-01-16	Hộp khói trước	SS400	01	Ø38x3	00	LT410T-01-00	Phạm Tiến Dũng	12/18	1	1
23	LT410T-01-15	Hộp khói sau	SS400	01	Ø38x3	00	LT410T-01-00	Phạm Tiến Dũng	12/18	1	1

CÔNG TY CP NỒI HƠI VIỆT NAM

TRUNG TÂM THIẾT KẾ-KỸ THUẬT

Bản vẽ: 4/10T-01

Rev: 1

